

## KHẢO SÁT MỘT SỐ NGÔI MỘ CỦA TIỀN NHÂN ĐỂ LẠI . BÀI 1.

Thứ Sáu, ngày 15 tháng 4 năm 2016

### **KHẢO SÁT MỘT SỐ NGÔI MỘ CỦA TIỀN NHÂN ĐỂ LẠI .**

Sau rất nhiều chuyến đi khảo sát Phong thủy âm trạch , diệnbatn còn giữ được một số tư liệu về những ngôi mộ cổ do tiền nhân đặt từ xưa . Nay đăng lại trong Blog này làm tư liệu và mong rằng những Thầy Địa lý của Việt Nam hiện nay nghiên cứu và hy vọng sẽ rút ra được những điều bổ ích cho mình , ngõ hầu có thể giúp cho những thân chủ của mình một cuộc sống an vui , hạnh phúc.

Sách có câu : "Tiên tu nhân lập âm chất,nhi hậu tầm Long ".

Người người đều muốn có được một Địa trạch tốt tươi,nhằm thăng hoa cuộc sống vật chất đầy đủ,công danh hiển hách,vợ đẹp con ngoan,Gia đình hạnh phúc.Sách THÔI QUAN THIÊN viết : "Trong nhà có người đức hạnh cao thượng thì đất đá trên núi gần đó nhất định có Linh khí ".Qua câu nói trên tức là con người làm chủ Linh khí vạn vật do phân Tâm khí của chính mình.Các Phong Thủy Sư không hiểu điều này thì dù có Trích Huyệt Tầm Long được Bảo địa cũng chẳng linh nghiệm.

Những việc Tầm Long Địa Huyệt còn phải hội thêm phần cảm ứng tức là Thiên Đạo (Đạo Trời );sự ứng nghiệm của việc hành thiện lập âm chất,tạo nhân quả tốt.Tục ngữ có câu : "Âm địa tốt không bằng Tâm địa tốt ".Do vậy,tìm kiếm chọn lọc được Địa mạch Huyệt vị,Phong Thủy Sư phải tích đức hành thiện làm căn bản.Nếu kẻ nào có phẩm chất cao thượng,thì ắt Thiên cơ sẽ ứng,Địa cơ theo đó mà tăng thêm sự tốt lành cho con cháu đời sau hưởng Phúc.Bởi Tâm địa thiện lương thì tương ứng với Địa mạch cát lợi ,vận Trời ứng cho,chứ chẳng phải chủ quan tâm về hình thức mà quên đi nội dung,cứ tưởng rằng tầm được Long huyết rồi,con cháu đời sau sẽ được hưởng Phúc,cái gốc chúng ta chẳng lo mà lại đi lo cái ngọn,rõ là ta chẳng biết gì cả.Nếu như các Phong Thủy Sư họ tài giỏi như thế thì ắt họ phải giành những huyết Đế Vương,Công Hầu,Khanh tướng cho con cháu họ,chứ đại gì mà họ chỉ cho ai ?

Quách Phác nói : "Cát hung cùng cảm ứng lẫn nhau,họa phúc cũng tự nhiên theo Tâm khí chiêu cảm mà đến ".

Khi táng di hài Tổ tiên,chắc người ta phải chọn Địa huyết thật tốt mà an táng,song song với việc trên ,người tại tiền phải nỗ lực tu dưỡng thân,tâm cầu lấy gốc rễ của Đạo.Nếu chỉ chú trọng quan sát hình thể Địa huyết,sẽ cho kết quả trái ngược,làm tổn hại đến con cháu đời sau.

Nếu như có Nhân,tất phải có Quả;nhưng Nhân -Quả thiện ác tùy vào Tâm khi chiêu lấy họa phúc.Cũng như ngày xưa có người chết được Thiên táng hay Địa táng một cách ngẫu nhiên,con cháu sau này phát Đế Vương,Công hầu.

Triệu Quang viết cuốn : "PHONG THỦY TUYỂN TRẠCH TỰ " ,có nói rằng : "Vô phước cho ai không có nhân duyên mà được Huyệt tốt ".Dẫu cái tốt,xấu của Phong thủy Huyệt mộ ảnh hưởng đến cát hung,nhưng Âm đức của con người có thể cải biến được Vận - Mạng.Đến như các bậc Tiên bối Phong thủy như Cao Biền,Quách Phác tài giỏi kinh Thiên động Địa ,nhưng khi gặp Huyệt Đế Vương cũng không dám dành cho mình,bởi biết đạt Địa lợi,nhưng Thiên thời và Nhân hội còn khuyết,không dám nghĩ bàn.Tóm lại việc "TIÊN TÍCH ĐỨC,NHI HẬU TẦM LONG " của người xưa dạy quả không sai.

## **1/ KHẢO SÁT MỘ CỤ DƯƠNG LÂM ỨNG HÒA - HÀ TÂY.**

Dòng họ Dương của Dương Khuê, vốn có nguồn gốc từ Hà Tĩnh, ra định cư ở vùng Vân Đình (Hà Tây) từ thời chúa Trịnh Cương (1709-1725). Từ thời Dương Khuê, dòng họ này trở nên nổi tiếng nhờ tên tuổi ông và người em trai ông là Dương Lâm. Dương Lâm (1851-1920), từng giữ chức Phó Tổng tài Quốc sử quán, rồi được thăng hàm Thái tử Thiếu Bảo (năm 1902), sau xin cáo quan về hưu ở quê để dạy học và viết sách (năm 1903). Các cháu nội của hai ông cũng là những văn nghệ sĩ nổi tiếng như: nhạc sĩ Dương Thiệu Tước, Giáo sư-Tiến sĩ Dương Thiệu Tống, nhà thơ Dương Tuyết Lan, Nhà khoa học gia đang làm việc cho Bộ Quốc Phòng Hoa kỳ Dương Nguyệt Ánh.



Mộ cụ DƯƠNG LÂM tại thôn Văn Ông - Xã Tảo Dương - Huyện Ứng Hòa - HÀ TÂY là một ngôi mộ làm với trình độ Phong thủy cực kỳ thâm sâu. Đây là một ví dụ về đặt mộ cho những người nghiên cứu Phong thủy Âm trạch học hỏi.

Dương Lâm (1851–1920), hiệu Vân Hồ, Quất Đình, tự Thu Nguyên, Mộng Thạch, là quan nhà Nguyễn, một danh sĩ Việt Nam cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20. Ông nổi tiếng về tài văn chương, tính tình tao nhã, lại là một nhà giáo có biệt tài.

Ông sinh năm 1851, người làng Vân Đình, huyện Sơn Lãng, phủ Ứng Hòa, tỉnh Hà Đông (nay thuộc huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội). Thân phụ ông là Dương Quang, anh ruột ông là Tiến sĩ Dương Khuê.

Năm Mậu Dần (1878), ông đỗ Cử nhân, đến năm Giáp Thân (1884), được bổ làm Huân đạo Ý Yên, rồi thăng làm Tri huyện Hoài Yên.

Ba năm sau, ông làm Bang tá Nha kinh lược Bắc Kỳ.

Năm Kỷ Sửu (1889), ông được bổ Án sát Hưng Yên, rồi thăng làm Bố chính Sơn Tây, hàm Quang lộc tự khanh.

Năm Tân Mão (1891), ông về Hà Nội, làm chủ bút báo Đồng Văn. Năm sau, lại được bổ làm Tuần phủ Thái Bình.

Năm Ất Tỵ (1895), ông làm Tham tri Nha kinh lược Bắc Kỳ, sau đó về triều giữ chức Thượng thư bộ Công kiêm Phó Tổng tài Quốc sử quán. Khi triều đình sửa đổi phép học, phép thi, ông được cử đứng đầu ban Tu thư, cùng với Đoàn Triển, Đỗ Văn Tâm, Bùi Hường Thành cùng soạn sách Tân giáo khoa.

Năm Canh Tý (1900), ông làm Tổng đốc Bình Phú (Bình Định và Phú Yên), gia hàm Thái tử Thiếu bảo. Vì quê làng Vân Đình nên người đương thời gọi ông là cụ Thiếu Vân Đình.

Khi về hưu, ông được triều đình tặng hàm Hiệp tá Đại học sĩ. Ông về quê nhà, mở trường dạy học.

Năm Canh Thân (1920), ông mất hưởng thọ 69 tuổi, được truy tặng tước Khánh Vân nam.

Khác với các tác phẩm của anh mình, vốn được ghi chép và bình luận nhiều dưới thời Pháp thuộc vì có vẻ như "vô thưởng", "vô phạt" (về mặt chính trị) dưới con mắt của nhà kiểm duyệt và các nhà đương cuộc Pháp và Việt Nam; các tác phẩm của Dương Lâm ít được phổ biến hơn, có lẽ vì phần nhiều đề cập trực tiếp hay gián tiếp đến thời kỳ người Pháp xâm lăng Việt Nam và nói lên cảm nghĩ của tác giả về các sự kiện lịch sử ấy, như Dương Quảng Hàm đã nhận xét rất đúng trong quyển Văn học sử yếu, xuất bản năm 1941.

Tác phẩm của ông có "Vân Đình thi văn tập" gồm cả thơ chữ Hán và thơ chữ Nôm, bộc lộ tư tưởng hường lạc, làm "lúc nhàn sau cơn say".

Ngày nay, khu mộ đang bị xuống cấp, tấm bia trên đỉnh mộ đã bị đổ gãy.

Cụ Dương Khuê là anh ruột của cụ Dương Lâm.

Xuất thân trong một gia đình nhà Nho. Ông là con cả Đô ngự sử Dương Quang, và là anh ruột của danh sĩ Dương Lâm.

Nhờ chuyên cần, Dương Khuê là người văn hay, chữ tốt. Năm 1864, ông đỗ Cử nhân (cùng khoa này có Nguyễn Khuyến đỗ Giải nguyên); nhưng vào kinh thi Hội, thì bị hỏng khoa đầu. Được Tùng Thiện Vương mời về nhà dạy con cháu học, ông nán lại chờ khoa thi sau. Năm Mậu Thìn (1868), thời vua Tự Đức, ông dự thi Đình đỗ Tiến sĩ.

Ban đầu, Dương Khuê được bổ làm Tri phủ Bình Giang (Hải Dương), rồi thăng làm Bố chính.

Đầu thập niên bảy mươi của thế kỷ 19, tay lái buôn Jean Dupuis uy hiếp các quan chức người Việt ở Bắc Kỳ để tự do sử dụng sông Hồng, ông ở trong nhóm những sĩ phu cương quyết chống lại. Ông dâng sớ về triều xin có thái độ quyết liệt với người Pháp, bị vua Tự Đức phê là "bất thức thời vụ" (không biết thời cuộc), rồi bị giáng xuống chức Chính sứ sơn phòng lo việc khai hoang.

Năm 1873, quân Pháp đánh Bắc Kỳ lần thứ nhất. Sau khi thương thuyết, họ chịu trả lại



bốn thành cho triều đình Huế, thì Dương Khuê được điều động làm Án sát Hải Phòng. Rồi vì thiếu "hai nén bạc" trong kho, ông bị đồng liêu đàn hặc, bị nghị tội "giáo giam hậu" (chém nhưng tạm giam lại để xét sau). Xem án, vua Tự Đức tha thứ, song cách hết chức tước, chỉ cho ông giữ lại hàm Biên tu và đày ra sơn phòng khải hoang.

Năm 1878, nhân lễ "ngũ tuần khánh thọ" của mình, vua Tự Đức xuống chỉ cho ông làm Đốc học Nam Định. Sau đó, ông lần lượt trải các chức: Bố chính, Tham tá Nha kinh lược Bắc Kỳ, Tổng đốc Nam Định-Ninh Bình.

Năm 1897, Toàn quyền Paul Doumer xóa bỏ điều 7 của Hòa ước Giáp Thân 1884, đặt cơ sở cho guồng máy cai trị của Chính phủ bảo hộ, thì Dương Khuê xin cáo quan, lúc 58 tuổi, được tặng hàm Thượng thư bộ Binh.

Dương Khuê mất ngày 6 tháng Ba năm Nhâm Dần (1902). Nghe tin, bạn thân ông là Tam nguyên Yên Đỗ Nguyễn Khuyến đã làm bài thơ Khóc bạn để viếng ông (trong đó mở đầu bằng câu: "Bác Dương thôi đã thôi rồi").

Tác phẩm của ông để lại có Vân Tri thi thảo (Bản thảo thơ Vân Tri); và một số bài ca trù, bài văn, câu đối, trướng...

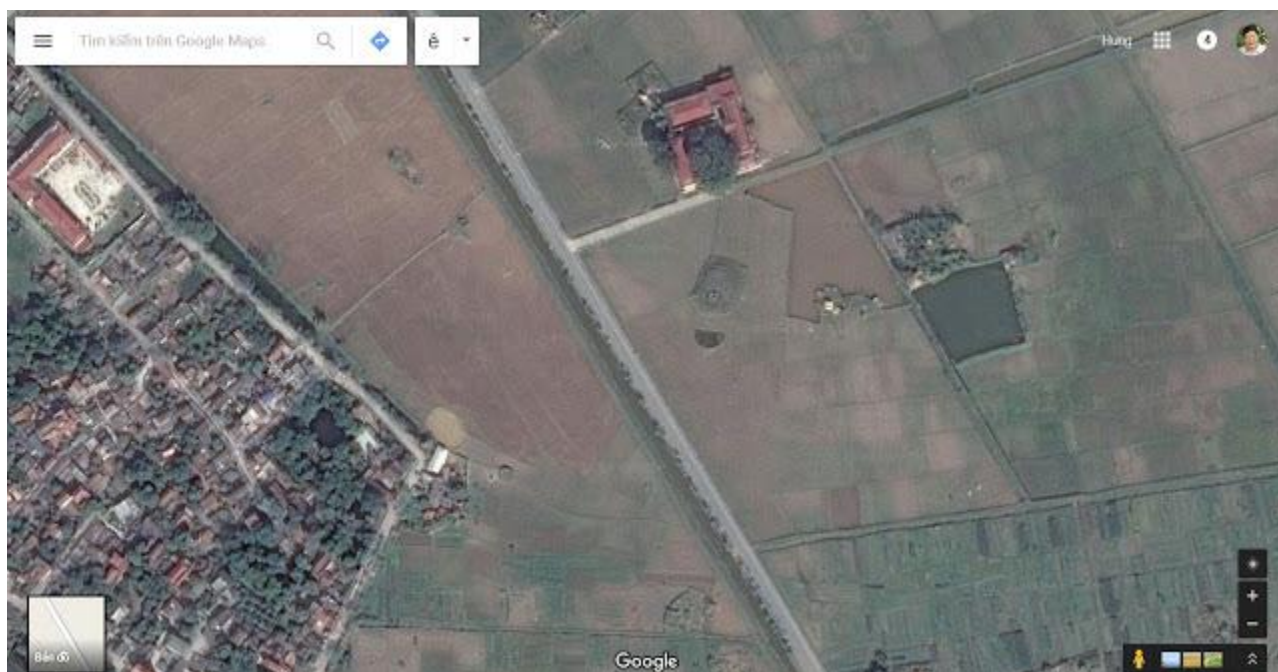
Thật là một gia đình đa tài.

Phân kim khu mộ : Hướng mộ ( Đo theo hồ nước hình bán nguyệt trước mộ ).

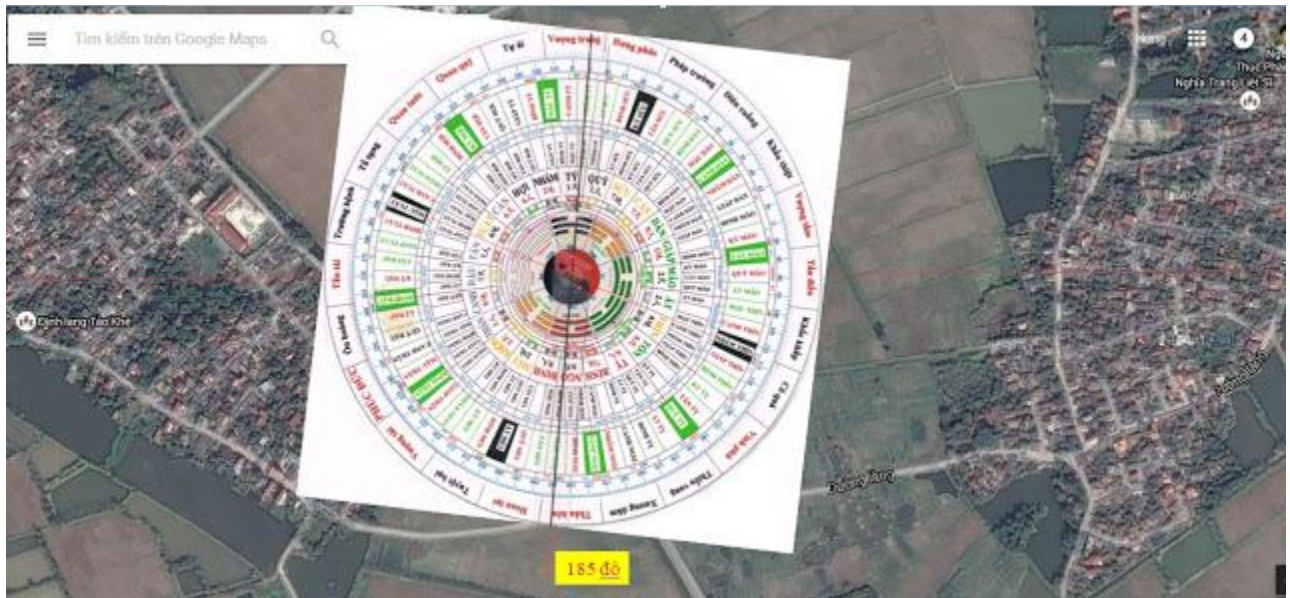
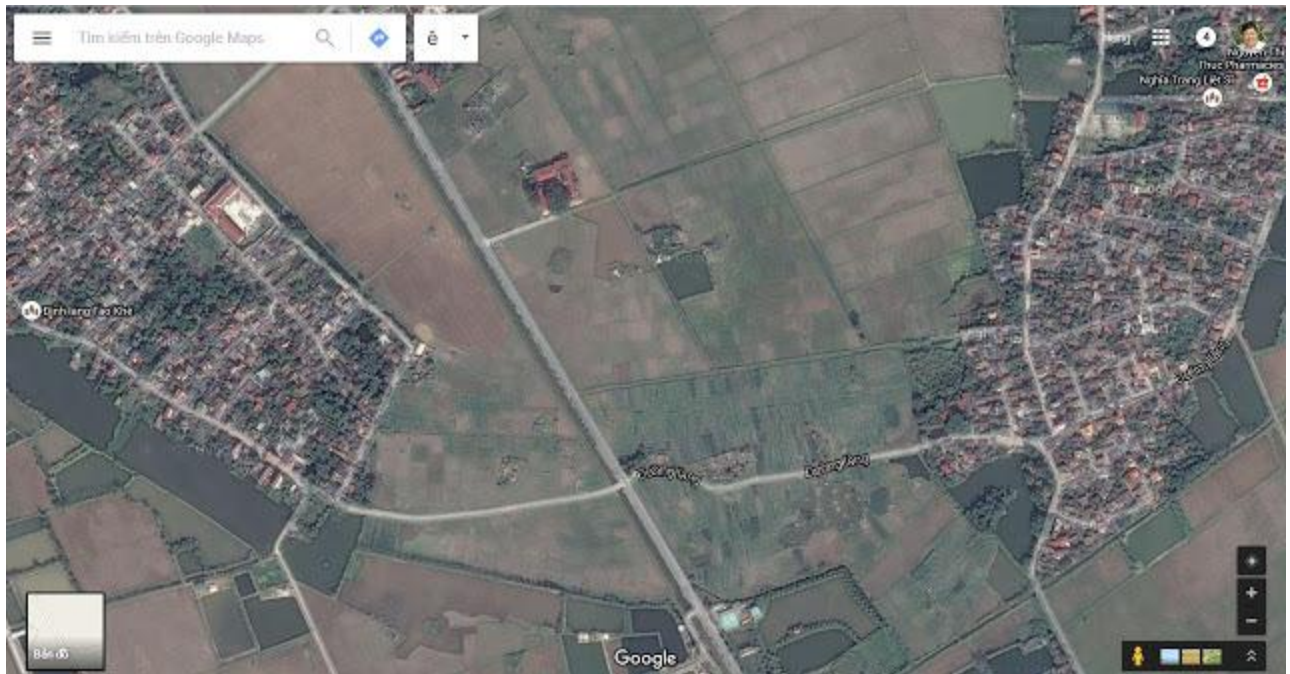




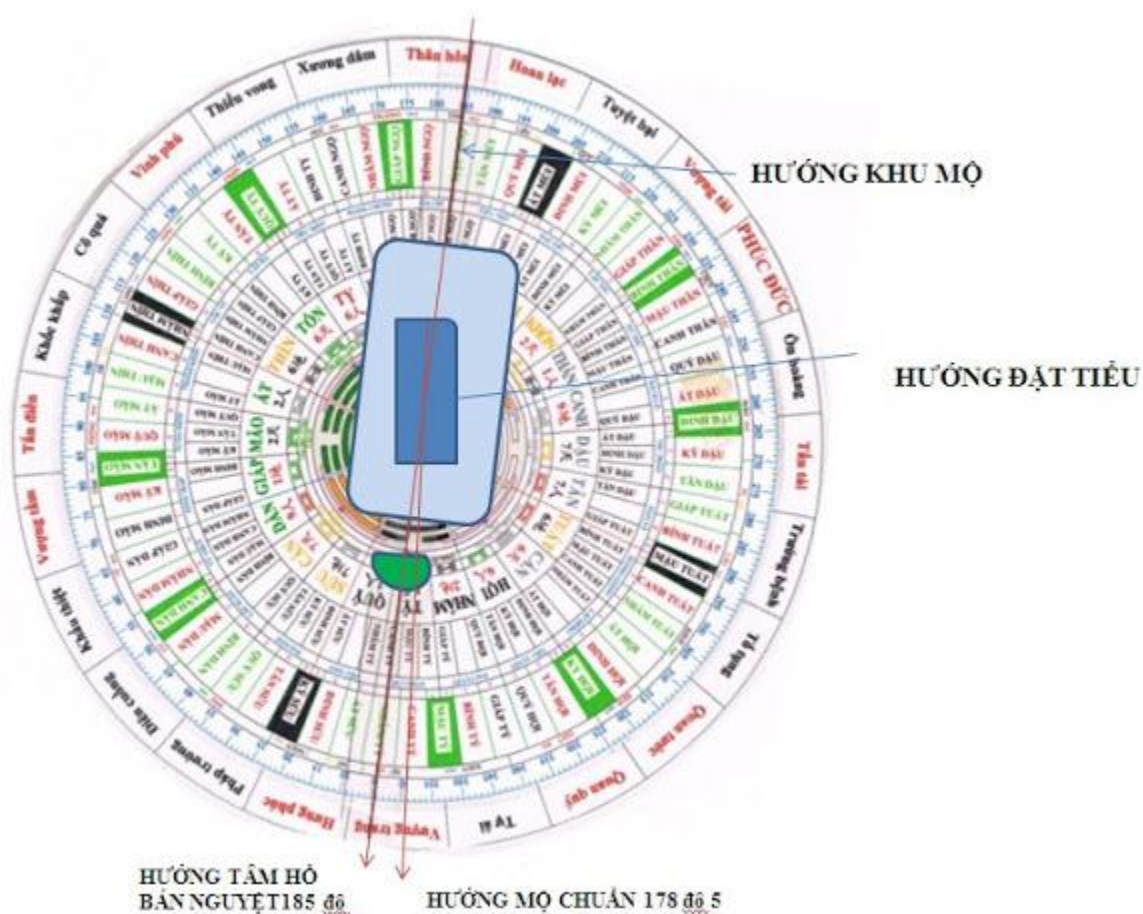
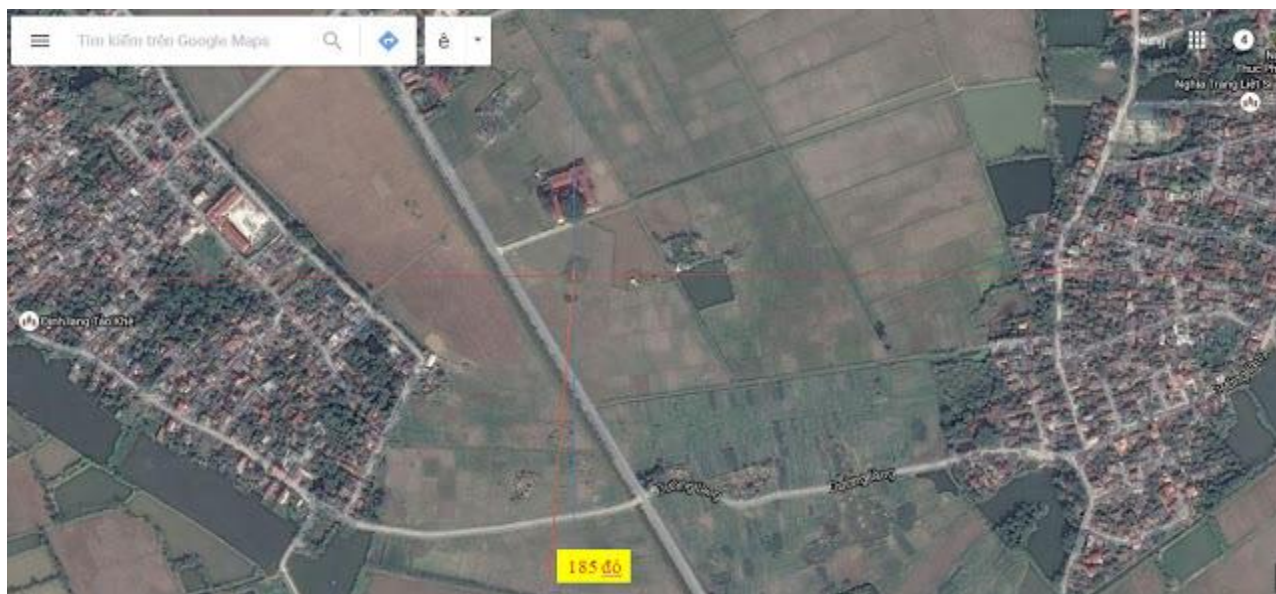






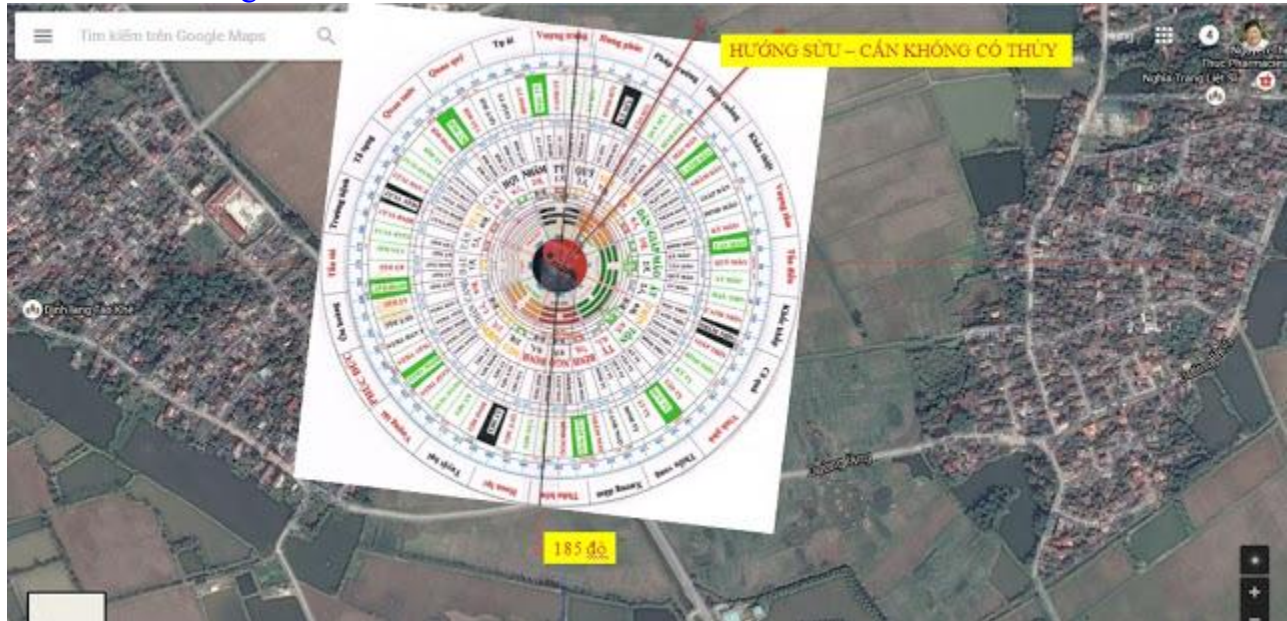






Hướng đo theo tâm của hồ bán nguyệt trước mộ là 185 độ vào Huyệt Khí Mậu Ngọ Hòa Khanh rất xấu ( Khí Mậu Ngọ, 7 phân Ngọ, 3 phân Đinh thì quan tụng, khẩu thiệt rắc rối,

người của ). Theo suy đoán của dienbatn khi chôn người ta đã để tiểu vào Huyệt Khí Bảo châu Bính ngọ ( khoảng 178 độ 5 ).Bính Ngọ khí ở chính Ngọ long thì gia nghiệp bình bình, sinh ra người thông minh, mọi mưu sự đều thành tốt lành; gặp vào các năm Thân, Tý, Thìn, Tị, Dậu, Sửu. Nếu thấy Sửu, Cấn thủy lại xung thì trong quan tài bùn nước vào thì hỏng.



Mộ của Dương Lâm nằm trên một cái gò khá lớn ngay sát đường Hà Nội đi Vân Đình. Đây là một khu vực mà Long mạch ngừng nghỉ và tụ khí lại kết Huyệt khá nhiều. Ngoài cái gò trên có mộ Dương Lâm , khu vực này còn nổi lên khá nhiều gò đống mà sau này đã bị phá đi .









Khu mộ này đã gần 100 năm (1851–1920), tuy đã bị phá hủy nhiều do thời gian và con người vẫn còn khá hoành tráng. Một cái ao hình bán nguyệt có hướng vòng cung về phía trước vẫn còn đầy nước , tạo cho Minh đường của Huyệt mộ có tụ Thủy, tụ Khí .



Từ chân gò có những bậc thang đi lên nơi đặt lễ ở phía trên .



Hai bên đường lên nơi đặt lễ là một cặp Rồng thuần Việt cúi xuống.





Hai bên đường lên , bên cạnh cặp Rồng là hai tượng voi quỳ có hình dáng rất đẹp ( Tuy đã bị mất vòi , mất tai ).







Hai bên bàn đặt lễ là hai khối xây theo hình chữ nhật có bề ngang khoảng 40 cm , có lẽ ngày xưa là nơi dùng để trồng hoa cảnh.







Từ dưới bụng hai ông voi , người ta xây một vòng đai cao khoảng 60 cm ôm vòng quang khu gò .







Từ hai phía bên của bàn đặt lễ, người ta xây một vòng cuốn thư theo trục của khu mộ, giữa cuốn thư là một tấm bàn phẳng và sau bàn người ta dựng một tấm bia . Nét chữ trên bia này còn khá sắc nét.

Trên đỉnh nhà bia có đắp dòng chữ : 我有萬古宅 (NGÃ HỮU VẠN CỔ TRẠCH ).













Hai bên nhà bia, người ta lại xây hai vòng cung song song để làm đường lên trên đỉnh gò.











Trên đỉnh gò là mộ của Dương Lâm , đằng trước có tấm bình phong hình cánh cung ôm lấy mộ.



Sau tấm bình phong còn dấu tích một chân dựng bia và tấm bia đã bị đổ nát.











Địa hình toàn cảnh khu mộ.

















( Năm tám sau cùng này do Đào Đức Minh chụp ).

**" Bí ẩn vị thiền sư di chuyển ngôi mộ tổ giúp dòng họ ngụ cư "lột xác" .**

Ít ai biết giai thoại về một vị thiền sư đã “di chuyển” ngôi mộ cổ giúp con cháu của dòng họ nổi tiếng nghèo túng này đỗ đạt làm quan...

Khi nhắc đến dòng họ Dương ở làng Vân Đình (Ứng Hòa, Hà Nội), người ta lại nghĩ ngay đến hai anh em danh nhân nổi tiếng là Dương Khuê và Dương Lâm. Không chỉ giỏi giang, công minh, liêm chính chốn quan trường, cụ Dương Khuê còn sáng tác loại hình ca trù nhiều tác phẩm để đời mà tiêu biểu là bài “Hong hong, Tuyết tuyết”...

Sau này, những thế hệ kế tiếp của họ Dương cứ nối nhau giữ nhiều chức vụ quan trọng trong triều đình và nổi tiếng là dòng họ khoa bảng. Tuy nhiên, ít ai biết giai thoại về một vị thiền sư đã “di chuyển” ngôi mộ cổ giúp con cháu của dòng họ nổi tiếng nghèo túng này đỗ đạt làm quan...



Cận cảnh nhà thờ họ Dương ở Vân Đình.  
Vị thiền sư bí ẩn và hành trình di mộ lúc nửa đêm.

Trước đây, huyện Ứng Hòa được gọi với cái tên tổng Phương Đình thuộc tỉnh Hà Đông. Nhà thờ của dòng họ Dương chi Ất Hạ nằm ngay bên bờ sông Đáy thơ mộng. Từ thuở giặc phương Bắc đô hộ đến những năm kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, thanh niên Vân Đình trong đó có những con em họ Dương nô nức lên đường ra trận. Họ đã chiến đấu quả cảm, hy sinh xương máu vì Tổ quốc, vì độc lập và vì nhân dân.

Không mất quá nhiều thời gian để chúng tôi có thể tìm ra nhà thờ của dòng họ khoa bảng này. Ngồi trước mặt chúng tôi là ông Dương Văn Hoạt (61 tuổi), Trưởng ban liên lạc họ Dương chi Ất Hạ. Nói chuyện với chúng tôi, ông Hoạt cho biết: “Căn nhà này chúng tôi đã trùng tu lại. Còn chính ra nhà thờ cổ của họ Dương nằm ở phía bên cạnh, được các cụ ngày xưa xếp bằng những mảnh sành chồng khít lên nhau như hình vảy cá. Năm 2008, nhà thờ của họ tôi đã được Nhà nước công nhận là Di tích lịch sử văn hóa quốc gia”.



Ông Dương Văn Hoạt trò chuyện với PV về dòng họ Dương.

Cũng theo ông Hoạt, dù đi đâu, làm ăn ở chốn nào, người họ Dương chi Ất Hạ cũng rất tự hào về dòng tộc danh giá của mình. Từ nghèo túng, họ vươn lên thành dòng họ khoa bảng nổi tiếng kinh kỳ với những danh nhân và con người giữ chức vụ quan trọng trong triều đình.

Nhấp ngụm trà đặc, ông Hoạt kể: “Theo tài liệu và các cụ bô lão trong dòng họ ghi lại, họ Dương chi Ất Hạ có nguồn gốc từ Nghệ An, lưu lạc đến Vân Đình. Ngày xưa, dòng họ tôi nghèo túng, yếu kém lắm. Đàn ông chỉ đi học hoặc làm nghề tầm thường, còn phụ nữ buôn bán lặn lội nơi thôn quê. Họ Dương lại bị người làng miệt thị vì là dân ngụ cư. Ngày đó, cụ sinh đồ Dương Đức Thắng vì quá túng thiếu nên phải lên chùa viết sớ giúp người đến lễ bái để có thêm tiền chi dùng.

Sau khi cụ mất được một năm, một hôm có một vị thiền sư đến chơi nhà hỏi thăm và nói với gia đình: “Tôi vốn quen thân với cụ ông. Nay người bạn đã mất, tôi sẽ giúp tìm cho cụ một ngôi đất để di chuyển mộ đến đó. Tôi hỏi, gia đình muốn chuyển mộ cụ đến khu đất giàu có hay khu con cháu đỗ đạt làm quan?”. Cụ bà (vợ cụ Thắng-PV) liền thưa rằng: “Nhà tôi có con đi học nên mong được con cháu sau này đỗ đạt chứ không muốn giàu có”.

Ông Hoạt tiếp lời, nghe đến đây, vị sư nói rằng, hiện nay có một ngôi đất địa thế rất tốt nên sẽ dành cho cụ ông. Vì gia đình nghèo, không có tiền làm cơm thiết đãi dân làng nên khi cải táng cho chồng, cụ bà đã quyết định cùng con cháu làm về ban đêm. Khi màn đêm buông xuống, vị sư và con trai cụ Thắng đem đuốc, cuốc và một cái nồi đình ra lo việc bốc mộ (vì nhà nghèo không sắm được tiều sào).

Hài cốt được xếp vào nồi, chôn ngay ở mô đất sát đường đi đến phủ lý. Chôn xong, vị sư nói với gia đình rằng: “Thử địa tiên phát, Hàn lâm viện thị giảng học sỹ. Thứ phát đồng triều lưỡng Thượng thư, Nhị thập niên phượng kế đăng khoa, nhị thập niên phượng kế hiềm họa”. Khi gia đình hỏi tên hiệu vị thiền sư để ghi ân thì ngài không chịu cho biết. Do thừa ruộng táng ngôi mộ tổ có nhiều mồ mả của người dân chôn cùng nên người nhà rất lo bị lẫn lộn. Tuy nhiên, vị thiền sư khẳng định rằng, chỉ trong vòng trăm ngày họ sẽ phải bốc đi hết. Điều đó quả nhiên đúng. Nay chỉ còn ngôi mộ cổ của dòng họ hình chiếc án thư. Phía trước ngôi mộ là những ngọn núi đá màu lam xa thẳm.

Sau này, việc cụ Đức Ứng, Đốc học tỉnh Sơn Tây được vua ban chức Hàn lâm viện thị giảng học sỹ, rồi cụ Dương Khuê, Dương Lâm làm tới Thượng thư đồng Triều và các con cháu kế tiếp đỗ đạt (2 tiến sỹ, 8 cử nhân, tây học, bác sỹ, kỹ sư và làm quan) đã chứng nghiệm lời nói của vị thiền sư. Tới nay, mặc dù không biết tên hiệu của vị thiền sư nhưng khi con cháu cúng giỗ, để tỏ lòng thành kính, ghi ân ngài nên vẫn khấn Đức dương gia phúc thần Đức thanh tịnh Thiền sư.

### **Những chuyện chưa kể về dòng họ khoa bảng.**

Dòng họ Dương chi Ất Hạ là nơi sinh ra hai danh nhân nổi tiếng của đất nước là cụ Dương Khuê và cụ Dương Lâm. Những tài liệu mà ông Hoạt đem ra cho chúng tôi xem có ghi lại: Cụ Dương Khuê là con cả Đô ngự sử Dương Quang đỗ tiến sỹ năm 1868 làm quan đến chức Thượng thư thời vua Tự Đức. Vị này còn là bạn thân của nhà thơ Nguyễn



Khuyến. Khi còn giữ chức quan Thượng thư, ông đã dâng sớ can vua Tự Đức “không nên nhượng thực dân Pháp” nên bị điều đi khai hoang.

Cụ Dương Khuê sáng tác nhiều thơ văn, trong đó có bài “Hồng hồng, Tuyết tuyết” rất nổi tiếng dùng để phổ cập cho những người hát ca trù. Cụ Dương Lâm là em (Canh Tuất 1851-Canh Thân 1920). Khi sinh ra đã có tướng lạ, lông mày như người lớn. Vị này cũng làm quan tới chức Thái tử Thiếu bảo. Ngoài ra, con cháu họ Dương hiện có rất nhiều người đỗ đạt cao và nổi tiếng như nhạc sỹ Dương Thiệu Tước, Dương Thụ, GS-TS.

Dương Thiệu Tống, nhà thơ Dương Tuyết Lan...

Theo ông Dương Văn Hoạt, vì nổi tiếng khoa bảng, danh giá, nhiều con cháu đỗ đạt làm quan nên không ít người xa lạ đến tự nhận xuất thân từ dòng họ Dương. Tuy nhiên, trước những trường hợp này, các cụ đều tra lại phả tộc rất cẩn thận mới quyết định nhận hay từ chối. Tuy nhiên, có một câu chuyện mà lúc nào cũng ám ảnh trong tâm trí người họ Dương, đặc biệt là ông Hoạt, đó chính là việc một “đại ca” khét tiếng giang hồ từng đến đây để nhận là con cháu.

“Vào đầu những năm 90 của thế kỷ trước, bỗng một ngày Dương Văn K. đến Vân Đình nhận họ hàng. Thời điểm K. đến chỉ cách lúc hấn bị bắt có hai tháng. Khi gặp các cụ cao niên trong họ, K. nói rằng, trước khi thân phụ mình qua đời có căn dặn ông ta sau này dù bất kể lý do gì cũng phải cố gắng tìm lại họ tộc. Mặc dù K. cũng mang họ Dương nhưng không biết chi họ mình ở đâu. Khi nghe nói có chi nhánh họ Dương ở Vân Đình, K. đã tìm về mong được nhận họ. Tuy nhiên, theo trí nhớ và ghi chép của các cụ thượng họ trong họ thì K. không thuộc chi họ Dương ở Vân Đình nên đã từ chối”. (Theo Vương Chân - Thiên Vũ - Đời sống & Pháp luật)

Đọc thêm : "**LƯỢC SỬ HỌ DƯƠNG VIỆT NAM.**

Họ Dương là một trong số những dòng họ lớn ở Việt Nam, có truyền thống yêu nước chống giặc ngoại xâm, có mặt trong suốt tiến trình đấu tranh dựng nước và giữ nước của Dân tộc.

Thời Kinh Dương Vương.

Năm 2879 TCN, Kinh Dương Vương lên ngôi vua, đặt tên nước là Xích Quỷ, Dương Lạc tướng (Lạc tướng Họ Dương) phù Vua Thủy Tổ dựng nước sơ khai, Kinh đô đóng tại Luy Lâu (Thuận Thành - Bắc Ninh).

Thời Hùng Vương thứ Nhất

Lạc Long Quân kế nghiệp, sinh Hùng Vương thứ Nhất, kinh đô về Phong Châu (Phú Thọ). Thái sư Quốc Công Dương Minh Tiết giúp Vua cải tên nước là Văn Lang, lập Hiến pháp nước Văn Lang, chia đất nước thành 15 bộ: Phong Châu (Phú Thọ), Vũ Ninh (Bắc Ninh – Kinh Bắc),... để dễ bề cai quản.

Thời Hùng Vương thứ Sáu

Vua Hùng cử Lạc tướng Dương Minh Thắng về đất Vũ Ninh dẹp giặc Ân; giặc tan, Vua lệnh ở lại Vũ Ninh, chuyển con cháu về định cư, lập tân ấp, củng cố lực lượng, canh chừng giặc giã, bảo vệ đất nước.

Cụ tổ Dương Minh Thắng là hậu duệ lâu đời của cụ Thượng Tổ Dương Minh Tiết, sinh quán ở Bạch Hạc – Phong Châu – Phú Thọ, làm quan Lạc tướng Vua Hùng Vương thứ Sáu.

Cụ về Vũ Ninh định cư, định canh, lập tân ấp Long Vũ (làng Long Vũ), xây dựng gia đình; qua nhiều đời kế tiếp thành vùng đông đúc người Họ Dương cư trú, đời đời phồn thịnh. Nay vùng đất ấy là Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Người đông lên, chia nhau đi các ngả khai phá, định cư thành nhiều vùng cư trú của người Họ Dương. Vì thế, Vũ Ninh (Bắc Ninh) được coi là đất phát tích của người Họ Dương.

Lưu truyền đến ngày nay rằng: Người Họ Dương Việt Nam, dù ở góc biển chân trời nào cũng đều chung thủy tổ là cụ Dương Minh Tiết.

Thời nghìn năm Bắc thuộc

Nước Nam ta ba lần chịu sự đô hộ của phương Bắc (Bắc thuộc), cộng tới 1083 năm (207 TCN – 938), từ triều Tây Hán đến triều Hậu Tấn.

Người Họ Dương cùng trăm họ luôn sục sôi căm thù, quyết tâm đánh giặc giành quyền độc lập tự chủ cho Dân tộc.

Mở đầu là cha con Lạc tướng Dương Thái Bình – Dương Thi Sách hồi đầu Công Nguyên, chuẩn bị lực lượng đánh nhà Đông Hán. Nhưng Thi Sách bị giặc giết sớm!. Việc chưa thành. Trưng Trắc - vợ Thi Sách dấy binh khởi nghĩa (năm 40 – 43), quyết tâm đánh giặc đền nợ nước, trả thù nhà. Bà là một nàng dâu Họ Dương thật trí – dũng song toàn! Trong thời kỳ Bắc thuộc, ở nước ta diễn ra 10 cuộc khởi nghĩa, thì riêng người Họ Dương đảm đương 4 cuộc. Sau cuộc khởi nghĩa Thi Sách – Trưng Trắc, phải kể đến cuộc khởi nghĩa của Dương Thanh.

Dưới thời thuộc Đường, Dương Thanh - một thủ lĩnh người Việt, thứ sử Châu Hoan (Nghệ Tĩnh ngày nay) nổi dậy khởi nghĩa (879 – 820) giết Lý Tượng Cổ, tôn thất nhà Đường nổi tiếng hung tàn và hơn nghìn bộ hạ của hắn sang xâm lược nước ta. Ông cùng con trai Dương Chí Liệt và một người thân tín là Đỗ Sĩ Giao kêu gọi nghĩa quân tập kích thành Tống Bình giành quyền tự chủ, giải thoát ách thống khổ cho nhân dân ta, mở đầu trang sử vẻ vang của Dòng tộc Họ Dương từ đầu thế kỷ thứ 9.

Đầu thế kỷ thứ 10, nhà Đường suy yếu, Khúc Thừa Dụ người Việt chiếm giữ Giao Châu, tự xưng Tiết Độ Sứ. Khi họ Khúc bị quân Nam Hán đánh bại, Dương Đình Nghệ vốn là tướng tài của họ Khúc không khuất phục, đã nhận 3000 con nuôi đều mang họ Dương, lấy làng Giàng (Châu Ái – Thanh Hóa) làm trung tâm kháng chiến, tập hợp anh tài cả nước, dấy binh đánh đuổi quân Nam Hán.

Năm 931, Dương Đình Nghệ tiến đánh thành Tống Bình, đuổi Lý Khắc Chính, Lý Tiến, giết Trần Bảo, chiếm lại Giao Châu, khôi phục nền tự chủ nước nhà, tự xưng là Tiết Độ Sứ - làm Vua cai quản đất nước 6 năm (931 – 937). Ông là người khởi đầu cơ nghiệp lớn của Họ Dương.

Năm 937, Dương Đình Nghệ bị một nha tướng của mình là Kiều Công Tiễn giết hại, mưu cướp ngôi Tiết Độ Sứ. Con trai Dương Đình Nghệ là Dương Tam Kha, cùng con rể của ông là Ngô Quyền nhanh chóng diệt trừ Công Tiễn, chém chết Hoàng Thao cầm đầu viện binh nhà Hán trên sông Bạch Đằng (năm 938), kết thúc hơn ngàn năm nước ta bị thống trị của phương Bắc. Ngô Quyền tự xưng Vương, lập Dương Thị Như Ngọc, ái nữ của Dương Đình Nghệ làm Hoàng Hậu. Một thời kỳ độc lập lâu dài của đất nước bắt đầu. Dương Tam Kha hết lòng phụ giúp Ngô Vương. Còn Như Ngọc, vợ Ngô Quyền cũng là người có công lớn, đứng ra lập đội nữ nương tử quân, động viên lực lượng phụ nữ dốc tâm tham gia cứu nước.

Năm 944, Ngô Quyền mất, ở ngôi được 6 năm.

Gánh nặng đè lên vai Dương Tam Kha, một người từng là bộ tướng của cha, cùng Ngô Quyền, rồi là tướng của Ngô Quyền anh rể. Đất nước vẫn trong vòng tao loạn, các con của Ngô Quyền chưa đủ quyền uy cai trị đất nước. Trước tình hình đó, Dương Tam Kha tự xưng là Bình Vương, tự nguyện gánh vác việc non sông đất nước.

Năm Tân Hợi (951), Dương Tam Kha bị cháu là Ngô Xương Văn lật đổ, ông ung dung trở về Chương Dương, rồi Cổ Lễ khai khẩn đất hoang, quai đê lấn biển, giúp dân làm ăn, sinh cơ lập nghiệp thành 2 miền quê rộng lớn, thanh bình và trù phú. Hiện nay ở Chương Dương (Thường Tín – Hà Nội) và Cổ Lễ (Trực Ninh – Nam Định) có Đền thờ Ông; nhiều làng thờ Ông làm Phúc Thần.

Thời Đinh (968 – 980) và Tiền Lê (980 – 1009)

Vào thời Hậu Ngô Vương (951 – 965), Ngô Xương Văn, Ngô Xương Ngập làm vua, đất được rồi ren, 12 xứ quân nổi loạn.

Năm 967, Đinh Bộ Lĩnh dẹp yên loạn 12 xứ quân, lên ngôi Hoàng Đế, đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt, lập Dương Vân Nga – con gái Dương Tam Kha làm Hoàng Hậu.

Năm Kỷ Mão (979), Vua Đinh bị Đỗ Thích giết hại. Con là Đinh Toàn, 6 tuổi nối ngôi vua. Bà Dương Vân Nga là Hoàng Thái Hậu, giúp con nhiếp chính, đối nội, đối ngoại sắc xảo, có nhiều công với nước.

Thời Bà, giặc Tống lăm le ở phía Bắc, quân Chiêm nhòm ngó ở đằng Nam. Trước mối đe dọa giặc ngoại xâm, vận mệnh đất nước “ngàn năm treo sợi tóc”, Thái Hậu Dương Vân Nga trao áo Hoàng Bào cho Thập đạo tướng quân Lê Hoàn, tôn ông làm Vua lãnh đạo toàn dân kháng chiến thắng lợi, đánh Tống bình Chiêm. Hành động vì nước vì dân của Thái Hậu là tấm gương liệt nữ soi sáng muôn đời sau. Trước kia, do chưa hiểu ý nghĩa cao cả của sự việc, người ta còn dị nghị về tư cách, đạo đức của Bà. Nhưng càng ngày Bà càng tỏ rõ là bậc “Anh thư nữ kiệt”!

Thời nhà Lý (1010 – 1225)

Chín đời vua Lý trải 215 năm, trong đó có năm đời do người Họ Dương đảm nhiệm, mở đầu là vua Lý Thần Tông - Dương Hoán, đến cuối cùng là Lý Chiêu Hoàng, trị vì tất cả 97 năm.

Sử sách nước ta chỉ rõ: Vua Lý Nhân Tông (1072 – 1128) không có con trai, nuôi cháu là Dương Hoán con Sùng Hiền Hầu Dương Công Khanh từ nhỏ làm con nuôi, lập Thái tử, truyền ngôi làm vua Lý Thần Tông Dương Hoán, ở ngôi 11 năm (1128 – 1138). Vua coi trọng việc khoan thư sức dân, đưa ra chính sách “Ngụ binh ư nông”, cho quân lính thay nhau về làm ruộng, lo cho “thực túc binh cường”. Con là Thiên Tộ lên ngôi làm vua Lý Anh Tông, là người lập bản đồ đầu tiên cho nước Nam ta...

Vào cuối triều nhà Lý, đầu triều nhà Trần, họ Lý và họ Dương lâm vào họa “tru di”; tào tác chạy loạn, mai danh ẩn tích, đi các vùng khác hay đi cả nước ngoài, như cha con Lý Long Sừng – Lý Long Tường,... vượt biên sang xứ Cao Ly (Hàn Quốc).

Cuối nhà Trần, đầu nhà Hồ (đầu thế kỷ 15), người Họ Dương lại một lần nữa gặp họa “tru di” do Hồ Quý Ly âm mưu gây ra. Một họ Đào gốc Dương ở Cổ Lễ (Nam Định) phải đổi sang nhiều họ: Phạm, Nguyễn, v.v. Tình trạng thay tên đổi họ đã khiến cho anh em, con cháu người Họ Dương ly tán nhau, lạc mất cội nguồn, khó bề nối lại vì qua nhiều đời



mất liên lạc, gia phả, tộc phả không còn. Đây là một nguyên nhân khiến cho dân số Họ Dương thấp, tuy rằng Họ Dương có từ thời Hùng Vương.

Khoa bảng Họ Dương

Đến các triều đại về sau, với bản chất yêu nước, hiếu học, nhân từ - đạo đức, vẫn xuất hiện nhiều danh thần, võ tướng có tri thức cao, giúp ích cho việc trung hưng các triều đại. Đó là truyền thống Khoa bảng của Họ Dương, với 50 tiến sĩ Văn, 7 tiến sĩ Võ thời phong kiến, được ghi danh trên các Bia Văn Miếu Hà Nội, Bắc Ninh, v.v. Tiêu biểu là Lưỡng quốc Trạng nguyên Đào Sư Tích gốc Dương (1374), quê Song Khê – Yên Dũng - Bắc Giang; Trạng nguyên Dương Phúc Tư (1547), quê Thuận An – Kinh Bắc, nay là Lạc Đạo – Văn Lâm – Hưng Yên.

Một số chi họ có truyền thống học tập đỗ đạt cao như chi Họ Dương Lạc Đạo – Hưng Yên; Lạc Thổ - Thuận Thành – Bắc Ninh; Cổ Lễ - Nam Định; Vân Đình – Hà Nội; Yên Lộc – Can Lộc – Hà Tĩnh; Quỳnh Đôi - Quỳnh Lưu - Nghệ An; Vĩnh Mỗ - Yên Lạc – Vĩnh Phúc, v.v.

Nhiều Tiến sĩ Họ Dương có tài, đi sứ hay làm quan đến chức Thượng Thư (Bộ Trưởng) như Dương Duy Nhất, khoa Mậu Tuất (1538), trú quán Di Sử - Lương Tài - Bắc Ninh; Dương Trí Dũng, khoa Ất Sửu (1565), người Bát Trạc – Can Lộc – Hà Tĩnh; Dương Thuần, khoa Mậu Thìn (1628), quê Lạc Đạo – Văn Lâm – Hưng Yên; Dương Văn An, khoa Đinh Mùi (1547), xã Phúc Tuy - Lê Thủy - Quảng Bình; Dương Khuê, khoa Mậu Thìn (1868), thời Tự Đức – 21, người Vân Đình – Hà Đông, v.v.

Thời cận đại và hiện đại, nhiều trí thức tiêu biểu Họ Dương còn lưu danh như: Dương Lâm, Dương Duy Thanh, Dương Quảng Hàm, Dương Tử Quán,...

Những năm đầu thế kỷ 20, nhiều người Họ Dương nhiệt tình yêu nước như Dương Công San, Dương Đình Thạc, Dương Văn Quỳnh xuất dương sang Vân Nam (Trung Quốc) ra nhập Việt Nam Quang Phục Hội. Tiếp đó, cha con Dương Trọng Phổ - Dương Bá Trạc hoạt động phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục,...

Tại Nam Kỳ có Dương Tấn Tài, Dương Quang Đông, Dương Khuy; tại Nghệ An có anh em chú cháu Dương Văn Lan, Dương Vụ Bản, Dương Đình Thúy và Dương Ngọc Liễn; tại Bắc Ninh có Dương Văn Diên, Dương Hạc Đỉnh,...

Cho đến khi thành lập Đảng Cộng Sản Đông Dương (tháng 2 – 1930), theo thống kê bước đầu ở các tỉnh: Bến Tre, Sóc Trăng, Trà Vinh, Cao Bằng, Hà Nam, Hà Tĩnh, Nghệ An, Quảng Bình, có trên 20 người Họ Dương đã gia nhập Đảng. Tiêu biểu có ông Dương Quang Đông làm Bí thư đầu tiên tỉnh Trà Vinh (1930), ông Dương Vụ Bản làm Bí thư huyện ủy Quỳnh Lưu – Nghệ An (tháng 3 – 1931),...

Trong hai cuộc kháng chiến (1945 – 1975), người Họ Dương luôn kề vai sát cánh cùng dân tộc, số lượng không sao thống kê hết được. Có thể kể một vài trường hợp: Dương Đại Long, Dương Mạc Thạch tham gia đội tuyên truyền Giải Phóng Quân Việt Nam (1944); Dương Đức Hiền (Hà Nội); Dương Linh, Dương Tự Cơ (Hưng Yên); Dương Văn Phát (Hà Nam); Dương Minh Đức, Dương Quang Gián (Bắc Ninh);...

Ở miền Nam: Dương Bạch Mai, Dương Quang Đông trực tiếp lãnh đạo cướp chính quyền ở Sài Gòn; Dương Minh Châu (Tây Ninh); Dương Khuy (Mỹ Tho); Dương Văn Dương (Bến Tre);...

Ngày nay, nhiều người Họ Dương là các nghệ sỹ có tiếng: Dương Cẩm Chương, Dương Bích Liên, Dương Thụ, Dương Thiệu Tước,...; các nhà khoa học tài năng: Dương Đức Tiến, Dương Xuân Đạm, Dương Trọng Hiếu,... và nhiều doanh nhân thành đạt.

Về nơi cư trú của người Họ Dương

Người Họ Dương có mặt ở khắp 63 tỉnh thành của Việt Nam. Vùng Kinh Bắc xưa nay, nay là hai tỉnh Bắc Ninh - Bắc Giang, là nơi phát tích Họ Dương, nên người Họ Dương rất đông đúc, có những làng xã chỉ toàn người Họ Dương, như ở Tân Yên, Yên Dũng (Bắc Giang); Châu Cổ Pháp (nay là 2 huyện Từ Sơn và Tiên Du thuộc Bắc Ninh),...

Theo thời gian, người ta di cư đi nơi khác, do kiếm kế sinh nhai hay lý do thời thế, sinh ra thêm những vùng quê mới của người Họ Dương.

Hiện tượng như thế thời nào cũng có.

Ví dụ như: Đầu thế kỷ thứ 9, Dương Thanh từ Long Vũ - Cổ Pháp vào làm Thứ sử Châu Hoan. Năm 894, Dương Đình Nghệ chuyển cả gia đình, cùng 3000 con nuôi Họ Dương vào Châu Ái lập làng Giàng - Dương Xá (nay là làng Giàng - Thiệu Hóa - Thanh Hóa),...

Vào thế kỷ 12, Dương Tự Minh vâng mệnh vua Lý Anh Tông đi trấn giữ vùng biên ải phía Bắc. Nay đông đúc người Họ Dương ở các tỉnh miền núi phía Bắc coi Ông là Khởi Tổ; có hàng trăm đền miếu thờ Ông như ở Phú Bình (Thái Nguyên), Bắc Sơn (Lạng Sơn), Cao Bằng, Bắc Cạn,...

Đầu thế kỷ 14, Tiên sĩ Đào Toàn Bân, cha đẻ Lương quốc Trạng nguyên Đào Sư Tích, từ Song Khê - Bắc Giang di cư về Trục Ninh - Nam Định. Đến đầu thế kỷ 15, đề phòng họa “tru di” do Hồ Quý Ly mưu tính, trước khi đi sứ Nhà Minh, Đào Sư Tích cho con cháu thay tên, đổi sang nhiều họ khác: Phạm, Nguyễn,... Sau này, có chi trở về Họ Dương, Họ Đào; có chi vẫn mang họ Phạm, Nguyễn,... Đến nay, việc tìm hiểu cội nguồn họ mạc của họ này còn nhiều khó khăn.

Cuối thế kỷ 14, cụ Dương Công Đình từ Cổ Pháp về định cư ở vùng cửa biển Đại An - Nam Định, trở thành khởi tổ của nhiều chi họ Dương ở Ý Yên - Nam Định. Nhà thờ Họ Dương nay ở làng Dương Phạm - Ý Yên - Nam Định,...

Sự xuất hiện người Họ Dương ở các tỉnh miền Trung và miền Nam diễn ra muộn hơn. Để tìm hiểu việc này cần phải dựa vào các cuộc di dân lớn từ ngoài vào.

Sự kiện đáng chú ý đầu tiên là năm 1307, khi vua Trần Anh Tông tiếp thu hai châu Ô và Lý từ Vua nước Chiêm Thành, thì từ Châu Hoan (Nghệ Tĩnh), Châu Ái (Thanh Hóa) người ta rầm rộ đổ vào đất mới, sinh cơ lập nghiệp. Châu Ô, Châu Lý sau đổi thành Phủ Thuận Hóa, nay là các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế.

Sự kiện tiếp theo là chúa Nguyễn Hoàng (1525 - 1613) tiên phong mở cõi xuống phía Nam, mở đầu việc hùng cứ phương Nam của 9 chúa Nguyễn. Cuộc di dân từ Bắc vào Nam kéo dài hơn 200 năm. Theo dòng người đông đảo đó, trong đó có nhiều người Họ Dương.

Khi Pháp xâm lược nước ta, chúng tuyển phu phen tạp dịch từ miền Bắc, miền Trung vào phục vụ khai thác thuộc địa, đó là lớp lớp phu đồn điền cao su, lục lộ,... Hơn 100 năm Pháp đô hộ, người từ ngoài vào không phải là ít!

Thời hiện đại, phải tính đến các lần di chuyển người: Đó là cuộc di cư vào Nam năm 1954; đó là việc chi viện của quân dân miền Bắc cho cách mạng miền Nam trong 20 năm (1955 - 1975); khi đất nước thống nhất (30 - 4 - 1975), lớp lớp người đủ mọi thành phần

từ Bắc vào Nam tham gia khôi phục và xây dựng đất nước, rồi định cư, kéo theo nhiều người Họ Dương đến các thành phố, các vùng kinh tế mới ở các miền quê."  
( <http://hoduongvietnam.com.vn/> ).  
Xin theo dõi tiếp bài 2. dienbatn.

---

## **KHẢO SÁT MỘT SỐ NGÔI MỘ CỦA TIỀN NHÂN ĐỂ LẠI . BÀI 2.**

*Thứ Bảy, ngày 16 tháng 4 năm 2016*

### **KHẢO SÁT MỘT SỐ NGÔI MỘ CỦA TIỀN NHÂN ĐỂ LẠI .**

*Sau rất nhiều chuyến đi đã khảo sát Phong thủy âm trạch , dienbatn còn giữ được một số tư liệu về những ngôi mộ cổ do tiền nhân đặt từ xưa . Nay đăng lại trong Blog này làm tư liệu và mong rằng những Thầy Địa lý của Việt Nam hiện nay nghiên cứu và hy vọng sẽ rút ra được những điều bổ ích cho mình , ngõ hầu có thể giúp cho những thân chủ của mình một cuộc sống an vui , hạnh phúc.*

*Sách có câu : "Tiên tu nhân lập âm chất, nhi hậu tâm Long ".*

*Người người đều muốn có được một Địa trạch tốt tươi, nhằm thăng hoa cuộc sống vật chất đầy đủ, công danh hiển hách, vợ đẹp con ngoan, Gia đình hạnh phúc. Sách THỜI QUAN THIÊN viết : "Trong nhà có người đức hạnh cao thượng thì đất đá trên núi gần đó nhất định có Linh khí ". Qua câu nói trên tức là con người làm chủ Linh khí vạn vật do phần Tâm khí của chính mình. Các Phong Thủy Sư không hiểu điều này thì dù có Trích Huyệt Tâm Long được Bảo địa cũng chẳng linh nghiệm.*

*Những việc Tâm Long Địa Huyệt còn phải hội thêm phần cảm ứng tức là Thiên Đạo (Đạo Trời ); sự ứng nghiệm của việc hành thiện lập âm chất, tạo nhân quả tốt. Tục ngữ có câu : "Âm địa tốt không bằng Tâm địa tốt ". Do vậy, tìm kiếm chọn lọc được Địa mạch Huyệt vị, Phong Thủy Sư phải tích đức hành thiện làm căn bản. Nếu kẻ nào có phẩm chất cao thượng, thì ắt Thiên cơ sẽ ứng, Địa cơ theo đó mà tăng thêm sự tốt lành cho con cháu đời sau hưởng Phúc. Bởi Tâm địa thiện lương thì tương ứng với Địa mạch cát lợi , vận Trời ứng cho, chứ chẳng phải chủ quan tâm về hình thức mà quên đi nội dung, cứ tưởng rằng tâm được Long huyệt rồi, con cháu đời sau sẽ được hưởng Phúc, cái gốc chúng ta chẳng lo mà lại đi lo cái ngọn, rõ là ta chẳng biết gì cả. Nếu như các Phong Thủy Sư họ tài giỏi như thế thì ắt họ phải giành những huyệt Đế Vương, Công Hầu, Khanh tướng cho con cháu họ, chứ đại gì mà họ chỉ cho ai ?*

*Quách Phác nói : "Cát hung cùng cảm ứng lẫn nhau, họa phúc cũng tự nhiên theo Tâm khí chiêu cảm mà đến ".*

*Khi táng di hài Tổ tiên, chắc người ta phải chọn Địa huyệt thật tốt mà an táng, song song với việc trên , người tại tiền phải nỗ lực tu dưỡng thân, tâm cầu lấy gốc rễ của Đạo. Nếu chỉ chú trọng quan sát hình thế Địa huyệt, sẽ cho kết quả trái ngược, làm tổn hại đến con cháu đời sau.*

*Nếu như có Nhân, tất phải có Quả; nhưng Nhân -Quả thiện ác tùy vào Tâm khi chiêu lấy họa phúc. Cũng như ngày xưa có người chết được Thiên táng hay Địa táng một cách ngẫu*



*nhân, con cháu sau này phát Đế Vương, Công hầu.*

*Triệu Quang viết cuốn : "PHONG THỦY TUYỂN TRẠCH TỰ ", có nói rằng : "Vô phước cho ai không có nhân duyên mà được Huyệt tốt ". Dẫu cái tốt, xấu của Phong thủy Huyệt mộ ảnh hưởng đến cát hung, nhưng Âm đức của con người có thể cải biến được Vận - Mạng. Đến như các bậc Tiên bối Phong thủy như Cao Biền, Quách Phác tài giỏi kinh Thiên động Địa , nhưng khi gặp Huyệt Đế Vương cũng không dám dành cho mình, bởi biết đạt Địa lợi, nhưng Thiên thời và Nhân hội còn khuyết, không dám nghĩ bàn. Tóm lại việc "TIÊN TÍCH ĐỨC, NHI HẬU TÂM LONG " của người xưa dạy quả không sai.*

## **2/ KHẢO SÁT MỘ CỤ PHẠM VĂN THỤ .**

(Tại xã Bạch Sam, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên ).



*Di ảnh cụ Phạm Văn Thụ*

Phạm Văn Thụ (1866 - 1930) là một đại thần triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam. Trước đây, ông từng bị đánh giá là người "tiêu cực", là người "có vấn đề"; nhưng hiện nay ông đã được nhìn nhận là một nhà văn, một chí sĩ, và là một viên quan "yêu nước, thương dân, giản dị và cương trực".

Ông là người xã Bạch Sam, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

Xuất thân trong một gia đình nhà nho nghèo, nhưng ông Thụ rất có chí học tập. Theo hồi ký của ông, thì lúc trai trẻ, ông từng được gặp lãnh tụ Tân Thuật (Nguyễn Thiện Thuật). Được cụ khuyên đại ý là: "...đi học phải thi đỗ, phải ra làm quan, nhưng làm quan không phải để vinh thân phì gia, mà phải vì dân", và ông Thụ đã nghe theo.

Năm 20 tuổi, ông thi đỗ Tú tài. Sau đó, ông vừa làm (dạy học) vừa học. Năm Tân Mão (1891) dưới triều vua Thành Thái, ông thi đỗ Cử nhân tại trường Hương Nam Định.

Năm Nhâm Thìn (1892), ông vào Huế thi, và đỗ Phó bảng cùng khoa với Nguyễn Thượng Hiền (đỗ Hoàng giáp).

Được bổ đến làm việc ở tỉnh Thái Bình, ông lần lượt thăng tiến từ Tri huyện đến Tri phủ (Kiến Xương). Sau khi được cử làm Án sát Thái Bình, Tổng đốc Bắc Ninh, Tổng đốc Nam Định, ông nhận lệnh vào làm việc tại triều đình Huế.

Ở nơi ấy, ông lần lượt giữ chức Thượng thư bộ Hộ, Thượng thư bộ Binh, và được sung làm Cơ mật viện đại thần. Ngoài ra, ông cũng từng làm "chân đọc đơn từ" trong Sở Liêm phóng (tức Sở mật thám) của người Pháp ở Bắc Bộ vào năm 1908-1910.

Trong những năm cuối đời, ông được phong hàm Thái tử thiếu bảo, Đông các học sĩ, và được tước nam.

Dưới triều vua Bảo Đại, Phó bảng Phạm Văn Thụ qua đời ngày 7 tháng 7 năm 1930

(Canh Ngọ) tại quê nhà, thọ 65 tuổi (tuổi ta).

Phó bảng Phạm Văn Thụ đã để lại:

Thái Bình thông chí (địa chí bằng chữ Hán).

Đàn viên ký ức lục (văn chữ Nôm).

Có một thời gian dài, ông Phạm Văn Thụ bị xếp vào hàng ngũ những người "tiêu cực", là người "có vấn đề", vì ông từng làm việc ở Sở Liêm phóng, và từng có mối quan hệ với Công sứ Darles và một số viên quan có tiếng là tàn ác.

Khoảng năm 2006, vấn đề trên lại bắt đầu được đặt ra, và công việc sưu tầm, xác minh tài liệu đã được các nhà nghiên cứu xúc tiến. Cuối cùng, tất cả các công trình nghiên cứu đều cho thấy ông là "một nhà văn hóa, một viên quan yêu nước, thương dân, giản dị và cương trực" .

Trong "Hồ sơ di tích của tỉnh Hưng Yên", công lao Phạm Văn Thụ đã được ghi nhận đại khái như sau:

-Trong quãng đời làm quan, ông đã tỏ ra là một người yêu nước, thương dân. Ông đã chú ý đến việc canh nông, việc đề điều, mở trường học, mở chợ, khai sông...

-Ông đã có dịp gặp gỡ các nhà yêu nước như Phan Chu Trinh, Nguyễn Thượng Hiền, Đinh Chương Dương, Nghiêm Xuân Quảng...; và đã đem tiền lương ủng hộ phong trào Đông Du. Nghi ngại, chính quyền Bảo hộ Pháp đã đề cử ông vào làm ở Sở Liêm phóng để dễ quản lý. Từ chối mãi không xong, ông chỉ nhận làm "chân đạp đơn từ" (1908-1910). Cũng chính nhờ vậy, mà ông đọc được nhiều đơn thư mật tố giác những người chống thực dân Pháp, và ông đã tìm cách cứu họ. Trong số người ông cứu thoát, có Nguyễn Hữu Cương, Chu Dưỡng Bình...và hàng trăm người liên quan đến khởi nghĩa Yên Thế (1884-1913) và vụ Hà thành đầu độc (1908).

-Ông cũng đã từng góp sức ngăn chặn mưu đồ của quân Pháp phá lũng Tụ Đức để tìm vàng bạc, đồng thời ông cũng kiên quyết không cho họ phá đền Sóc Sơn (vì cho rằng đây là nơi liên lạc của nghĩa quân Yên Thế) và phá hủy Văn Miếu Thăng Long (để xây dựng bệnh viện).

-Ngoài việc sáng tác, ông cũng từng đề tựa và hiệu duyệt nhiều cuốn sách về lịch sử, về tôn giáo...

Ngày 23 tháng 10 năm 2006, chính quyền tỉnh Hưng Yên đã ký Quyết định số 2111/QĐ-UBND xếp hạng "di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh" cho khu mộ của ông .

( <https://vi.wikipedia.org> ).

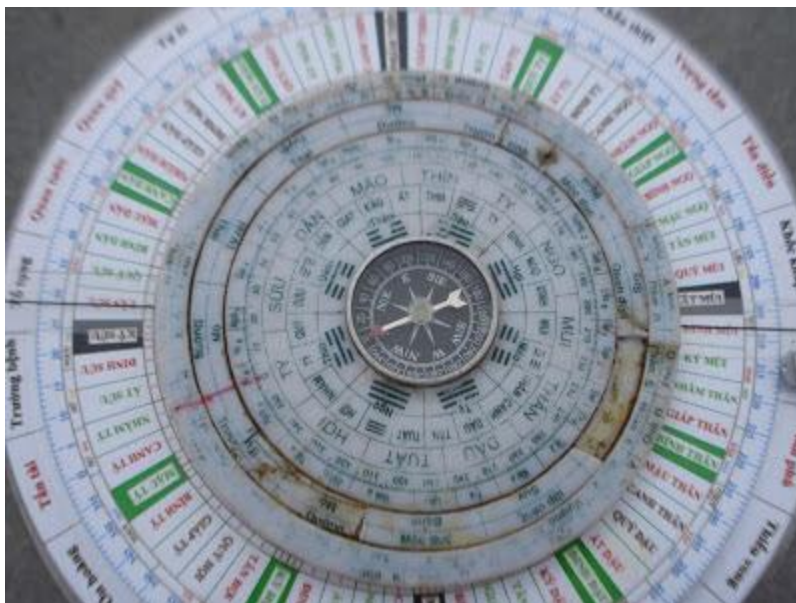


*Khu lăng mộ.*



*Hướng toàn khu mộ.*





*KHU MỘ CÓ HƯỚNG 207 độ 5 – LÀ HUYỆT KHÍ BẢO CHÂU TÂN SỬU – ĐÌNH MÙI  
- TỌA SỬU HƯỚNG MÙI - TÂY NAM.*



PHẦN KIM HƯỜNG KHU MỘ CỤ PHẠM VĂN THỤ

ANNEE 1866  
FONDEUR DU BARON DE TU-MY  
PHAM VAN THU  
DE DES FINANCES ET DE LA  
A LA COUH D'ANNAM  
NE LE 30 JUIN 1866  
MORT LE 7 JUILLET 1930

DI TÍCH LỊCH SỬ VĂN HOÁ  
LĂNG MỘ CỤ PHÓ BẢNG PHẠM VĂN THỤ  
ĐÃ ĐƯỢC XẾP HẠNG



*THƯỢNG THƯ CƠ MẬT VIỆN ĐẠI THÂN - THÁI TỬ THIÊU BẢO ĐÔNG CÁC HỌC SĨ.*





Khu mộ nằm trên một cái gò thấp , cạnh những thửa ruộng cấy lúa, gần khu dân cư tại xã Bạch Sam, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên. Toàn khu mộ là một mảnh đất vuông vắn nằm trên một địa thế rất đẹp. Đặc điểm nổi bật của toàn khu mộ là được xây dựng bằng đá xanh nguyên khối có những nét khắc hoa văn khá cầu kỳ. Phía trước là 4 trụ cổng có thiết kế khá lạ. Ở phần giữa là tấm bình phong có gắn tên của khu lăng mộ . Hai bên là 2 lối vào được xây hình vòm và có mái ở trên . Hai góc đằng sau cũng có hai cột trụ giống hai cột trụ góc ở phía trước. Phía sau tấm bình phong là nhà bia được vây quanh 4 cạnh , trong có tấm bia ghi bằng chữ Việt ghi : "THƯỢNG THƯ CƠ MẬT VIỆN ĐẠI THẦN - THÁI TỬ THIẾU BẢO ĐÔNG CÁC HỌC SĨ ".

Ba cạnh còn lại được xây hàng rào cao và có những ô đón khí rất đẹp. Ở rất nhiều khu mộ , người ta làm đã không biết được điều này, đem xây tường kín mít như thành bể nước làm chỉ đường Khí bị ngăn cản không thông được . Phía đằng sau khu lăng mộ có một cửa thoát khí nhưng thường đóng .



*Cổng sau thường đóng.*



*Xung quanh khu lăng mộ được xây be bằng tường gạch.*



Trong khu lăng mộ có ba ngôi mộ làm bằng đá xanh hình vuông khá cao là mộ của cụ Phạm Văn Thụ ( có ghi dòng chữ Pháp : PHẠM VĂN THỤ - SINH 30/6/1866 , MẤT 7/7/1930 ) đặt cạnh ngôi mộ của bà PHẠM THỊ LIÊN - mất tháng Giêng năm 1x62.









*Tấm bia đã bị gãy.*







*Lỗ âm dương trên mộ.*



*Bên cạnh phía sau là mộ của cụ Phạm văn Kỳ ( 1916-2010 ) chắc là con của cụ Thụ.*



**ĐỌC THÊM :**

**Danh nhân Phạm Văn Thụ - người bảo vệ Văn Miếu, giữ gìn linh khí giang sơn .**

Trải qua hàng trăm năm lịch sử, những di tích văn hóa lịch sử như Văn Miếu Quốc Tử Giám hay đền Sóc Sơn... đã trường tồn cùng thời gian và trở thành nơi gìn giữ linh khí giang sơn. Nhưng mấy ai biết rằng, trong bối cảnh loạn lạc, cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20,



những nơi linh thiêng trên đã suýt bị thực dân Pháp phá bỏ để xây bệnh viện hoặc sân phẳng vì nghĩ là căn cứ nghĩa quân. Chỉ có một danh sĩ, lấy đạo làm quan là vì dân vì nước đã khéo léo và cương trực can ngăn, bảo vệ được những di tích ấy. Đó chính là danh nhân Phạm Văn Thụ, một trong những danh nhân đất Việt – người gìn giữ linh khí giang sơn.

### **Chăm học để kỳ trả “cái thù” đền sách .**

Theo trang Cội nguồn họ Phạm thì Phó bảng Phạm Văn Thụ tự Đàm Viên sinh ngày 30/6/ 1866, tức ngày 18/5 năm Bính Dần, niên hiệu Tự Đức thứ 19, tại xã Bạch Sam, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, là là chốn quê hương văn hiến thi thư của nhiều nhà khoa bảng nổi tiếng, ngay cạnh làng Xuân Dục là quê hương, căn cứ của cụ Tán Thuật và cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy.

Phát biểu trên chương trình Danh nhân đất Việt của VTV về cụ Phạm Văn Thụ, GS sử học Lê Văn Lan nhận định: “cụ Phạm Văn Thụ giống như danh nhân lịch sử khác, luôn luôn là kết tinh của truyền thống Địa linh nhân kiệt. Quê hương Bạch Sam của cụ nằm ở giữa xứ Sơn Nam và Hải Đông ngày xưa, cho nên sự kết tinh về mặt địa linh của hai xứ Nam và Đông đã chung đúc nên giá trị của miền đất Bạch Sam. Kể từ đó, vùng đất này có dòng họ Phạm với ít nhất 5 đời có truyền thống văn hiến thi thư, luôn lấy nghề đọc sách là điều cao quý và nghề dạy học là chức phận thiêng liêng.

Ngay từ nhỏ, Phạm Văn Thụ đã nổi tiếng là người thông minh học giỏi, được phụ thân Phạm Xuân Đồng là một trong Đường An Tứ Kiệt khai tâm dạy chữ và rèn luyện chí khí. Vì thế, nghe theo lời cha dạy: “Phải xem việc đèn sách không chỉ là cái nghiệp mà phải coi đây là một “mối thù” phải nếm mật nằm gai để mà trả cho kì được cái mối thù đèn sách học hành”, Phạm Văn Thụ lớn lên không chỉ cần kiệm học hành, toàn dùng giấy một mặt để viết mà còn đến những bậc danh sư đương thời như sang Thành Nam học trường cụ Đặng Xuân Bản, tìm tới trường Huê Cầu của cụ Đốc Tô để thụ giáo. Trải qua những tháng năm học hành vất vả, đồng thời được thừa hưởng những truyền thống của quê hương, dòng tộc không có gì lạ khi Phạm Văn Thụ đã có những cuộc vượt vũ môn ngoại mục, để trở nên người hữu dụng, danh giá và trở thành danh nhân đất Việt.

### **Làm quan vì dân .**

Năm 20 tuổi, niên hiệu Đồng Khánh nguyên niên (1886), Phạm Văn Thụ đỗ tú tài khoa Bính Tuất,

Năm Thành Thái thứ 3 (1891), ông đỗ Cử nhân trong đợt thi Hương tại trường thi Nam Định.

Ngay năm sau, 1892 ở kỳ thi Hội tại kinh thành Huế, ông đậu Phó bảng, cùng khoa với Nguyễn Thượng Hiền và được hậu bổ làm tri huyện Thư Trì.

Năm 1894, Phạm Văn Thụ được bổ sang làm tri huyện Thần Khê - Thái Bình. Ngay từ ngày đầu ra làm quan, ông đã thực hiện nghiêm túc lời dạy của Nguyễn Thiện Thuật dặn dò trước đó là: “Đã học thì phải thi, đã thi thì phải đỗ, đã đỗ thì phải làm quan, mà làm quan không phải để vinh thân phì gia mà phải vì dân” để nghĩ làm những việc có ích cho dân như ông đã khắc cốt: “Phàm những việc lợi cho dân Thái Bình, hết thầy ta được dự phần tài quyết”.

Khi giải quyết việc, bao giờ ông cũng hỏi ý kiến thân, hào, quốc, lão trong vùng. Ngoài ra, ông còn lập toà Hội đồng để xét thưởng phạt phân minh. Việc làm của ông rất được sự

đồng tình của nhân dân. Thời kỳ ông làm quan ở đâu, nhân dân vùng đó đều được hưởng cảnh ấm no, các tệ nạn, tội ác đều bị ngăn chặn. Ông luôn quan tâm đến sông nước, đê điều, cầu, cống. Làm quan ở phủ, huyện nào ông cũng nắm vững bản đồ địa hình của nơi đó. Bên cạnh chuyện quan tâm đến đời sống người dân, mỗi tháng ông lại mở một kỳ thi văn và bình văn cùng các thân sỹ.

Đặc biệt, khi đang làm quan ở phủ Kiến Xương trong hai năm từ 1097-1899, nhân thấy huyện Tiên Hưng nghèo nhất tỉnh Thái Bình, ông đã xin sang làm quan ở huyện này để cải thiện đời sống cho người dân.

Năm 1910, Phạm Văn Thụ được bổ làm Tuần phủ Phúc Yên. Tại đây, ông đã vận động các quan lại khác ủng hộ việc cải tiến: cách ăn mặc, họp hành chào tết nên vận áo chèn xanh và bỏ lối mặc lưng thụng, cầu kỳ đi.

Vừa nhậm chức chưa được bao lâu thì xảy ra vụ võ đề An Hội, ông đã xuất tiền nhà ứng trước để mộ phu từ Thái Bình. Vì đã quen việc giữ đề nên ông cắt đặt công việc đầu vào đây ngay trước mặt quan trên khiến mọi người đều khâm phục khi thấy đề được giữ chắc chắn ... Ông còn trình bày theo địa đồ, hiểu tường tận chỗ nào không nên ngăn nước, chỗ nào có thể làm được. Cũng nhân dịp này, Phạm Văn Thụ đã xin xá thuế cho tỉnh Phúc Yên. Việc làm khi ấy của Phạm Văn Thụ khi đó được nhiều lần đề nghị tặng thưởng, nhưng ông từ chối vì cho rằng: “Đó chỉ là làm đủ bổn phận thôi, không đáng lấy thưởng”. Từ năm 1913 đến năm 1920 ông đã một lần làm quan tuần phủ và hai lần làm Tổng đốc ở ba nơi là Thái Bình, Bắc Ninh và Nam Định. Cuối năm 1922, Phạm Văn Thụ đã nhiều lần đệ đơn xin về hưu và thậm chí là thảo một bức sớ xin từ chối nhậm chức nhưng đều bị triều đình bác bỏ. Những năm về sau, ông lần lượt giữ chức Thượng thư bộ Hộ, Thượng thư bộ Binh, và được sung làm Cơ mật viện đại thần.

### **Giữ gìn linh khí quốc gia .**

Chính quyền Pháp, nhận thấy “mối nguy”, nên đã triệu tập ông bắt nhậm chức ở phủ Liêm Sở để dễ bề quản lý. Nhưng chính tại vị trí này, ông Phạm Văn Thụ đã nhiều lần khéo léo nhưng mạnh mẽ và cương trực ngăn chặn các ý đồ phá hoại để giữ gìn những di tích văn hóa quan trọng cho đất nước.

Ông đã từng góp sức ngăn chặn mưu đồ của quân Pháp muốn phá lăng Tự Đức để tìm vàng bạc sung quân quỹ.

Khi chính quyền Pháp nghi ngờ đền Sóc Sơn, nơi thờ Thánh Gióng là nơi liên lạc của nghĩa quân Đề Thám, nên lệnh cho hào lý địa phương đốt đền Sóc Sơn, Phạm Văn Thụ đã đứng ra thuyết phục để cứu được một trong những ngôi đền mang ý nghĩa văn hóa to lớn thờ một vị thần trong Tứ bất tử của tín ngưỡng người Việt

Đặc biệt, ông nhân danh thân sỹ Bắc Kỳ đứng lên đấu lý sắc bén, đầy tinh thần tự tôn dân tộc khi chính quyền Pháp định âm mưu biến Văn Miếu Quốc Tử Giám thành nhà thương và bỏ hai vạn lạng bạc để dời Văn Miếu về tỉnh Hà Đông. Phạm Văn Thụ tỏ thái độ cương trực và quyết liệt giữ lại Văn Miếu với lập luận: “Dẫu triều Nguyễn dời đô vào Phú Xuân cũng không hủy được Văn Miếu, phải để nguyên làm cổ tích nước Nam”. Việc làm của ông càng chứng tỏ Phạm Văn Thụ là một vị quan lo cho dân, có cái nhìn sâu rộng và rất hiểu thời cuộc để ứng biến uyển chuyển nhưng vẫn bản lĩnh, có công lớn cho con cháu ngàn đời sau khi kiên quyết không để người Pháp làm ô uế mảnh đất linh thiêng, xâm phạm vào biểu tượng văn hóa, tri thức của dân tộc.

Thế mới biết, non sông gấm vóc được như ngày hôm nay, công lao không chỉ của riêng mình ai mà còn thuộc về vô số những danh sĩ âm thầm cống hiến cả đời mình cho dân cho nước. Những việc họ làm là để vì dân vì nước, sống trọn đạo hiếu với gia đình dòng tộc chứ không chỉ để vinh danh cá nhân, Phạm Văn Thụ là một trong số những danh nhân như thế và có lẽ những việc ông làm không phải để đời sau nhớ ơn nhưng chính ông đã góp phần quan trọng giữ gìn linh khí giang sơn để hậu thế còn có gốc mà giữ.

{Trong cuộc đời mình, cụ Phạm Văn Thụ cũng đã viết rất nhiều cuốn sách phản ánh tỷ mỉ cuộc sống và các biến thiên xã hội thời kỳ đó. Khi còn làm quan, ông đã đọc và viết các bài từ, bài bình luận cho nhiều cuốn sách mà hiện vẫn còn lưu giữ tại Viện Hán-Nôm. Đó là các cuốn: Trung học Việt sử toát yếu, Việt sử kính, Quốc triều luật học giản yếu, Nữ huân truyện, Đại Việt tam tự sự, Hương Sơn hành trình tạp vịnh. Trong đó, hai tác phẩm lớn được gìn giữ cho đến ngày nay là hai bộ Thái Bình thông chí (địa chí bằng chữ Hán) và đặc biệt là cuốn Đàn viên ký ức lục (văn chữ Nôm) không chỉ viết về tiểu sử cá nhân, gia đình, quê hương mà quan trọng là ông đã ghi lại được nhiều sự kiện chính trị xã hội thời đó với tình cảm cởi mở, chân thành, làm rõ nhiều vấn đề lâu nay hậu thế còn nghi hoặc.}



### **ĐÀN VIÊN KÝ ỨC LỤC.**

(PHẠM ĐỨC DUẬT - Hội văn nghệ Thái Bình).

Đàn viên ký ức lục là tập hồi ký gần một nghìn trang viết tay bằng chữ Nôm của một tác gia Hán Nôm hồi đầu thế kỷ XX. Ông tên là Phạm Văn Thụ, tự Đàn Viên, hiệu Đông Bạch Phái, người làng Bạch Sam, huyện Mỹ Hào, nay thuộc tỉnh Hưng Yên. Năm Thành Thái thứ tư (1892), ông đậu Phó bảng, rồi làm tri huyện các huyện Thư Trì, Thần Khê, Duyên Hà, Phú Dục, Tri phủ Kiến Xương, Tiên Hưng thuộc Thái Bình. Sau đó ông được thăng Tuần phủ Phúc Yên. Sau vụ Tuần phủ Nguyễn Duy Hàn bị ám sát trước dinh thự Thái Bình ngày mùng 6 tháng 2 năm Quý Sửu (13-3-1913), Phạm Văn Thụ được thăng Tổng đốc Thái Bình. Tháng 8 – 1923, ông vào Huế làm Thượng thư Bộ Hộ dưới triều Khải Định. Tháng 6 năm 1926, Phạm Văn Thụ về hưu ở quê làng Bạch Sam.



Khi còn làm quan ông từng viết sách Thái Bình tỉnh thông chí, An Nam sơ học sử lược dịch, và đề tựa, viết lời bạt một số sách như Trung học Việt sử toát yếu, Việt sử tam tự tân ước toàn biên, Quốc triều luật học giản yếu... v.v

Sau khi hưu quan, ông để thời gian viết bản thảo Đoàn Viên ký ức lục này. Tập bản thảo không chỉ viết về tiểu sử cá nhân, gia đình, quê hương tác giả, mà điều quan trọng là nhiều sự kiện chính trị xã hội của địa phương nơi ông làm quan được kể lại với tình cảm cởi mở, chân thành, làm rõ nhiều vấn đề lâu nay còn nghi hoặc.

Có lẽ rất ít tác gia Hán Nôm hồi đầu thế kỷ trước, có được tiểu sử cụ thể, tỉ mỉ như Phạm Văn Thụ tự thuật về mình trong Đoàn Viên ký ức lục. Mở đầu ông viết “Ta sinh năm Bính Dần, ngày 18-5, hoàng hiệu Tự Đức năm thứ 19 (tức dương lịch 30-6-1866). Thuở bé mệnh danh là Phạm Văn Trúc, theo tục phối với tên thân huynh ta cho dễ nhận. Năm 21 tuổi, gặp kỳ Bính Tuất ân khoa, hoàng hiệu Đồng Khánh nguyên niên (1886), chưa kịp tục bộ, đổi tên làng là Phạm Văn Viên, ứng thí trúng Tú tài. Cách khoa Mậu Tý (1888) đến khoa Tân Mão (1891), cải chính là Phạm Văn Thụ, thi trúng Cử nhân. Khoa hội Nhâm Thìn (1892) liền trúng Phó bảng. Đương buổi phong trào thay đổi, đúng câu thơ cổ:

Giang sơn phong cảnh còn nguyên đó,  
Thành quách nhân dân đã khác rồi.

Chính khi ta ứng hạch, quán chỉ còn đề theo hạt tân thiết là Đạo Dịch Lâm. Khi nộp quyền vào trường lại được gửi về tỉnh Hải Dương cũ. Đến khi thành mệnh Cử nhân, mới cải sáp sang tỉnh Hưng Yên.

Nước non vẫn nước non nhà,  
Gò cây in dấu ông bà mở mang.

Chỉ đáng nực cười trong thời kỳ ngoài hai mươi tuổi mà cái huy hiệu ta, nào Khoa Trúc, nào Tú Viên, nào Cử Thụ, nào Bảng Thụ, thay hình đổi dạng đến đôi ba lần, an nhiên không lấy làm phiền, cũng chưa vượt khỏi ra ngoài không khí tập quán vậy. Ta vốn tính đã đa sầu, đa cảm, cuộc đời lại bán cưu bán tằm, có dám đâu thừa nước mắt khóc người xưa, cũng học đời ăn cơm mới nói chuyện cũ”.

Khi làm Tri phủ Kiến Xương, ông được chứng kiến vụ tập hợp nghĩa binh của sư chùa Lăng Đông tiến lên thị xã toan đánh chiếm các dinh thự của công sứ Davis và Tuần phủ Vương Hữu Bình. Ông nhận xét “hạt Kiến Xương là nơi phồn kịch, khó cai trị nhất tỉnh Thái Bình. Ta ở mới gần một năm, quan dân yên vui, không điệp đổi làm huyền ca, đương có cái cảm tình điền trù tử đệ. Bỗng đâu kỳ tháng một, năm Đinh Dậu (Thành Thái cửu niên, tức tây lịch 1897) nổi biến Mạc Thiên Bình.

Hết thầy toàn kỳ, hại nhất là Hải Dương, Hải Phòng, vì có can đến tính mệnh người Tây. Vậy dân mắc phải một phan kỳ thảm. Phủ, huyện nào hoặc hạt dân tiềm khởi, hoặc Thiên Bình kinh quá, người thì cách, người thì phát vãng. Quan huyện Thủy Nguyên Nguyễn Ngọc Kiểm, quan phủ Kiến Thụy Phạm Du, tiền sĩ và bạn hương niên với ta vô tình mà phải tổng tử tại đảo Côn Luân. Phúc tướng như cụ Đỗ Văn Tâm, tổng đốc Hải Dương, nửa đêm quan toàn quyền tiếp báo, tức thì đến tỉnh, đòi đem cụ ra pháp trường hành hình”.

Năm 1913, Tuần phủ Nguyễn Duy Hàn bị ám sát bằng tạc đạn ở cửa dinh, Phạm Văn Thụ ghi: “Năm 1913, mùng 6 tháng 2 Quý Sửu, tỉnh Thái Bình phát sự tạc đạn, cụ tuần

Hành Thiện Nguyễn Duy Hàn bị hại. Ta phải đổi về chịu lấy gánh nặng, chối từ không được. Thầy tớ cũ phần nhiều lo thay cho ta. Vì tạc đạn đã lâu chỉ thấy đồn, chưa ai biết rõ hình dạng nó thế nào. Đột nhiên, một tiếng thục như sấm dậy đất bằng, ai cũng choáng váng. Vậy mà ta khổ tâm đối phó, nhất ngôn nhất động, may trúng cơ nghi...”

Mùa nước năm ấy (Quý Sửu 1913), đề Phú Chủ huyện Thư Trì bị vỡ, mấy huyện bị lụt, công sứ Perret tự tử. Sau nạn lụt lớn này, Phạm Văn Thụ làm bài thơ song thất lục bát gần một trăm câu đề ứ lạo đồng bào.

Vụ Pháp truất ngôi vua Thành Thái, khi đó ông đương quyền Tuần phủ. Một hôm phó sứ Dupuy hỏi ông: “Không biết những khi phế lập lễ nghi như thế nào? Còn lúc định rước xuống thuyền, đem ngài sang Tây, ngộ ngài không chịu thì xử trí làm sao?”

Ông cảm động ứa nước mắt mà trả lời: “Đã sinh biến phế lập, còn có lễ nghi gì?...

Tôi trộm nghe đức Thành Thái sở dĩ sinh diên, cũng chỉ vì có thông minh mà vô sở dụng. Nhà nước muốn đem sang Tây tưởng nên dùng cách êm ả để ngài đỡ chứng uất... Rồi lại để ở chỗ đức Hàm Nghi, đãi lấy Vương lễ. Mà rước đức Hàm Nghi về chấp chính, thực có phúc cho nước Nam tôi”...

Tất nhiên, bọn quan cai trị Pháp chỉ nói lấy lòng quan lại nước ta vậy thôi, không khi nào chúng dám đưa vua Hàm Nghi về thay vua Thành Thái. Thế mà thân hào Thái Bình vẫn làm đơn, có hàng trăm chữ ký, xin rước vua Hàm Nghi về chấp chính. Một hôm ông và quyền án sát Trần Thiện Kế đến Hội Nam Phong, tại nhà cụ tuần Luật Trung đông đủ các cụ đại lão. Cụ Khâm Nhân Mục nói: “Chà chà! Thái Bình giỏi nhỉ. Xin rước đức Hàm Nghi về làm vua à?”

Cuối năm ấy đúng 30 tết, ông Phan Chu Trinh cùng ông Đinh Dụng Hưởng cười ngửa ở huyện Mỹ Lộc sang chơi. Ông tiễn ông Đinh Dụng Hưởng về Ninh Bình, còn ông Phan Chu Trinh ở lại ăn tết với ông một tuần lễ. Đêm nào cũng nói chuyện đến khuya. Ông Phan nói: “Thời cục này, tất phải thi hành chính thể dân chủ mới tiến hoá được...”. Sau cụ Nguyễn Thượng Hiền lấy tình niên bằng cứ chủ nhật thường sang trò chuyện, nào là ông Phan Chu Trinh, ông Nguyễn Sinh Huy có tiếng chí sĩ cũng hay vãng lai giao du. Thứ nhất can hệ là cổ động rước đức Hàm Nghi. Vì thế nhà nước dùng cách ky mi (trói buộc-PĐĐ) cốt đem ta lên phủ Thống Sứ để tiện phòng thám những chốn ẩn vi của ta hành động”.

Về việc ông Hoàng Tăng Bí bị Pháp tình nghi, ông nói: “Ông Hoàng Tăng Bí đồ trẻ, sẵn lòng nhiệt huyết, cảm ngộ lời hiểu của quan toàn quyền, định đổi tư tưởng về đường thực nghiệp. Ông Hoàng đi khắp các nơi diễn thuyết lập hội buôn bán nội hoá, hiệu là Hội Đông Thành Xương... Nói cho phải, giá bắt lỗi ông Hoàng Tăng Bí vào luật “Khi trá quan tư thủ tài” (dối trá việc công việc tư để giữ tiền bạc của người khác – PĐĐ) thì đúng, chứ bắt vào luật “muru phản” thì rất oan”.

Đàn Viên ký ức lục còn ta ta biết khá tường tận về việc hoạt động của nghĩa quân Bãi Sậy do Nguyễn Thiện Thuật làm thủ lĩnh và việc thực dân Pháp đối phó với quan quân Đề Thám ở Yên Thế như thế nào.

Tháng 6-1926, sau nhiều lần đề nghị, Phạm Văn Thụ được nghỉ hưu. Tuy vậy mỗi khi có cuộc bạo động nào, các quan lại Pháp cũng thỉnh cầu hỏi ký kiến ông. Thí dụ, vụ nghĩa quân đánh huyện Phụ Dực và Vĩnh Bảo. Tri huyện Hoàng Gia Mô bị hạ sát. Mô là con Hoàng Mạnh Trí. Mô gọi Hoàng Trọng Phu là chú. Tính Mô kiêu ngạo và rất tàn

nhân. Bọn Pháp cai trị định nghiêm trị dân Cổ Am, nhưng Phạm Văn Thụ can ngăn. Mặc dầu vậy, Thống sứ Robin vẫn cho ném bom làng Cổ An.

Mấy năm nghỉ hưu, bên cạnh việc thăm thân hữu đôi bên nội ngoại, phần nhiều ông giành thời gian viết tập hồi ức, công phu, tỉ mỉ, chân thực này. Bản thảo được cử nhân Bùi Lương, con rể cả ông phiên ra quốc ngữ. Toàn bộ bản quốc ngữ do Phạm Văn Thảo, con trai cả ông đóng thành mấy tập để gia đình giữ làm vật gia bảo.

Phạm Văn Thụ về hưu được hơn bốn năm, ngày 12 tháng 6 Canh Ngọ (7-7-1930) ông bị bệnh đột ngột rồi mất tại quê nhà, thọ 65 tuổi.

Đàn Viên ký ức lục là tập tư liệu rất quý. Ngoài việc phản ánh nhiều sự kiện chính trị quan trọng ở các tỉnh phía Bắc, ở triều đình Huế suốt hơn 30 năm Phạm Văn Thụ làm quan, nó còn cho chúng ta hiểu nhiều tập tục cả tốt và xấu của xã hội nông thôn phía Bắc nước ta thời kỳ thuộc Pháp. Tự nội dung tập tư liệu cũng cho chúng ta thấy tinh thần yêu nước của nhân dân và sĩ phu cùng thủ đoạn cai trị của hàng loạt quan lại Pháp và những tên Việt gian khoác áo quan lại những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

(Thông báo Hán Nôm học 2002, tr.102-107).

Xin theo dõi tiếp bài 3 - dienbatn.

---

## KHẢO SÁT MỘT SỐ NGÔI MỘ CỦA TIỀN NHÂN ĐỂ LẠI . BÀI 3.

Chủ Nhật, ngày 17 tháng 4 năm 2016

### **KHẢO SÁT MỘT SỐ NGÔI MỘ CỦA TIỀN NHÂN ĐỂ LẠI .**

Sau rất nhiều chuyến đi khảo sát Phong thủy âm trạch , dienbatn còn giữ được một số tư liệu về những ngôi mộ cổ do tiền nhân đặt từ xưa . Nay đăng lại trong Blog này làm tư liệu và mong rằng những Thầy Địa lý của Việt Nam hiện nay nghiên cứu và hy vọng sẽ rút ra được những điều bổ ích cho mình , ngõ hầu có thể giúp cho những thân chủ của mình một cuộc sống an vui , hạnh phúc.

Sách có câu : "Tiên tu nhân lập âm chất, nhi hậu tầm Long ".

Người người đều muốn có được một Địa trạch tốt tươi, nhằm thăng hoa cuộc sống vật chất đầy đủ, công danh hiển hách, vợ đẹp con ngoan, Gia đình hạnh phúc. Sách THÔI QUAN THIÊN viết : "Trong nhà có người đức hạnh cao thượng thì đất đá trên núi gần đó nhất định có Linh khí ". Qua câu nói trên tức là con người làm chủ Linh khí vạn vật do phần Tâm khí của chính mình. Các Phong Thủy Sư không hiểu điều này thì dù có Trích Huyệt Tầm Long được Bảo địa cũng chẳng linh nghiệm.

Những việc Tầm Long Địa Huyệt còn phải hội thêm phần cảm ứng tức là Thiên Đạo (Đạo Trời ); sự ứng nghiệm của việc hành thiện lập âm chất, tạo nhân quả tốt. Tục ngữ có câu : "Âm địa tốt không bằng Tâm địa tốt ". Do vậy, tìm kiếm chọn lọc được Địa mạch Huyệt vị, Phong Thủy Sư phải tích đức hành thiện làm căn bản. Nếu kẻ nào có phẩm chất cao thượng, thì ắt Thiên cơ sẽ ứng, Địa cơ theo đó mà tăng thêm sự tốt lành cho con cháu đời sau hưởng Phúc. Bởi Tâm địa thiện lương thì tương ứng với Địa mạch cát lợi , vạn Trôi ứng cho, chứ chẳng phải chủ quan tâm về hình thức mà quên đi nội dung, cứ tưởng rằng tầm được Long huyệt rồi, con cháu đời sau sẽ được hưởng Phúc, cái gốc chúng ta chẳng lo mà lại đi lo cái ngọn, rõ là ta chẳng biết gì cả. Nếu như các Phong Thủy Sư họ



tài giỏi như thế thì ắt họ phải giành những huyết Đế Vương, Công Hầu, Khanh tướng cho con cháu họ, chứ đại gì mà họ chỉ cho ai ?

Quách Phác nói : "Cát hung cùng cảm ứng lẫn nhau, họa phúc cũng tự nhiên theo Tâm khí chiêu cảm mà đến ".

Khi táng di hài Tổ tiên, chắc người ta phải chọn Địa huyết thật tốt mà an táng, song song với việc trên ,người tại tiền phải nỗ lực tu dưỡng thân,tâm cầu lấy gốc rễ của Đạo.Nếu chỉ chú trọng quan sát hình thể Địa huyết,sẽ cho kết quả trái ngược,làm tổn hại đến con cháu đời sau.

Nếu như có Nhân,tất phải có Quả;nhưng Nhân -Quả thiện ác tùy vào Tâm khi chiêu lấy họa phúc.Cũng như ngày xưa có người chết được Thiên táng hay Địa táng một cách ngẫu nhiên,con cháu sau này phát Đế Vương, Công hầu.

Triệu Quang viết cuốn : "PHONG THỦY TUYỂN TRẠCH TỰ ",có nói rằng : "Vô phước cho ai không có nhân duyên mà được Huyết tốt ".Dẫu cái tốt,xấu của Phong thủy Huyết mộ ảnh hưởng đến cát hung,nhưng Âm đức của con người có thể cải biến được Vận - Mạng.Đến như các bậc Tiên bối Phong thủy như Cao Biền,Quách Phác tài giỏi kinh Thiên động Địa ,nhưng khi gặp Huyết Đế Vương cũng không dám dành cho mình,bởi biết đạt Địa lợi,nhưng Thiên thời và Nhân hội còn khuyết,không dám nghĩ bàn.Tóm lại việc "TIÊN TÍCH ĐỨC,NHI HẬU TÂM LONG " của người xưa dạy quả không sai.

### **3/ KHẢO SÁT KHU ĐỀN VÀ LĂNG MỘ QUẬN CÔNG BUI ĐĂNG CHÂU - DINH BUI SÁN.**

( Tự là BUI ĐĂNG CHÂU - Thôn Đoàn Đào - Xã Đoàn Đào - PHÚ CỪ - HƯNG YÊN ).



Đoàn Đào là một thôn có lịch sử lâu đời, trải qua thời gian, tên địa danh hành chính đã nhiều lần thay đổi theo lịch sử hình thành, phát triển của xã và huyện. Vào đầu thế kỷ X, vùng đất này có tên Thiên Đoàn, là một địa điểm đóng quân quan trọng của Ngô Quyền để đánh quân Nam Hán xâm lược. Đầu thế kỷ XIX, xã Đoàn Đào thuộc tổng Hoàng Tranh, huyện Phù Dung thuộc phủ Khoái Châu của Sơn Nam thượng trấn. Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, xã Đoàn Đào sát nhập với xã Đồng Minh và Long Cầu thành xã Ngọc Thụ; đầu năm 1947 xã Ngọc Thụ sát nhập với xã Bội Châu thành xã Trường Chinh; đến năm 1967 xã Trường Chinh đổi tên thành xã Đoàn Đào thuộc huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên ngày nay.

Tại đây có Đền và Lăng mộ Quận Công Bùi Đăng Châu có tên cổ là Dinh Thiên Đoàn hay còn gọi là Dinh quan Xán Đoàn. Tên thường gọi là Đền và Lăng mộ Quận công Bùi Đăng Châu. Vì trước đây, vùng đất này có tên gọi là Thiên Đoàn, về sau Quận công Bùi Đăng Châu được ban cấp đất lộc điền, xây dựng dinh thự tại đây cho nên nhân dân quen gọi là dinh Thiên Đoàn hay dinh quan Xán Đoàn. Ngoài ra, đây còn là nơi tôn thờ và yên nghỉ của Quận công Bùi Đăng Châu nên còn được gọi theo tên và chức tước của cụ là ĐỀN VÀ LĂNG MỘ QUẬN CÔNG BUI ĐĂNG CHÂU. Khu Đền và lăng mộ Quận công Bùi Đăng Châu được tọa lạc trên một khuôn viên rộng rãi, thoáng đãng tại phía Bắc thôn Đoàn Đào, xã Đoàn Đào, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên.

Cụ Bùi Đăng Châu là đời thứ 4 của họ Bùi tại thôn Đoàn Đào. Thủy tổ họ Bùi thôn Đoàn Đào là cụ Bùi Phúc Tâm, quê gốc ở xã Trung Liêu, Châu Ái (Thanh Hóa). Cụ là người con trai thứ ba trong một gia đình hiếu học. Lúc sinh thời cụ là một người có diện mạo khôi ngô tuấn tú, nhân từ, cương trực và khỏe mạnh. Từ lúc còn nhỏ, cụ đã có trí lớn, ham đọc sách thánh hiền, học binh pháp Tôn Tử đến am thông thạo lược. Đến đời Vua Lê Hiến Tông triều đình mở khoa thi võ và tuyên thân binh, cụ Châu dự thi và trúng tuyển. Cụ được bổ làm Thăng cơ đội mãnh trung giám phó cai quản trị thị nội. Sau đó lên thành Bộ Giám, Tổng Thái giám, Thụ tả hình phiên đô đốc phủ, Tả đô đốc và được bổ làm quan Đô đốc tiền binh vào phương Nam cùng với một vị quan nữa, được phong Tiến phụ quốc thống tướng quân. Sau lại được phong là Nam quân đô đốc phủ, Tả đô đốc, Xán Trung Hầu, Thái tử đại tư không, Thượng trụ quốc và cuối cùng được nhà Lê phong Thái tử đại vương, ban thực ấp một huyện Đông Quan và cả tổng Đông Vi, Bảo Châu (nay là huyện Đông Hưng, Thái Bình). Đồng thời, theo sử sách ghi chép về thời kỳ này, những cuộc tiêu phạt tàn khốc của hai bên Trịnh – Nguyễn, khiến cho nhân dân khổ cực. Trong bối cảnh đó, cụ đã đứng lên vận động nhân dân khai khẩn đất hoang, thành lập thôn ấp, chỉnh đốn phong tục, lưu lại nhiều ruộng đất cho làng. Cụ tích phúc điều thiện lưu lại trong gia tộc, hưng khởi chuộng đạo Phật, sửa sang chùa chiền... Với những công hiến trong quá trình phò tá vua, giúp nước và xây dựng quê hương, cụ đã được triều đình nhà Lê ban thưởng cho phép xây dựng dinh thự, được cấp đất lộc điền. Sau khi cụ mất, vua Lê ban hai sắc phong là Thái tử Đại Vương và Xán Trung Hầu Quận công – đệ nhị hậu thân. Cụ được dân làng dựng bia xưng tụng công lao, tôn làm Thành hoàng làng và cho phép toàn dân thờ phụng. Cho đến triều Nguyễn, xét đến công lao của cụ, vua Khải Định tiếp tục ban hai sắc phong cho cụ và cho phép nhân dân địa phương tiếp tục thờ phụng. Cụ không chỉ là bậc đại thần trong triều, cụ còn có công hiến cho quê hương. Khi làng xóm gặp buổi loạn lạc đói kém, dân phiêu bạt khắp nơi, cụ đã dồn tài lực chiêu mộ dân trở về tập trung khai khẩn đất hoang, tái thiết thôn, ấp, chỉnh đốn thuần phong mỹ tục. Làng Đoàn Đào (Đoàn Đào) được tái lập, mở rộng và dòng họ Bùi được tồn tại và phát triển. Cụ để lại hơn 1.000 mẫu ruộng, đất các loại cho dân; trong đó có ruộng công, ruộng thờ thần, thờ Phật, ruộng học, ruộng binh, ruộng hậu, ruộng thưởng... Cụ xây dựng đền, chùa, miếu thờ thần có công với nước, với dân. Cụ làm nhiều điều thiện, tích phúc cho dân, cho con cháu, cụ truyền lại hậu thế hãy gắng noi theo làm điều nhân nghĩa. Cụ chính là người khai cơ, tiên cơ, được sắc phong Thành Hoàng làng.

Quan Thái tử đại vương, Trung quận công Bùi Sán (Bùi Đăng Châu) mất ngày 10 tháng 5 âm lịch, phần mộ an táng tại Từ Vũ trong dinh “Liên Hoa kết nhụy”. Sau khi cụ mất, dân làng Đoàn Đào đã tôn thờ Cụ là “Đệ nhị hậu thân” thờ cụ tại đình làng (Đệ nhất hậu thân là cụ Bùi Đăng Sỹ – cha cụ Bùi Đăng Châu). Tiên công Bùi Sán được triều đình Nguyễn ban tặng thêm bậc nữa là: Đoan túc tôn thần. Từ đó ở đình làng có 3 bức đại tự: “Dực bảo trung hưng”, “Đoan túc linh phù tôn thần” và “Đoan túc tôn thần”.

Khu đền được khởi dựng thời hậu Lê (cuối thế kỷ XVIII). Trải qua bao thăng trầm, biến cố của lịch sử đền và lăng mộ của cụ đã bị tàn phá chỉ còn lại một số hiện vật đá có giá trị. Các thế hệ con cháu trong dòng tộc đã hợp sức cùng dân làng dựng 5 gian nhà Châu tế để thờ cụ và trong nom, giữ gìn những kỷ vật bằng đá quý hiếm đó. Xét thấy công lao của Cụ và được sự quan tâm của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các cấp, các ngành của



Trung ương, tỉnh, huyện, xã và các thế hệ con cháu trong dòng tộc, cùng dân làng trung tu, tôn tạo

Hiện nay Đền và lăng mộ Quận công Bùi Đăng Châu tọa lạc trên khu đất rộng 5746m<sup>2</sup>. Khu đền và lăng mộ bao gồm nhiều hạng mục công trình như: Tam quan, sân châu, khu thờ chính và khu lăng mộ:

*Cổng vào khu lăng mộ, đền thờ đá thờ quan Thái tử Đại Vương, Trung quận công Bùi Sán tại thôn Đoàn Đào, xã Đoàn Đào, huyện Phù Cừ. Khu di tích này còn có tên gọi khác là Dinh Thiên Đoàn .*



Tam quan được xây dựng theo kiểu chồng diêm 3 tầng 12 mái, đường bờ nóc đắp lưỡng long châu nhật, các đầu đao tạo tác thành đầu rồng, phần cổ diêm ghi chữ Hán. Từ tam quan vào, mỗi bên bài trí một bia đá hình trụ tròn. Nội dung bia khắc ghi số ruộng đất

được cụ Bùi Đăng Châu bỏ tiền ra mua ở các cánh đồng thuộc xã Đoàn Đào để cho dân quanh vùng canh tác, ổn định cuộc sống.

Tiếp đến là khu sân châu rộng rãi, thoáng đãng, có đường thần đạo ở giữa và hai bên là hàng tượng đá mang dấu ấn nghệ thuật điêu khắc thời Hậu Lê như: Ngai và Sập thờ đá, Tượng đá, ngựa đá, voi đá v.v. Toàn bộ tượng tạc đều liền khối với bệ, kết cấu vững chắc, các đường nét hài hòa, tinh xảo, cân đối, chính xác và tôn nghiêm. Kế tiếp với sân châu là khu thờ chính có kết cấu kiến trúc kiểu “Tiền chữ Nhất, hậu chữ Đinh” gồm Tiền tế, Trung từ và Hậu cung. Tòa Tiền tế gồm 3 gian 2 dĩ được làm theo kiểu kiến trúc truyền thống, chồng diêm hai tầng tám mái. Phía trên treo bức đại tự ghi 5 chữ Hán “Đại đức vạn niên trường” (nghĩa là: Đức lớn trường tồn mãi mãi). Qua Tiền tế là 3 gian Trung từ, kết cấu theo lối kiến trúc cổ, truyền thống mái lợp ngói mũi, nền lát gạch vuông. Nơi đây đặt ban thờ Quận công Bùi Đăng Châu. Nối với Trung từ là một gian Hậu cung, dấu ấn kiến trúc từ thời Nguyễn. Phía sau khu thờ chính là lăng mộ cụ Bùi Đăng Châu, khu mộ được xây ghép bằng đá theo hình bát giác bao quanh, trên có tường bao được chạm trang trí đề tài “Cá chép vượt vũ môn” xen với vân mây và hoa cúc. Sau khu mộ là lăng của Quận công được làm bằng chất liệu đá. Lăng xây hai tầng tám mái, giữa dừng bờ nóc trang trí hình mặt trời, các đầu đao tạo tác kiểu hoa dây cách điệu. Mái lăng đắp giả ngói ống, diềm mái tạo tác hình lá đề. Phía trước lăng là bốn cột đá trang trí rồng cuốn. Bốn mặt lăng chạm trang trí nhiều đề tài như: rồng, lá đề, hồ phù, chữ thọ, hoa lá. Có thể nói, đền và lăng mộ Quận công có quy mô tương đối lớn, có nhiều hạng mục công trình. Tại di tích còn lưu giữ nhiều cổ vật được làm từ đá xanh có giá trị, niên đại từ thời Hậu Lê. Đó là những cổ vật vô giá mà rất ít nơi còn giữ được.

Đền và lăng Mộ Quận công Bùi Đăng Châu là một cụm di tích có giá trị về mặt lịch sử văn hóa cũng như kiến trúc nghệ thuật điêu khắc đá cuối thời Lê. Hàng năm cứ vào ngày 15,16 tháng giêng âm lịch địa phương và dòng họ tổ chức 2 ngày lễ hội gồm 2 đội tế nam và tế nữ, rước kiệu từ Đền về nhà thờ tổ của dòng họ Bùi để làm lễ, hôm sau rước kiệu trở về Đền. Thông qua lễ hội địa phương cùng dòng họ còn tổ chức nói chuyện về thân thế và sự nghiệp của quận công Bùi Đăng Châu và tích cực động viên nhân dân con cháu trong dòng tộc phát huy truyền thống hiếu học, truyền thống cách mạng của dòng họ để góp phần xây dựng quê hương đất nước ngày càng giàu đẹp văn minh.  
( <http://hobuivietnam.vn>).

Theo phả hệ, cụ Bùi Đăng Châu là đời thứ tư của dòng họ Bùi Đăng ở xã Đoàn Đào, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên. Cụ thi đỗ tiến sỹ võ dưới triều Lê Cảnh Hưng (1740 - 1786). Cụ được giao các chức vụ quan trọng, cao quý trong triều như: Chánh thư hiệu Cung Thị Nam, Thị nội Giám, Tư Lễ Giám, Tổng Thái giám, Đô Đốc Phủ, Tả Đô Đốc Sấn trung hầu. Khi đương nhiệm, cụ là bậc đại thần lập công lớn giữ gìn an ninh quốc gia và đương triều, được triều đình phong thưởng tước "Hầu". Lúc trí sỹ, cụ lại được phong thưởng tước "Công". Như vậy trong chặng đường quan nghiệp với hiển tích của một võ quan huân lao, cụ được triều đình ân vinh ở hai trật cao nhất nhì hàng ngũ bá "Công-Hầu-Bá-Từ-Nam" và còn được triều đình cấp thái ấp, lộc điền, vàng bạc được Vua Lê ban đặc ân xây dinh thự, lăng mộ và những kỷ vật bằng đá (Bát bộ kim cương) theo kiến trúc thời Lê dành cho vua chúa và bậc đại thần.







*Đôi cột đá cổ ngay phía cổng vào cụm di tích được gọi là đôi "đồng trụ". Trên đôi cột có khắc rõ về lịch sử, nguồn gốc cụm đền thờ, lăng mộ cụ Bùi Đăng Châu .*







Được biết trước đây chữ trên cột là chữ Hán. Tuy nhiên, khoảng năm 1945, những người thuộc dòng họ Bùi khi tôn tạo đã mài sạch phần chữ cũ và khắc lên đó toàn bộ bằng chữ



quốc ngữ. Nội dung bia khắc ghi số ruộng đất được cụ Bùi Đăng Châu bỏ tiền ra mua ở các cánh đồng thuộc xã Đoàn Đào để cho dân quanh vùng canh tác, ổn định cuộc sống. Cụ để lại hơn 1.000 mẫu ruộng, đất các loại cho dân; trong đó có ruộng công, ruộng thờ thần, thờ Phật, ruộng học, ruộng binh, ruộng hậu, ruộng thưởng...

Trong khu vực sân của cụm đền thờ và lăng mộ đá hiện còn lưu giữ 8 pho tượng đá và 1 đội ngựa - voi đá. Đây được gọi là "bát bộ thần tướng và lưỡng ban tượng mã". Những hiện vật này chỉ xuất hiện trong lăng mộ của những bậc vua chúa và đại thần thời xưa.



Tượng "Bách vũ thần tướng" và "Dụng thành thần tướng môn" được đặt ngay phía bên tay trái cổng vào.



Đối diện đó là tượng " Nghiêm vũ hầu tướng" và " Thắng vũ thần tướng môn".









Gần phía trong đền, là hàng gồm 3 tượng " Vũ thần tướng", " Tổng tượng thần tướng" và " Tượng voi".



Trải qua hàng trăm năm, cùng những biến cố lịch sử của đất nước, đặc biệt qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, lăng mộ cụ Bùi Đăng Châu đã bị quân giặc tàn phá làm hư hỏng nhiều hiện vật. Theo lời kể của ông Bùi Đăng Sức, một hôm giặc quần đảo trên bầu trời tưởng rằng Voi đá sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng, nhưng ai cũng ngạc nhiên là sau cái cái lớp khói đen xì của bom đạn bao quanh toàn khu mộ, Voi thần và các bức tượng khác vẫn bình yên và vẫn uy nghiêm, vững vàng.



Ngự phía bên trái đền là tượng " Môn thần tướng", " Chí mã thần tướng" và " Tượng mã". Toàn bộ những bức tượng này đều được giữ nguyên tại vị trí sơ khai và vẫn nguyên trạng. Chỉ có phần bực đá đã được con cháu dòng họ tôn tạo, mở rộng cho thêm phần vững chãi .







Trong khu vực lăng và đền thờ còn tồn tại cả " giếng ngọc". Tương truyền giếng ngọc rất rộng, được bao quanh bởi đá ong với nguồn nước trong vắt. Tuy nhiên trong quá trình tu tạo, giếng đã bị thu hẹp rất nhiều. Cũng tại khu lăng mộ của Bùi Đăng Châu, ông Bùi Đăng Tạc cho biết, bên phía Tả, nơi có giếng Ngọc đã lưu truyền rất nhiều câu chuyện ý nghĩa. Ấy là câu chuyện người phụ nữ đến giếng Ngọc lấy nước tắm trước khi thụ thai sẽ sinh được con đẹp, dĩnh ngộ, khôi ngô. Ông kể, nhiều người trong làng và từ nơi xa đến đây thăm quan khu lăng mộ và không quên lấy nước tắm ở giếng Ngọc để mong sinh đứa con “quý tử”.







Trong đền, 3 hương án đá, bàn thờ đá và ngai đá là những hiện vật cổ do vua Lê ban tặng, còn được dòng họ bảo tồn và lưu giữ đến ngày nay .

Kế tiếp với sân châu là khu thờ chính có kết cấu kiến trúc kiểu “Tiền chữ Nhất, hậu chữ Đinh” gồm Tiền tế, Trung từ và Hậu cung. Tòa Tiền tế gồm 3 gian 2 dĩ được làm theo kiểu kiến trúc truyền thống, chồng diêm hai tầng tám mái. Phía trên treo bức đại tự ghi 5 chữ Hán “Đại đức vạn niên trường” - 大德德季長 - (nghĩa là: Đức lớn trường tồn mãi mãi).





Qua Tiền tế là 3 gian Trung từ, kết cấu theo lối kiến trúc cổ, truyền thống mái lợp ngói mũ, nền lát gạch vuông. Nơi đây đặt ban thờ Quận công Bùi Đăng Châu. Nối với Trung từ là một gian Hậu cung, dấu ấn kiến trúc từ thời Nguyễn. Phía sau khu thờ chính là lăng mộ cụ Bùi Đăng Châu, khu mộ được xây ghép bằng đá theo hình bát giác bao quanh, trên có tường bao được chạm trang trí đề tài “Cá chép vượt vũ môn” xen với vân mây và hoa cúc. Sau khu mộ là lăng của Quận công được làm bằng chất liệu đá. Lăng xây hai tầng tám mái, giữa dừng bờ nóc trang trí hình mặt trời, các đầu đao tạo tác kiểu hoa dây cách điệu. Mái lăng đắp giả ngói ống, diềm mái tạo tác hình lá đề. Phía trước lăng là bốn cột đá trang trí rồng cuộn. Bốn mặt lăng chạm trang trí nhiều đề tài như: rồng, lá đề, hồ phù, chữ thọ, hoa lá. Tiên công Bùi Sán được triều đình Nguyễn ban tặng thêm bậc nữa là: Đoan túc tôn thần. Từ đó ở đình làng có 3 bức đại tự: “Dực bảo trung hưng”, “Đoan túc linh phù tôn thần” và “Đoan túc tôn thần”.

Bàn thờ đá và ngai được nhà vua sắc phong khi xưa vẫn còn nguyên vẹn với những khắc chạm nghệ thuật tinh xảo .







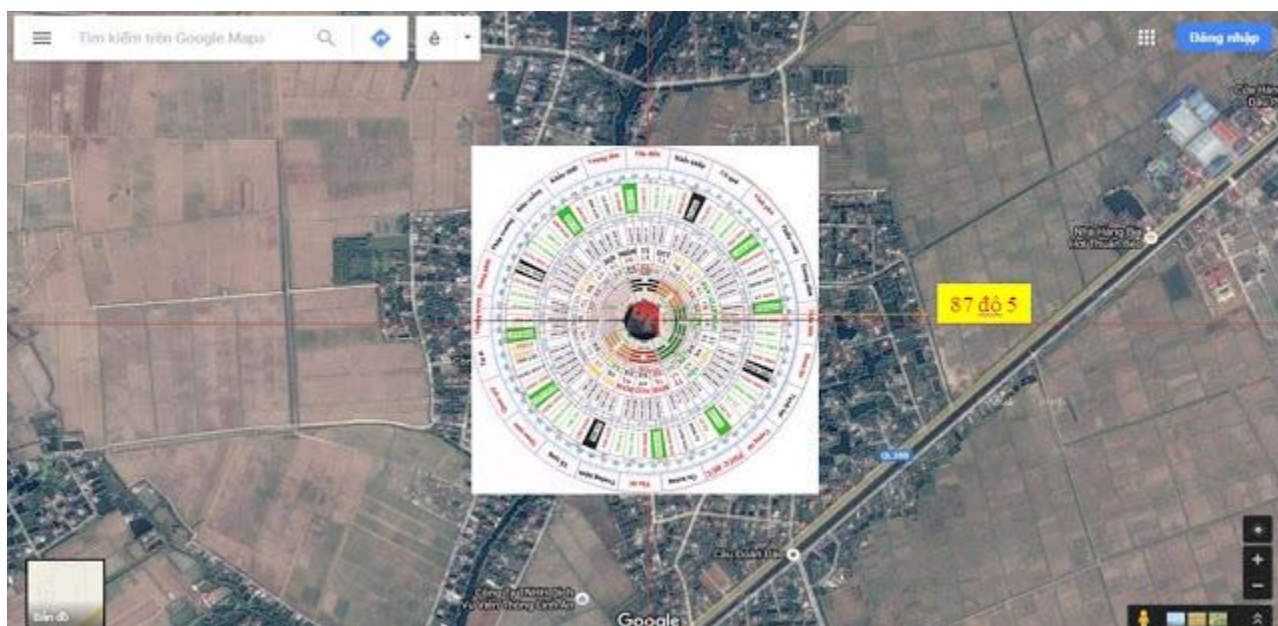
Độc đáo kiến trúc nghệ thuật đá cổ .



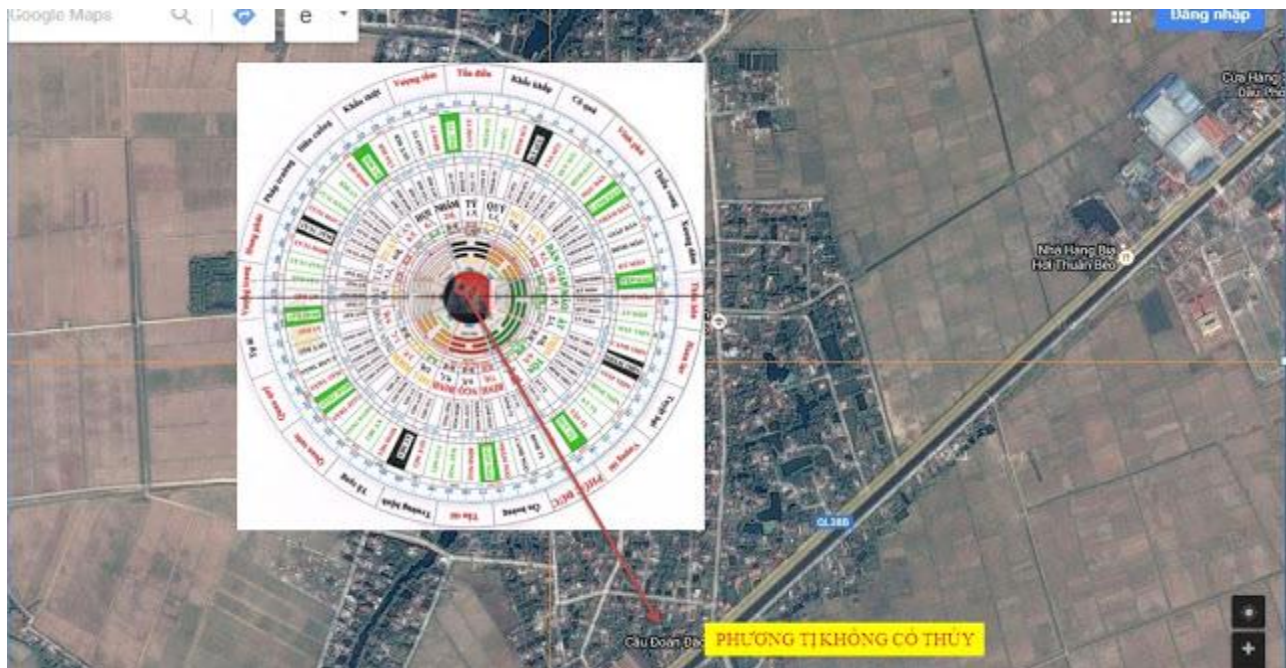


KHU MỘ : Phần lăng mộ Quan Thái Tể Đại Vương, Trung quận công Bùi Sán (Bùi Đăng Châu) tọa lạc trên thế đất hình hoa sen tuyệt đẹp - (Liên Hoa kết nhụy ).Trục Thần đạo của toàn khu lăng mộ nằm vào khoảng 87 độ 5. Tọa Dậu - Hướng Mão . Phân kim : Huyệt khí Bảo châu Kỷ Dậu - Quý Mão ." Quý Mão khí ở chính Mão long thì phú quý song toàn, sinh ra người thông minh, khỏe mạnh, mọi sự tăng tiến. Nếu thấy thủy ở Tị phương xung vào thì có rễ cây đâm vào quan tài, lạnh dữ đều ứng vào các năm Tị, Dậu, Sửu ".









Phần lăng mộ Quan Thái Tể Đại Vương, Trung quận công Bùi Sán (Bùi Đăng Châu) phía sau đền thờ đã được con cháu quy hoạch, xây dựng hoàn toàn bằng đá .









(dienbatn có xử dụng một số ảnh và tư liệu của Nguyễn Lý và <http://hobuivietnam.com.vn/> ).

**ĐỌC THÊM :**

### **1/NHÀ THỜ CỤ BÙI ĐĂNG HÀM .**

Cụ Bùi Đăng Hàm thuộc đời thứ 8, ngành 2, phái 1, chi 3 thuộc dòng họ Bùi Đăng ở thôn Đoàn Đào, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên. Cụ sống cách đây khoảng hơn 150 năm, không ai nhớ năm sinh chỉ biết ngày giỗ cụ là ngày 25 tháng 11 Âm lịch.

Thời phong kiến, cụ Hàm làm Bá Hộ, nên mọi người vẫn gọi cụ là cụ Bá Hàm. Cụ có 2 vợ và sinh được 5 trai, 2 gái. Trong số 5 người con trai của cụ, có người giữ chức Chánh tổng, tổng Hoàng Chanh thời bấy giờ (cụ Chánh Mỹ, con trưởng) và một người con làm Lý trưởng (cụ Lý Lâm). Cụ Hàm có 13 cháu trai nội thuộc đời thứ 10, trong đó phải kể đến hai người cháu Bùi Đăng Quảng và Bùi Đăng Chi.

+ Cụ Bùi Đăng Quảng (cháu trưởng) làm Bá Hộ nên thường gọi là cụ Bá Quảng. Cụ Bá Quảng có 4 người con trai đều tham gia chống Pháp, là Bộ đội chủ lực, trong đó có một

người con là Liệt sĩ và một người con là Thương binh. Gia đình cụ Bá Quảng được Nhà nước tặng Bằng vàng Danh dự và Bằng Tổ Quốc ghi công.

+ Cụ Bùi Đăng Chi (1901-1993) làm Lý trưởng nên thường gọi là cụ Lý Chi. Tháng 8/1945, cụ Chi đã mở kho thóc của gia đình để phân phát, giúp đỡ cho người nghèo. Cụ đã ủng hộ Cách mạng hơn 2 vạn tiền Đông Dương; ủng hộ súng ống, đạn dược và cụ đã trực tiếp tham gia cướp chính quyền huyện Phù Cừ. Năm 1946 cụ trúng cử Hội đồng Nhân dân tỉnh Hưng Yên, là Chủ tịch Ủy ban Bình sĩ Mùa đông và được giới thiệu ứng cử Đại biểu Quốc hội Khóa 1. Cụ đã tham gia Chiến dịch Điện Biên Phủ và được Nhà nước tặng Bằng vàng Danh dự; Huân chương Kháng chiến hạng Ba và Huân chương Chiến sĩ Vẻ vang hạng Nhất, Nhì, Ba.

## 2. Sơ lược gia phả cụ Bùi Đăng Hàm

Cụ Bùi Đăng Hàm thuộc đời thứ 8, ngành 2, phái 1, chi 3 thuộc dòng họ Bùi Đăng ở thôn Đoàn Đào, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên. Cụ sống cách đây khoảng hơn 150 năm, không ai nhớ năm sinh chỉ biết ngày giỗ cụ là ngày 25 tháng 11 Âm lịch.

Thời phong kiến, cụ Hàm làm Bá Hộ, nên mọi người vẫn gọi cụ là cụ Bá Hàm. Cụ có 2 vợ và sinh được 5 trai, 2 gái. Trong số 5 người con trai của cụ, có người giữ chức Chánh tổng, tổng Hoàng Chanh thời bấy giờ (cụ Chánh Mỹ, con trưởng) và một người con làm Lý trưởng (cụ Lý Lâm). Cụ Hàm có 13 cháu trai nội thuộc đời thứ 10, trong đó phải kể đến hai người cháu Bùi Đăng Quảng và Bùi Đăng Chi.

+ Cụ Bùi Đăng Quảng (cháu trưởng) làm Bá Hộ nên thường gọi là cụ Bá Quảng. Cụ Bá Quảng có 4 người con trai đều tham gia chống Pháp, là Bộ đội chủ lực, trong đó có một người con là Liệt sĩ và một người con là Thương binh. Gia đình cụ Bá Quảng được Nhà nước tặng Bằng vàng Danh dự và Bằng Tổ Quốc ghi công.

+ Cụ Bùi Đăng Chi (1901-1993) làm Lý trưởng nên thường gọi là cụ Lý Chi. Tháng 8/1945, cụ Chi đã mở kho thóc của gia đình để phân phát, giúp đỡ cho người nghèo. Cụ đã ủng hộ Cách mạng hơn 2 vạn tiền Đông Dương; ủng hộ súng ống, đạn dược và cụ đã trực tiếp tham gia cướp chính quyền huyện Phù Cừ. Năm 1946 cụ trúng cử Hội đồng Nhân dân tỉnh Hưng Yên, là Chủ tịch Ủy ban Bình sĩ Mùa đông và được giới thiệu ứng cử Đại biểu Quốc hội Khóa 1. Cụ đã tham gia Chiến dịch Điện Biên Phủ và được Nhà nước tặng Bằng vàng Danh dự; Huân chương Kháng chiến hạng Ba và Huân chương Chiến sĩ Vẻ vang hạng Nhất, Nhì, Ba.

Thời phong kiến, cụ Bá Hàm thuộc gia đình “danh gia, vọng tộc”, có uy tín và được người dân trong làng, ngoài xã yêu quý và kính trọng. Cụ ăn ở có tâm, có đức, sống nhân nghĩa và phúc hậu, nên con cháu cụ sau này phát triển đông đúc và thành đạt.

## 3. Sự trưởng thành của các thế hệ con cháu

Cho đến nay, cụ Bá Hàm có tới 400 cháu nội và dâu, rể (không tính cháu ngoại) đang sống ở quê hương, đang làm việc trong các cơ quan Nhà nước, phục vụ trong Quân đội và Lực lượng Công an Nhân dân. Cụ có nhiều cháu đã tham gia kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, trong đó có 4 Liệt sĩ, Thương binh 3 và Bệnh binh có 2.

– Bộ Quốc phòng và Bộ Công an phong quân hàm Đại tá 1; Thượng tá 3, Trung tá 4, thiếu tá 3 và nhiều Sĩ quan từ Thiếu úy đến Đại úy.

– Có hơn 60 cháu nội và dâu, rể có trình độ Đại học, trong đó Tiến sĩ 1; Thạc sĩ 5 và có 5 cháu là Giảng viên Đại học.



– Ông Bùi Quốc Định có 7 người con và dâu, rề đều là Đại học (trong đó người con trai có 3 bằng Đại học và 2 bằng Thạc sĩ). Gia đình ông Bùi Quang Tuyền có 6 người đều có bằng Đại học (trong đó Phó Giáo sư-Tiến sĩ 1, Thạc sĩ 3; 2 bằng Đại học 1; 4 Giảng viên Đại học). Có 5 gia đình có từ 4 đến 5 người Đại học (ông Cường, ông Phước, ông Đức, ông Quốc Anh và ông Thế). Có 4 gia đình có từ 2 đến 3 người Đại học (ông Quân, ông Đáp, ông Bùi Xuân Thành, ông Giỏi) và rất nhiều gia đình có 1 con Đại học.

– Cháu Bùi Quang Dũng (đời thứ 13) đạt giải nhất môn Vật lý lớp 12 trong kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh Hà Tây (1996); đạt giải nhất, giải Vifotec do Bộ Khoa học Công nghệ tổ chức (2003); là Thiếu tá QĐND, Thạc sĩ, Bác sĩ, Giảng viên Học viện Quân Y.

– Cháu Bùi Thị Hồng Nhung (đời thứ 13), đạt 2 giải nhì môn Văn năm lớp 10, lớp 11 và đạt giải nhất môn Văn lớp 12 (2001) trong các kỳ thi Học sinh giỏi cấp tỉnh Hà Tây cũ; tốt nghiệp Đại học Ngoại ngữ loại giỏi và bảo vệ xuất sắc luận án Thạc sĩ tại Thụy Điển; hiện cháu Nhung là Giảng viên tiếng Anh Học viện Kỹ thuật Quân sự.

– Nhà nước tặng thưởng Huân chương Chiến công cho ông Tình, ông Minh. Ông Bùi Quốc Võ 6 lần được tuyên dương Dũng sĩ diệt Mỹ, Huy hiệu Bác Hồ, Huân chương Giải phóng hạng Nhì, Ba; Huân chương Chiến công hạng Nhất, Nhì; Huân chương Kháng chiến hạng Ba. Ông Tuyền được Nhà nước phong tặng danh hiệu Thầy thuốc Ưu tú, Huân chương Chiến công hạng Nhất và Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng Nhất. Được tặng Huy hiệu 60 năm, 50, 40 năm tuổi Đảng cho ông Tình; ông Ngọc Thanh; ông Tấn; ông Tuyền...

## **2/CHUYỆN NHÀ BÙI -NGUYỄN ANH TUẤN .**

Vào thời Hậu Lê, ở làng Đoàn Đầu thuộc tổng Hoàng Tranh, huyện Phù Dung, trấn Sơn Nam Thượng (Nay là thôn Đoàn Đào, xã Đoàn Đào, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên) có gia đình Bùi Phúc Tâm từ đất Trung Liên (Thanh Hóa) thuộc Châu Ái đến lập nghiệp. Chồng dạy học không nhận thù lao; vợ làm thuốc chữa bệnh không lấy tiền, nên mấy chục năm trôi qua gia đình vẫn phải sống cảnh thanh bần trong một túp lều tranh ở cuối làng.

Khi tuổi đã cao, sức đã yếu Bùi Phúc Tâm nói với vợ cùng các con rằng: “Mấy chục năm làm ăn xây nghiệp vẫn chưa thành cơ nghiệp, đời sống còn chật vật! Nhưng không ai lấy đó làm buồn! Nay ta cùng mẹ các con và anh cả trở về Trung Liên chăm sóc phần mộ Tổ Tiên, còn anh thứ ở lại Đoàn Đầu giữ lấy nghiệp nhà!”

Con thứ Bùi Đăng Vị cùng vợ là Nguyễn Thị với ba con là Bùi Quý Công, Bùi Đăng Sĩ, Bùi Thị Viêng ở lại Đoàn Đầu. Đời sống cả nhà chỉ trông vào tấm lòng của cha mẹ học trò và gia đình con bệnh nên bao năm chưa thoát khỏi cảnh cùng đinh!

Mùa xuân năm Ất Hợi (1695) Bùi Đăng Vị gọi vợ con đến bên rồi dặn:

“Đất này là nơi đắc địa của họ Bùi ta. Ta và các con làm theo tâm nguyện của Ông Bà xưa nhưng chưa nên tay, nên tầm. Vậy các con cứ để cha tại đây để cùng các con tiếp tục lập nghiệp”. Nói xong thì quy nhẩm đúng giờ Hoàng Đạo ngày 26-3.

Hiềm một nỗi cũng đúng giờ này làng Đoàn Đầu lập đàn tế cầu mưa nên theo lệ làng thì chưa được phát tang.

Một ngày!...Hai ngày...Ba ngày...

Con cháu nhà Bùi lo lắng!....

Trời vẫn trong xanh không một gợn mây...Con cháu nhà Búi bức xúc !?...nhưng Nguyễn Thị ngăn lại:

- Nhà mình vẫn bị xếp vào hàng ngụ cư, lại ở hạng cùng đinh nên không thể làm lễ!...Các con phải nghĩ cho xa! Nói rồi Nguyễn Thị thấp một nén nhang lên bàn thờ vong cúi đầu khấn vái. Hồi lâu Nguyễn Thị mới đi về phía các con và đám học trò thì thầm: “ Cứ như thế...như thế...!”

Ngày chiều hôm ấy nhà Búi cùng đám học trò kết một bè chuối dẫu trong đám lau sậy cuối làng, ven sông Nghĩa Trụ. Chờ đến qua giờ Dậu mới lên lút đưa thi hài lên bè, xuôi về phía nam theo dòng nước dưới ánh sao giời.

Giữa canh hai, bè qua khúc queo được gọi là bụng Ròng, giáp với Trang Long Lạp (làng Long Cầu) thì bè tự dừng cứ xoay tròn không đi được. Trời đất tối xầm, mây đen kéo đến, mưa như trút nước. Nước sông Nghĩa Trụ dềnh lên cuốn theo bè chở thi hài lao vun vút theo dòng nước. Chính giờ Tý, bè tự nhiên dừng lại một mô đất giữa cánh đồng Lang, giáp làng Đông Cáp. Biển nước mênh mông, sấm chớp đùng đùng, cháu con nhà Búi cùng học trò bỏ hết hơi tai. Còn đang than khóc chưa biết làm gì trước cảnh trớ trêu thì mọi người thấy giữa gò cao có một luồng ánh sáng phát ra lóa cả mắt. Những tia sáng như những thanh long kiếm vung lên trời, đan vào nhau phát ra những âm thanh chát chúa, sắc lạnh. Mọi người ngất xỉu trong cơn cuồng nộ của đất trời. Lúc tỉnh dậy chỉ thấy một gò mồi cao chát ngất, đầu dây thoang thoảng hương trầm trong sắc bình minh rạng rỡ. Một cây cầu vòng bắc từ Gò Lang (nơi Thiên táng) vượt qua làng Đoàn Đầu tới bụng Ròng (Dinh Thiên Đoàn).

Việc Thiên táng của nhà Búi được dân cả vùng loan truyền. Ai cũng bảo: “Trời có mắt.” còn bọn hào lý trong làng thì hậm hực, đứng ngồi không yên!

Mấy ngày sau lý dịch thấy người con cả của Búi Đăng Vị là Búi Quý Công đầu đội khăn tang dắt bò ra đồng đi chăn liền sai người bắt vào luận tội:

- Nhà đang có tang, sao dám qua Đình? Tội dân ngụ cư làm trái lệ làng ta chưa lục đến!

Nay lại dắt bò, đội tang qua chỗ thờ phụng tôn nghiêm!

- Dạ...

- Tội nhà mày lẽ ra phải lọc cổ đánh đủ trăm roi, phạt trăm quan tiền!? Nhưng nể tình nhà Búi đã hai đời nay đều làm việc phúc, việc thiện nên làng tha cho! Người được về nhưng bò phải để lại để làm lễ tế thần linh tạ tội!

Từ đó cảnh nhà Búi càng thêm khốn đốn. Mẹ và anh cả Búi Quý Công phải trở về Trung Liên (Thanh Hóa). Con thứ là Búi Đăng Sỹ cùng cô con gái út Búi Thị Viêng tha lỗi các cháu đi tha phương cầu thực, khắp đó đây...

Cảnh đói cơm rách áo, phiêu bạt, lần hồi càng làm cho cô Viêng thêm xinh đẹp. Vốn con nhà gia giáo nên lời ăn tiếng nói nhẹ nhàng, lại thêm giọng hát ngọt ngào truyền cảm nên đi đến đâu nhà Búi cũng được người đời giúp đỡ.

Đúng tuổi trăng tròn, cô Viêng được tuyển vào phủ chúa. Sống trong nhung lụa, được chúa cưng chiều nhưng cô Viêng vẫn không quên có một nhà Búi đang cơ hàn lam lũ ngoài kia!

Mỗi lần gặp Chúa, cô đều tìm cơ hội để tiến cử những người trong nhà Búi. Biết chúa mấy đêm vừa rồi bận mãi chỉ huy quân lính diệt trừ lũ cú vọ đến quấy nhiễu phủ chúa mà chưa xong. Cô Viêng nhỏ nhẹ tâu lên chúa:

- Việc nhỏ này xin đề thiếp lo!  
- Nàng giúp ta?  
- Dạ!.. Vâng! Thiếp có người cháu Bùi Đăng Châu khôi ngô tuấn tú, thông tuệ khác thường...

- Quân sỹ tồn không biết bao nhiêu tên đạn mà còn chưa đem lại kết quả?

- Việc này đối với Châu là không khó!

- Thế thì truyền gọi ngay đi! Trên đường đi vào Phủ Chúa Châu nói với cô Viêng: “Cờ trời lộc nước đây rồi. Nhà Bùi ta đã đến ngày được bước lên cầu vồng.”

Ngắm đứa trẻ còn “vị thành niên” áo rách, chân trần nhưng vóc dáng vạm vỡ, da trắng, tai to, mắt đen, môi đỏ ...Chúa mừng hỏi:

- Người có kế sách gì ?

- Khải Chúa: Kế này không tốn một mũi tên!

Quần thần nghe Châu nói thì hết sức ngạc nhiên. Cả phủ tao tác đã mấy ngày nay, phí tổn không biết bao nhiêu tên đạn mà đàn cú cứ càng ngày càng đông. Việc lớn tày đình mà sao chú bé kia lại cho là chuyện nhỏ. Từ lính đến cai, từ đô đốc đến thái úy...đều nghĩ Châu đã lừa dối chúa, lại có ý điều cốt bá quan. Châu nhẹ nhàng giải thích:

- Giám thừa: Việc đánh đông dẹp bắc, việc canh giữ biên cương, việc lo cơm áo cho dân mới là việc lớn, còn việc diệt đàn cú vọ kia đâu đáng kể gì! Tất cả nghe Châu nói như cời tấm lòng, nhưng vẫn bắt Châu làm tờ cam đoan: hẹn trong ba ngày nếu không hoàn thành sẽ chịu tội “khi quân”.

Châu nói nhỏ với cô Viêng: “Cô cứ mời chúa về phòng loan nghỉ! Ba canh giờ sau sẽ nhận tin đại cát.

Lên kiệu rồi cô Viêng lòng dạ vẫn bồn chồn. Hết canh hai rồi mà sao tiếng cú vẫn lọt vào trướng gấm?

Bỗng nhiên trong phủ, ngoài kinh tiếng hò reo vang dậy. Cô Viêng cùng Chúa bước ra cửa cũng là lúc tướng sỹ và dân chúng vây kín đại sảnh quanh những đồng xác cú đang đầy chết. Thấy cảnh lạ, Chúa đòi Châu tới và hỏi:

- Hẹn trong ba ngày mà sao mới ba canh giờ đã đúng y lời!? Nhà người có phép thuật gì chẳng?

- Khải Chúa: Thần nắm chắc loài cú là tham ăn nên đã dùng mồi nhử. Đầu giờ Dậu thần tẩm độc được nào những con chuột rồi đặt vào các góc cây quanh phủ. Lũ Cú “tham thực – cực thân” nên chết như ngã rạ.

- Đúng là chuyện nhỏ! Có thể mà không ai nghĩ ra!

Nói rồi Chúa mở tiệc mừng, không quên ban thưởng cho Châu lụa là, vàng bạc. Cô Viêng ghé vào tại Chúa thì thầm. Chúa quay lại phía quan quân : “Bùi Đăng Châu xứng đáng từ nay được giữ lại trong phủ Chúa, nhậm chức CAI CỐ\* .

Từ lúc được ngẩng cao đầu, Châu không ngừng rèn luyện 18 ban võ nghệ, ngày đêm nghiền ngẫm binh thư.

Ít lâu sau, trong kinh thành lại náo loạn vì những tiếng kêu rùng rợn của bầy chim lợn. Châu được tham kiến.Châu quả quyết với vua và quần thần: “Lần này không thể dùng mưu mà phải dùng tài”.

Lõng được ý này các quan tranh nhau xin vua cho phép lập công. Khổ nổi: Chim lợn cứ đến chạng vạng tối mới bay ra. Chúng không đậu mà chỉ bay liệng trên cao, đua nhau thả



xuống những tiếng kêu eng ...éc...cho nên các tay thiện xạ tốn bao nhiêu tên cũng không hạ được con nào. Vua ra lệnh: “Bắn rơi một con, thưởng mười lạng bạc. Bắn được mười con thưởng trăm lạng vàng và thăng chức lên một bậc”. Ba ngày vẫn không ai bắn được một con.

Chạng vạng ngày thứ tư cô Viêng mới dẫn Châu sang cung. Thấy Châu, vua vội hỏi:

- Nhà ngươi muốn thử tài?

- Thần xin hết lòng phò Vua!

Nói rồi Châu lấp tên, lên cung. Trời đã nhá nhem, chỉ nghe thấy tiếng chim lợn chứ không nhìn thấy chúng đâu!.Châu chĩa cung lên trời, nghiêng tai nghe ngóng, mắt vẫn nhìn bệ rồng.

Phụt...! Một con chim lợn rú lên rồi rơi xuống sân Rồng.

Ph...ụt...! Hai con ...

Ph...ư...t...!Phụt!...Ba ...năm!...mười con rụng xuống như sung.Quan quân trở mắt, há mồm, lè lưỡi...Vua tiến lại phía Châu:

- Nhà ngươi không nhìn mà sao bách phát bách trúng?

- Thừa bệ hạ: Thần nghe tiếng là định được hưởng bay: Xa gần, cao thấp...để bắn đón đầu...

Vua hết sức vui mừng liền mở yến tiệc mời cả cô Viêng và bá quan cùng dự. Riêng Châu được thưởng rất hậu và phong làm TẢ ĐÔ ĐỐC\*

Bằng tài thao lược Bùi Đăng Châu được tin dùng ở nhiều cương vị khác nhau: THỊ NỘI TỬ TẢ HÌNH, TRỊ LỆNH PHIÊN I, PHIÊN II...TÔNG GIÁM THỊ, THƯỢNG TƯỚNG QUÂN; THƯỢNG TRỤ QUỐC QUÂN; ĐÔ ĐỐC THÁI TÊ ĐẠI TỬ KHÔNG;

Sau này khi về dưỡng nhàn được ban: XÁN TRUNG HẦU.\*

Thời Hậu Lê: Bùi Đăng Châu được ban

Sinh phần tại quê nhà (Dinh Thiên Đoàn). Các triều đại sau này đều có sắc phong cho SÁN TRUNG HẦU là Thành Hoàng thứ ba của làng Đoàn Đào, tổng Hoàng Tranh, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên

Sinh phần của Sán Trung Hầu được vua cho phép dùng “Bát bộ kim cương” cùng voi đá, ngựa đá coi giữ. Dinh SÁN TRUNG HẦU, người đời sau gọi là “DINH THIÊN ĐOÀN” được con cháu họ Bùi chăm lo gìn giữ, tôn tạo.

Dinh Thiên Đoàn chính là lăng mộ của Bùi Đăng Châu (Họ Bùi) có diện tích: 16.740 m2 ( theo bản đồ địa chính 1962). Diện tích hiện nay còn 5472 m2 (theo sổ đỏ 1998)

Dinh Thiên Đoàn vừa được Bộ Văn hóa công nhận là “Di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc Gia”

Nguồn:

- Tài liệu của VIỆN THÔNG TIN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM . (Ký hiệu: FQ4.O. 18/XH6)

- Gia phả họ Bùi thôn Đoàn Đào, Xã Đoàn Đào Huyện Phù Cừ, Tỉnh Hưng Yên.

\* Những chức vụ này được ghi trong tài liệu của VIỆN THÔNG TIN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM . (Ký hiệu: FQ4.O. 18/XH6)

Xin theo dõi tiếp bài 4 - dienbatn.

---

## KHẢO SÁT MỘT SỐ NGÔI MỘ CỦA TIỀN NHÂN ĐỂ LẠI . BÀI 4.

Thứ Hai, ngày 18 tháng 4 năm 2016

### **KHẢO SÁT MỘT SỐ NGÔI MỘ CỦA TIỀN NHÂN ĐỂ LẠI .**

Sau rất nhiều chuyến đi khảo sát Phong thủy âm trạch , diện tích còn giữ được một số tư liệu về những ngôi mộ cổ do tiền nhân đặt từ xưa . Nay đăng lại trong Blog này làm tư liệu và mong rằng những Thầy Địa lý của Việt Nam hiện nay nghiên cứu và hy vọng sẽ rút ra được những điều bổ ích cho mình , ngõ hầu có thể giúp cho những thân chủ của mình một cuộc sống an vui , hạnh phúc.

Sách có câu : "Tiên tu nhân lập âm chất, nhi hậu tầm Long ".

Người người đều muốn có được một Địa trạch tốt tươi, nhằm thăng hoa cuộc sống vật chất đầy đủ, công danh hiển hách, vợ đẹp con ngoan, Gia đình hạnh phúc. Sách THÔI QUAN THIÊN viết : "Trong nhà có người đức hạnh cao thượng thì đất đá trên núi gần đó nhất định có Linh khí ". Qua câu nói trên tức là con người làm chủ Linh khí vạn vật do phần Tâm khí của chính mình. Các Phong Thủy Sư không hiểu điều này thì dù có Trích Huyệt Tầm Long được Bảo địa cũng chẳng linh nghiệm.

Những việc Tầm Long Địa Huyệt còn phải hội thêm phần cảm ứng tức là Thiên Đạo (Đạo Trời ); sự ứng nghiệm của việc hành thiện lập âm chất, tạo nhân quả tốt. Tục ngữ có câu : "Âm địa tốt không bằng Tâm địa tốt ". Do vậy, tìm kiếm chọn lọc được Địa mạch Huyệt vị, Phong Thủy Sư phải tích đức hành thiện làm căn bản. Nếu kẻ nào có phẩm chất cao thượng, thì ắt Thiên cơ sẽ ứng, Địa cơ theo đó mà tăng thêm sự tốt lành cho con cháu đời sau hưởng Phúc. Bởi Tâm địa thiện lương thì tương ứng với Địa mạch cát lợi , vận Trời ứng cho, chứ chẳng phải chủ quan tâm về hình thức mà quên đi nội dung, cứ tưởng rằng tầm được Long huyết rồi, con cháu đời sau sẽ được hưởng Phúc, cái gốc chúng ta chẳng lo mà lại đi lo cái ngọn, rõ là ta chẳng biết gì cả. Nếu như các Phong Thủy Sư họ tài giỏi như thế thì ắt họ phải giành những huyết Đế Vương, Công Hầu, Khanh tướng cho con cháu họ, chứ đại gì mà họ chỉ cho ai ?

Quách Phác nói : "Cát hung cùng cảm ứng lẫn nhau, họa phúc cũng tự nhiên theo Tâm khí chiêu cảm mà đến ".

Khi táng di hài Tổ tiên, chắc người ta phải chọn Địa huyết thật tốt mà an táng, song song với việc trên , người tại tiền phải nỗ lực tu dưỡng thân, tâm cầu lấy gốc rễ của Đạo. Nếu chỉ chú trọng quan sát hình thể Địa huyết, sẽ cho kết quả trái ngược, làm tổn hại đến con cháu đời sau.

Nếu như có Nhân, tất phải có Quả; nhưng Nhân -Quả thiện ác tùy vào Tâm khi chiêu lấy họa phúc. Cũng như ngày xưa có người chết được Thiên táng hay Địa táng một cách ngẫu nhiên, con cháu sau này phát Đế Vương, Công hầu.

Triệu Quang viết cuốn : "PHONG THỦY TUYỂN TRẠCH TỰ ", có nói rằng : "Vô phước cho ai không có nhân duyên mà được Huyệt tốt ". Dẫu cái tốt, xấu của Phong thủy Huyệt mộ ảnh hưởng đến cát hung, nhưng Âm đức của con người có thể cải biến được Vận - Mạng. Đến như các bậc Tiên bối Phong thủy như Cao Biền, Quách Phác tài giỏi kinh Thiên động Địa , nhưng khi gặp Huyệt Đế Vương cũng không dám dành cho mình, bởi biết đạt Địa lợi, nhưng Thiên thời và Nhân hội còn khuyết, không dám nghĩ bàn. Tóm lại việc "TIÊN TÍCH ĐỨC, NHI HẬU TẦM LONG " của người xưa dạy quả không sai.

#### 4/ KHẢO SÁT KHU MỘ TRẠNG BÙNG - PHÙNG KHẮC KHOAN.



Phùng Khắc Khoan (chữ Hán: 馮克寬 ; 1528-1613), tự: Hoằng Phú, hiệu: Nghị Trai, Mai Nham Tử, tục gọi là Trạng Bùng (mặc dù chỉ đỗ Nhị giáp tiến sĩ, tức Hoàng giáp); là quan nhà Lê trung hưng và là nhà thơ Việt Nam. Phùng Khắc Khoan sinh năm 1528 tại làng Bùng, xã Phùng Xá, huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây (nay thuộc thành phố Hà Nội). Tương truyền, ông là em cùng mẹ khác cha với Trạng nguyên Nguyễn Bình Khiêm.



Thuở nhỏ, ông được cha rèn cặp, sau theo học Trạng nguyên Nguyễn Bình Khiêm. Tuy nổi tiếng là người có văn tài, kiêm thông cả thuật số, nhưng ông không đi thi và không chịu ra làm quan với triều Mạc.

Đầu đời vua Lê Trung Tông (ở ngôi: 1548-1556), ông theo Lê Bá Lý tham gia công cuộc phù Lê diệt Mạc.

Năm Đinh Tỵ (1557), Phùng Khắc Khoan đỗ đầu khoa thi Hương ở Yên Định (Thanh Hóa) lúc 29 tuổi. Thái sư Trịnh Kiểm biết ông là người có mưu lược, có học thức uyên bác cho giữ chức Ký lục ở ngự dinh, trông coi quân dân bốn vệ, và cho tham dự việc cơ mật.

Từ năm 1558 đến 1571 đời Lê Trung Tông, ông vâng mệnh đi các huyện chiêu dụ lưu dân về làm ăn như cũ. Khi về được thăng Cấp sự trung Binh khoa, rồi đổi sang Cấp sự trung bộ Lễ. Vì trái ý vua, ông phải giáng chức ra thành Nam thuộc Nghệ An, ít lâu sau lại được triệu về.

Năm Canh Thìn (1580) đời Lê Thế Tông, bắt đầu mở thi Hội ở Vạn Lại (Thanh Hóa), ông xin dự thi và đỗ Hoàng giáp, được thăng làm Đô cấp sự.

Năm 1582, ông xin từ quan về nhà riêng ở Vạn Lại, vua cho. Song đến năm sau (1583), thì vời ông ra làm Hồng lô tự khanh.

Năm 1585, đổi ông sang làm Hữu thị lang bộ Công, rồi cử làm Thừa chính sứ Thanh Hoa (tức Thanh Hóa). Theo bài tựa Ngôn chí thi tập do ông làm năm 1586, thì chức tước của ông lúc bấy giờ là: "Công thần Kiệt tiết Tuyên lược, đặc ân Kim tử vinh lộc đại phu, làm chức Tán trị thừa chánh sứ ty các xứ Thanh Hoa".

Năm 1592, nhà Lê trung hưng đánh đuổi được nhà Mạc, trở về kinh đô Thăng Long.

Năm 1593 Phùng Khắc Khoan được phong chức Kiệt tiết tuyên lược, công thần, năm 1595, được thăng Công bộ Tả thị lang.

Năm Đinh Dậu (1597), ông đang làm Tả thị lang bộ Công và đã 69 tuổi, thì được cử làm Chánh sứ sang triều Minh (Trung Quốc). Về nước, ông được thăng làm Tả thị lang bộ Lại, tước Mai Lĩnh hầu.

Năm 1599, vua Lê Kính Tông lên nối ngôi, Phùng Khắc Khoan được thăng làm Thượng thư bộ Công. Năm 1602, thăng ông làm Thượng thư bộ Hộ, tước Mai Quận công.

Ít lâu sau ông xin về quê trí sĩ, và nhiệt tình tham gia xây dựng làng xã. Đáng kể là việc ông đã tổ chức đào mương dẫn nước vào các cánh đồng quanh núi Thầy, đưa nước về tưới cho các cánh đồng Phùng Xá và Hoàng Xá.

Phùng Khắc Khoan mất năm Quý Sửu (1613), thọ 85 tuổi, được truy tặng chức Thái phó. Tác phẩm bằng chữ Nôm.

Ngư phủ nhập Đào nguyên (Truyện người đánh cá vào suối hoa đào) còn gọi là "Đào nguyên hành". Đây là khúc ca do ông làm khi bị đày vào thành Nam (Nghệ An) vì trái ý vua, nhưng nay đã thất truyền.

Lâm tuyền văn (Bài văn ca về cảnh sống nơi rừng suối): gồm 185 câu thơ lục bát. Chưa thể khẳng định được bài văn này có phải là "Ngư phủ nhập Đào nguyên" hay không.

Chu Dịch quốc âm ca: là sách diễn nghĩa về Kinh Dịch, nhưng nay đã không còn. Bản Chu Dịch quốc âm ca (trùng tên) hiện nay là của danh sĩ Đặng Thái Bằng (1678-?).

Ngoài ra, ông còn để lại một vài bài tựa (viết cho một vài tập thơ), và văn bia. Tương truyền, một số tập sách sau đây cũng là của ông: Phùng Thượng thư sấm (Lời sấm của

Thượng thư họ Phùng), Binh gia yếu chỉ (Những phương lược trọng yếu của nhà binh), Tư thiên gia truyền chú (Chú giải bộ sách gia truyền về việc xem xét thiên văn),...nhưng không có căn cứ gì xác thực.

Tác phẩm bằng chữ Hán.

Ngôn chí thi tập (Tập thơ nói chí): được viết từ năm 16 tuổi đến năm 86 tuổi. Cứ 10 năm thi đóng thành tập, phải có tới 7 tập, nhưng hiện nay chỉ còn đến tập V, tức lúc tác giả chừng 60 tuổi, tổng cộng khoảng 260 bài. Đây là tập thơ (có xen vài bài từ) vừa có tính chất ghi chép, vừa có tính chất trữ tình. Nội dung bao gồm mọi mặt sinh hoạt, tâm tình, hành vi và lý tưởng trong gần suốt cuộc đời của tác giả. Đầu tập thơ có bài tựa của ông làm năm 1586.

Huân đồng thi tập (Tập thơ dạy trẻ): gồm 172 bài vịnh thời tiết, khí hậu, cây cỏ, côn trùng...để dạy trẻ; nhưng hiện nay chỉ còn khoảng 30 bài.

Đa thức tập (Tập thơ biết nhiều): nhân đọc Kinh Thi thấy có tên các loại cỏ cây, chim muông, côn trùng, cá...nhân đó, ông làm ra tập thơ này. Hiện còn khoảng 100 bài. Cũng như Huân đồng thi tập, Đa thức tập viết ra với mục đích giáo huấn và cung cấp kiến thức cho trẻ, nên giá trị văn học không cao.

Mai Lĩnh sứ hoa thi tập (Tập thơ đi sứ Trung Quốc qua cửa quan Mai Lĩnh): gồm các bài viết với tính chất giao tế, thù tạc và bộc lộ tâm sự nhớ nước thương nhà.

Tương truyền, ông đã gặp thần nữ là Liễu Hạnh công chúa cả thầy hai lần, và đều có xướng họa thơ: một lần gặp ở chùa Thiên Minh (Lạng Sơn) khi ông đi sứ về, một lần ở Hồ Tây (nay thuộc Hà Nội) khi ông cùng với hai bạn họ Ngô và họ Lý đi chơi thuyền. Lần ở Hồ Tây, người tiên kẻ tục bèn làm thơ xướng họa liên ngâm, sau được nữ sĩ Đoàn Thị Điểm chép trong truyện "Vân Cát thần nữ" ở tập Truyền kỳ tân phả của bà. Theo nhà nghiên cứu Bùi Duy Tân, thì bài thơ ấy được đặt tên là Tây Hồ quan ngư (Xem cá Hồ Tây).[11] Bản tiếng Việt do Phan Kế Bính dịch có tên là Cảnh Hồ Tây.

Trong Lịch triều hiến chương loại chí, phần "Nhân vật chí", Phan Huy Chú đã viết về Phùng Khắc Khoan như sau:

..."Bấy giờ nhà Minh nhận hối lộ của con cháu nhà Mạc, (nên) không chịu nhận sứ. Ông lúc còn đợi mệnh (vua Minh), liền đưa thư cho Sứ ty nhà Minh, kể rõ việc nhà Mạc cướp ngôi (nhà Hậu Lê)... Người Minh khen là có nghĩa mới cho sứ thần qua cửa quan. Khi đã đến Yên Kinh (Bắc Kinh ngày nay), Lễ bộ đường (triều Minh) trách về việc người vàng ta đem cống không làm theo mẫu cũ làm cúi đầu, nên lại ngăn không cho sứ vào chầu. Ông cãi lại rằng: 'Nhà Mạc cướp ngôi, danh nghĩa là nghịch; nhà Lê khôi phục lại, danh nghĩa là thuận. Nhà Mạc dâng người vàng hình cúi đầu thay mình, đã là may lắm. Còn như đòi Lê bao đòi làm công thần: kiểu người vàng ngựa mặt, qui chế cũ còn đó. Nay lại bắt theo lệ nhà Mạc, thì lấy gì để khuyên việc chiêu an và trừng giới việc trách phạt được'. Việc đến tai vua Minh (Minh Thần Tông), cuối cùng lại cho theo thể thức cũ của nhà Lê buổi trước (tức tượng không cúi đầu). Bấy giờ ông mới được vào chầu, lĩnh ấn sắc đem về nước. Người Trung Quốc đều khen là sứ giỏi...Gặp ngày sinh nhật của vua Minh, ông làm dâng lên 30 bài thơ, được vua Minh phê rằng: '(Thế mới biết) nhân tài không chỗ nào là không có'...Ông lại cùng làm thơ với sứ Triều Tiên là Lý Toái Quang. Ông cầm bút viết xong ngay được, (khiến) Toái Quang rất phục tài.... Trở về nước, chúa Trịnh Tùng rất kính trọng, gọi ông là "Phùng tiên sinh" mà không gọi tên, và người trong

nước đều gọi ông là Trạng nguyên, vì kính mến tài năng của ông...Ông là người cương quyết, sáng suốt, có tài, cái gì cũng biết được chỗ cốt yếu. Văn chương ông thanh nhã, dồi dào, có các tập truyện ở đời .

Việc đáng kể nữa, đó là trong thời gian ở Trung Quốc, Phùng Khắc Khoan đã học bằng cách nhập tâm cách dệt the lượt mỏng , cách trồng ngô (bắp), vùng (mè). Về nước, ông truyền dạy lại cho dân, vì vậy mà được tôn làm ông tổ các nghề ấy. Ngoài ra, ông còn đem về được một số giống lúa tốt, mang lại lợi ích cho dân...

Về phương diện văn học, nhìn chung thơ văn Phùng Khắc Khoan là tiếng nói chân thành của một trí thức dân tộc có tâm huyết, có tấm lòng yêu nước thương đời. Tuy sống trong thời buổi suy vi, nhưng vẫn tin tưởng ở tương lai xán lạn của đất nước, vẫn tin tưởng sức người có thể đổi loạn thành trị, cứu nguy thành an...Thơ chữ Nôm của ông giản dị, giàu phong vị, có tác dụng đẩy mạnh sự phát triển của thơ Nôm Việt Nam. Thơ chữ Hán của ông cũng có phong thái hồn hậu, mực thước, được Phan Huy Chú khen ngợi (như trên)... Ghi nhận công đức của Phùng Khắc Khoan, người dân Phùng Xá đã lập đền thờ ông làm Thành hoàng; ở thành phố Hà Nội có phố Phùng Khắc Khoan, và ở quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh có đường Phùng Khắc Khoan. ( <https://vi.wikipedia.org> ).

### **Sắc phong cụ Trạng Bùng.**

( Nhà giáo Phùng Khắc Đồng )

Ở nhà thờ Phùng Công, những thư tịch treo công khai hiện có 8 đôi câu đối gỗ, 7 bức hoành phi đại tự, 1 bài thơ thất ngôn khắc trên gỗ của chi huyện Nguyễn Đình Thành năm Thành Thái Giáp Ngọ (1894). Ngoài ra ở cột xây nhà bái đường, cột nào cũng đắp trở câu đối. Những câu đối, đại tự này, sách báo khảo cứu về Cụ đã nêu rải rác. Ở đây, chúng tôi xin cung cấp những thư tịch mà chúng tôi đã biết.

\* 3 quyền nói về cụ, đó là:

- Phùng Tướng Công thi tập.
  - Sứ hoa thi tập.
  - Đào Nguyên hành diệp viết lâm tuyên văn.
- (trong đó có Ký lục tiên tổ sự tích)

Những thư tịch này, theo chúng tôi cũng chỉ là những bản sao. Còn bản chính ở đâu, có ở Viện Hán Nôm, ở thư viện Quốc gia không? Mà các sách khảo cứu về Cụ, các tác giả đều nói là đọc ở đây, ở đó, ký hiệu nọ kia, chúng tôi chưa biết.

\* Tháng 11 năm 1993 đọc cuốn: “Phùng Lĩnh Hào, thế hệ khoa hoạn phả” (Nói về thế hệ khoa hoạn của Vũ Đình Dung).

\* Ngày tháng 02 năm 1996 (12/ Ất Hợi) đọc 12 sắc phong nguyên bản gốc các triều Lê - Nguyễn.

\* Ngày tháng 10 năm 1997 (9/ Đinh Sửu) đọc và khảo về cuốn “Bản thôn văn chỉ chủ bi”.

\* Ngoài một số tư liệu khác như “Tứ phường khoán ước”... mà chúng tôi đã biết, liệu có còn gì nữa không?

Trong số các thư tịch trên:

- 3 cuốn nói về Phùng Công thì đã sao chép, trích dẫn nhiều ở các sách khảo cứu về cụ rồi.



- Cuốn “Phùng Lĩnh Hầu thế hệ khoa hoạn phả” sẽ có một tư liệu riêng, nói ở phần Vũ Tướng Công.

- Cuốn “Bản thân Văn chỉ chủ bi” gồm 10 mục đã nói ở chương bốn.

- Riêng phần 12 sắc phong hiện cất giữ cẩn thận vì đây là cái cốt lõi của di tích, là bản nguyên gốc còn lại ở nhà thờ. Tôi xin giới thiệu như sau:

Thời Lê có:

1- Niên hiệu Vĩnh Khánh 2.

Ngày 10-12 Canh Tuất tức 17-1-1731.

2- Niên hiệu Cảnh Hưng 1.

Ngày 24-7 Canh Thân tức 14-8-1740.

3- Niên hiệu Cảnh Hưng 28.

Ngày 8-8 Đinh Hợi tức 30-9-1767.

4- Niên hiệu Cảnh Hưng 44.

Ngày 16-5 Quý Mão tức 15-6-1783.

Thời Nguyễn có:

1- Minh Mệnh 2. Ngày 21-7 Tân Tị tức 18-8-1821.

2- Thiệu Trị 4. Ngày 11-7 Giáp Thìn tức 24-8-1844.

3- Thiệu Trị 4. Ngày 12-8 Giáp Thìn tức 23-9-1844.

4- Tự Đức 3. Ngày 20-11 Canh Tuất tức 23-12-1850.

5- Tự Đức 33. Ngày 24-11 Canh Thìn tức 25-12-1880.

6- Đồng Khánh 2. Ngày 1-7 Đinh Hợi tức 19-8-1887.

7- Duy Tân 3. Ngày 11-8 Kỷ Dậu tức 25-9-1909.

8- Khải Định 9. Ngày 25-7 Giáp Tí tức 25-8-1924.

Việc dịch thuật những sắc phong này rất khó khăn vì trình độ vô cùng hạn chế. Các sắc phong này đều là những Mỹ Tự, ý tứ vô cùng khái quát, sâu xa, rộng lớn. Do đó xin phép cứ để nguyên chữ, mong bạn đọc lượng thứ và chỉ giáo.

Sau đây xin phiên âm, lược dịch đại ý từng đạo sắc hiện còn lưu giữ ở nhà thờ Trạng Bùng.

1- Sắc Vĩnh Khánh 2 (10-12 Canh Tuất tức 17-1-1731)

Phiên âm: Sắc tặng thượng thư Thái tử Mai Quận Công: Minh tín cương nghị, chính trực, Trâm cơ, Thâm lược, hoàng thánh phần phát, hùng đoán, khuông quốc, phù vận, hoành hựu, vĩ tích, đại vương. Lương đồng hoành tài, đầu khai tú khí, đại dục nhật bổ thiên chi thủ đoàn tính kiêm tương trịch sao kim triều ngọc chi văn chương danh lưu hoa cỏ hữu mỹ hữu quang kim nhật bao phong thái cử cựu chương vi sung nhân quan thụ thiên truyền kim. Tự vương tiến phong đại vi hữu đẳng trật ủng nhất thể gia phong, khả gia phong tặng thượng thư Thái tử Mai Quận Công: Minh tín cương nghị chính trực trâm cơ thâm lược Hoàng Thánh phần phát hùng đoán khuông quốc phù vận hoành hựu vĩ tích vĩ quốc mưu vương cao huân hùng lược kinh thiên bổn nhật cổ sắc.

Vĩnh Khánh nhị niên thập nhị nguyệt sơ thập nhất.

Lược dịch: Sắc tặng phong thượng thư Thái tử Mai Quận Công là: Minh tín cương nghị chính trực trâm cơ thâm lược hoàng thánh phần phát hùng đoán khuông quốc phù vận hoành hựu vĩ tích đại vương. Nay vẫn thấy đại vương là bậc tài cao lương đồng khí thiêng đúc kết việc làm của người vẫn còn mãi với trời đất tháng năm, đến nay vẫn thấy

văn chương của người như châu như ngọc, lưu danh muôn thuở tất cả còn truyền đến nay. Do đó trăm thấy phải làm lễ tiến phong cho vị thượng thư Thái tử Mai Quận Công cho sáng với trời đất. Nay lại phong thêm: Minh tín, Cương nghị, Chính trực, Trầm cơ, Thâm lược, Hoảng thánh phần phát hùng đoán khuông quốc phù vận hoành hựu vĩ tích (24 chữ) nay thêm: Vĩ quốc mưu vương cao huân hùng lược kinh thiên bồng nhật (36 chữ tất cả) nay phong:

Năm Vĩnh Khánh thứ 2, ngày 10 tháng 12 năm Canh Tuất (Tức 17-1-1731 đời vua Lê Duy Phường).

Chú thích: Cứ như nội dung sắc này nói: Trước đã có sắc phong tặng cho Phùng Công rồi (24 mỹ từ). Nay thừa nhận như thế và phong thêm 12 chữ nữa. Như thế nghĩa là trước sắc này, phải có ít nhất 1 sắc nữa, tiếc rằng hiện nay chỉ có đạo sắc này là sớm nhất. Hai nữa cũng vẫn là thời Lê - Trịnh mà tận năm này (1730) sau khi cụ Phùng mất 117 năm mới có sắc phong ư? Cho nên chúng tôi cho là phải có một, hai đạo sắc, trước đạo sắc này mới phải.

2- Sắc Cảnh Hưng 1 (ngày 24-7 Canh Thân tức 14-8-1740)

Phiên âm: Sắc tặng thượng thư Thái tử Mai Quận Công: Minh tín cương nghị chính trực trầm cơ thâm lược Hoảng Thánh phần phát hùng đoán khuông quốc phù vận hoành hựu vĩ tích vĩ quốc mưu vương cao huân hùng lược kinh thiên bồng nhật (36 chữ) đại vương; Dục sơn xuyên vọng long thai đầu tâm thuật diệu cán tuyên thiên địa đại hồi lan chi hạ chi công văn từ phù tề nhuệ phong mang tráng hoạt mã sinh sà chi thể mỹ canh hựu mỹ vĩnh diên kim nhật bao phong tái cử cựu tương, vi tự vương kiến phong vương vị lân cư chính phủ tôn phù tôn xã củng cố hồng đồ lê hữu đẳng trật ủng gia phong, khả gia phong tặng Thượng thư Thái tử Mai Quận Công: Minh tín cương nghị chính trực trầm cơ thâm lược hoảng thánh phần phát hùng đoán khuông quốc phù vận hoành hựu vĩ tích vĩ quốc mưu vương cao huân hùng lược kinh thiên bồng nhật (thêm) Thức thời đạt biến anh mẫn Đại vương cố sắc.

Cảnh Hưng nguyên niên thất nguyệt nhị thập tứ nhật.

Lược dịch: Sắc phong vị thượng thư Thái tử Mai Quận Công là đại vương 36 chữ: cương nghị chính trực trầm cơ thâm lược hoảng thánh phần phát hùng đoán khuông quốc phù vận hoành hựu vĩ tích vĩ quốc Mưu vương cao huân hùng lược kinh thiên bồng nhật. Nay vẫn thấy Phùng Công quả là người có tinh thần ý chí thâm nhuần sông núi, sáng rọi muôn nơi, vẻ đẹp ngày càng bền vững. Nay Trẫm vừa lên kế vị, để được vững vàng ngôi báu, xã tắc yên vui nên làm lễ phong tặng vị Thượng thư Thái tử Mai Quận Công Minh tín cương nghị chính trực trầm cơ thâm lược Hoảng Thánh phần phát hùng đoán khuông quốc phù vận hoành hựu vĩ tích vĩ quốc mưu vương cao huân hùng lược kinh thiên bồng nhật. Lại phong thêm: Thức thời đạt biến anh mẫn đại vương (6 chữ nữa). Nay phong. Năm Cảnh Hưng đầu tiên ngày 24 tháng 7 (24-7 Canh Thân tức 14-8-1740).

Chú thích: Sắc này của vua Lê Hiển Tông năm đầu (niên hiệu Cảnh Hưng nguyên niên). Thừa nhận sắc của vua Lê Duy Phường (niên hiệu Vĩnh Khánh 2) phong Phùng công là đại vương 36 chữ đẹp và phong thêm 6 chữ nữa là đại vương 42 chữ đẹp.

3- Sắc Cảnh Hưng 28 (8-8) Đinh Hợi tức 30-9-1767

Phiên âm: Sắc tứ Canh Thìn khoa, đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân. Đặc tiến kim tử Vinh Lộc đại phu Đông các học sĩ kiêm Quốc Tử Giám tế tửu, vinh phong Trung nghĩa nội lữ, kiệt

tiết tuyên lược công thần hộ bộ thượng thư, tặng thái tử Mai Quận Công Phùng Khắc Khoan tứ thủy nghị trai tiên sinh, gia phong: Minh tín... anh mẫn Đại vương (42 chữ) khoa giáp huân khôi, tài danh gian thế, quyết sách tán thành sự nghiệp, Trung Hưng huân lạc, đỉnh huy hào áp đảo trung châu thượng quốc, vọng long sơn đầu, anh khí trường lưu, thái nhạc bao phong hạp bốn long phượng, vì tự vương kiến phong vương vị lâm vương chính phủ tôn phù tôn xã cùng cô hồng đồ lễ hữu đẳng trật ung gia phong mỹ tự tam tự, khả gia phong: tứ Canh Thìn khoa, đệ nhị Giáp Tiến sĩ xuất thân, đặc tiến kim tử Vinh Lộc đại phu, Đông các học sĩ, kiêm Quốc Tử Giám tế tửu, vinh phong Trung nghĩa nội lũy kiệt tiết tuyên lược công thần hộ bộ thượng thư tặng Thái tử Mai Quận Công Phùng Khắc Khoan tứ thủy Nghị Trai tiên sinh, gia phong: Minh tín cương nghị chính trực trầm cơ thâm lược hoằng thánh phần phát hùng đoán khuông quốc phù vận hoành hựu vĩ tích vĩ quốc mưu vương cao huân hùng lược kinh thiên bồng nhật thức thời đạt biến anh mẫn (thêm) Đoan túc trung ý trung võ Đại vương, cổ sắc.

Cảnh Hưng nhị thập bát niên bát nguyệt sơ bát nhật.

Lược dịch: Ban sắc cho vị Đệ nhị giáp tiến sĩ khoa Canh Thìn, kim tử Vinh Lộc đại phu. Đông các học sĩ kiêm hiệu trưởng trường Quốc Tử Giám, được phong trung nghĩa nội lũy kiệt tiết tuyên lược công thần, thượng thư bộ hộ, tặng Thái tử Mai Quận Công Phùng Khắc Khoan tên thụy là Nghị Trai tiên sinh, đã từng được phong Đại vương (42 chữ) thật đúng là bậc khoa giáp huân khôi, tài danh đề đời, quyết đoán đề thành nghiệp lớn, dựng nghiệp trung hưng, tài ba khôn khéo dùng khí phách hào hùng để áp đảo nước lớn, công lao to tát, đề mãi cho đời. Vậy trẫm làm lễ phong tặng mỹ tự cho các vương hầu. Nay phong tặng vị đệ nhị giáp tiến sĩ khoa Canh Thìn, kim tử Vinh Lộc đại phu Đông các học sĩ kiêm Quốc Tử Giám tế tửu được tôn vinh Trung nghĩa nội lũy kiệt tiết tuyên lược công thần hộ bộ thượng thư tặng Thái tử Mai Quận Công Phùng Khắc Khoan tên thụy Nghị Trai tiên sinh là: Minh tín cương nghị chính trực trầm cơ thâm lược hoằng thánh phần phát hùng đoán khuông quốc phù vận hoành hựu vĩ tích vĩ quốc mưu vương cao huân hùng lược kinh thiên bồng nhật thức thời đạt biến anh mẫn (thêm) đoan túc trung ý trung võ Đại vương. Nay phong.

Năm Cảnh Hưng thứ 28 ngày 8 tháng 8. (Ngày 8-8 Đinh Hợi tức 30-9-1767).

Chú thích: Sắc Cảnh Hưng 28 này của vua Lê Hiển Tông thừa nhận lại sắc Cảnh Hưng 1 trước đây, phong cho Phùng Công là đại vương 42 chữ đẹp. Nay ca ngợi thêm cụ Phùng là khoa giáp huân khôi, áp đảo nước lớn... nên lại phong thêm 6 chữ nữa. Đoan túc, trung ý, trung võ đại vương như thế cụ Phùng được phong Đại vương 48 chữ đẹp.

#### 4- Sắc Cảnh Hưng 44 (16 tháng 5 Quý Mão tức 15-6-1783)

Phiên âm: Sắc tứ Canh Thìn khoa đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân, đặc tiến kim tử Vinh Lộc đại phu Đông các học sĩ kiêm Quốc Tử Giám tế tửu vinh phong trung nghĩa nội lũy kiệt tiết tuyên lược công thần hộ bộ thượng thư thái tử Mai Quận Công Phùng Khắc Khoan tứ thủy Nghị Trai tiên sinh, gia phong: Minh tín cương nghị chính trực trầm cơ thâm lược hoằng thánh phần phát hùng đoán khuông quốc phù vận hoành hựu vĩ tích vĩ quốc mưu vương cao huân hùng lược kinh thiên bồng nhật thức thời đạt biến anh mẫn (thêm) đoan túc trung ý trung võ Đại vương. Khoa giáp huân khôi, tài danh gian thế, quyết tán thành đại nghiệp Trung Hưng huân lạc đỉnh huy hào áp đảo trung châu thượng quốc, vọng long sơn đầu, anh khí trường lưu thái nhạc bao phong hạp bốn long phượng. Tự vương kiến



phong vương vị lâm vương chính phủ tôn phù lễ hữu đẳng trật tự ủng hộ gia phong mỹ tự tam tự khả gia phong: Tứ Canh Thìn khoa đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân, đặc tiến kim tử Vinh Lộc đại phu Đông các học sĩ kiêm Quốc Tử Giám tế tửu, vinh phong trung nghĩa nội lữ kiệt tiết tuyên lực công thần hộ bộ thượng thư tằng Thái tử Mai Quận Công Phùng Khắc Khoan tứ thụy Nghị Trai tiên sinh, gia phong: Minh tín cương nghị chính trực trầm cơ thâm lược hoàng thánh phần phát hùng đoán khuông quốc phù vận hoành hựu vĩ tích vĩ quốc mưu vương cao huân hùng lược kinh thiên bồng nhật thức thời đạt biến anh mẫn đoan túc trung ý trung võ (thêm) Bác văn Hoành lược ý đức đại vương, cố sắc.

Cảnh Hưng tứ thập tứ niên ngũ nguyệt thập lục nhật.

Lược dịch: Ban sắc cho vị Đệ nhị giáp tiến sĩ khoa Canh Thìn, kim tử Vinh Lộc đại phu. Đông các học sĩ kiêm hiệu trưởng trường Quốc Tử Giám, được phong trung nghĩa nội lữ kiệt tiết tuyên lực công thần, thượng thư bộ hộ, tằng Thái tử Mai Quận Công Phùng Khắc Khoan tên thụy là Nghị Trai tiên sinh, đã từng được phong Đại vương (42 chữ) thật đúng là bậc khoa giáp huân khôi, tài danh đề đời, quyết đoán đề thành nghiệp lớn, dựng nghiệp trung hưng, tài ba khôn khéo dùng khí phách hào hùng để áp đảo nước lớn, công lao to tát, để mãi cho đời. Nay trẫm được vững vàng ngôi báu, xã tắc yên vui là nhờ tất cả. Vậy trẫm phong cho các vương vị mỹ tự 3 chữ. Nay phong vị đệ nhị giáp tiến sĩ khoa Canh Thìn, kim tử Vinh Lộc đại phu đông các học sĩ kiêm hiệu trưởng Quốc Tử Giám được tôn vinh: Trung nghĩa nội lữ kiệt tiết tuyên lực công thần thượng thư hộ bộ Thái tử Mai Quận Công Phùng Khắc Khoan tên thụy Nghị Trai tiên sinh là: Minh tín cương nghị chính trực trầm cơ thâm lược hoàng thánh phần phát hùng đoán khuông quốc phù vận hoành hựu vĩ tích vĩ quốc mưu vương cao huân hùng lược kinh thiên bồng nhật thức thời đạt biến anh mẫn đoan túc trung ý trung võ (thêm) Bác văn hoành lược ý đức đại vương. Nay phong.

Năm Cảnh Hưng thứ 44 ngày 16 tháng 5 (Ngày 16 tháng 5 năm Quý Mão tức 15-6-1783)

Chú thích: Sắc Cảnh Hưng 44 này cũng của vua Lê Hiển Tông thừa nhận sắc trước Cảnh Hưng 28 đã phong cho Phùng Công là đại vương 48 chữ. Trải qua 16 năm, lại ca ngợi công lao sự nghiệp Phùng Công và Phong sắc tặng Vương vị là đại vương thêm 6 chữ nữa: Bác văn Hoành lược ý đức. Như vậy Phùng Công được là đại vương 54 chữ đẹp. Đến đây cũng là hết sắc thời Lê - Trịnh, và từ năm 1802 là triều Nguyễn. Ở triều Nguyễn, Phùng tướng công vẫn tiếp tục được phong tặng. Dưới đây là các sắc phong thời Nguyễn.

5- Sắc Minh Mệnh 2 ngày 21-7 Tân Tỵ (18-8-1821)

Phiên âm: Sắc Lê triều Canh Thìn đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân, hộ bộ Thượng thư Thái tử Mai Quận Công thụy Nghị Trai tiên sinh, hộ quốc tể dân năm trước công đức kinh hữu lịch triều phong tặng, phụng ngã thế tổ Cao hoàng đế đại trăn anh uy khai thác cương thổ tứ kim phi ứng cảnh mệnh quang thiệu hồng đồ miến niệm thần hựu hạp ân long điển khả gia tặng trực tiết chiêu nghĩa trung đẳng thần. Chuẩn hứa Thạch Thất huyện Phùng Xá xã Phùng thôn y cựu phụng sự thần kỳ tương hựu bảo ngã lê dân cố sắc.

Minh Mệnh nhị niên thất nguyệt nhị thập nhất nhật.

Lược dịch: Sắc phong vị đệ nhị giáp tiến sĩ khoa Canh Thìn Thượng thư bộ hộ, Thái tử Mai Quận công tên thụy Nghị Trai tiên sinh để là người trị nước giúp dân, công đức trải qua các triều đều phong tặng cả. Trẫm được thế này là nhờ công đức của thế tổ cao hoàng

đế (Gia Long) có tinh thần và sức mạnh thu phục bờ cõi xây dựng non sông lại cũng do thần thánh phù hộ để tạ ơn thần thánh và thế tổ, Trẫm phong tặng người là Trục Tiết - chiêu nghĩa hạng trung đẳng thần. Vậy chuẩn cho huyện Thạch Thất xã Phùng Xá làng Phùng Thôn cứ theo lệ cũ mà phụng sự để nước thịnh dân yên. Nay tặng.

Năm Minh Mệnh thứ hai ngày 21 tháng 7. (Ngày 21 tháng 7 năm Tân Tị tức 18-8-1821)

Chú thích: Đây là sắc của triều Nguyễn, đều thừa nhận công lao đức độ của Phùng Công triều Nguyễn phong Phùng Công là Phúc Thần. Vua Minh Mệnh xếp vào hạng trung đẳng thần.

6- Sắc Triệu Trị 4 ngày 11 tháng 7 Giáp Thìn (24-8-1844)

Phiên âm: Sắc trục tiết chiêu nghĩa Lê triều Canh Thìn khoa đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân hộ bộ Thượng thư Thái tử Mai Quận Công phủ Quân Thuy Nghi Trai tiên sinh trung đẳng thần hộ quốc tể dân năm trước linh ứng, tiết mông ban cấp tặng sắc chuẩn hứa phụng sự Minh Mệnh nhị thập nhất niên tri ngã trục Thánh tổ nhân Hoàng đế ngũ tuần đại khánh tiết khâm phụng bảo chiếu đàm ân lễ long đẳng trật tứ kim phi ủng cảnh mệnh miến niệm thần hựu khả gia tặng trục tiết chiêu nghĩa hiệp cung. Trung đẳng thần. Nhưng chuẩn hứa Thạch Thất huyện Phùng Xá xã Phùng thôn y cựu phụng sự thần kỳ tương hựu bảo ngã lê dân - khâm tai.

Thiệu Trị tứ niên thất nguyệt thập nhất nhật.

Lược dịch: Ban sắc vị trục tiết chiêu nghĩa, nhị giáp tiến sĩ khoa Canh Thìn triều Lê, Thượng thư bộ hộ, Thái tử Mai Phủ quân, tên thụy là Nghi Trai tiên sinh bậc trung đẳng thần để giúp nước đỡ dân thấy linh ứng. Nay theo lời của Đức thánh tổ năm Minh Mệnh thứ 21 (1840) nhân thọ 50 tuổi hạ chiếu phong tặng các hạng trật của thánh thần. Nay phong tặng người là: Trục tiết - Chiêu nghĩa - (thêm) Hiệp cung trung đẳng thần. Chuẩn cho huyện Thạch Thất xã Phùng Xá làng Phùng thôn y cựu phụng sự thần kỳ tương hựu bảo ngã lê dân yên. Tuân chỉ.

Năm Thiệu Trị thứ 4 ngày 11 tháng 7 (Ngày 11 tháng 7 năm Giáp Thìn tức 24-8-1844)

Ghi chú: Đây là sắc của Thiệu Trị làm theo chiếu chỉ của vua cha Minh Mệnh thứ 21 (1840). Vì Minh Mệnh chết vào cuối năm này (28 tháng Chạp năm Canh Tí tức 20-1-1841) gần 4 năm sau, Thiệu Trị thực hiện di huấn của vua cha, phong cho Phùng Công sắc này. Vì thế, 1 tháng sau lại có 1 đạo sắc của Thiệu Trị nữa như sau:

7- Sắc Thiệu Trị 4 ngày 12-8 Giáp Thìn (23-9-1844)

Phiên âm: Sắc Trục tiết chiêu nghĩa hiệp cung - Lê triều Canh Thìn khoa đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân. Hộ bộ Thượng thư Mai Phủ Quân, thụy Nghi Trai tiên sinh - Trung đẳng thần, hộ quốc tể dân năm trước linh ứng tiết mông ban cấp tặng sắc chuẩn hứa phụng sự tứ kim phi ủng cảnh mệnh miến niệm thần hựu, khả gia tặng: Trục tiết - chiêu nghĩa hiệp cung - (thêm) đoan lượng trung đẳng thần.

Nhưng chuẩn hứa Thạch Thất huyện Phùng Xá xã Phùng thôn y cựu phụng sự thần kỳ tương hựu bảo ngã lê dân - khâm tai.

Thiệu Trị tứ niên bát nguyệt thập nhị nhật.

Lược dịch: Ban tặng sắc vị trục tiết chiêu nghĩa hiệp cung đệ nhị giáp tiến sĩ khoa Canh Thìn (1580) triều Lê, Thượng thư bộ hộ, Mai Quận Công, tên thụy là Nghi Trai tiên sinh là trung đẳng thần để giúp nước đỡ dân, rất linh ứng từ khi có sắc phong. Nay trẫm nhớ đến lại ban sắc phong thêm: Trục tiết - Chiêu nghĩa - Hiệp cung (thêm) đoan lượng trung

đăng thần. Chuẩn cho huyện Thạch Thất xã Phùng Xá làng Phùng thôn cứ theo lệ cổ mà phụng sự để nước thịnh dân yên. Tuân chỉ.

Năm Thiệu Trị thứ tư ngày 12 tháng 8. (Ngày 12 tháng 8 Giáp Thìn tức 23-9-1844)

Ghi chú: Đây cũng là một đạo sắc của Thiệu Trị, cách cái trước vừa đúng 1 tháng. Rõ ràng: Đạo sắc trước tuy của Thiệu Trị nhưng là làm theo di huấn của vua cha Thái tổ Minh Mệnh năm thứ 21. Do Minh Mệnh thọ 50 tuổi có chủ trương ấy, nhưng cuối năm lại qua đời nên Thiệu Trị 3 năm sau phải làm. Còn đạo này mới là chủ trương của Thiệu Trị. Có như thế, mới giải thích được tại sao năm Giáp Thìn 1844 này lại có 2 đạo sắc của Thiệu Trị.

8- Sắc Tụ Đức 3 ngày 20-11 Canh Tuất (23-12-1850)

Phiên âm: Sắc Lê triều Canh Thìn khoa đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân. Hộ bộ thượng thư - Thái tử Mai phủ quân, thụy Nghi Trai tiên sinh, nguyên tằng: Trục tiết chiêu nghĩa hiệp cung đoan lượng Trung đẳng thân - Hộ quốc tể dân nắm trước linh ứng tiết mông ban cấp tằng sức chuẩn hứa phụng sự tứ kim phi ủng cảnh mệnh miễn niệm thần hựu khả gia tằng: Trục tiết - chiêu nghĩa - hiệp cung đoan lượng (thêm) Quang ý trung đẳng thân. Nhưng chuẩn hứa Thạch Thất huyện Phùng Xá xã Phùng thôn y cựu phụng sự thần kỳ tương hựu bảo ngã lê dân - khâm tai.

Tụ Đức tam niên thập nhất nguyệt nhị thập nhật.

Lược dịch: Sắc tặng phong vị: Đệ nhị giáp tiến sĩ khoa Canh Thìn triều Lê - Thượng thư bộ hộ Thái tử - Mai phủ quân tên thụy Nghi Trai tiên sinh đã được là: Trục tiết - Chiêu nghĩa - Hiệp cung - đoan lượng trung đẳng thân để giúp nước yên dân rất linh ứng từ ngày được phong. Nay trẫm thấy rõ thần, nhớ công lao nên lại phong tặng: : Trục tiết - Chiêu nghĩa - Hiệp cung - đoan lượng (thêm) Quang ý Trung đẳng thân. Vậy chuẩn cho huyện Thạch Thất xã Phùng Xá làng Phùng thôn cứ theo lệ cổ mà phụng sự để nước thịnh dân yên. Tuân chỉ.

Năm Tự Đức thứ 3 ngày 20 tháng 11. (Ngày 20 tháng 11 năm Canh Tuất tức 23-12-1850)

Chú thích: Sắc này của Tự Đức năm thứ 3 triều Nguyễn cũng thừa nhận chức tước của thời Lê và các đời vua cha trước phong cho Phùng Công. Nay phong thêm 2 chữ nữa là Quang ý và là trung đẳng thân. Như vậy đến đây triều Nguyễn đã phong Phùng Tướng Công là Phúc thần 10 chữ.

9- Sắc Tụ Đức 33 (24-11 năm Canh Thìn tức 25-12-1880)

Phiên âm: Sắc chỉ Sơn Tây tỉnh Thạch Thất huyện Phùng Xá xã Phùng thôn tòng tiền phụng sự trục tiết chiêu nghĩa hiệp cung đoan lượng quang ý Lê triều Canh Thìn khoa đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân hộ bộ Thượng thư Thái tử Mai Phủ Quân thụy Nghi Trai tiên sinh Trung đẳng thân bảo an chính trực hựu thiên đôn ngưng thành hoàng chi thần tiết kinh ban cấp sắc phong chuẩn kỳ phụng sự Tụ Đức tam thập nhất niên chính trị, trẫm ngũ tuần đại khánh tiết, ban ân bảo chiếu đảm ân lễ long đẳng trật. Đặc chuẩn hứa y cựu phụng sự dụng trí quốc khánh nhi thân tư điển. Khâm tai.

Tụ Đức tam thập nhất niên thập nhất nguyệt nhị thập tứ nhật.

Dịch lược: Sắc cho làng Phùng thôn xã Phùng Xá huyện Thạch Thất tỉnh Sơn Tây từ trước đã tôn thờ vị: Trục tiết chiêu nghĩa hiệp cung đoan lượng quang ý – thời Lê, đỗ Đệ nhị giáp tiến sĩ, Thượng thư bộ hộ Thái tử Mai Phủ Quân, thụy là Nghi Trai tiên sinh được là Trung đẳng thân; Chính là thành hoàng Bảo an chính trực hựu thiên đôn ngưng



nhân dịp trầm, năm Tự Đức 31 (Mậu Dần 1878) thọ 50 tuổi ban chiếu phong tặng các hạng trật. Vậy chuẩn cho làng xã huyện tỉnh trên cứ theo lệ cũ mà phụng sự để nhớ mừng ngày lễ của nước nhà. Tuân chỉ.

Năm Tự Đức 33 ngày 24 tháng 11. (Ngày 24 tháng 11 Canh Thìn tức 25-12-1880)

10- Sắc Đồng Khánh 2 (ngày 1-7 Đinh Hợi tức 19-8-1887)

Phiên âm: Sắc trực tiết chiêu nghĩa hiệp cung đoàn lượng quang ý, Lê triều Canh Thìn khoa, Đề nhị giáp tiến sĩ xuất thân, hộ bộ thượng thư Thái tử Mai Phủ Quân thụy Nghi Trai tiên sinh Trung đẳng Bảo an Chính trực Hựu thiên Đôn ngưng thành hoàng chi thần. Hướng lai hộ quốc tể dân năm trước linh ứng, tiết mông ban cấp tặng sắc lưu tự tứ kim phi ủng cảnh mệnh miễn niệm thần hưu khả giả tặng Dực Bảo Trung Hưng các đẳng thần.

Nhưng chuẩn hứa Sơn Tây tỉnh Thạch Thất huyện Phùng Xá xã Phùng thôn y cựu phụng sự thần kỳ tương hựu bảo ngã lê dân - khâm tai.

Đồng Khánh nhị niên thất nguyệt sơn nhất nhật.

Lược dịch: Ban sắc cho vị trực tiết chiêu nghĩa hiệp cung đoàn lượng quang ý, thời Lê đồ Nhị giáp tiến sĩ, Thượng thư bộ hộ phong Thái tử Mai Phủ Quân, thụy là Nghi Trai tiên sinh hạng trung đẳng thần - bảo an chính trực hựu thiên đôn ngưng thành hoàng, đến nay trị quốc giúp dân thấy rất linh ứng nên lại tặng sắc thờ để luôn ghi nhớ. Lại tặng thêm Dực bảo - Trung Hưng thần.

Chuẩn cho huyện Thạch Thất xã Phùng Xá làng Phùng thôn cứ theo lệ cổ mà phụng sự để nước thịnh dân yên. Tuân chỉ.

Năm Đồng Khánh 2 ngày 1 tháng 7. (Ngày 1 tháng 7 năm Đinh Hợi tức 19-8-1887)

11- Sắc Duy Tân 3 (ngày 11 tháng 8 năm Kỷ Dậu tức 25-9-1909)

Phiên âm: Sắc chỉ Sơn Tây tỉnh Thạch Thất huyện Phùng Xá xã Phùng thôn tòng tiền phụng sự: trực tiết chiêu nghĩa hiệp cung đoàn lượng quang ý dực bảo trung hưng Lê triều Canh Thìn khoa đề nhị giáp tiến sĩ xuất thân hộ bộ Thượng thư Thái tử Mai Phủ Quân thụy Nghi Trai tiên sinh Trung đẳng thần bảo an chính trực hựu thiên đôn ngưng dực bảo trung hưng thành hoàng chi thần. Tiết kinh ban cấp sắc phong chuẩn kỳ phụng sự, Duy Tân nguyên niên tấn quang đại lễ kinh bang bảo chiếu đàm lễ long đẳng trật. Đặc chuẩn y cựu phụng sự dụng chí quốc khánh nhị thân tư điển. Khâm tai.

Duy Tân tam niên bát nguyệt thập nhất nhật.

Lược dịch: Sắc cho làng Phùng thôn xã Phùng Xá huyện Thạch Thất tỉnh Sơn Tây từ trước đã tôn thờ vị: Trực tiết chiêu nghĩa hiệp cung đoàn lượng quang ý dực bảo ở thời Lê Trung hưng, Nhị giáp tiến sĩ khoa Canh Thìn (1580), Thượng thư bộ hộ Thái tử Mai Phủ Quân, thụy là Nghi Trai tiên sinh, nay phong là trung đẳng thần Bảo an chính trực hựu thiên đôn ngưng dực bảo Trung hưng thần. Năm đầu Duy Tân lên ngôi, ban chiếu sắc phong cho thần để tiếp tục được phụng sự. Vậy cứ theo lệ cổ mà làm để mừng nhớ ngày lễ lớn của đất nước. Tuân chỉ.

Năm Duy Tân thứ 3 ngày 11 tháng 8. (Ngày 11 tháng 8 năm Kỷ Dậu tức 25-9-1909)

Chú thích: Đây là đạo sắc của Duy Tân năm thứ 3 triều Nguyễn cũng theo nếp cũ. Duy Tân nhắc lại hạng thần và những mỹ tự của các triều trước phong cho Phùng Công. Ngoài ra cũng nói rõ lý do phong sắc này và những mỹ tự của trung đẳng thần, Trung hưng Thành hoàng.

12- Sắc Khải Định 9 (ngày 25 tháng 7 năm Giáp Tý tức 25-8-1924)

Phiên âm: Sắc chỉ Sơn Tây tỉnh Thạch Thất huyện Phùng Xá xã Phùng thôn tòng tiền phụng sự: trực tiết chiêu nghĩa hiệp cung đoan lượng quang ý dục bảo trung hưng Lê triều Canh Thìn khoa đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân hộ Quốc tử dân nằm trước linh ứng tiết mông ban cấp sắc phong chuẩn hứa phụng sự, tứ kim chính tư trăm tứ tuần đại khánh tiết kinh ban bảo chiếu đàm ân lễ long đăng trật trước gia tặng trác vĩ thượng đẳng thần. Đặc chuẩn phụng sự dụng trí quốc khánh thi nhân tư điền. Khâm tai.

Khải Định cửu niên thất nguyệt nhị thập ngũ nhật.

Lược dịch: Sắc chỉ cho làng Phùng thôn xã Phùng Xá huyện Thạch Thất tỉnh Sơn Tây trước đây đã phụng sự vị: Trực tiết chiêu nghĩa hiệp cung đoan lượng quang ý dục bảo, Trung Hưng Lê triều, xuất thân tiến sĩ, Thượng thư bộ hộ, Thái tử Mai Phủ Quân, tên thôm là Nghị Trai tiên sinh được ban tặng Trung đẳng thần để giúp nước yên dân rất linh ứng. Nay nhân trăm thọ 40 tuổi, hạ chiếu phong sắc xếp hạng cho thần để cứu thế mà phụng sự. Vậy tặng phong xếp hạng (Phùng Công) là Trác vĩ thượng đẳng thần. Chuẩn cho quê hương cụ phải phụng sự để nhớ, mừng đại lễ của nước nhà. Tuân chỉ.

Năm Khải Định thứ 9 ngày 25 tháng 7. (Ngày 25 tháng 7 năm Giáp Tý tức 25-8-1924)

Chú thích: Đây là đạo sắc ở triều Nguyễn thời Khải Định. Sắc này Khải Định phong xếp Phùng Công là Thượng đẳng thần.

Cũng ngày tháng năm này (25-8-1924) làng Phùng Xá (Bùng) được 2 sắc phong. Một cho Phùng Tướng Công, một cho Thần hoàng làng ở đình. Cả 2 đạo sắc này vẫn còn nguyên gốc ở 2 nơi.

Bài viết được lấy trong cuốn sách

"Trạng Bùng Phùng Khắc Khoan- thân thế- cuộc đời và sự nghiệp"- NXB Hội Nhà văn .

**Nhà thờ Phùng Khắc Khoan.**





Đền thờ Trạng Bùng Phùng Khắc Khoan — tại Phùng Xá - Thạch Thất - Hà Nội. Nhà thờ và lăng mộ Phùng Khắc Khoan ở thôn Bùng, xã Phùng Xá, huyện Thạch Thất, cách trung tâm TT Hà Nội. Nhà thờ Phùng Khắc Khoan là di tích danh nhân văn hoá có từ lâu đời, đến triều Nguyễn được tu sửa, tôn tạo, theo dòng chữ Hán trên thượng lương cho biết nhà thờ được sửa chữa lớn và làm hoàn thiện vào năm Duy Tân 1 (1907). Ngôi nhà này chính là nơi sinh ra và lớn lên của tiến sĩ Phùng Khắc Khoan, sinh thời cho sửa sang ngôi nhà này thành học đường và đặt tên là Hoàng đạo thư đường. Kiến trúc ngôi nhà kiểu chữ nhị gồm Bái đường và Hậu từ chính cửa ngoảnh hướng Đông, xung quanh là tường xây bao bọc. Qua khoảng sân rộng là toà Bái đường, còn gọi là Hoàng đạo thư đường, giáp hai đầu hồi tay ngai xây hai cột trụ cao 4m đỉnh đắp khối hình con nghê. Phùng Khắc Khoan đã sáng lập Thư đường vào năm Tân Hợi (1551) vốn là nhà ở cũ của quan Hàn Lâm thị thư họ Nguyễn từ thời nhà Trần. Hiện nay, ngôi nhà Bái đường có diện tích là 50m<sup>2</sup>, dàn ngang chữ nhật, chia làm 3 gian có hai đầu đốc hồi còn, để trống cho nên từ ngoài sân có thể nhìn thấy Hậu từ nhà thờ. Hồi tường phía trong bên trái đặt ba tấm bia tấm bia đã gắn vào bệ gạch. Phía trong là ngôi nhà Hậu từ với diện tích 80m<sup>2</sup>, hai đầu gối xây bít đốc, vách trước nhà là hàng cửa gỗ bức bàn đóng trơn mộc mạc không trang trí. Bộ vì đỡ mái kiến trúc kiểu tiền kẻ, hậu bẩy, phía mặt cắt đầu bẩy đều khắc chữ thọ trên má thân, bào soi vỏ măng còn tương đối chắc chắn. Gian giữa Hậu từ xây cuốn vòm để ngai thờ và bức chân dung tiến sĩ Phùng Khắc Khoan và nhiều đồ thờ. Ở chính gian giữa nhà Hậu từ là bức đại tự sơn son thiếp vàng “Trung hưng công thần từ” (Đền thờ vị công thần Trung Hưng). Cổ long ngai thờ cụ Phùng Khắc Khoan phong cách nghệ thuật thế kỷ XVIII. Nhà thờ bảo lưu nhiều hiện vật giá trị có niên đại từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX. Ngoài 11 sắc phong từ thời Cảnh Hưng đến thời Thiệu Trị, đáng chú ý là 4 cuốn sách chữ Hán. Cuốn thứ nhất: là bản sao chưa rõ năm chép, phần đầu Phụ công thi tập, phần sau Sư hoa thi tập tập hợp những bài thơ của Phùng Khắc Khoan. Cuốn thứ hai: Ký lục tiên tổ sự tích lược chép tiểu sử Phùng Khắc Khoan và bài thơ nôm Đào nguyên hành ( còn có tên khác là Lâm truyền văn) Cuốn thứ ba: chép các điều khoản con cháu Phùng Khắc Khoan được miễn lệ.



Cuốn thứ tư: Phùng tướng công phụng Bắc sứ lý (bản sao) ghi sự kiện Phùng Khắc Khoan đi sứ nhà Minh năm 1598.

Nhà thờ còn giữ ba bức tranh lụa truyền thần chân dung Phùng Khắc Khoan, 2 chiếc gậy cầm sừng hươu là kỷ vật của cụ và 3 bia đá bài Học điền bị ký làm năm 1943 nói về truyền thống hiếu học của làng Bùng và liệt kê các thửa ruộng giành cho việc học. Bia Nhị nôm khoán bị, làm năm 1897, chép tục lệ dân hai thôn Phùng Xá và Vĩnh Lộc ra phục dịch các kỳ tiệc ở nhà thờ. Bia Từ đường bị ký làm năm 1928 ghi số ruộng đất của nhà thờ.

Như vậy, nhà thờ này có thể coi là một bảo tàng về danh nhân Phùng Khắc Khoan.

( <https://www.facebook.com/PhungXa.ThachThat.HaNoi> ).

### KHU MỘ TRẠNG BÙNG - PHÙNG KHẮC KHOAN.



Phùng Khắc Khoan mất ngày 24 tháng 9 năm Quý Sửu (1613). Mộ đặt cách nhà thờ chừng trên 300m, gần đình làng trông về hướng Đông. Gần khu lăng mộ có hồ nước , giữa có một cái đầm 2 tầng mái rất đẹp.

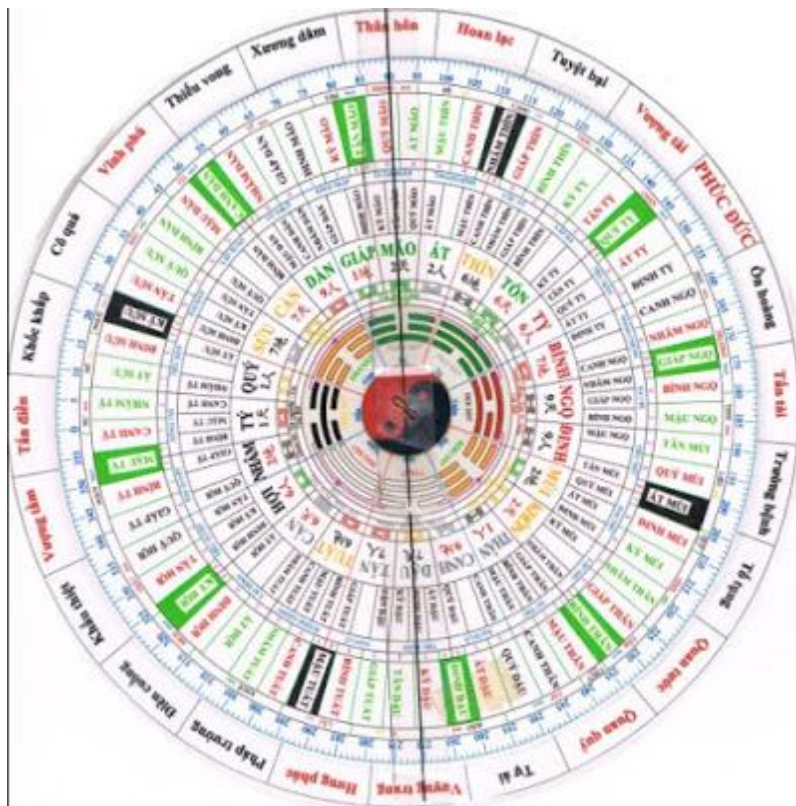


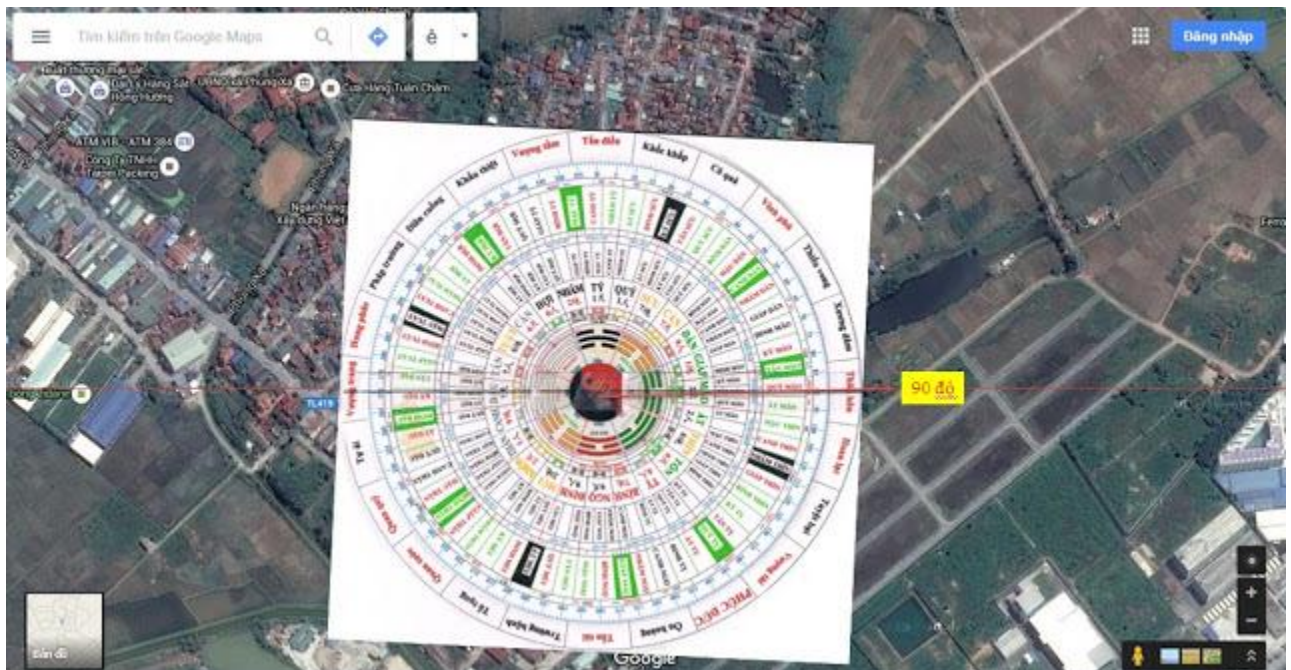
Bên cạnh khu mộ là đình làng khang trang.



Xung quanh mộ xây tường bao đá ong cao 1,2m. Phần mộ đặt lộ thiên, phía trước có hai phỗng đá. Đầu mộ xây một bệ thờ đặt hai bia đá ghi tóm tắt công trạng tiến sĩ Phùng Khắc Khoan, khắc thời Tự Đức, năm 1857 và 1858. Mộ nằm theo hướng Tọa Dậu - Hướng Mão - Thuộc cung Chấn hướng Đông với phân kim : Kỷ Dậu - Quý Mão . Hàng năm dân xã Phùng Xá và các chi hậu duệ họ Phùng tổ chức giỗ Cụ vào ngày 24 tháng 9 âm lịch .Lễ vật dâng lên là cháo đậu, cà muối - những món ăn bình dị, lúc sinh thời ông rất thích

























"Thông tin thêm cho các bạn về nội dung tấm bia mộ bằng chữ Hán viết về danh nhân văn hóa Trạng Bùng ( theo bản dịch của cụ Nguyễn Mạnh Toàn - nguyên cán bộ tuyên giáo của Tỉnh ủy Hà Tây).

Tấm bia này được phát hiện khi thực hiện thi công, tôn tạo lại mộ cụ Trạng Bùng năm Bính Tý ( 1996) cùng với một tấm bia cổ khác có 09 bài thơ bằng chữ Hán của các danh sĩ thời Tự Đức ( 1847 - 1883) với chủ đề chung vịnh mộ cụ Trạng Bùng.

#### BIA MỘ

Mộ phúc thần Phùng tướng công

Phùng Tướng công thôn Phùng xá huyện Thạch Thất, hiệu là Nghi Trai đỗ Hoàng Giáp niên hiệu Quang Hưng ( 1578 - 1599), quận công thời Trung Hưng được tặng Thái tử và phong làm Phúc Thần. Hành trạng của người được chép đầy đủ tròn quốc sử Triều Lê, mộ của người được cất ở xứ Lộng Mai thôn Phùng. Trải mấy năm tinh linh vẫn còn như cũ. Tôi đi qua nhân xuống xe vào thăm và yết mộ, chợt cảm thấy buồn cảm lòng chẳng được trước cảnh én bay, thỏ chạy, rau lúa xào xạc trước ngọn gió xuân, mới cùng là với người đồng lý là quan tri huyện họ Vương quyền góp tiền lương đắp lại phần mộ, khi hoàn thành đặt bia ghi việc, ngõ hầu để mọi người qua lại ai cũng ghi nhớ đây là lăng mộ của Tướng công lưu lại về sau mãi mãi. Nay ghi:

Niên hiệu Tự đức thứ 10, thượng tuần tháng chạp năm Đinh Tỵ ( 1857)

- . Huân Đạo Thạch Thất: Hà Đình Bùi Huy Tuyên cẩn trí
- . Tri huyện Thạch Thất Dương Đình Vương Chiêu kính nhuận
- . Đốc học Sơn Tây Ngạc Đình Nguyễn Hữu tạo trùng nhuận
- . Tú tài Chàng thôn Nguyễn Tiệp viết chữ."

( <https://www.facebook.com/PhungXa.ThachThat.HaNoi> ).

#### ĐỌC THÊM.

#### TRƯỚC LĂNG CỤ TRẠNG

... Người có đức để cháu con phúc đức

Chữ nghĩa muôn đời chữ nghĩa của cha ông...

Sinh từ mẹ từ cha  
Sinh từ trời từ đất  
Rường cột trải mấy triều  
Mềm mại, cương cường, bất khuất  
Mà nôm na đồng áng Kẻ Bùng.  
Ngẩng đầu mây trắng Tản Viên Sơn  
Cúi nâng phù sa sông Hồng ứa đỏ  
Kẻ Nửa kia, sử xanh kia còn đỏ  
Mộ đá ong giản dị nhường này...  
Mấy trăm năm xanh cỏ xanh cây  
Mây Kẻ Bùng dường bay dường thanh thảo.  
Cảm hoá kẻ thù ấm tay bầu bạn  
Câu thơ đề xuyên mấy trăm năm  
Lời thơ dâng bát ngát trắng rằm  
Trung Hoa mệnh mông, Trung Hoa thán phục.  
Phơ tóc trắng vóc mai mình hạc  
Mà mấy nghìn dặm đất nhẹ như không  
Mà Quốc thể rạng danh con Lạc cháu Hồng  
Dân mấy cõi tụng xưng Quan Trạng...  
“Về mặt Người nôm na đồng áng  
Ta vẫn gặp đâu đây trong thôn xóm Kẻ Bùng”  
Phùng Văn Khai

**ĐỌC THÊM :** THƠ ĐỀ TRÊN MỘ TRẠNG BÙNG.

**Lược trích ra chín bài thơ viết về Cụ Trạng .**

( Tụ Đức Mậu Ngọ ,tiểu xuân kính khắc đề mộ thi.)

**Bài một:**

*Thế duyệt Trung Hưng số bách niên  
Tướng công di chủng thảo thiên nhiên  
Thùy gia phiến thạch năng hoài cổ?  
Kỷ cá danh chương khước lạc hiền  
Công nghiệp do lai lưu kiệt các  
Phòng ba hà sự đảo hoang biên?  
Tản viên anh khí giang lưu Tích  
Tín khuất tương thông tạo hóa quyền.*

*(Linh thường châu học Chí Đình tiến sĩ Nguyễn Văn Lý cung đề.)*

*Dịch nghĩa: tháng 10 năm Mậu Ngọ 1585 thời Tụ Đức khắc thơ đề mộ.*

Nhìn lại cuộc Trung Hưng(của nhà Lê) được hàng trăm năm  
(mà) Tướng Công chỉ để lại nắm mộ cỏ mọc dày

Tấm bia nhớ việc xưa ai kẻ đó

(Khiến) tên tuổi,văn chương ai cũng vui, khen là bậc hiền tài

Trong lâu các còn lưu giữ,là do có công lớn

Nơi bên ải sao lại có giông bão kéo đến

Anh khí của Tản Viên chảy theo dòng sông Tích



Niềm tin vào sự co ruỗi đổi thay do tạo hóa vẫn có.  
Nguyễn Văn Lý: người phường Đông Các,sau đổi là thôn Dũng Thọ,huyện Thọ Xương,tỉnh Hà Nội xưa. Đỗ cử nhân khoa Ất Dậu 1825,đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Thìn 1832 thời Minh Mệnh. Làm án sát sau làm đốc học. **Bài hai:**

*Cao dương tế mỹ biểu hiên đăng  
Nhạc giảng linh phù đại nhã xưng  
Đặc địa văn chương tiêu nhị giáp  
Kinh thiên sự nghiệp xuất Trung Hưng  
Cửu nguyên thần tại sơn hà tráng  
Sổ bách niên lai trở dậu tăng  
Mộ thượng tân bi bằng điệu sử  
Tòng,kim danh tích cửu di chung.  
( Ất Mùi khoa tiến sĩ Bạch Đông Ôn cung đề.)*

*Dịch nghĩa:* bốn chữ “cao dương tế mỹ” treo rõ ở bên hiên.

Thần khí thiêng liêng ở núi xuống,thiên đại nhã nói rõ  
Đất đặc biệt nên văn chương đạt nhị giáp  
Sự nghiệp Trung Hưng là sức chống trời  
Non sông tráng lệ thần hồn cụ còn đây  
Cúng tế mấy trăm năm nay vẫn thế  
Đến thăm mộ,mừng thấy có tấm bia mới  
Danh tích còn tiêu biểu mãi mãi về sau.

Bạch Đông Ôn: người xã Lạc Trường huyện Kim Bảng tỉnh Hà Nam. Đỗ cử nhân khoa Giáp Ngọ 1834, đỗ hoàng giáp khoa Ất Mùi 1835 thời Minh Mệnh, làm quan tới chức Lang trung.

**Bài ba:**

*Trường quy song đồng thạch tác hoàn  
Kim nhân bất tự hội nam quan  
Quang Hưng cương giới sinh tân nguyệt  
Thái tử phần du thượng cổ san  
Phi hạc mỗi linh hoa biểu quá  
Sử tình nghi thị nhật biên hoàn  
Thương thương phiến thạch thù phong biểu  
Thường xuất thanh vân Khuê đầu gian  
(Hàn lâm học sĩ,tiến sĩ Lê Duy Trung bài đề.)*

*Dịch nghĩa:* hai tượng quỳ ở đây làm việc hầu hạ (chứ) không phải là tượng người vàng đem đến hội khám lễ cống ở ải nam quan.

Cương giới nước Việt thời Quang Hưng,trăng mới mọc  
Quê quán của Thái tử vẫn ở đây  
Hạc bay mỗi khi nhìn thấy hoa nở  
Việc sử ngỗ như ngày về đến biên giới  
Tám đá xanh xanh kia ai xây dựng  
Ở khoảng mây xanh thường xuất hiện sao Khuê sao đầu.

Lê Duy Trung: chưa rõ quê quán,có lẽ thuộc dòng họ hoàng tộc(Lê Phùng).

ở phần lạc khoản, bia ở lăng thì viết là “Bái đề”, ở quyển tài liệu lại chép là “cung đề”.

**Bài bốn :**

*Đô thống vô vị tập thị danh  
Kháng ngôn nhất số động Yên Kinh  
Nhân tài như thử chân bang ngàn .  
Từ tảo hà nan kiến sứ thành  
Tang tử thiên niên do huyết thực  
Vân sơn nhất phiến tự giai thành  
Vị thi tiên đắc đồng tâm kính  
Biểu mộ khu khu ngưỡng chỉ tình*

*(Nguyên Hưng Yên án sát sứ, Phương đình Nguyễn Văn Siêu cung đề.)*

*Dịch nghĩa :* ‘đô thống ‘là chức hư danh không hề có ( của vua Lê ) từ số kháng lại làm lay động cả triều đình Yên Kinh ( dám làm thế ) quả là nhân tài chân chính của đất nước ( tuy vậy ) lời nói phải tao nhã ,để vẫn rõ lòng thành của sứ quan ( vì thế ) hàng ngàn năm sau vẫn khói hương phụng thờ .Một tấm bia tỏ lòng cao như mây núi .Có lòng chung kính mộ nên có người thi hành .( Xây dựng mộ cũ ) rõ ràng một khu để cùng ngưỡng mộ càng tâm đắc biết bao - Nguyễn Văn Siêu ( 1796-1872) tự là tôn ban hiệu là Phương Đình ,người thôn Dũng Thọ ( trước là phường Đông Các ) huyện Thọ Xương ,tỉnh Hà Nội xưa .Đỗ cử nhân khoa Ất Dậu 1825 thứ hai ( hương á ) .Đỗ phó bảng khoa Mậu Tuất 1838 ( Minh Mệnh 19 ) làm quan án sát sứ Hưng Yên .Đi sứ Tàu năm 1849 có tài thơ ( Thần Siêu Thánh Quát ) ... tác phẩm có ‘phương đình thi tập’ ‘Phương đình văn tập’ ‘Tùy bút lục’ ... Là người xây dựng đài nghiên Tháp Bút ở cửa đền Ngọc Sơn , bên hồ Hoàn Kiếm - Hà Nội.

**Bài năm :**

*Quang nhạc chung vi xuất thế hiền  
Tướng công cố mộ thảo thiên nhiên  
Huân danh thượng ký lưu Nam sử  
Từ tảo do năng tủng Bắc Yên  
Kỷ độ tang thương nhân khứ hỹ  
Thiên thu phần tử miếu nguy nhiên  
Hong nê đảo sứ nhân phong yết (1)  
Vãng sự thùi thương số bách niên .*

*(Thọ đà dật khẩu tú linh Bùi Duy Tùng cung đề )*

*Dịch nghĩa :* Ánh sáng núi cao hun đúc ra bậc hiền tài ( mà ) mộ của tướng công nay mọc rậm rạp .Tiếng tăm công lao hiển hách của người ghi trong Nam sử .Lời lẽ của người lay động cả Bắc Kinh . Nhiều lần thay đổi mà tiếng tăm của người vẫn thế .( Từ nay ) phần nghìn năm ở quê càng nguy nga .Cuộc đời có gian khổ mới thấy rõ phẩm giá , chứ lẽ đời có nghĩa gì đâu . Ôi việc qua mấy trăm năm ai cảm thương hay. Thọ hà dật khẩu tú linh Bùi Huy Tùng : có lẽ là một nhà nho có lòng trắc ẩn với đời nên ở ẩn ở Hà Khẩu Thọ Xương .Cứ nghĩ về dòng lạc khoản này và ý tứ trong bài thơ mà suy ra như thế .Chứ chưa có tư liệu chính xác về tác giả của bài này .( Phùng Khắc Đồng Chú ) .Hong nê theo cụ Nguyễn Kiến ( chàng sơn ) : là chữ lấy từ thơ Tô Đông Pha đời Tống . ‘Phù sinh đảo sứ chi hà sự’

‘cáp tự phi hồng đập tuyết nê’  
( kiếp phù sinh rút cục giống cái gì ? Y hệt như dấu chân chim hồng đậu trên tuyết mà thôi ).

**Bài sáu :**

*Lô Tản sơn hà vãng cục thâm  
Phùng Công tổ lý cố dư âm  
Huân danh bách thế tồn Lê sử  
Thảo thụ thiên thu uất Khổng lâm  
Bắc sử chi thần sinh bất tử  
Tây nam hạo khí tích nhi kim  
Trùng tu nghĩ dục tâm di tích  
Nhất phiến du du hiếu cổ tâm*

( *Kinh diên khởi cư rú Thám hoa Hoàng Xuân Hiệp kính đề .* )

**Dịch nghĩa :** Khí tượng của núi tản sông lô tụ hội từ xưa thật là sâu xa .  
Từ nơi làng cũ của Phùng Công ngược dòng thời gian tìm lại dư âm của người .

Tiếng thơm và công lớn của cụ còn chép ở sử triều Lê  
Ngàn năm sau cây cỏ ở rừng Khổng vẫn xanh tốt  
Cái thần của các bài thơ đi sứ không bao giờ tắt  
Khí thiêng lồng lộng trên đỉnh núi phía tây từ xưa đến nay vẫn thế  
Việc trùng tu lăng mộ là có ý nhớ về cội nguồn  
Một tấm lòng ngưỡng mộ người xưa dài mãi không bao giờ tắt.

(1) **khổng lâm :** Khu rừng lớn ở huyện Khúc Phụ tỉnh Sơn Đông ( Trung Quốc) trong đó có đền Khổng Tử và học trò của ông .Đây muốn dùng điển này để chỉ khu lăng mộ của Phùng Tường Công .

- Hoàng Xuân Hiệp người thôn Dững Thọ trước là Phường Đông Các huyện Thọ Xương tỉnh Hà Nội xưa .Đỗ Cử Nhân Khoa Đinh Mùi 1847 ,đỗ Thám Hoa Tân Hợi 1851 thời Tự Đức .Làm quan thị giảng học sĩ ,tạp hiền viện .

- phần lạc khoản ở ba ghi là: ‘kính đề’ ở quyền sao ‘văn chỉ chủ bi’ chép là ‘cung đề’ .

**Bài bảy :**

*Tất mã phi kinh sử tiết huyền  
Nam quan kỷ độ khoái minh tiên  
Kim nhân nhập cận từ vô khuất  
Ngọc quyết dương hưu bút dục tiên  
Nhất trích đào nguyên do hữu khúc  
Thốn tâm Mai Lĩnh mạn thành biên  
Châu cường chính thiết tiền tu ngưỡng  
Trần trọng trình môn thụ lũng thiên*

(*Bác học hoành tài khoa,cát Sĩ Đông Thọ Trần Huy Tích hậu phủ bài đề .*)

**Dịch nghĩa :**

Mấy lần vó ngựa trên đường gai góc đi sứ  
(đề) qua Ải Nam quan nêu cao khí tiết .



Vào yết kiến biện chuyện người vàng lời không chịu khuất  
Rời bệ ngọc ,về nghỉ ngơi làm thơ ( dâng vua Minh ) bút nên khen  
Một lần đi cày soạn nên khúc đào nguyên  
Dãi tấm lòng với non mai ,góp nhặt lại chép thành biên  
Ngưỡng mộ thì hướng về công trình xây dựng của người xưa  
Xin kính trọng ghi đôi lời vào bia đặt ở mộ để chút lòng thành .

Trần Huy Tích : người ở xã Dũng Thọ ( trước là Phường Đông Các ) huyện Thọ Xương tỉnh Hà Nội xưa .Đỗ Cử Nhân Khoa Canh Tuất 1850: đỗ đồng tiến sĩ khoa bác học hoàng tài năm Tân Hợi 1851.làm quan tới chức đốc học.

**Bài tám:**

*Quang Hưng tiến sĩ Mai Quận Công  
Phương tích y thiên Thạch Thất trung  
Sứ tiết đài hành di đỉnh lặc  
Phản lâm miếu mạo thụ yên lung  
Văn lan viễn viễn Lô giang thoát  
Anh khí lừng lừng Tản lĩnh tung  
Sổ bách niên lai phong vạn tại  
Tây trai phiến nguyệt thử tâm đồng.  
Lại bộ hành tẩu cử nhân Bùi Huy Côn  
( Trọng ngọc bát đề.)*

*Dịch nghĩa :* đỗ tiến sĩ thời Quang Hưng nhà Lê,được phân tước Mai Quận Công.

Danh tính vẫn còn nguyên vẹn ở huyện Thạch Thất  
Khí tiết đi sứ,công việc trong đình vẫn theo đạo di luật  
Nay phần mộ,miếu thờ cay cối vẫn có khói lòng  
Hơi văn cuộn cuộn như dòng Lô chảy rộng  
Khí tiết lừng lừng như núi tản cao vời  
Phong vạn mấy trăm năm,nay vẫn thế  
Mảnh trăng ở tây tri xưa,soi rọi cùng một cõi lòng.  
Bùi Huy Côn còn có tên là Bùi Huy Côn quê ở phường Hà Khẩu,huyện Thọ Xương,tỉnh Hà Nội xư. Đỗ cử nhân khoa Quý Mão 1843,làm hành tẩu bộ lại,rời đi chi huyệ.

**Bài chín:**

*Nhất phong phơi thổ phiến bi minh  
Hạc mộ quy tàn dục hoán bình  
Yên bắc kháng ngôn trung kháng khái  
Việt Nam thù tích bút đan thanh  
Phương doanh bắt đoạn Câu sơn tú  
Phản miếu do đăng Tích thủy linh  
Mai lĩnh,Đào nguyên hà sứ sở  
Bồi hồi thi khúc nguyệt trung thanh.  
Thọ hà Bùi Huy Luyện,Bùi Huy Chiêu đồng bài đề.*

*Dịch nghĩa:*

Một phong đá mộ (đá ong) một tấm bia khắc bài minh  
Giác mộng đã tan muôn gọi cho tỉnh lại

Lời lẽ chống lại yên kinh là ro lòng khẳng khái trung thành  
Công tích để lại ở Việt Nam là ngòi bút vẽ nên bức tranh đẹp  
Phân mộ thom là tiếc nỗi khí thiêng của núi Câu Lậu  
Miếu thờ cũng là phô diễn sự trong sáng như dòng sông Tích  
Đào nguyên Mai lĩnh bây giờ là ở nơi nào?  
(mà) Lời thơ ngân còn bồi hồi nghe đâu đó ở dưới bóng trăng thanh.  
Bùi Huy Luyện và Bùi Huy Chiêu đều là người ở phường Hà Khẩu huyện Thọ Xương  
tỉnh Hà Nội-cùng quê với Nguyễn Đạo Thạch Thất Bùi Huy Tuyên lúc ấy. Còn quan hệ  
thế nào thì chưa rõ.  
Xin theo dõi tiếp bài 5 - dienbatn.

---

## **KHẢO SÁT MỘT SỐ NGÔI MỘ CỦA TIỀN NHÂN ĐỂ LẠI . BÀI 5.**

*Thứ Ba, ngày 19 tháng 4 năm 2016*

### **KHẢO SÁT MỘT SỐ NGÔI MỘ CỦA TIỀN NHÂN ĐỂ LẠI .**

*Sau rất nhiều chuyến đi đã khảo sát Phong thủy âm trạch , dienbatn còn giữ được một số tư liệu về những ngôi mộ cổ do tiền nhân đặt từ xưa . Nay đăng lại trong Blog này làm tư liệu và mong rằng những Thầy Địa lý của Việt Nam hiện nay nghiên cứu và hy vọng sẽ rút ra được những điều bổ ích cho mình , ngõ hầu có thể giúp cho những thân chủ của mình một cuộc sống an vui , hạnh phúc.*

*Sách có câu : "Tiên tu nhân lập âm chất,nhi hậu tầm Long ".*

*Người người đều muốn có được một Địa trạch tốt tươi,nhằm thăng hoa cuộc sống vật chất đầy đủ,công danh hiển hách,vợ đẹp con ngoan,Gia đình hạnh phúc.Sách THÔI QUAN THIÊN viết : "Trong nhà có người đức hạnh cao thượng thì đất đá trên núi gần đó nhất định có Linh khí ".Qua câu nói trên tức là con người làm chủ Linh khí vạn vật do phần Tâm khí của chính mình.Các Phong Thủy Sư không hiểu điều này thì dù có Trích Huyệt Tầm Long được Bảo địa cũng chẳng linh nghiệm.*

*Những việc Tầm Long Địa Huyệt còn phải hội thêm phần cảm ứng tức là Thiên Đạo (Đạo Trời );sự ứng nghiệm của việc hành thiện lập âm chất,tạo nhân quả tốt.Tục ngữ có câu : "Âm địa tốt không bằng Tâm địa tốt ".Do vậy,tìm kiếm chọn lọc được Địa mạch Huyệt vị,Phong Thủy Sư phải tích đức hành thiện làm căn bản.Nếu kẻ nào có phẩm chất cao thượng,thì ắt Thiên cơ sẽ ứng,Địa cơ theo đó mà tăng thêm sự tốt lành cho con cháu đời sau hưởng Phúc.Bởi Tâm địa thiện lương thì tương ứng với Địa mạch cát lợi ,vận Trời ứng cho,chứ chẳng phải chủ quan tâm về hình thức mà quên đi nội dung,cứ tưởng rằng tầm được Long huyệt rồi,con cháu đời sau sẽ được hưởng Phúc,cái gốc chúng ta chẳng lo mà lại đi lo cái ngọn,rõ là ta chẳng biết gì cả.Nếu như các Phong Thủy Sư họ tài giỏi như thế thì ắt họ phải giành những huyệt Đế Vương,Công Hầu,Khanh tướng cho con cháu họ,chứ đại gì mà họ chỉ cho ai ?*

*Quách Phác nói : "Cát hung cùng cảm ứng lẫn nhau,họa phúc cũng tự nhiên theo Tâm khí chiêu cảm mà đến ".*

*Khi táng di hài Tổ tiên,chắc người ta phải chọn Địa huyệt thật tốt mà an táng,song song với việc trên ,người tại tiền phải nỗ lực tu dưỡng thân,tâm cầu lấy gốc rễ của Đạo.Nếu*

chỉ chú trọng quan sát hình thể Địa huyết, sẽ cho kết quả trái ngược, làm tổn hại đến con cháu đời sau.

Nếu như có Nhân, tất phải có Quả; nhưng Nhân - Quả thiện ác tùy vào Tâm khi chiêu lấy họa phúc. Cũng như ngày xưa có người chết được Thiên táng hay Địa táng một cách ngẫu nhiên, con cháu sau này phát Đế Vương, Công hầu.

Triệu Quang viết cuốn : "PHONG THỦY TUYỂN TRẠCH TỰ ", có nói rằng : "Vô phước cho ai không có nhân duyên mà được Huyệt tốt ". Dẫu cái tốt, xấu của Phong thủy Huyệt mộ ảnh hưởng đến cát hung, nhưng Âm đức của con người có thể cải biến được Vận - Mạng. Đến như các bậc Tiên bối Phong thủy như Cao Biền, Quách Phác tài giỏi kinh Thiên động Địa , nhưng khi gặp Huyệt Đế Vương cũng không dám dành cho mình, bởi biết đạt Địa lợi, nhưng Thiên thời và Nhân hội còn khuyết, không dám nghỉ bàn. Tóm lại việc "TIÊN TÍCH ĐỨC, NHI HẬU TÂM LONG " của người xưa dạy quả không sai.

### **5/ KHẢO SÁT MỘ CỤ PHẠM ĐÌNH HỒ.**

( Đan Loan - Nhân Quyền - Bình Giang - Hải Dương ).



Phạm Đình Hồ (Hán văn: 范廷琥, 1768-1839) tự Tùng Niên (松年), Bình Trực (秉直), hiệu Đông dã Tiêu (東野樵), tục gọi Chiêu Hồ tiên sinh (昭琥先生). Ông là nhà nghiên cứu văn hóa, nhà văn và nhà thơ của Việt Nam ở khoảng cuối thế kỷ 18 đến đầu thế kỷ 19.

Phạm Đình Hồ sinh năm Mậu Tý (1768), người làng Đan Loan, huyện Đường An, phủ Thượng Hồng, tỉnh Hải Dương (nay thuộc huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương).

Sinh trong một gia đình khoa bảng, cha ông là Phạm Đình Dư, đậu cử nhân, làm Hiến sát Nam Định, thăng Tuần phủ Sơn Tây, rồi cáo quan về ở phường Hà Khẩu (Hàng Buồm) năm Giáp Ngọ (1774).

Ngay từ nhỏ, Phạm Đình Hồ đã tỏ chí rằng: Làm người con trai phải lập thân hành đạo...Lấy văn thơ nổi tiếng ở đời.... Tuy học & đọc nhiều sách (năm 9 tuổi, ông đã học sách Hán thư), nhưng ông chỉ đỗ đến sinh đồ (tức tú tài) vào khoảng cuối đời Chiêu Thống.



Gặp buổi loạn lạc, vua Lê Chiêu Thống cho người chạy sang cầu viện nhà Thanh, rồi triều đình Lê Trịnh sụp đổ, nhà Tây Sơn lên cầm quyền... Suốt quãng thời gian này, Phạm Đình Hổ sống đời cơ hàn dạy học ở quê.

Đến khi Gia Long lên ngôi, cho khôi phục lại việc học hành thi cử; ông có đi thi Hương ba lần, nhưng đều không đỗ. Hồi ấy ông đang dạy học ở phường Thái Cực, huyện Thọ Xương trong thành Thăng Long, hằng ngày rèn luyện học trò và biên soạn sách. Tại đây, ông kết bạn thơ với nữ sĩ Hồ Xuân Hương.

Năm Canh Thìn (1820), có chỉ triệu ông và Phan Huy Chú vào Huế đợi mệnh cất dùng, nhưng vì ốm ông không vào được.

Năm Tân Ty (1821), vua Minh Mạng ra Bắc. Khi ấy, Phạm Đình Hổ ở tuổi 53, được vời ông đến hỏi về học vấn, thi cử và tình hình nhân tài đất Bắc. Lại khuyên hễ có những sách tiền triều, sách trước thuật... nên đem tiến trình. Ông bèn dâng lên nhà vua những sách do mình biên soạn, bèn được triệu vào Huế làm Hành tẩu Viện Hàn lâm, được ít lâu, ông xin từ chức.

Năm Minh Mạng thứ 7 (1826), vua lại triệu ông, cho làm Thừa chỉ Viện Hàn Lâm, tiếp đến làm Tế tửu Quốc Tử Giám. Năm sau, xin nghỉ bệnh rồi từ chức. Sau, ông lại vào sung chức, được thăng Thị giảng học sĩ.

Năm Nhâm Thìn (1832), ông xin về hưu luôn. Năm Kỷ Hợi (1839), Phạm Đình Hổ mất, thọ 71 tuổi.

Phạm Đình Hổ, vốn muốn lấy văn thơ nổi tiếng ở đời, nên cuộc đời ông chủ yếu dành cho việc sáng tác và biên soạn sách hơn là việc ở chốn quan trường. Và nhờ đọc nhiều, đi nhiều, ông đã để lại nhiều công trình khảo cứu, biên soạn có giá trị thuộc đủ mọi lĩnh vực: văn học, triết học, lịch sử, địa lý,... tất cả đều bằng chữ Hán. Hiện còn lưu trữ 22 tác phẩm, trong số đó đáng kể là:

An Nam chí: Ghi chép về nước An Nam.

Ô châu lục: Ghi chép về châu Ô.

Kiên khôn nhất lãm: Cái nhìn tổng quát về trời đất.

Lê triều hội điển: Điển chương pháp luật triều Lê.

Đạt Man quốc địa đồ: Chân Lạp địa đồ.

Ai Lao sứ trình: Hành trình đi sứ Ai Lao.

Bang giao điển lệ: Phép tắc luật bang giao.

Nhật dụng thường đàm: Từ điển từ ngữ và tri thức thông dụng.

Hy kinh lỗi trắc: Giải thích ngắn gọn về bộ kinh của Phục Hy.

Ngoài ra còn nhiều bộ sách khác như: Quốc sử tiểu học, Hành tại diện đối, Quốc thư tham khảo, Châu Phong tạp khảo, Châu Phong thi tập v.v...

Về sáng tác văn học có hai tập bút ký:

Vũ trung tùy bút

Tang thương ngẫu lục (hợp soạn với Nguyễn Án).

Và hai tập thơ:

Đông Dã học ngôn thi: Tập thơ học nói của Đông Dã. Tùng cúc liên mai tứ hữu: Bốn người bạn Thông, cúc, sen, mai. Qua hai tập bút ký và thơ của ông, người đọc thấy Phạm Đình Hổ đã đứng trên lập trường Nho giáo chính thống, để vừa luyến tiếc và lý tưởng hóa dĩ vãng vàng son của giai cấp phong kiến... vừa bày tỏ thái độ phê phán và bất mãn trước

những cảnh đời suy thoái tệ, bởi sự bất tài, bất lực, sa đọa của giới thống trị. Nhờ có một số tri thức sâu rộng, nên lĩnh vực nào cũng được ông tìm hiểu và ghi chép lại khá tường tận. Về phương diện văn chương, ký là thể tài thuộc sở trường của ông. Ở chúng, đa phần đều giàu chất văn học và tính chân thực. Nhìn từ góc độ lịch sử, văn hóa, những bài viết ấy, quả là những tài liệu bổ ích và lý thú. Trong thơ ông, bên cạnh những bài viết về cái nghèo khổ, cái bất đắc chí của mình; về tình cảm bạn bè, cảm quan lịch sử... còn có một số bài viết về các thiếu nữ trẻ trung & ngây thơ khá độc đáo..

Nguyên văn:

Nguyên văn:

懷古

去歲桃花發，  
鄰女初學嵇。  
今歲桃花發，  
已嫁鄰家西。  
去歲桃花發，  
春風何淒淒。  
鄰女對花泣，  
愁深眉轉低。  
今歲桃花發，  
春草何淒淒。  
鄰女對花笑，  
吟成手自題。  
吟成手自題。

Phiên âm:

Hoài cổ

Khứ tuế đào hoa phát,  
Lân nữ sơ học kê.  
Kim tuế đào hoa phát,  
Dĩ giá lân gia tê (tây).  
Khứ tuế đào hoa phát,  
Xuân phong hà thê thê.  
Lân nữ đối hoa khắp,  
Sầu thâm mi chuyển đề.  
Kim tuế đào hoa phát,  
Xuân thảo hà thê thê.  
Lân nữ đối hoa tiếu,  
Ngâm thành thủ tự đề.

Dịch nghĩa:

Cảm nhớ chuyện cũ

Năm ngoái hoa đào nở,

Cô gái láng giềng mới học cài trâm,

Năm nay hoa đào nở,  
Cô đã lấy chồng ở nhà lán giềng phía tây.  
Năm ngoái hoa đào nở,  
Gió xuân sao lạnh lạnh,  
Đứng trước hoa cô gái lán giềng khóc,  
Buồn quá đôi lông mày sa xuống.  
Năm nay hoa đào nở,  
Cỏ xuân sao mà xanh tươi.  
Đứng trước hoa cô gái lán giềng tươi cười  
Thơ làm xong tự tay cô viết lấy.

(<https://vi.wikipedia.org>)

"Làng Đan Loan xưa thuộc Tổng Minh Luân, huyện Đường An, nay thuộc xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Vốn là một làng nhỏ nằm giữa vùng châu thổ sông Hồng. Nơi đây là quê hương của danh nhân Phạm Đình Hổ, người đã để lại cho văn học nước nhà nhiều tác phẩm có giá trị, tiêu biểu như Vũ Trung tùy bút, Châu phong tạp khảo và nhiều tác phẩm khác. Từ Hà Nội đi Hải Phòng, đến ngã tư Quán Gỏi, rẽ phải theo đường 20, qua thị trấn Kê Sắt chừng 10 cây số thì đến phố Lòn. Từ phố Lòn rẽ tay trái chừng 2 cây số thì đến làng Đan Loan. Đường ô tô vào đến tận trong làng, việc đi lại rất dễ dàng và thuận tiện. Làng Đan Loan còn có tên là làng Độc. Tương truyền cách đây khoảng hai nghìn năm, nơi đây còn là một vùng đất hoang, lau cỏ ngập tràn. Ở Tổng Minh Luân có vợ chồng cụ Độc, tên thì thế nhưng tính nết hiền lành, thảo thơm, lại chịu thương, chịu khó nên đời sống khá giả. Hai cụ tuổi đã cao mà chưa có con. Hai cụ đi đến các làng lân cận nhận những trẻ mồ côi không nơi nương tựa về nuôi. Hai cụ đã nhận được cả thảy 7 người con nuôi đặt tên theo họ là Lê, Phạm, Đào, Bùi, Đoàn, Dương, Vũ. Các con lớn lên trở thành gia đình đông đúc, cụ Độc xin phép dân làng cho ra khai hoang, vỡ hoá vùng đất cách xa làng cũ (chừng 2 km), lập ấp, cấy lúa để nuôi nhau. Bảy người con lớn lên, xây dựng gia đình ở quây quần bên cạnh, trở thành xóm ấp, dân trong vùng gọi là ấp cụ Độc. Cụ Độc dạy các con nuôi cấy bừa, cấy gặt và còn mời thầy về dạy các con học chữ. Cụ dựng ngôi nhà gỗ 5 gian để làm nơi dạy học và đọc sách. Vì vậy về sau người ta gọi là làng Độc. Cái tên làng Độc vẫn tồn tại cho đến ngày nay. Vợ chồng cụ Độc cuối đời đã để lại hết gia sản cho các con, chỉ giành phần nhỏ để lập chùa Sùng Phúc và cắt tóc đi tu, lấy hiệu là Độc tẩu thiền sư. Khi hai cụ qua đời, con cháu nuôi thương tiếc dựng tháp an táng ngay cạnh chùa và lập miếu thờ phụng. Ngày nay miếu thờ cụ Độc và chùa Sùng Phúc vẫn còn, dân làng cử người trông nom, hương khói chu đáo. Ngày nay làng Độc có bảy dòng họ chính khởi nguồn từ bảy người con nuôi của cụ Độc. Ngày 14 tháng 9 âm lịch là ngày giỗ cụ Độc được coi là ngày giỗ Thủy tổ và được phát triển lên thành ngày hội làng để dòng tộc, anh em, nội ngoại, xa gần hội tụ hưởng về tiên tổ. Làng Độc là làng khoa bảng, có số Tiến sĩ nhiều thứ hai của huyện Bình Giang, chỉ sau làng Mộ Trạch. Tiêu biểu như các Tiến sĩ Bùi Thế Vinh, Vũ Thạnh, Vũ Huyền, Vũ Huy và nhiều Tiến sĩ khác. Theo nhiều tài liệu lịch sử thì ông Vũ Huyền là con ông Vũ Thạnh, là cháu ông Vũ Huy. Ba anh em, chú cháu cùng làm quan trong triều nên đương thời có người mừng câu đối rằng "Đông triều tam tiến sĩ. Nhất nhật lưỡng vinh qui (cùng một triều đại có 3 Tiến sĩ. Trong một ngày có hai người cùng về vinh qui). Cụ Độc là Thủy tổ



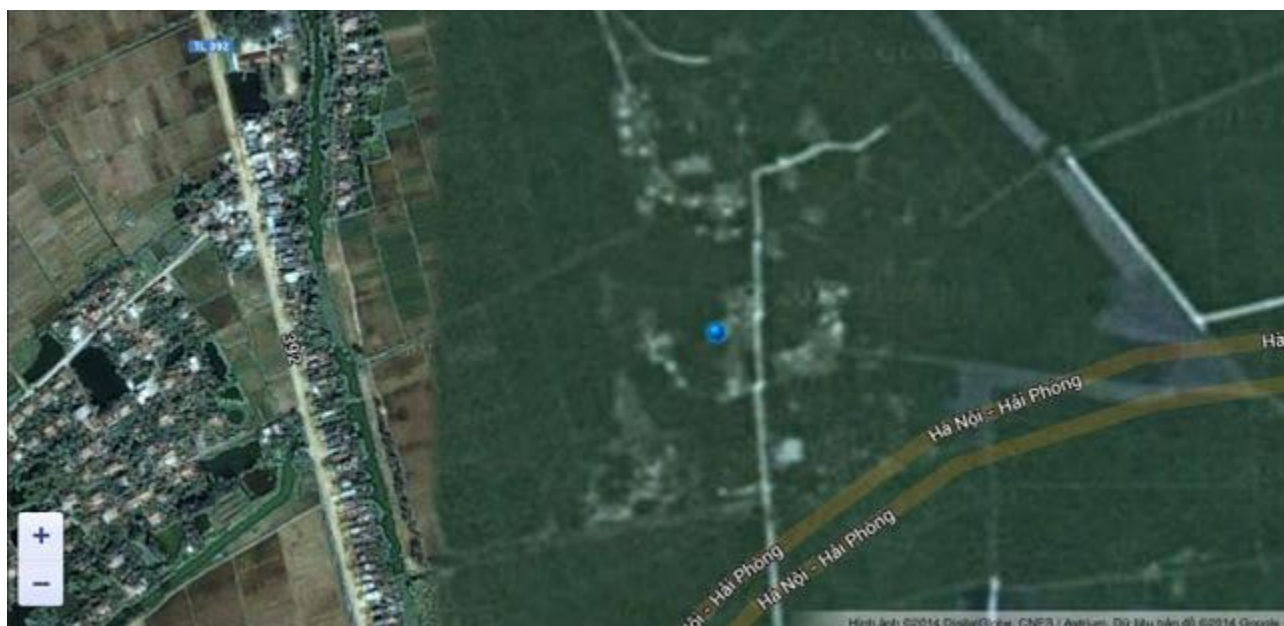
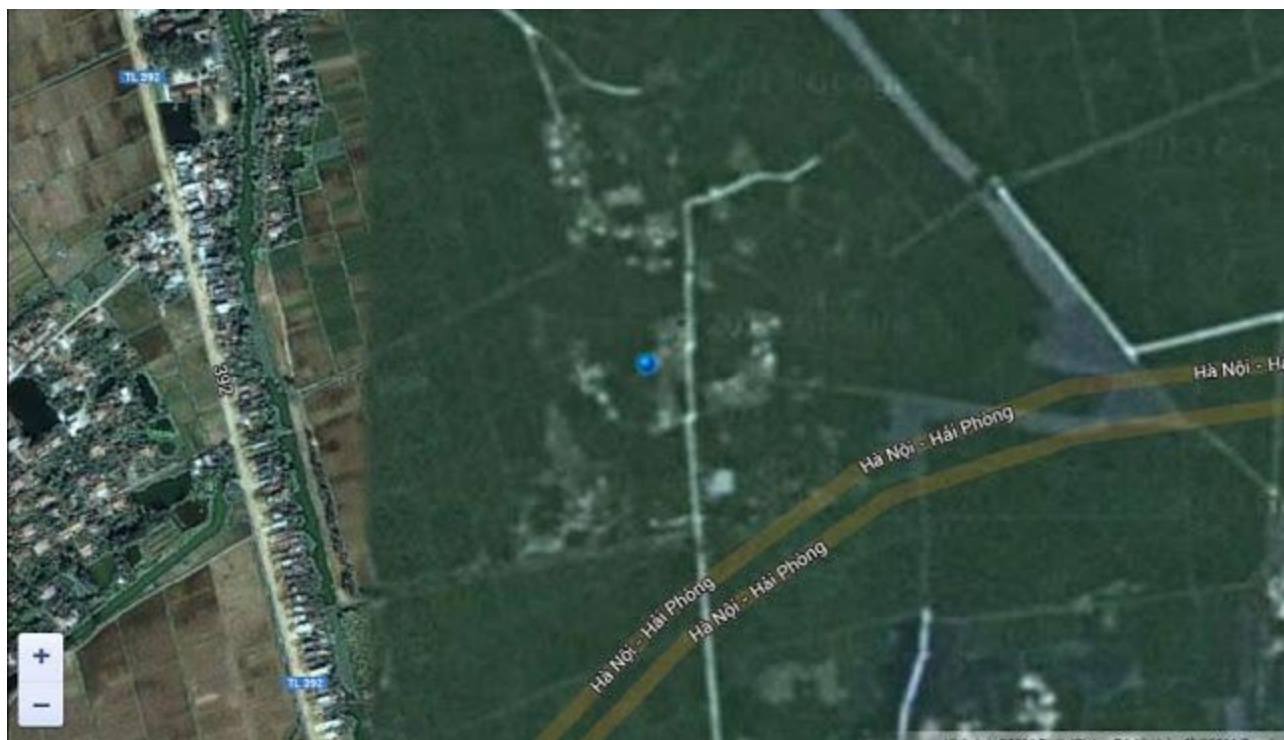
làng, nhưng thành hoàng làng lại là ông bà Triệu Xương. Lịch sử làng đã ghi: Vào thời nhà Đường cai trị nước ta, có một viên quan tên là Triệu Xương cùng vợ là Phương Dung công chúa đi qua vùng này, thấy làng quê trù phú dân làng chịu khó cấy cày, lại ham đọc sách, nên ngự lại làng, dạy cho dân biết nghề nhuộm vải và tơ lụa, là nghề gia truyền bên Trung Quốc. Từ đó dân làng Độc có thêm nghề nhuộm, (còn gọi là nghề ruộm). Dân làng nhớ công ơn nên thờ ông bà Triệu Xương làm Thành hoàng làng. Ngày nay ở gần miếu thờ cụ Độc có ngôi đền thờ ông bà Triệu Xương, cùng bài vị 9 bậc khoa bảng và danh nhân Phạm Đình Hổ. Đền thờ này cũng được Bộ Văn hoá - Thông tin cấp Bằng Di tích Lịch sử- Văn hoá năm 1998.

**KHU MỘ** : Hiện nay tại làng Đan Loan vẫn còn khu đất là nhà cũ của ông cùng với lầu bình thơ trên một gò đất cạnh ao sen nhìn ra cánh đồng phía bắc làng, (khu đất và lầu bình thơ hiện nay do ông Phạm Đình Trình cháu đời thứ 5 của Phạm Đình Hổ đang ở và trông nom). Ngôi mộ đơn sơ của Phạm Đình Hổ hiện còn nằm tại cánh đồng phía bắc làng. Mộ và lầu bình thơ của ông đã được Bộ Văn hoá - Thông tin cấp bằng công nhận là Di tích Lịch sử- Văn hoá từ năm 1999". ( Đỗ Thị Hiền Hoà (Báo Văn nghệ) ).

"Bình Giang nằm ở phía Tây Nam thành phố Hải Dương, diện tích tự nhiên là 104,7 km<sup>2</sup>. Phía Bắc giáp huyện Cẩm Giàng, phía Nam giáp huyện Thanh Miện, phía Đông giáp huyện Gia Lộc, phía Tây giáp huyện Ân Thi và Mỹ Hào của tỉnh Hưng Yên.

Bốn mặt huyện Bình Giang đều có sông: sông Kẻ Sặt ở phía Bắc, sông Đình Hào ở phía Đông, sông Cừ An ở phía Tây, sông Cầu Lâm, Cầu Cốc ở phía Nam. Trong đó sông Sặt bắt nguồn từ sông Hồng, qua cống Xuân Quan, qua cầu Lục Điền, cầu của đường 39A, nối quốc lộ 5A với thành phố Hưng Yên, tiếp cận với huyện Bình Giang tại vị trí sát làng Tranh Ngoài, xã Thúc Kháng. Đến đây sông có nhánh chạy dọc theo phía Tây huyện, gọi là sông Cừ An; một nhánh chạy dọc phía Bắc huyện gọi là sông Kẻ Sặt, thông với sông Thái Bình, qua Âu Thuyền, thành phố Hải Dương.

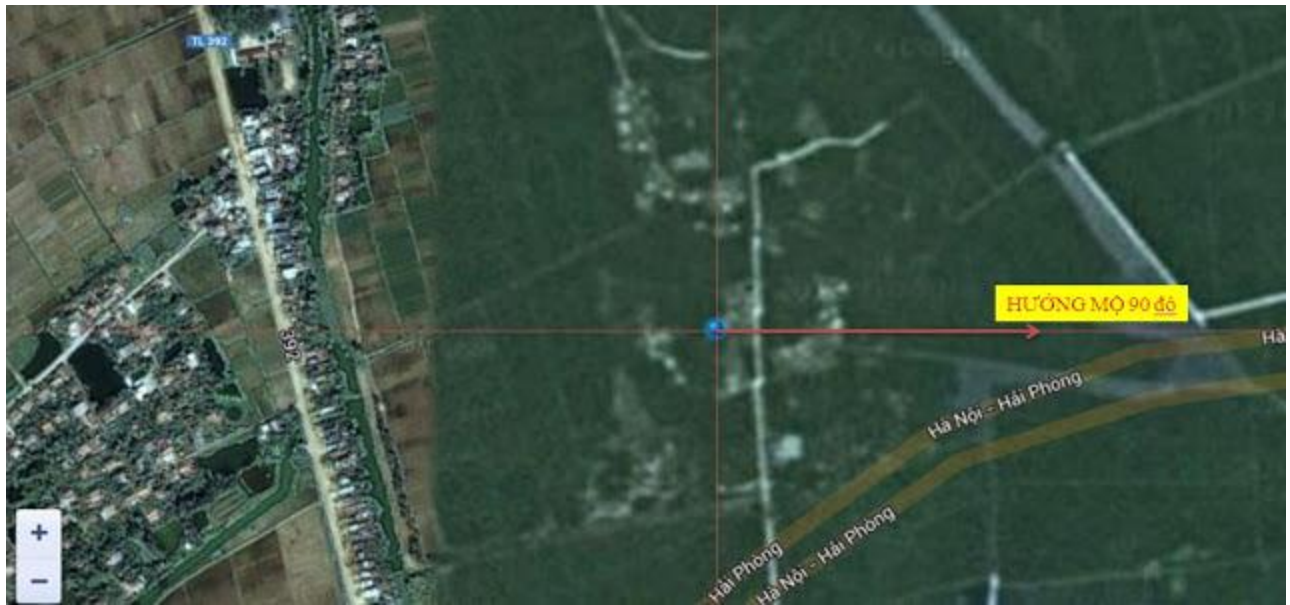
Tại xã Hồng Khê, phía nam của huyện Bình Giang có làng cổ trinh nữ, là một trong những ngôi làng cổ cùng hình thành với làng Mộ Trạch. (Theo "Làng Cổ Việt") có 39 tiến sĩ. Chúng tôi về xã Nhân Quyền, một xã đạt 17 chỉ tiêu Nông thôn mới. Ngôi trường mầm non khang trang không kém thành phố. Nơi đây là quê của danh nhân Phạm Đình Hổ . "( <http://trannhuong.net/> )



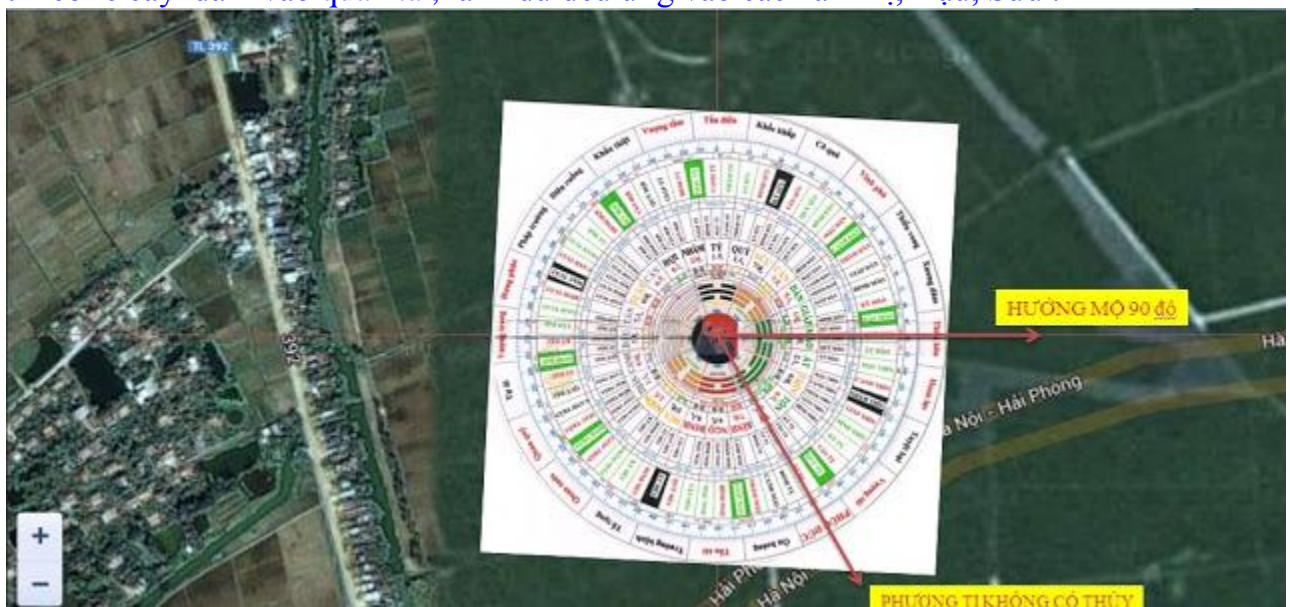


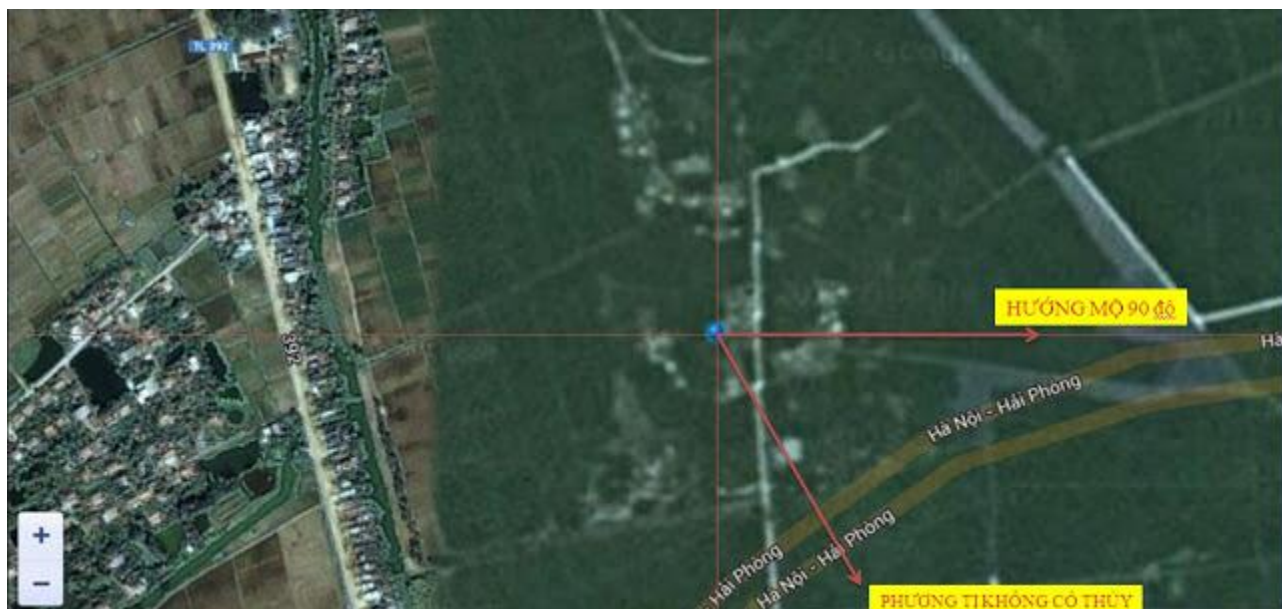






Mộ nằm theo hướng Tọa Dậu - Hướng Mão - Thuộc cung Chấn hướng Đông với phân kim : Kỷ Dậu - Quý Mão .Quý Mão khí ở chính Mão long thì phú quý song toàn, sinh ra người thông minh, khỏe mạnh, mọi sự tăng tiến. Nếu thấy thủy ở Tị phương xung vào thì có rễ cây đâm vào quan tài, lành dữ đều ứng vào các năm Tị, Dậu, Sửu .















Nghĩa trang có mộ cụ PHẠM ĐÌNH HỒ.





"Binh Giang là nơi nổi tiếng hiếu học, một trong những cái nôi văn hiến đã sinh thành nhiều vị Tiên sĩ lưu truyền theo tháng năm lịch sử "Tiền làng Đốc, thóc làng Nhữ, chữ làng Chằm", câu nói ấy đã khái quát một cách ngắn gọn chính xác những thế mạnh về kinh tế, văn hóa các vùng quê ở Binh Giang.

Trong vòng 6 thế kỷ từ năm 1344 đến 1883 huyện Binh Giang có 99 tiên sĩ, trong đó có những vị tài năng nổi tiếng trong cả nước như Lê Cảnh Tuân đỗ đệ tam giáp tiến sĩ khoa Tân Dân 1381, Lê Nại đỗ Trạng Nguyên 1505, Vũ Tụ đỗ Hoàng giáp khoa Kỷ Sửu năm Hồng Đức thứ 24 làm quan đến Hữu thị lang bộ hình đặc ban liên tiết công thân, Nhữ Đình Hiền đỗ tiến sĩ năm Canh Thân (1680) niên hiệu Vĩnh Trị thứ 5 làm quan Thượng thư bộ hình, Trần Vĩ đỗ tiến sĩ năm Giáp Thìn niên hiệu Hoàng Định thứ 5 được phong Đông các đại học sĩ thiên bảo. Đặc biệt làng Mộ Trạch, xã Tân Hồng có tới 36 người đỗ

đạt cao, trong đó có 01 Trạng Nguyên, 9 Hoàng Giáp, 26 tiến sĩ, là một trong những làng có số tiến sĩ nhiều nhất trong cả nước ta, được mệnh danh là "Lò tiến sĩ xứ Đông" với những tên tuổi làm rạng danh quê hương xứ sở." (<http://bachuame.com/>).  
Xin theo dõi tiếp bài 6 - dienbatn .

---

## **KHẢO SÁT MỘT SỐ NGÔI MỘ CỦA TIỀN NHÂN ĐỂ LẠI . BÀI 6.**

*Thứ Tư, ngày 20 tháng 4 năm 2016*

### **KHẢO SÁT MỘT SỐ NGÔI MỘ CỦA TIỀN NHÂN ĐỂ LẠI .**

*Sau rất nhiều chuyến đi đã khảo sát Phong thủy âm trạch , dienbatn còn giữ được một số tư liệu về những ngôi mộ cổ do tiền nhân đặt từ xưa . Nay đăng lại trong Blog này làm tư liệu và mong rằng những Thầy Địa lý của Việt Nam hiện nay nghiên cứu và hy vọng sẽ rút ra được những điều bổ ích cho mình , ngõ hầu có thể giúp cho những thân chủ của mình một cuộc sống an vui , hạnh phúc.*

*Sách có câu : "Tiên tu nhân lập âm chất, nhi hậu tầm Long ".*

*Người người đều muốn có được một Địa trạch tốt tươi, nhằm thăng hoa cuộc sống vật chất đầy đủ, công danh hiển hách, vợ đẹp con ngoan, Gia đình hạnh phúc. Sách THỜI QUAN THIÊN viết : "Trong nhà có người đức hạnh cao thượng thì đất đá trên núi gần đó nhất định có Linh khí ". Qua câu nói trên tức là con người làm chủ Linh khí vạn vật do phần Tâm khí của chính mình. Các Phong Thủy Sư không hiểu điều này thì dù có Trích Huyệt Tầm Long được Bảo địa cũng chẳng linh nghiệm.*

*Những việc Tầm Long Địa Huyệt còn phải hội thêm phần cảm ứng tức là Thiên Đạo (Đạo Trời ); sự ứng nghiệm của việc hành thiện lập âm chất, tạo nhân quả tốt. Tục ngữ có câu : "Âm địa tốt không bằng Tâm địa tốt ". Do vậy, tìm kiếm chọn lọc được Địa mạch Huyệt vị, Phong Thủy Sư phải tích đức hành thiện làm căn bản. Nếu kẻ nào có phẩm chất cao thượng, thì ắt Thiên cơ sẽ ứng, Địa cơ theo đó mà tăng thêm sự tốt lành cho con cháu đời sau hưởng Phúc. Bởi Tâm địa thiện lương thì tương ứng với Địa mạch cát lợi , vận Trời ứng cho, chứ chẳng phải chủ quan tâm về hình thức mà quên đi nội dung, cứ tưởng rằng tầm được Long huyệt rồi, con cháu đời sau sẽ được hưởng Phúc, cái gốc chúng ta chẳng lo mà lại đi lo cái ngọn, rõ là ta chẳng biết gì cả. Nếu như các Phong Thủy Sư họ tài giỏi như thế thì ắt họ phải giành những huyệt Đế Vương, Công Hầu, Khanh tướng cho con cháu họ, chứ đại gì mà họ chỉ cho ai ?*

*Quách Phác nói : "Cát hung cùng cảm ứng lẫn nhau, họa phúc cũng tự nhiên theo Tâm khí chiêu cảm mà đến ".*

*Khi táng di hài Tổ tiên, chắc người ta phải chọn Địa huyệt thật tốt mà an táng, song song với việc trên , người tại tiền phải nỗ lực tu dưỡng thân, tâm cầu lấy gốc rễ của Đạo. Nếu*

chỉ chú trọng quan sát hình thể Địa huyết, sẽ cho kết quả trái ngược, làm tổn hại đến con cháu đời sau.

Nếu như có Nhân, tất phải có Quả; nhưng Nhân - Quả thiện ác tùy vào Tâm khi chiêu lấy họa phúc. Cũng như ngày xưa có người chết được Thiên táng hay Địa táng một cách ngẫu nhiên, con cháu sau này phát Đế Vương, Công hầu.

Triệu Quang viết cuốn : "PHONG THỦY TUYỂN TRẠCH TỰ ", có nói rằng : "Vô phước cho ai không có nhân duyên mà được Huyệt tốt ". Dẫu cái tốt, xấu của Phong thủy Huyệt mộ ảnh hưởng đến cát hung, nhưng Âm đức của con người có thể cải biến được Vận - Mạng. Đến như các bậc Tiên bối Phong thủy như Cao Biền, Quách Phác tài giỏi kinh Thiên động Địa , nhưng khi gặp Huyệt Đế Vương cũng không dám dành cho mình, bởi biết đạt Địa lợi, nhưng Thiên thời và Nhân hội còn khuyết, không dám nghĩ bàn. Tóm lại việc "TIÊN TÍCH ĐỨC, NHI HẬU TÂM LONG " của người xưa dạy quả không sai.

## **6/ KHẢO SÁT LĂNG MỘ BỐ CÁI ĐẠI VƯƠNG - PHÙNG HƯNG.**

( 布蓋大王 ).







Phùng Hưng (chữ Hán: 馮興; ? - 791) tự Đô Quân, là thủ lĩnh lãnh đạo cuộc khởi nghĩa chống lại sự thống trị của nhà Đường ở Việt Nam thời Bắc thuộc lần thứ ba (602-905).

Ông vốn xuất thân con nhà hào phú ở làng Đường Lâm thuộc Phong Châu; thời bấy giờ quan đô hộ Cao Chính Bình thu thuế nặng. Phùng Hưng cùng với em là Phùng Hải thu phục được các làng ấp chung quanh, rồi đem quân vây Đô hộ phủ. Cao Chính Bình ưu phần ốm chết, Phùng Hưng thung dung vào đô thành cấm bảy mươi ngọn cờ, hùng oai muôn dặm độc quyền một phương, họa phúc do tay, nghiêm nhiên như một họ Triệu, họ Lý.

Theo sách Đại Việt sử ký toàn thư: Phùng Hưng là người ở làng Đường Lâm, thuộc Giao Châu. Ông vốn con nhà hào phú, có sức vật trâu, đánh hổ.

Theo sách Việt điện u linh: Phùng Hưng là Thế Tập Biên Khố Di Tù Trưởng châu Đường Lâm, hiệu là Quan Lang. Phùng Hưng xuất thân gia tư hào hữu, sức lực dũng mãnh, đánh được hổ, vật được trâu. Người em tên Hải cũng có sức mạnh kì dị.

Theo sách Việt sử tiêu án: Phùng Hưng quê ở làng Đường Lâm thuộc Phong Châu, con nhà hào phú, có sức vật trâu đánh hổ.

Cho tới nay ngày sinh của ông vẫn chưa rõ. Các sách chính sử như Đại Việt Sử ký Toàn thư, Khâm định Việt sử Thông giám Cương mục ghi ông mất năm 802, chỉ một thời gian ngắn sau khi đuổi được giặc Bắc phương. Một nguồn dã sử cho biết ông sinh ngày 25

tháng 11 năm 760 (tức 5-1-761) và mất ngày 13 tháng 8 năm Nhâm Ngọ (tức 13-9-802), thọ 41 tuổi.

Phùng Hưng có tên tự là Công Phấn, cháu 7 đời của Phùng Tới Cái - người đã từng vào trong cung vua Đường Cao Tổ, thời niên hiệu Vũ Đức (618-626) dự yến tiệc và làm quan lang ở đất Đường Lâm. Bố của Phùng Hưng là Phùng Hạp Khanh - một người hiền tài đức độ.

Khoảng năm Nhâm Tuất (722) đời Đường Huyền Tông niên hiệu Khai Nguyên, Phùng Hạp Khanh đã tham gia cuộc khởi nghĩa của Mai Thúc Loan (tức Mai Hắc Đế). Sau đó, ông trở về quê chăm chú công việc điền viên, trở nên giàu có, trong nhà nuôi nô tỳ có đến hàng nghìn người.

Theo sự tích, Phùng Hạp Khanh có một người vợ họ Sủ. Ông bà sinh một lần được ba người con trai khôi ngô khác thường, lớn lên ai cũng có sức khỏe, có thể kéo trâu, quật hổ. Anh cả là Phùng Hưng, em thứ hai là Phùng Hải (tự là Tư Hào) và em út là Phùng Dĩnh (tự là Danh Đạt). Đến năm ba anh em 18 tuổi thì bố mẹ đều mất. Trong ba anh em, anh cả Phùng Hưng là người có sức khỏe và khí phách đặc biệt.

Phùng Hưng nổi nghiệp cha trở thành hào trưởng đất Đường Lâm. Cho tới nay dân gian vẫn còn lưu truyền câu chuyện ông dùng mưu kế giết hổ dữ mang lại bình yên cho làng xóm.

Việt Nam thời thuộc Đường gọi là An Nam đô hộ phủ, khi đó đang nằm dưới ách cai trị hà khắc của bọn quan đô hộ. Các quan đô hộ nhà Đường ra sức vơ vét của cải của người dân Việt Nam, bắt người dân Việt phải đóng sưu cao thuế nặng khiến lòng người ngày càng căm phẫn.

Năm 767, Cao Chính Bình, hiệu úy châu Vũ Định (miền Việt Bắc) giúp kinh lược sứ An Nam là Trương Bá Nghi đánh bại được cuộc xâm lược của quân Chà Và (Java) ở Chu Diên, sau đó được cử làm đô hộ An Nam. Chính Bình ra sức vơ vét của cải của nhân dân, đánh thuế rất nặng.

Khoảng niên hiệu Đại Lịch (766-780), chưa rõ đích xác vào năm nào, nhân Giao Châu có loạn, Phùng Hưng cùng với em là Hải hàng phục được các ấp bên cạnh, Phùng Hưng xưng là Đô Quân, Hải xưng là Đô Bảo, đánh nhau với Cao Chính Bình, lâu ngày không thắng được.

Sách Việt điện u linh chép rằng: Giữa niên hiệu Đại lịch nhà Đường, nhân An Nam có loạn, anh em Phùng Hưng đem quân đi tuần các ấp lân cận, đánh đâu được đấy. Phùng Hưng cải danh là Cự Lão hiệu là Đô Quán, Hải cũng đổi tên là Cự Lực, hiệu là Đô Bảo.

Phùng Hưng dùng kế của người Đường Lâm là Đỗ Anh Hưu đem binh tuần hành mấy châu Đường Lâm, Trường Phong tất cả cả đều quy thuận, uy danh chấn động, muốn đánh lấy Đô Hộ Phủ.

Phần lớn các truyền thuyết đều kể rằng: Phùng Hưng nhận thấy lực lượng chưa thật đủ mạnh để đè bẹp quân địch, ông đã cùng các tướng tảo đi xung quanh chiêu mộ thêm binh lính và sắm thêm vũ khí, còn việc vây thành được giao cho 3 người cháu gái họ Phùng, gọi Phùng Hưng bằng bác.

Phùng Hưng đem quân đánh với Cao Chính Bình, lâu ngày không thắng được. Phùng Hưng dùng kế của Đỗ Anh Hưu, đem quân vây phủ.

Quan đô hộ Cao Chính Bình đem binh ra đánh, không hơn được, ưu phần phát bệnh vàng da rồi chết.

Phùng Hưng vào Đô hộ phủ trị vì 7 năm rồi mất. Theo Đại Việt sử ký toàn thư: Hưng nhân đó vào đóng ở phủ trị, chưa được bao lâu thì chết. Theo Việt sử tiêu án : Ông Hưng cùng với em là Hải, xuất phục được các làng ấp ở chung quanh, tự hiệu là Đô quân, Hải là Đô bảo, dùng kế của người làng là Đỗ Anh Hưu, đem quân vây phủ, Chính Bình lo phần mà chết, ông Hưng vào ở trong phủ, cho Hải làm Thái úy, rồi ông mất. Dân chúng lập con Hưng là An làm Đô Phủ Quân.

Chính sử chép rằng ông cầm quyền cai trị không lâu sau đó đã qua đời ngay trong năm 791. Các sử gia hiện nay xác định ông mất khoảng tháng 5 năm 791.

Nguồn dã sử Việt điện U linh của Lý Tế Xuyên và giai thoại dân gian cho rằng: ông cầm quyền được 7 năm, nhưng lại mất năm 802. Thông tin này không phù hợp về logic: Năm 791 giành được Tổng Bình mà mất năm 802 tức là Phùng Hưng cầm quyền trong 11 năm chứ không phải 7 năm. GS Nguyễn Khắc Thuần cho rằng: Lý Tế Xuyên và truyền thuyết dân gian đã có sự lầm lẫn: hơn 7 năm là thời gian tính từ khi Phùng Hưng làm chủ khu vực quanh Đường Lâm tới khi ông mất, chứ không phải tính từ khi ông làm chủ Tổng Bình.

Theo sách Việt sử tiêu án: Ông Hưng đồng lòng với dân chúng, lập em là Hải. Bò Phá Lặc có sức khỏe đẩy được núi, không chịu theo Hải, lánh ở động Chu Nham. Bò Phá Lặc lập An là con ông Hưng. An tôn cha là Hưng làm Bố Cái Đại Vương (tục gọi cha mẹ là Bố Cái), dân Thổ cho là linh dị, lập đền thờ ở phía tây đô phủ để thờ Hưng.

Theo sách Việt điện u linh, con của Phùng Hưng là Phùng An khi lên ngôi tôn Phùng Hưng làm Bố Cái Đại Vương, bởi quốc tục xưng cha là Bố, mẹ là Cái, nên mới gọi như vậy.



“Phùng Đô Quân là một người phi thường, tất nhiên có sự gặp gỡ phi thường; sự gặp gỡ phi thường chính là để đãi người có tài phi thường. Xem việc sức bắt được hổ, khi muốn nuốt sao Ngâu, khiến cho người trong châu đều úy phục, nếu không có tài lược hơn người thời đâu được như thế. Chính Bình chết rồi, Vương thung dung vào đô thành cầm bảy mươi ngọn cờ, hùng oai muôn dặm độc quyền một phương, họa phúc do tay, nghiêm nhiên như một họ Triệu, họ Lý, há phải như Mai Hắc Đế chỉ chiếm một châu mà ví được đâu ? Tuy vận nội thuộc, chẳng bao lâu bị mất vào tay Triệu Xương, nhưng kẻ đại trượng phu xuất sắc không chịu để cho bọn hồ lại giày buộc. Ngô Phong là tay cự phách trong hạng Thổ hào, vận tuy bất cực, nhưng gặp gỡ đều hanh thông, rõ thực bậc anh hùng hảo hán, phương chi còn Đại nội hiển linh, sông Bạch Đằng giúp trận, Phu Hựu, Chương Nghĩa chói lọi ở Loan thư, sống được vinh danh, chết lưu hiển hiệu, người như Phùng Bố Cái chưa dễ có nhiều được. ”

— Việt điện u linh, soạn giả Lý Tế Xuyên

“Ngày nay anh tài nảy nở, vì tất đã không do Phùng Công đã cầm lá cờ đỏ đầu tiên, thực là bất hủ ” — Việt điện u linh, soạn giả Lý Tế Xuyên

Lăng Mộ và đền thờ chính .

Lăng mộ Phùng Hưng ngày nay nằm ở đầu phố Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Đền thờ ông được dựng lên ở nhiều nơi như quê hương Đường Lâm, đình Quảng Bá (Tây Hồ), đình Triều Khúc (Thanh Trì, Hà Nội), thờ ở lăng Đại Áng, Phương Trung, Hoạch An, phủ Thanh Oai (Hà Nội); tại xã Gia Thanh, Gia Viễn tỉnh Ninh Bình có 3 ngôi đền thờ Bố Cái Đại Vương, tương truyền ông mất tại đây.

( <https://vi.wikipedia.org>).

Về đền thờ của Bố cái đại vương - Phùng Hưng tại Đường lâm , các bạn có thể tham khảo thêm tại bài : **KHẢO SÁT PHONG THỦY ĐƯỜNG LÂM - SƠN TÂY - HÀ NỘI. BÀI 4.**

(

<https://www.blogger.com/blogger.g?blogID=7280330204358162375#allposts/postNum=19>)

### **LĂNG MỘ BỐ CÁI ĐẠI VƯƠNG - PHÙNG HƯNG TẠI GIẢNG VÕ - HÀ NỘI.**

" Theo Việt sử tiêu án : Ông Hưng cùng với em là Hải, xuất phục được các làng ấp ở chung quanh, tự hiệu là Đô quân, Hải là Đô bảo, dùng kế của người làng là Đỗ Anh Hàn, đem quân vây phủ, Chính Bình lo phần mà chết, ông Hưng vào ở trong phủ, cho Hải làm Thái úy, rồi ông mất. "

" Lăng và đền thờ Phùng Hưng được nhân dân xây dựng để ghi nhớ công lao của Bồ Cái Đại Vương - Phùng Hưng. Lăng ông ở đất thuộc thôn Vạn Phúc, trại Kim Mã trước đây, nay nằm bên đường Giảng Võ, trong khu vực nhà máy thiết bị lạnh. Lăng không rõ năm xây, thấp bé, đơn sơ, có đề 4 chữ “Phùng Vương cố lăng” (lăng cũ vua Phùng) với đôi câu đối:

*Anh hùng khai thác kham thiên cổ*

*Phụ mẫu xưng hô hợp vạn dân.*

Nghĩa là:

*Sự nghiệp anh hùng truyền vạn thủa*

*Tôn xưng cha mẹ hợp muôn dân.*

Tác giả Lý Tế Xuyên trong tập Việt điện u linh đã viết về Phùng Hưng như sau: "Bồ Cái Đại vương sau khi mất rất hiển linh. Dân các làng thường nghe có tiếng xe, ngựa đi ầm ầm trên nóc nhà hoặc trên các cây cổ thụ, trông lên thường thấy trong đám mây năm sắc có cờ, kiệu rực rỡ, lại có tiếng đàn sáo văng vẳng trên không. Trong làng hề có việc gì xảy ra thì về đêm thấy có một dị nhân báo cho người hào trưởng ở làng biết trước, ai cũng phải lấy làm lạ, mới cùng đến lập đền thờ vương... Người đến lễ rất đông, hương khói không lúc nào dứt. Khi Ngô Quyền dựng nước đã sai sửa sang ngôi đền rộng rãi, kang trang hơn, lại sai sửa soạn đồ tế lễ và các thứ tàn quạt, chuông trống đem đến đền tế lễ. Các triều vua sau dần dần thành lệ. Đến đời Trần, năm Trùng hưng thứ nhất (1285), sắc phong Phùng Hưng là Phu Hựu đại vương. Năm thứ tư (1288), gia phong hai chữ Chương Tín. Năm Hưng Long 20 (1312) lại gia phong hai chữ Sùng Nghĩa. Đến nay vẫn còn dấu thiêng, dân vẫn sùng phụng".

Năm 1954, Hà Nội giải phóng, đền thờ không còn, chỉ còn lăng trên một bãi đất hoang đầu đường Giảng Võ, gần bến xe Kim Mã bây giờ. "

(<http://ditichlichsuvanhua.com/> ).

" Lăng và đền thờ ông được nhân dân xây dựng ở Tây Nam thành Tống bình, nay thuộc phường Giảng Võ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. "

dienbatn đã giành thời gian khảo sát lăng mộ của Bồ cái đại vương - Phùng Hưng tại phố Giảng Võ - HÀ NỘI. Vị trí lăng hiện nay nằm đối diện với tòa soạn báo điện tử Dân Trí ( nhà số 48 ), tại ngõ 2 - phố Giảng Võ - HÀ NỘI. Lăng và đền thờ Phùng Hưng được đặt trên một khu đất khoảng 400 m2 hiện nay đã được tu bổ khá kang trang . Ngày xưa khu đất này thuộc phía Tây thành Tống Bình , khi Phùng Hưng mất được táng tại đây chứ không đưa về quê tại Đường lâm.

"ĐƯỜNG ĐẠI LA (NAY LÀ ĐẦU PHỐ GIẢNG VÕ) .



Thời Pháp thuộc con đường mà ngày nay ta gọi là Giảng Võ, chưa đặt tên. Tên đường Đại La có từ năm 1945 sau Cách mạng tháng Tám và là tên một đoạn từ bến ô tô Kim Mã đến ngã tư Cát Linh; đến năm 1964, đặt tên lại và gọi con đường suốt từ ngã ba Hàng Đẫy đến ngã ba Thủ Lệ là đường Giảng Võ.

Đường Đại La năm 1945 - 1946 là một khúc của bức lũy cũ đi cửa ô Thanh Bảo đến chỗ có tên là " Công - lấp - chuôi - vồ", tức là ở quãng giữa, một bức lũy đi từ ô Tây Dương (Cầu Giấy) đến ô Chợ Dừa.

Tại nơi đây, bản đồ cũ năm 1831 chỉ thấy vẽ nhiều hồ lớn; hồ Giảng Võ, hồ Hào Nam, và đồng ruộng, bãi tha ma. Bản đồ 1873 có vẽ một số nóc nhà ở phía ngoài cửa ô trên đường đi Sơn Tây. Khu lăng Phùng Hưng ở giữa cánh đồng rộng dưới những cây đa cổ thụ.

Lăng Phùng Hưng không lớn: hai cột trụ ngoài cổng quay về hướng tây, có đôi câu đối: " Anh hùng khai thác kham thiên cổ.

Phụ mẫu xưng hô hợp vạn dân"

Quanh lăng là một bức tường thấp. Lăng xây lộ thiên, đơn giản, trên vách có bốn chữ "Phùng vương cố lăng". Năm 1920 chung quanh lăng còn có tường và cây cối sâm uất.

Từ năm 1954, nhà cửa xây dựng ở đầu đường Đại La lấn dần vào khu lăng. Một xưởng sản xuất vô ý thức đổ phế phẩm và rác bẩn ngay cạnh lăng. Cây cối mất dần, cây đa cũng cần cỗi rồi chết. Lăng không được bảo quản.



Đầu đường Đại La, cạnh nhà Tiền và bên ô tô Kim Mã - phố Hàng Dẫy là khu cơ nghiệp của Năm Giệm. Nhà tư sản này lần lượt có hai cơ sở kinh doanh đều là xí nghiệp lớn: Sở Vệ sinh và Nhà máy gạch Đại La.

Xí nghiệp Vệ sinh của Năm Giệm có những ngôi nhà lợp tôn chỗ chứa xe và thùng lấy phân. Xí nghiệp có một bãi rộng trong có những bể xây lớn dùng để chứa phân. Hồ đầm chung quanh có nhiều nước (hồ Hào Nam, hồ Tám Mái), công nhân vệ sinh rửa thùng ở đây. Cả vùng xung quanh bị ô nhiễm uế khí.

Trước những năm ba mươi, Hà Nội mới có một số ít hồ xí máy tự hoại ở khu phố Tây. ? khu phố ta nhà nào cũng chỉ có chuồng xí thùng. Hàng ngày phụ vệ sinh dẫy xe bò đến các phố thay thùng lấy phân; công việc làm vào ban đêm. Ít nhà có lối đi riêng lấy phân ở đằng sau, phụ thùng phải đi từ cửa ngoài vào suốt tận sân trong. Đêm khuya tiếng đập cửa gọi đổi thùng. Trong nhà thấp hương để át mùi hôi thối, lại còn phải canh nhà trong lúc ngỏ cửa ngoài, phải có người đi theo người ta vào trong qua các phòng.

Phân thu thập từ các phố nội thành đưa về Đại La, một phần đem chứa vào các bể xây chờ người đến mua, một phần xe thẳng đến vùng trồng rau ngoại thành (Vòng, Canh, Diễn) bán ngay cho người làng; các ngã ba, ngã tư suốt con đường từ Cầu Giấy đi Phùng là chợ bán phân bắc.

Phân bắc là mối lợi lớn cho nhà thầu. Cảnh sát cấm người ngoại thành vào mua hoặc lấy trộm phân trong các phố, phạt nặng những người gánh phân đi trong phố với lý do bảo vệ vệ sinh chung.

Xí nghiệp vệ sinh dùng công nhân đổ thùng rất đông. Chủ thầu làm nhà cho công nhân thuê ở tập trung ở đầu đường Đại La; nhà tranh, nhà tôn lụp xụp, chật hẹp. Nhà cứ làm thêm ra mãi, hồ, đầm bị thu hẹp dần, rác rưởi thành phố hàng ngày xe đến đổ ở đây. Đến khi một công ty người Pháp thay Năm Giệm thầu được việc lấy phân ở nội thành thì công ty đó đặt cơ sở ở bên trong ô Chợ Dừa trên con đường đê thôn Trung xã Thịnh Hào. Năm Giệm đổi sang kinh doanh nghề làm gạch ngói, nhà máy cũng vẫn ở đầu đường Đại La này.

Xí nghiệp gạch của Năm Giệm là một xưởng nung gạch ngói lớn, chiếm một khu đất rộng quay ra hai mặt đường Đại La và Cát Linh, mỗi chiều bề dài hàng mấy trăm mét.

Chung quanh nhà máy là tường cao, đi bên ngoài thấy mấy ống khói lò nung cao ngất. Bên trong có nhiều lớp nhà rộng: chỗ đóng gạch ngói, chỗ hong khô trước khi đưa vào lò nung. Những đồng đất lớn chở từ nơi khác đến làm nguyên liệu chiếm hẳn một phần diện tích nhà máy bên phố Cát Linh. Cạnh nhà máy là khu nhà ở của gia đình Năm Giệm, có lối thông ra đường Đại La. Lối đi này qua một khu vườn rộng trồng cây ăn quả, nay là ngõ Văn Lan.

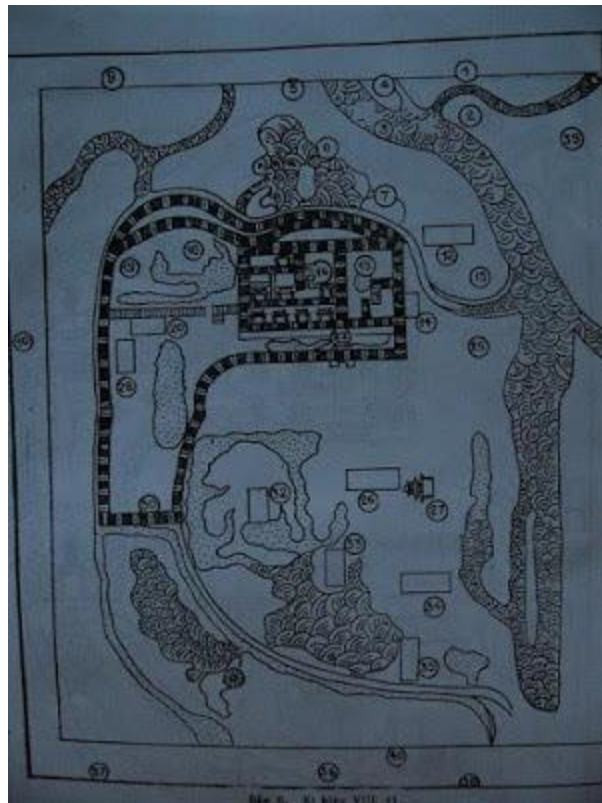
Xóm nhà tranh ở đầu phố Đại La vẫn tồn tại: đó là chỗ ở của gia đình công nhân nhà máy gạch. Cũng vì xe rác trong thành phố đổ xuống vùng này để lấp hồ, dân trong xóm lại có thêm nghề bới rác nhặt dễ rách, mảnh chai, xương trâu bò, nghề này vẫn giữ cho đến tận nay. "

( dl.ueb.edu.vn/bitstream ).

Một vài bức ảnh về thành Hà nội ngày xưa ( Thành Tống Bình có lẽ dịch lên phía Tây nhiều hơn - các bạn tham khảo trong loạt bài : ĐI TÌM THĂNG LONG THÀNH .

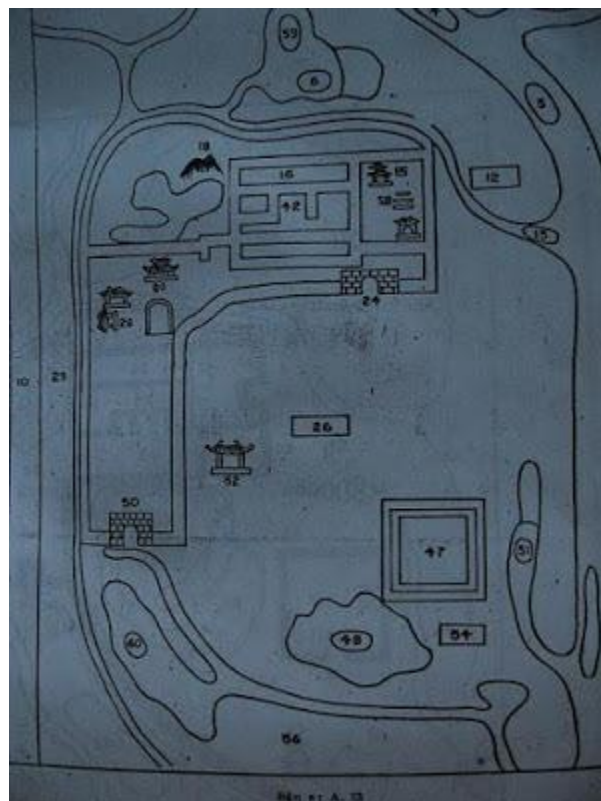
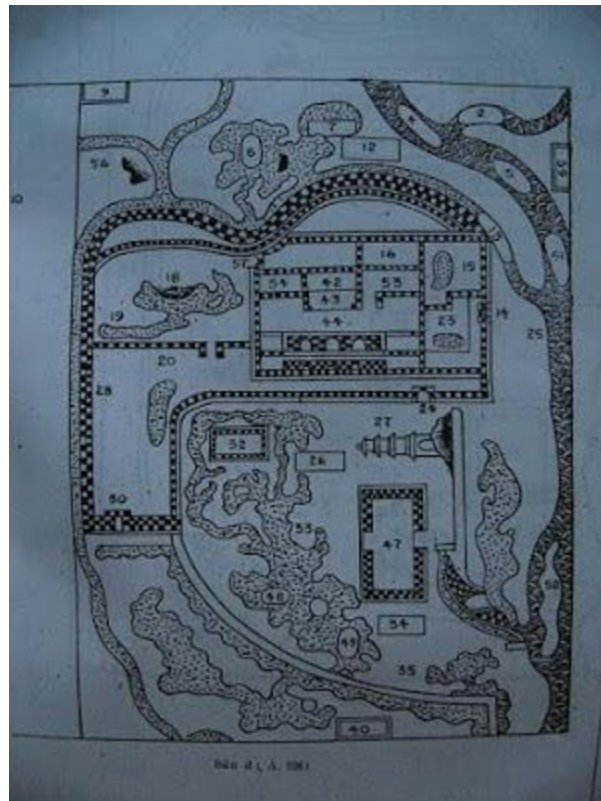
(<https://www.blogger.com/blogger.g?blogID=7280330204358162375#allposts/postNum=0>).

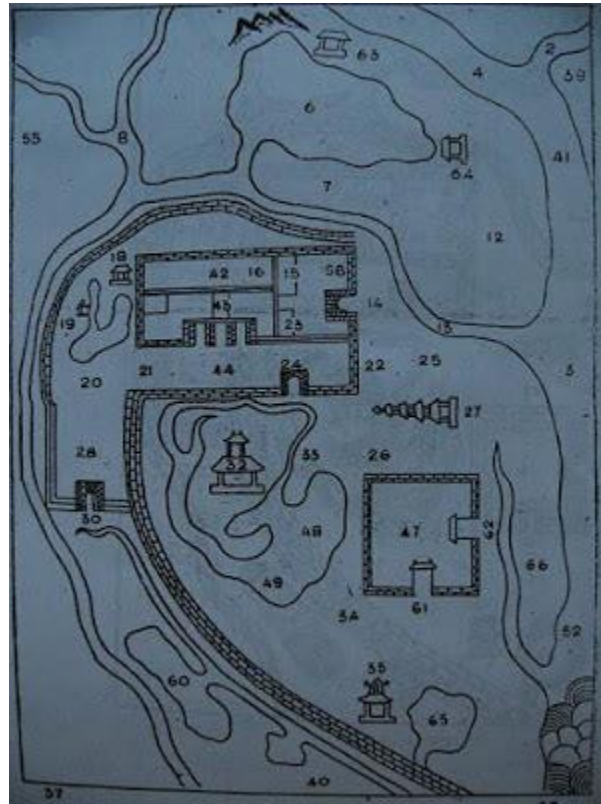
















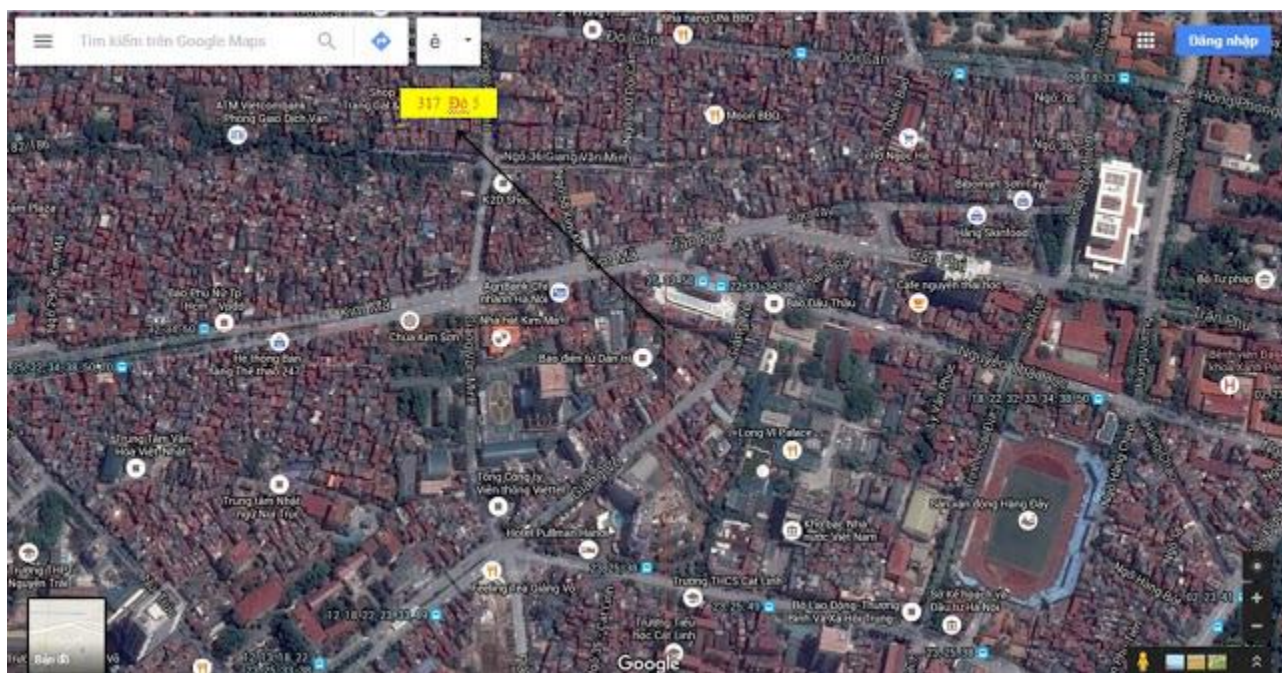
- (1. Bản a: ở các tờ 2b-3a trong sách An Nam quốc Trung Đô tính thập tam thừa tuyên hình thắng đồ họa, Ký hiệu A2531. Bản đồ có tên là Trung Đô đồ, sách viết tay, rách nát nhiều, cỡ 10 x 12 cm. Có khả năng đây là bản đồ Thăng Long thời Lê Hồng Đức (?).
2. Bản b: Ở các tờ 4b-5a, trong sách Hồng Đức bản đồ, Ký hiệu VHt. 41. Bản đồ có tên là Trung Đô nhất phủ nhĩ huyện hình thắng chi đồ (gọi tắt là Trung Đô chi đồ) [Còn được sao chép lại một bản khác ký hiệu VHd.1]. Bản này được giữ tại một gia đình ở làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân (Nghệ Tĩnh). Năm 1960 gia đình này giao cho cụ Lê Thuớc, năm 1965 cụ Lê Thuớc tặng cho Thư viện Khoa học Trung ương. Sách chép tay, cỡ 24 x 35 cm.
3. Bản c: Ở các tờ 4b-5a, trong sách An Nam hình thắng đồ, ký hiệu A.3034. Bản đồ có tên là Trung Đô nhất phủ nhĩ huyện hình thắng chi đồ (gọi tắt là Trung Đô chi đồ). Sách viết tay, rách nát nhiều, cỡ 20 x 30 cm.
4. Bản d: Ở các tờ 4b-5a, trong sách Hồng Đức bản đồ, ký hiệu A.2499. Bản đồ có tên là Trung Đô. Sách này cũng viết tay, cỡ 20 x 30cm. Gần đây trong Thư mục Hán Nôm: Phần II, tập II, trang 312, ở mục số 971 nhập hai sách Hồng Đức bản đồ, ký hiệu A.2499 và ký hiệu VHt.41 (VHd.1) vào một đề giới thiệu là không hợp lý, vì hai bản này hoàn toàn khác nhau; bản A.2499 ngoài Hồng Đức bản đồ còn có năm loại bản đồ khác nữa, trong khi đó bản VHt.41 chỉ có một.
5. Bản đồ: Ở các tờ 4b - 5a, trong sách Thiên Nam lộ đồ, ký hiệu A.1081. Bản đồ có tên Trung đô sơn xuyên hình thắng chi đồ. Sách làm năm Cảnh Hưng thứ 31 (1770), người làm sách là Dương Nhữ Ngọc nho sinh trú ở Lạc Đạo, Gia Lâm, Kinh Bắc. Sách chép tay, cỡ 22 x 22cm.
6. Bản e: ở các tờ 22b - 23a, trong sách Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư dẫn, kí hiệu A.73. Bản đồ có tên là Trung Đô Thăng Long thành nhất phủ nhĩ huyện đồ. Về nguồn gốc của sách Thiên Nam tứ chí lộ đồ có khả năng được biên soạn vào giữa thế kỷ XVII trở về trước (?). Còn sách A. 73 này có chép là Đại Nam tổng hội đồ lục làm vào đời Minh Mạng (1820-1840). Sách chép tay.
7. Bản f: ở các tờ 13b - 14a, trong sách Giao Châu dư địa chí, ký hiệu VHt.30. Bản đồ có tên là Thăng Long thành, Phụng Thiên phủ nhất phủ nhĩ huyện, sách do Đàm Nghĩa Am làm vào đầu đời Gia Long, ngay ở tờ 1a - 1b có lời tựa của sách Thiên Tài nhân đàm viết vào năm Gia Long thứ 9 (1810). Sách viết tay. Cùng với sách VHt.30 này còn có sách Giao Châu dư địa đồ; kí hiệu A.2716 (cũng gọi là Thiên Tài nhân đàm) có vẽ lại bản đồ trên ở tờ 8b - 9a.
8. Bản g: ở các tờ 9b - 10a, trong sách Thiên Tài nhân đàm: kí hiệu A.2006. Bản đồ có tên Trung Đô nhất phủ nhĩ huyện chi hình. Sách có lời tựa viết vào năm Gia Long thứ 9 (1810). Sách viết tay.
9. Bản h: ở các tờ 9a - 10b, trong sách Thiên Tài nhân đàm, kí hiệu A.584. Bản đồ có tên

Thăng Long thành, Phụng Thiên nhất phủ nhị huyện. Sách này có nguồn gốc với hai sách  
kí hiệu A.2006 và A.2716, có lời tựa viết năm Gia Long thứ 9 (1810). Sách viết tay. ) (   
ĐI TÌM THĂNG LONG THÀNH - dienbatn).

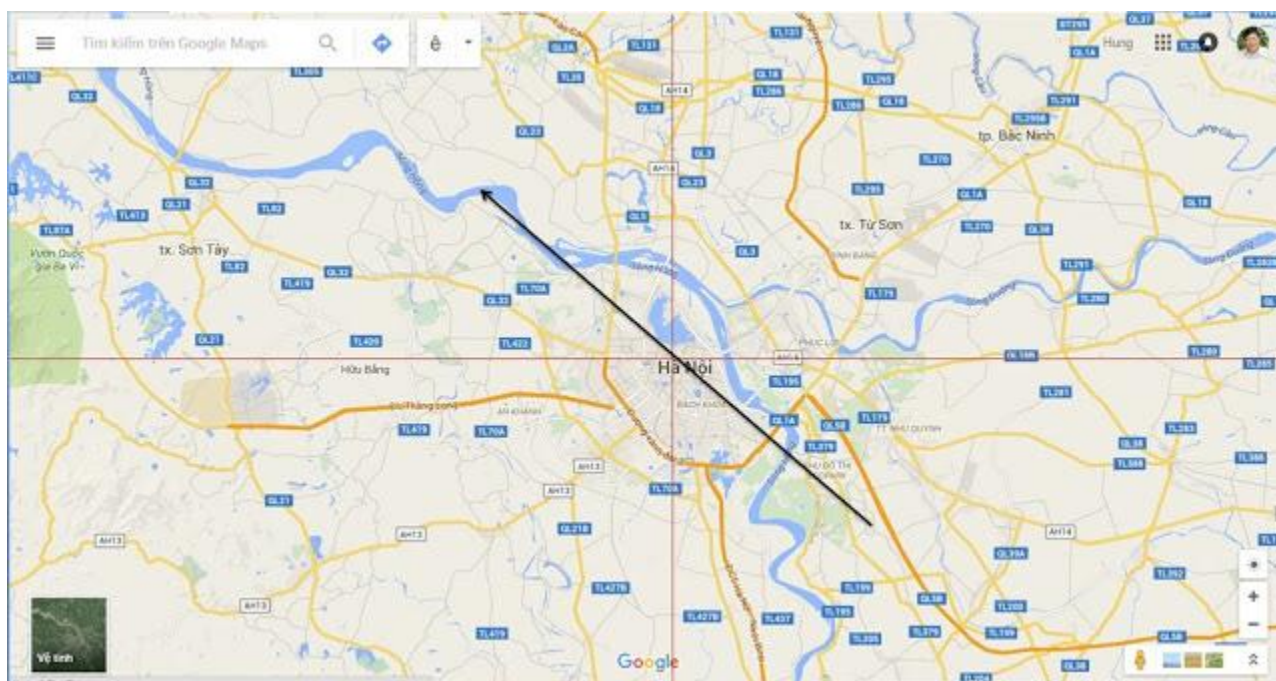
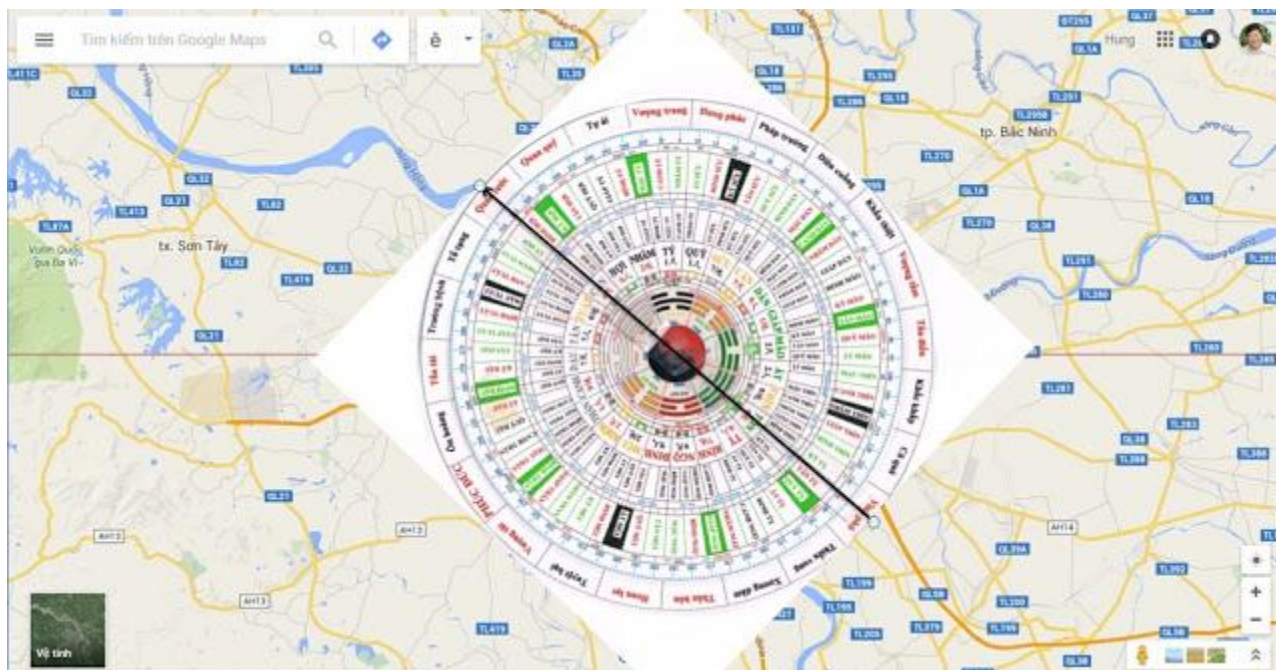
Phân kim mộ Phùng Hưng.











Mộ Bố cái Đại Vương - Phùng Hưng có hướng : 315 độ - Tọa Tồn - Hướng Càn - Tây Bắc - Phân kim : Tân Tị - Đinh Hợi là Huyệt khí bảo châu ." Đinh Hợi khí ở chính Kiền

long thì đại phát phú quý, được nhiều sự cát khánh, ứng vào các năm Thân, Tý, Thìn; chỉ sợ Tốn thủy phương xung thì quan tài đầy bùn nước mục nát, tối hung. "

Lăng được nằm dưới những bóng cây cổ thụ rợp mát .







Phía trước lăng là tấm bình phong có khắc nổi hàng chữ : 陵王大馮 - Lăng Vương Đại Phùng .( LĂNG PHÙNG ĐẠI VƯƠNG ).



Phía sau tấm bình phong là mộ Phùng Hưng hình chữ nhật bằng đá xanh được chạm khắc khá công phu .







Hai bên phía sau là cặp rồng đang cưỡi trong mây và đằng trước là cặp nghê chạm khắc cầu kì.







Phía đầu mộ là khắc hàng chữ : 陵故王馮 - Lăng Cố Vương Phùng. ( PHÙNG VƯƠNG CỔ LĂNG ).

Phía sau cách khoảng hơn 1m là bức tam sơn trên có khắc dòng chữ rất xấu : "LĂNG BỐ CÁI ĐẠI VƯƠNG" 陵布蓋大王 .





Riêng hàng chữ này đã có nhiều người cho là viết sai chữ : " Với một nhân vật lịch sử như vậy nhưng đến khu di tích, chúng tôi giật mình vì dòng chữ đại tự "Lăng Bô Cái Đại



Vương" lại được viết một cách nguệch ngoạc, "bất thành tự", thậm chí chữ Lăng viết nhầm thành "năng", nhưng cũng không thành chữ "Năng" nữa.

Bên cạnh đó, lẽ ra phải viết theo truyền thống, từ phải sang trái thì họ viết trái sang phải. Ông Nguyễn Quốc Toàn (Quảng Bình) là một người thông hiểu Hán văn nhận xét: "Chữ bên trái ngoài cùng không phải là chữ năng. Chữ Năng (?) gồm bộ NHỤC, hai chữ CHUY, một chữ KHẨU. Chữ viết ở di tích gồm một chữ KHẨU, hai chữ CHUY và một nét loằng ngoằng. Tôi đã tra thử bộ KHẨU, bộ VI, bộ CHUY mà không ra chữ nào cả, gọi nó "bất thành tự" là phải. Người viết quá cầu thả, chữ Đại thấp, bé hơn chữ Cái và chữ Vương, nhìn thấy xộc xệch mắt nghiêm trang. Chữ Hán viết ở lăng miêu người xưa để đọc từ phải sang trái, ở đây lại viết để đọc theo lối chữ nôm hoặc chữ quốc ngữ, tức là đọc từ trái sang phải. Có lẽ người viết muốn nói "LĂNG BỐ CÁI ĐẠI VƯƠNG" nhưng do nói ngọng LĂNG thành ra NĂNG, lại quên mất tự dạng chữ NĂNG nên viết na ná chữ Năng thành "bất tự dạng" như vậy?".

Ông Phạm Ngọc Hiệp (TP HCM) nói: "Đối chiếu với Từ điển Hán - Việt của Đào Duy Anh, trong 5 chữ có 3 chữ đúng hoàn toàn, đó là chữ BỐ - Đại - Vương, chữ cho là Năng "giông giống" chữ Năng (khả năng), chữ Cái (chắc chắn phải đọc chữ này là Cái) cũng tương tự như chữ Năng, chỉ cũng giông giống thôi chứ không đúng hẳn chữ Cái của từ điển. Chưa kể chữ viết cầu thả, chân phương không ra chân phương, thảo chẳng phải thảo, màu sắc xanh, hồng, vàng sơn nước tươi rói... Thật là "lão lè".

Cụ Nguyễn Văn Bách, xem tám ảnh chụp di tích này thì thở dài thất vọng.

( <http://vnca.cand.com.vn/dien-dan-van-nghe-cong-an/Xem-chu-bac-tuc-nho-lo-chuyen-chu-Han-328281/>).

Trước cổng và hai bên có rất nhiều trụ khắc các câu đối .























*Anh hùng khai thác kham thiên cổ*

*Phụ mẫu xưng hô hợp vạn dân.*

Nghĩa là:

*Sự nghiệp anh hùng truyền vạn thừa*

*Tôn xưng cha mẹ hợp muôn dân.*

Ngay bên cạnh Lăng là đền thờ Phùng Hưng mới được tu bổ và xây dựng nhân đại lễ 1000 năm Thăng Long.





Xin theo dõi tiếp bài 7. dienbatn.

---

**KHẢO SÁT MỘT SỐ NGÔI MỘ CỦA TIỀN NHÂN ĐỂ LẠI . BÀI 7.**

Thứ Năm, ngày 21 tháng 4 năm 2016

## **KHẢO SÁT MỘT SỐ NGÔI MỘ CỦA TIỀN NHÂN ĐỂ LẠI .**

Sau rất nhiều chuyến đi đã khảo sát Phong thủy âm trạch , diện tích còn giữ được một số tư liệu về những ngôi mộ cổ do tiền nhân đặt từ xưa . Nay đăng lại trong Blog này làm tư liệu và mong rằng những Thầy Địa lý của Việt Nam hiện nay nghiên cứu và hy vọng sẽ rút ra được những điều bổ ích cho mình , ngõ hầu có thể giúp cho những thân chủ của mình một cuộc sống an vui , hạnh phúc.

Sách có câu : "Tiên tu nhân lập âm chất, nhi hậu tầm Long ".

Người người đều muốn có được một Địa trạch tốt tươi, nhằm thăng hoa cuộc sống vật chất đầy đủ, công danh hiển hách, vợ đẹp con ngoan, Gia đình hạnh phúc. Sách THỜI QUAN THIÊN viết : "Trong nhà có người đức hạnh cao thượng thì đất đá trên núi gần đó nhất định có Linh khí ". Qua câu nói trên tức là con người làm chủ Linh khí vạn vật do phần Tâm khí của chính mình. Các Phong Thủy Sư không hiểu điều này thì dù có Trích Huyệt Tầm Long được Bảo địa cũng chẳng linh nghiệm.

Những việc Tầm Long Địa Huyệt còn phải hội thêm phần cảm ứng tức là Thiên Đạo (Đạo Trời ); sự ứng nghiệm của việc hành thiện lập âm chất, tạo nhân quả tốt. Tục ngữ có câu : "Âm địa tốt không bằng Tâm địa tốt ". Do vậy, tìm kiếm chọn lọc được Địa mạch Huyệt vị, Phong Thủy Sư phải tích đức hành thiện làm căn bản. Nếu kẻ nào có phẩm chất cao thượng, thì ắt Thiên cơ sẽ ứng, Địa cơ theo đó mà tăng thêm sự tốt lành cho con cháu đời sau hưởng Phúc. Bởi Tâm địa thiện lương thì tương ứng với Địa mạch cát lợi , vận Trời ứng cho, chứ chẳng phải chủ quan tâm về hình thức mà quên đi nội dung, cứ tưởng rằng tầm được Long huyệt rồi, con cháu đời sau sẽ được hưởng Phúc, cái gốc chúng ta chẳng lo mà lại đi lo cái ngọn, rõ là ta chẳng biết gì cả. Nếu như các Phong Thủy Sư họ tài giỏi như thế thì ắt họ phải giành những huyệt Đế Vương, Công Hầu, Khanh tướng cho con cháu họ, chứ đại gì mà họ chỉ cho ai ?

Quách Phác nói : "Cát hung cùng cảm ứng lẫn nhau, họa phúc cũng tự nhiên theo Tâm khí chiêu cảm mà đến ".

Khi táng di hài Tổ tiên, chắc người ta phải chọn Địa huyệt thật tốt mà an táng, song song với việc trên , người tại tiền phải nỗ lực tu dưỡng thân, tâm cầu lấy gốc rễ của Đạo. Nếu chỉ chú trọng quan sát hình thể Địa huyệt, sẽ cho kết quả trái ngược, làm tổn hại đến con cháu đời sau.

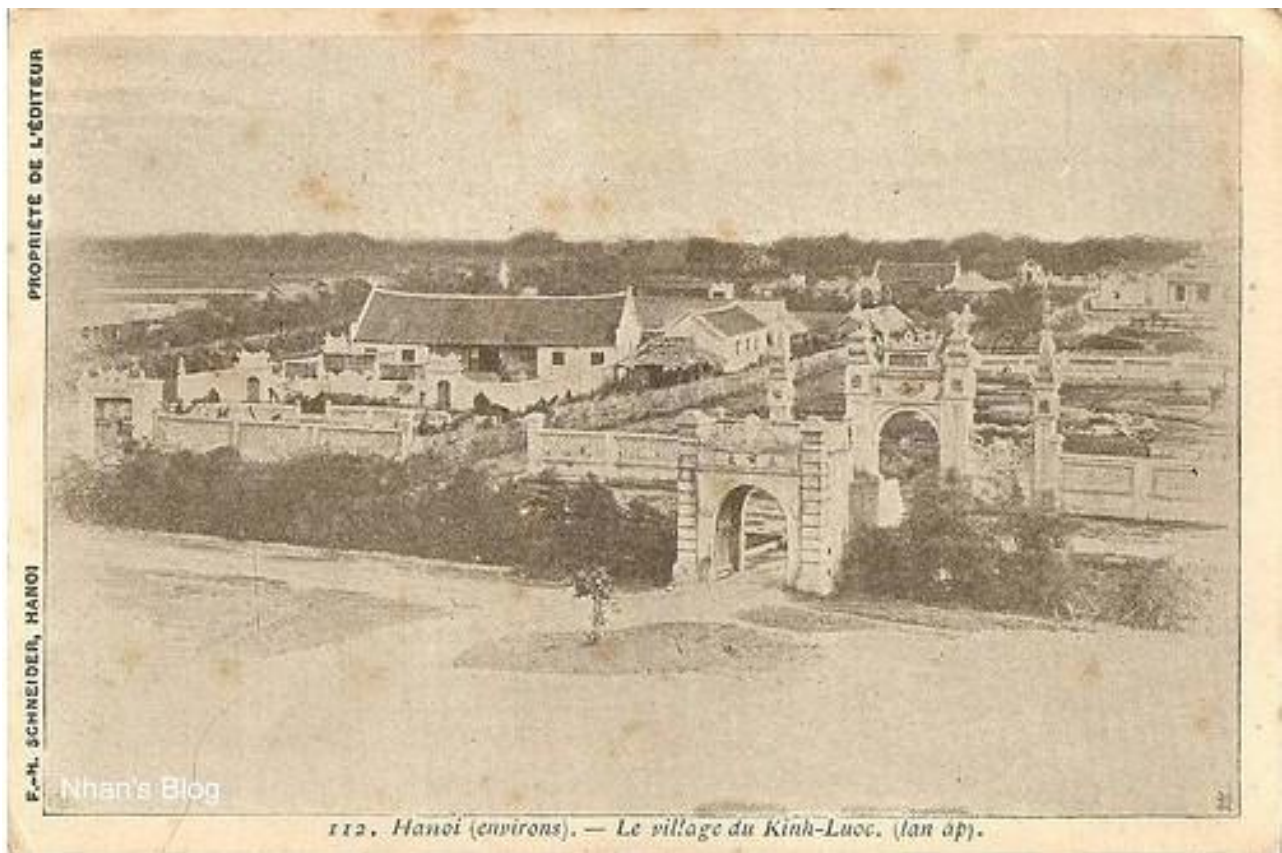
Nếu như có Nhân, tất phải có Quả; nhưng Nhân - Quả thiện ác tùy vào Tâm khi chiêu lấy họa phúc. Cũng như ngày xưa có người chết được Thiên táng hay Địa táng một cách ngẫu nhiên, con cháu sau này phát Đế Vương, Công hầu.

Triệu Quang viết cuốn : "PHONG THỦY TUYỂN TRẠCH TỰ ", có nói rằng : "Vô phúc cho ai không có nhân duyên mà được Huyệt tốt ". Dẫu cái tốt, xấu của Phong thủy Huyệt

mô ảnh hưởng đến cát hung, nhưng Âm đức của con người có thể cải biến được Vận - Mạng. Đến như các bậc Tiên bối Phong thủy như Cao Biền, Quách Phác tài giỏi kinh Thiên động Địa, nhưng khi gặp Huyệt Đế Vương cũng không dám dành cho mình, bởi biết đạt Địa lợi, nhưng Thiên thời và Nhân hội còn khuyết, không dám nghỉ bần. Tóm lại việc "TIÊN TÍCH ĐỨC, NHI HẬU TÂM LONG" của người xưa dạy quả không sai.

## 7/ TRẠI THÁI HÀ VÀ LĂNG MỘ GIA ĐÌNH HOÀNG CAO KHẢI.

( dienbatn có sử dụng ảnh và tư liệu của trang Nhan blog - Xin cảm ơn ).



HOÀNG CAO KHẢI.





Hoàng Cao Khải (chữ Hán: 黃高啟; 1850–1933), là nhà văn, nhà sử học và là đại thần thân Pháp dưới triều vua Thành Thái trong lịch sử Việt Nam.

Nguyên danh của ông là Hoàng Văn Khải, tự Đông Minh, hiệu Thái Xuyên, quê ở làng Đông Thái (nay thuộc xã Tùng Ảnh), huyện La Sơn (nay là huyện Đức Thọ), tỉnh Hà Tĩnh. Đỗ cử nhân ân khoa 1868 (cùng khóa thi với anh ông Phan Đình Phùng tên là Phan Đình Thuật, Phan Đình Phùng năm 1876 mới đậu ở Trường Thi, Nghệ An) năm Tự Đức thứ 21 (1868), cùng được bổ làm huấn đạo huyện Thọ Xương, sau làm giáo thụ ở phủ Hoài Đức (Hà Tây). Trước khi Pháp chiếm Bắc Kỳ, ông lần lượt giữ các chức vụ Tri huyện Thọ Xương rồi thăng quyền Án sát Lạng Sơn, quyền Tuần phủ Hưng Yên.

Năm 1884, Pháp chiếm Bắc Kỳ, trong khi các phong trào chống Pháp nổi dậy thì ông lại hợp tác với Pháp để đàn áp các phong trào nghĩa quân chống Pháp. Tháng 1 năm 1887, quyền Tuần phủ Hưng Yên, Hoàng Cao Khải được vua Đồng Khánh cho thực thụ Tuần phủ, gia hàm Thự lý Tổng đốc, nhưng vẫn lãnh Tuần phủ kiêm Tiểu phủ sứ ba tỉnh Hải Dương, Bắc Ninh, Hưng Yên, đặc biệt tham gia đàn áp khốc liệt cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy.

Năm 1888, ông được thăng làm Tổng đốc Hải Dương, rồi làm Khâm sai Kinh lược Bắc Kỳ, tước Duyên Mậu quận công (1890), đây là biệt lệ vì quan lại triều Nguyễn chỉ được phong quận công khi đã mất, ban cho thực ấp Thái Hà. Năm 1894, theo lệnh của toàn quyền De Lanessan, ông viết thư dụ hàng Phan Đình Phùng, nhưng bị cự tuyệt.

Năm 1897, Nha Kinh lược Bắc Kỳ bị bãi bỏ, Hoàng Cao Khải được điều về Huế lãnh chức Thượng thư Bộ Binh và làm phụ chính đại thần cho vua Thành Thái, hàm Thái tử Thái phó, Văn minh điện Đại học sĩ. Như vậy, Hoàng Cao Khải là viên Kinh lược sứ Bắc Kỳ cuối cùng của triều Nguyễn.

Năm 1904 khi tỉnh Cầu Đơ được đổi tên là Hà đông, ông làm Tổng đốc tỉnh Hà Đông, giúp Thống sứ Bắc Kỳ soạn Nghị định về tổ chức bộ máy quản lý cấp xã ở Bắc Kỳ. Về sau con trai ông là Hoàng Trọng Phu kế nhiệm ông làm Tổng đốc Hà đông đến năm 1937.

Ông về hưu tại Ấp Thái Hà, huyện Hoàn Long, tỉnh Hà đông nay thuộc phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội và mất tại đây.

Ngày 6 tháng 5 năm 1922, Hội Thanh niên Việt Nam (Foyers de la Jeunesse Annamite) được thành lập, Hoàng Cao Khải cùng Thống sứ Bắc Kỳ Monguillot làm đồng Chủ tịch Hội, Chánh mật thám Pháp Marty làm Chủ tịch danh dự.

Mộ của Hoàng Cao Khải nằm ở khu vực ấp Thái Hà cũ, nay thuộc phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội. Di tích này ít được chăm sóc, đến nay khá là hoang phế. Khu ấp có tính đặc thù cao về kiến trúc, được xây dựng năm 1893. Nằm rải rác ở khu vực phía Tây gò Đống Đa, gồm nhiều công trình kiến trúc tinh xảo được đánh giá là đạt đến trình độ kỹ thuật cao tay trong nghệ thuật điêu khắc đá của người Việt. Ấp Hoàng Cao Khải được xếp hạng di tích quốc gia năm 1962. Bộ Văn hóa lúc đó đánh giá: "Đây là chứng tích duy nhất của nước ta về một quần thể các công trình lăng tẩm, dinh thự của một phó vương"...

Hoàng Cao Khải sáng tác cả bằng chữ Hán lẫn chữ Nôm trên nhiều lĩnh vực. Về lịch sử nổi bật có Việt sử yếu, Việt Nam nhân thần giám, Việt sử kinh bằng chữ Hán, sau được chính ông diễn nôm; Nam sử diễn âm bằng chữ Nôm.

Các sáng tác của Hoàng Cao Khải thường lấy đề tài lịch sử như:

Tây nam đắc bằng (Đi về hướng tây nam gặp được bạn) kể việc Gia Long gặp Bá Đa Lộc nhờ cầu viện nước Pháp,

Trung hiếu thần tiên nói về Hưng Đạo Vương và thời Trần.

Ông cũng soạn các truyện lịch sử mang tính giáo dục luân lý phong kiến như Gương sử Nam, Làm con phải hiếu, Đàn bà Việt Nam...

Ông cũng là soạn giả vở tuồng Gia Long phục quốc.

Hầu hết các sĩ phu đương thời đều coi khinh Hoàng Cao Khải dù Hoàng có tài văn học. Thái độ đó bắt nguồn từ tác phong kẻ sĩ Nho học, vốn bất hợp tác với người Pháp. Hoàng thì ngược lại, cộng tác rất đắc lực với người Pháp. Các con là Hoàng Mạnh Trí, Hoàng Trọng Phu đều làm tổng đốc, Hoàng Gia Mô làm Tri huyện, phục vụ cho người Pháp.

Sĩ phu Hưng Yên có đôi câu đối, chửi khéo Hoàng Cao Khải:

"Ông ra Bắc là may, Quan Kinh lược, tước Quận Công, bốn bề không nhà mà nhất nhĩ".

"Cụ về Tây cũng tiếc, trong triều đình, ngoài bảo hộ một lòng với nước có hai đầu?"

"Bốn bề không nhà" là ý nói mất gốc; "ông về Tây cũng tiếc": chính nghĩa nói là đi về cội Tây Trúc, Tây Thiên, âu cũng thiết thòi nhưng thực ra là nói người Tây tiếc vì mất đi tay sai đắc lực. Còn như "một lòng với nước có hai đầu" chính là một mình ông trung với nước, không có người thứ hai nhưng thực là mĩa có hai nước (nước Nam, nước Tây), ông trung với nước nào ? (Dẫn theo Vũ Ngọc Khánh, "Người có vấn đề trong sử nước ta", Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin, 2008)

Đánh giá lại Hoàng Cao Khải.

"Thực tế thì ta thấy, so với nhiều quan lại khác đương thời, Hoàng Cao Khải dù bị quy là tay sai đắc lực cỡ chóp bu của thực dân, nhưng người ta chỉ nghi ngờ ông, chứ ông không bị bất bình, không bị vạch tội ác... Còn như nhà chí sĩ yêu nước Phan Châu Trinh khi sống ở Pháp (1920) được tin cựu Toàn quyền A.Sarraut qua thăm Đông Dương, cụ Phan đã viết thư riêng báo cho "Tân ấp tướng công Hoàng Đại nhân" (lúc này đã về hưu sống ở ấp Thái Hà), trong thư có những đoạn biểu thị tình cảm đối với Hoàng Cao Khải như sau: "Năm 1910, khi Trinh ở Nam Kỳ từng được ngài Tham biện tỉnh Mỹ Tho đem cho xem cuốn Việt sử kính (tức cuốn Gương sử Nam) của ngài soạn. Đọc xong dấy lên nhiều điều cảm xúc. Tuy việc lập ý dùng từ gây gợn nhẹ nhàng, không thể khiến cho người tuổi trẻ tân tiến hoan nghênh hết được, nhưng trong đó với sự nhìn nay nhớ xưa, xét việc đã qua biết điều sắp tới về tiền đồ thành bại mất còn của Tổ quốc của chúng ta, một lời ca thán ba lần thở dài, trước sự chỉ dẫn ra con đường mê lộ của người nước ta, chưa từng không lưu ý đến nhiều lần vậy. Qua đó, Trinh biết là Tướng công tuy cấp lưu dừng thoái (chạy gấp lui mau), vui thú điền viên, mất thờ ơ nhưng lòng nóng hổi chưa từng có một ngày quên Tổ quốc." ( <https://vi.wikipedia.org>).





### Áp Hoàng Cao Khải . ( Áp THÁI HÀ ).

Áp Hoàng Cao Khải (còn gọi Áp Thái Hà hay Lãng Hoàng Cao Khải) là một quần thể các công trình kiến trúc lăng tẩm, dinh thự, được xây dựng bởi Tổng đốc Hoàng Cao Khải dưới triều vua Thành Thái, để an dưỡng lúc về hưu cũng như làm lăng mộ cho gia đình ông.

Lãng Hoàng Cao Khải là công trình kiến trúc bằng đá lớn thứ hai ở Việt Nam (sau thành nhà Hồ), lớn thứ nhất ở Hà Nội và đã được xếp hạng di tích quốc gia từ năm 1962.

Áp Thái Hà gắn với tên tuổi của chủ nhân là Hoàng Cao Khải, một đại thần dưới triều vua Thành Thái.

Hoàng Cao Khải là người có nhiều ý tưởng canh tân đời sống thôn quê. Tháng 11/1893, những ý tưởng ấy được thể hiện trong việc biến một vùng đất trũng ở phía Tây Nam Hà Nội thành một ấp mang tên Thái Hà (là sự kết hợp địa danh quê hương Đông Thái, Hà Tĩnh, và Hà Nội) tạo ra một mô hình quy hoạch khá mới mẻ tại vùng giáp ranh đô thị.

Chính tại đây, ông đã xây một sinh từ với một quần thể kiến trúc khá độc đáo gồm lăng tẩm và dinh thự.

Khu ấp Hoàng Cao Khải được xây dựng vào năm 1893, gồm 14 công trình kiến trúc lăng mộ, đình chùa... Ở quần thể kiến trúc lãng Hoàng Cao Khải, có thể dễ dàng nhận ra bản sắc kiến trúc triều Nguyễn cuối thế kỷ XIX, thể hiện qua các họa tiết trang trí (lá thông, lá sen), hai hàng lính châu, đôi rồng đá trên bậc tam cấp với dáng vẻ dữ tợn. Công trình kiến

trúc này được đánh giá đạt đến trình độ kỹ thuật cao tay trong nghệ thuật điêu khắc đá của người Việt.

"Sự hình thành của Ấp Thái Hà:

Ấp Thái Hà nằm trên phần đất của bốn làng : Thịnh Quang, Nam Đồng, Khương Thượng và Yên Lãng (Láng). Gọi là “Ấp” vì đây là “phần thưởng” của thực dân Pháp cho Hoàng Cao Khải - là Kinh lược sứ Bắc Kỳ, một tên tay sai đắc lực của thực dân Pháp trong việc đàn áp phong trào Cần Vương của nhân dân ta, như là một “thực ấp” của các “đại thần” ngày xưa. Mặc dầu đã từng có dinh cơ ở phố Tràng Thi, Hoàng Cao Khải vẫn muốn lập dinh cơ tại đây cho khi về già. Ấp hình thành vào năm 1893. Tên “Thái Hà” là ghép tên xã và tên tỉnh của quê y (làng Đông Thái, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh; song cũng có thuyết nói “Hà” ở đây là “Hà Nội”). Năm 1899, thực dân Pháp lập ra “Khu vực ngoại thành Hà Nội” (năm 1915 gọi là huyện Hoàn Long thuộc tỉnh Hà Đông, năm 1942 đổi gọi là Đại lý đặc biệt Hà Nội), gồm 60 làng xã ở vùng ven thành phố Hà Nội, ấp Thái Hà được chọn làm trụ sở của đơn vị hành chính này.

Ấp Thái Hà có tổng diện tích là 150 héc ta. Vì toàn bộ đất đai nằm trên thế trũng, Khải cho đào mương máng ngang dọc, xung quanh để tiêu nước, đất đào lên để tôn nền, rồi chia thành vài chục lô vuông vắn. Khu dinh cơ của Khải chiếm một phần tư ấp, ở góc Đông Nam đường cái (phố Tây Sơn hiện nay) gồm có tư dinh (tòa nhà chín gian) nằm sâu trong cổng chính, cổng phụ, cầu bắc qua hào, tường bao quanh kín đáo, trong nhà trang trí lộng lẫy với các bức hoành phi, câu đối, bức trướng, các sập gụ, các đồ đồng, đồ sứ quý giá; lăng tẩm có nhà tiền tế, đường thần đạo đi giữa hai dãy tượng quan quân châu hầu nối với chính tẩm xây bằng đá đẹp; phía trái là sinh từ (đền thờ sống Khải). Vào dịp sinh nhật mình hoặc khi có việc vui, các dịp khánh tiết, Khải thường tổ chức các chiêu đãi, quan lại các tỉnh về dự khá đông, lại có cả bơi thuyền tại hồ vuông ở phía ngoài..

Phần đất ngoài tư dinh của Hoàng Cao Khải được chia thành các lô (rộng từ 5 - 7 mẫu) để bán cho các quan lại cao cấp người Việt xây nhà cửa để biến thành một khu “quý tộc”. Khải còn khuyến khích dân chúng làm nhà ở xung quanh chùa Đồng Quang ở dưới chân gò Đống Đa, dọc hai bên đường cái thành một đoạn đường phố tấp nập, sau khi các nhà hát cô đầu ở nội thành chuyển về đây thì người nội thành về cư ngụ ngày càng nhiều. Thái Hà ấp nhanh chóng trở thành thị trấn - phố lớn (năm 1928, có 685 nhân khẩu ). (dl.ueb.edu.vn)

"Trong lịch sử, Hoàng Cao Khải, đại thần dưới triều vua Thành Thái, được nhìn nhận như một nhân vật phản diện với những tội danh hợp tác với người Pháp đàn áp các phong trào

nghĩa quân chống Pháp. Entry trước đã giới thiệu về khu thái ấp của vị phó vương này. Bạn có muốn ghé vào phòng khách nhà ông ta?



Hoàng Cao Khải, Kinh lược sứ Bắc Kỳ cuối cùng của triều Nguyễn, được người Pháp gọi là Phó vương (vice roi).



Chân dung con người này xuất hiện trên nhiều tấm bưu thiếp: khăn đóng, áo dài nặng trĩu nề đay, móng tay để dài, khuôn mặt với ánh mắt và khóe miệng độc ác .





Khi về hưu ông ta sống tại ấp Thái Hà, cái tên được ghép từ quê làng Đông Thái, và Hà Nội.



Hình ảnh vườn cảnh trong khu thái ấp. Chú thích trên các bức ảnh này cho biết chúng được chụp khi vị phó vương này nghỉ hưu (l'ancien vice roi/ ex-vice roi).



Hiên ngoài phòng khách .



Phong cách bài trí pha trộn Đông Tây .



Không biết chữ Hán nên không rõ hoành phi câu đối viết những gì!



Một con nghê vàng trang trí trong phòng khách .



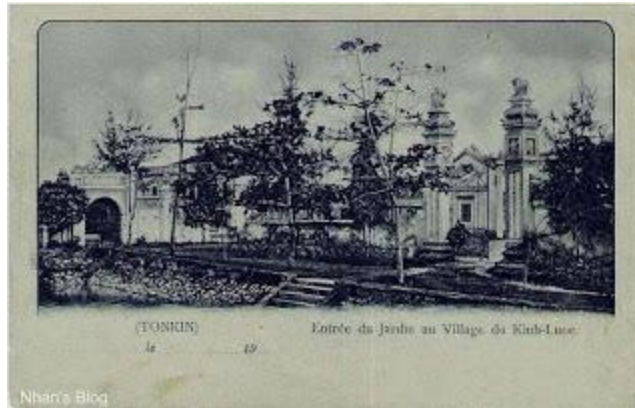
## Ấp Thái Hà

Theo TS Bùi Xuân Đính trên trang Đông Tác ấp Thái Hà là phần thưởng của thực dân Pháp dành cho Hoàng Cao Khải. Dù đã có dinh thự trong thành phố, vị phó vương muốn lập một khu thái ấp để nghỉ ngơi. Ấp được xây dựng năm 1893, gồm rất nhiều công trình kiến trúc dinh thự, lăng mộ, đình chùa...nằm rải rác trên một không gian rất rộng phía bên trái gò Đống Đa, kéo dài từ phố Đặng Tiến Đông ngày nay tới tận Trường cán bộ Công Đoàn Hà Nội.



Vì khu ấp nằm trên thế trũng, chủ nhân cho đào mương máng ngang dọc, xung quanh để tiêu nước, đất đào lên để tôn nền, rồi chia thành vài chục lô vuông vắn.





Khu dinh cơ của Hoàng Cao Khải chiếm một phần tư ấp, ở góc Đông Nam đường cái gồm tư dinh nằm sâu trong cổng chính, cổng phụ, cầu bắc qua hào, tường bao. Phần đất ngoài tư dinh được chia thành lô bán cho các quan lại cao cấp người Việt xây nhà cửa để biến thành một khu quý tộc.

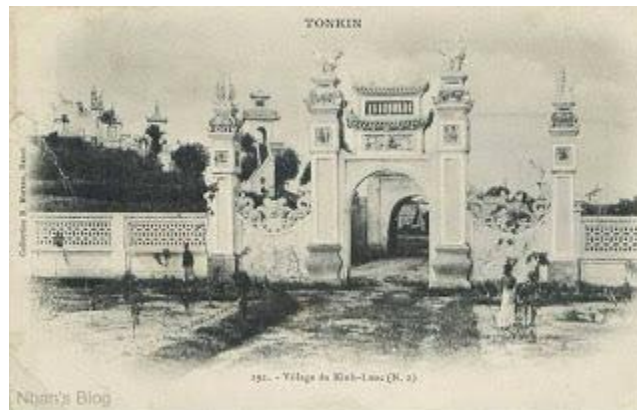


Dân chúng được khuyến khích làm nhà ở xung quanh chùa Đồng Quang, dọc hai bên đường cái, tạo nên một đoạn đường phố tập nập. Đường tàu điện chạy ngang khu thái ấp

dẫn vào tận Ngã Tư Sở. Từ đầu thập kỷ 10 của thế kỷ XX, nhiều cơ quan thuê nhà trong ấp để đặt trụ sở, như Viện Đại lý Pháp, Sở Địa chính Bắc Kỳ, Phòng Thí nghiệm vi trùng học. Năm 1927, người Pháp cho lập một trại thu nhận trẻ lang thang tại đây.



Nhiều công trình trong ấp hiện diện trên các bức bưu ảnh chụp từ cuối thế kỉ XIX đến những năm 30 thế kỉ XX giúp ta hình dung về sự huy hoàng của nó .



Sau CMT8, khu thái ấp về tay chính quyền nhân dân, dù được xếp hạng là di tích lịch sử cấp quốc gia, nhưng trên thực tế nó đã không được bảo quản, nhiều công trình kiến trúc có giá trị nghệ thuật đã bị phá, những chiếc cổng, bờ tường cao không cản được làn sóng người "nhảy dù" vào đây sinh sống . Cùng với thời gian, quần thể kiến trúc "Village du



Kinh Luoc" gần như đã biến mất hoàn toàn giữa một biển dân cư phường Trung Liet.



Lối vào khu lăng mộ Hoàng Cao Khải, đối diện với trường Đại học thuỷ lợi, giờ là con hẻm ngoắt ngoéo, bị ép chặt bởi những ngôi nhà dị dạng. Khi được hỏi, những sinh viên chờ xe bus không hề biết cách chỗ mình đứng không xa có một khu lăng mộ được các nhà sử học Việt Nam gọi là thành nhà Hồ thứ hai, còn người Pháp đánh giá là một trong những đỉnh cao của kiến trúc đá phương Đông.

Quần thể áp bao gồm

### **Lăng Hoàng Cao Khải .**

"Lăng Hoàng Cao Khải

Nằm rải rác trên tổng diện tích 17 ha ở phía Tây gò Đống Đa, cách đường Tây Sơn (Hà Nội) 200m, khu áp Hoàng Cao Khải (còn gọi là áp Thái Hà) được xây dựng vào năm 1893, gồm 14 công trình kiến trúc lăng mộ, đình chùa... Công trình kiến trúc này được đánh giá đạt đến trình độ kỹ thuật cao tay trong nghệ thuật điêu khắc đá của người Việt. Toàn bộ lăng được xây bằng đá theo kiểu chữ "Đình", dài 8m, cao 6m. Đá xây dựng được chở về từ phủ Quốc Oai (Hà Tây). Ché tác đá là các hiệp thợ nổi tiếng quanh vùng núi An Hoạch (huyện Đông Sơn, Thanh Hóa). Các cột, trụ, xà, bẩy, cửa võng, diềm, tường, nền đều bằng đá và được chạm trổ trau chuốt.



Trong lăng mộ có 2 phần mộ đá, hình cái quách không lồ. Gian giữa là nơi thờ tự, bên trái là nơi đặt mộ phần và quan tài của ông Hoàng Cao Khải, còn bên phải là nơi chôn cất vợ ông.

Sau lăng có đôi Nghinh Phong (Đón gió) cao 10m, có hồ Tả Nguyệt (Dầm trăng) và những dòng mương uốn lượn. Ở quần thể kiến trúc lăng Hoàng Cao Khải, có thể dễ dàng nhận ra bản sắc kiến trúc thời Nguyễn cuối thế kỷ XIX, thể hiện qua các họa tiết trang trí (lá thông, lá sen), hai hàng lính châu, đôi rồng đá trên bậc tam cấp với dáng vẻ dữ tợn. Bên cạnh lăng Kinh lược xứ Bắc kỳ Hoàng Cao Khải còn có lăng của Hoàng Trọng Phu, quy mô nhỏ hơn nhưng nghệ thuật điêu khắc vẫn giữ tính thống nhất. Cách khu lăng không xa là khu đình thờ của họ Hoàng 7 gian (lớn hơn tất cả những ngôi đình trên địa bàn Hà Nội) theo phong cách kiến trúc dân gian với mái cong hình thuyền và hệ thống vì kèo. "(dl.ueb.edu.vn).

Công trình quan trọng nhất của quần thể là lăng Hoàng Cao Khải, nằm đối diện với lối lên xuống hồ Tả Nguyệt, vốn là lăng chính của vợ chồng Hoàng Cao Khải. Toàn bộ lăng được xây theo kiểu chữ Đinh, làm hoàn toàn bằng đá cẩm thạch trắng, rất lớn và hoành tráng. Lăng dài 8m, cao 6m, ở giữa có một cái bàn đá màu trắng rộng .

Đá xây dựng được chở về từ phủ Quốc Oai (Hà Tây). Chế tác đá là các hiệp thợ nổi tiếng quanh vùng núi An Hoạch (huyện Đông Sơn, Thanh Hóa). Các cột, trụ, xà, bẩy, cửa vồng, diềm, tường, nền đều bằng đá và được chạm trổ trau chuốt.

Mộ của Hoàng Cao Khải ở bên trái, của vợ ông ở bên phải, đều bằng đá cẩm thạch trắng cực đẹp, chạm trổ tinh vi, có khắc những dòng chữ Hán sắc xảo. Phía trước mộ là hai hàng lính châu bằng đá mỗi bên 4 người bông gươm, cao gần bằng người thật, tầm 1,3m, đầu đội mũ nhỏ có tua đứng gác.

Khu lăng mộ này bây giờ đã bị biến thành trụ sở tuần tra cụm dân cư số 9 của công an phường Trung Liệt. Phía trước lăng, hai hàng lính châu hiện chỉ còn lại 3 bức tượng và cả 3 đều mất phần chân do bị tôn nền xi măng trùm lên. Lăng Hoàng Trọng Phu

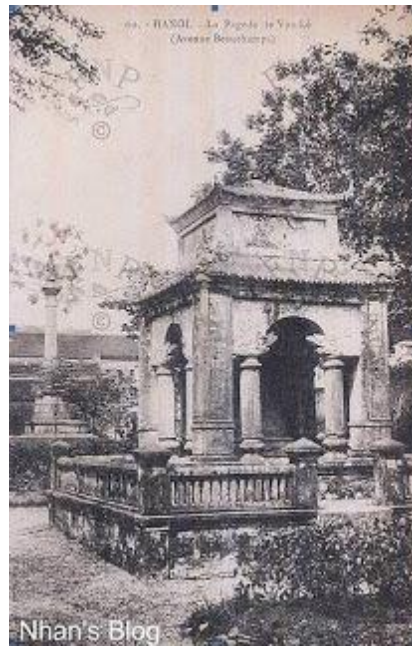
Phía bên phải, cách lăng mộ Hoàng Cao Khải mấy chục mét là khu lăng mộ Hoàng Trọng Phu, con trai trưởng của Hoàng Cao Khải, từng giữ chức Tổng đốc tỉnh Hà đông, Võ hiền diện Đại học sĩ, hàm Thái tử Thiếu bảo. Đây cũng là một công trình kiến trúc bằng đá lớn, được xây bằng đá xanh, đẹp và uy nghi không kém.

Lăng Hoàng Trọng Phu cùng với lăng Hoàng Cao Khải đều được xây theo một phong cách nghệ thuật thống nhất, với các cột, trụ, xà, bẩy, tường, nền đều bằng đá và được chạm trổ các họa tiết tinh xảo.

Từ năm 1972 đến nay, công trình này đã bị ba hộ dân chiếm dụng. Khu lăng còn một đôi rồng đá khá nguyên vẹn ở nơi trước kia vốn là cửa lăng. Ngày nay cửa đã bị bít lại và khu vực này biến thành nơi để xe và chậu cảnh.



Trên rất nhiều bức bưu ảnh thời Pháp bắt gặp dòng chú thích Village du Kinh Luoc. Bạn biết gì về vị quan đầu triều thời Nguyễn và khu thái ấp của ông ta?



Công trình trong hai bức bưu ảnh trên giống nhau đến mức người ta dễ kết luận chúng là một nếu không để ý đến những dòng chú thích "La pagode de Vua Le" và "Monument funéraire du Kinh Luoc".



Kiến trúc nhà bia và trụ đá đặt tượng vua Lê bên hồ Hoàn Kiếm được sao chép và đưa vào một công trình được xây dựng để suy tôn chính mình của một nhân vật đã đi vào lịch sử với tội danh hợp tác đắc lực với thực dân Pháp trong việc đàn áp các phong trào khởi nghĩa - Kinh lược sứ Bắc Kỳ Hoàng Cao Khải (vice roi - phó vương - theo cách gọi của người Pháp).

Lối vào khu lăng mộ Hoàng Cao Khải, đối diện với trường Đại học thủy lợi, giờ là con hẻm ngoắt ngoéo, bị ép chặt bởi những ngôi nhà dị dạng. Khi được hỏi, những sinh viên chờ xe bus không hề biết cách chỗ mình đứng không xa có một khu lăng mộ được các nhà sử học Việt Nam gọi là thành nhà Hồ thứ hai, còn người Pháp đánh giá là một trong những đỉnh cao của kiến trúc đá phương Đông.

### Lăng Hoàng Cao Khải

Tuy không sánh được với lăng tẩm các vị vua triều Nguyễn ở Huế về quy mô, nhưng lăng Hoàng Cao Khải được đánh giá là công trình kiến trúc đá đặc sắc. Vì những giá trị của quần thể di tích kiến trúc này, ngày 25-11-1945, trong Sắc lệnh bảo vệ di tích cổ vật, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương giữ nguyên hiện trạng khu ấp. Bộ Văn hóa Thông tin cũng đánh giá: Đây là chứng tích duy nhất của nước ta về một quần thể các công trình lăng tẩm, dinh thự của một phó vương...Nhưng trên thực tế sự lộn lộn trong việc đánh giá một nhân vật trong quá khứ với giá trị văn hoá lịch sử của một công trình kiến trúc là nguyên nhân làm cho khu di tích này mất tích.

Những đoạn tả khu lăng mộ Hoàng Cao Khải của những thế hệ người khác nhau từng sống tại nơi này.

"Bước qua cổng ấp, thẳng trước mặt chúng tôi và ở tít tận đằng xa là Dinh cụ Quận - Trong "Ăn Tết bên ngoại" Văn Ngọc kể về những kỉ niệm thời thơ ấu trước CMT8 -

Nhưng trước khi tới đó, chúng tôi còn phải đi qua một chỗ có cái đài bằng đá hoa cương nhẵn bóng, màu thẫm, bệ hình tròn, cao độ 60cm, đường kính độ dăm thước, có bậc để đi lên, ở giữa đài là một cây cột trụ đúc bằng gang, có đường chỉ trang trí như một thức cột. Bao giờ chúng tôi cũng dừng lại để trèo lên đây đùa nghịch một lúc, bắt mẹ chúng tôi phải chờ đợi. Nhưng đi mấy bước nữa, đến gần dinh cụ Quận, thì chúng tôi chẳng còn dám ho hoe, nghịch ngợm nữa. Không hiểu sao, cái không khí lạnh lẽo toát ra từ nơi này luôn luôn làm cho chúng tôi hãi sợ, có lẽ vì hình ảnh cái chiêng và cái trống nằm ở hai đầu hiên vắng ngắt, và đã phủ một lớp bụi thời gian, khiến cho chúng tôi không khỏi liên tưởng đến những vụ xử trảm rùng rợn đã từng xảy ra ở nơi này thời cụ Quận còn sống. Người dân ở đây đồn rằng, đêm đêm vẫn nghe thấy tiếng chiêng rất bi ai từ trong dinh ngân ra!"





Cây cột Văn Ngọc nhắc đến hiện diện trên rất nhiều bức bưu ảnh thời ấy, chủ nhân thái ấp có ý gì khi sao chép và dựng trong khu lăng mộ của mình một bản sao trụ đá đặt tượng vua Lê (xem entry trước), nhưng trái với mong muốn, cây cột đã không tồn tại với thời gian, không rõ công trình này bị phá bỏ khi nào vì không thấy bóng dáng nó trong đoạn hồi kí của một người Hà nội tả khu lăng thập kỉ 60.

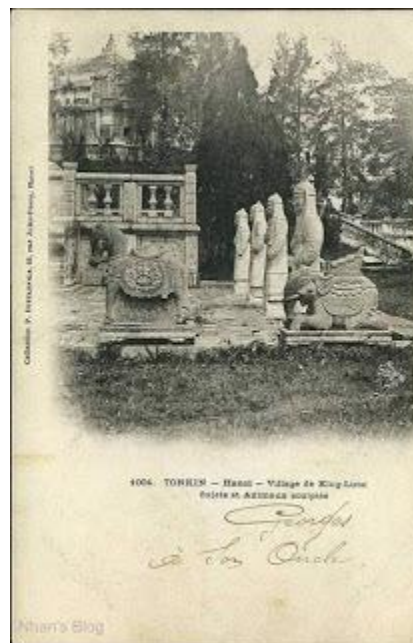
"Đối diện với cổng trường đại học Thủy Lợi ngày nay là cổng chính vào lăng Hoàng Cao Khải. Phía ngoài đường cái (đường Nguyễn Trãi ngày nay) là một bức tường rào phía trước lăng, cao đến hơn 4 mét, dài cả trăm mét, ở chính giữa là cổng vào lăng làm bằng sắt rất lớn với những hoa văn đúc bằng gang, hai cánh mở ra hai bên rộng đến mức ô tô tải vào được. Qua cổng là một con đường lát gạch đình rộng khoảng 4 mét dẫn vào bên trong, hai bên là vườn nhãn và thảm cỏ xanh tốt quanh năm. Ngay lối vào lăng ở phía bên trái là mộ của con gái út Hoàng Cao Khải, cạnh mộ có hai cây roi to, quả rất ngon. Quá một chút là mộ con gái thứ của ông ta xây bằng gạch và xi măng.



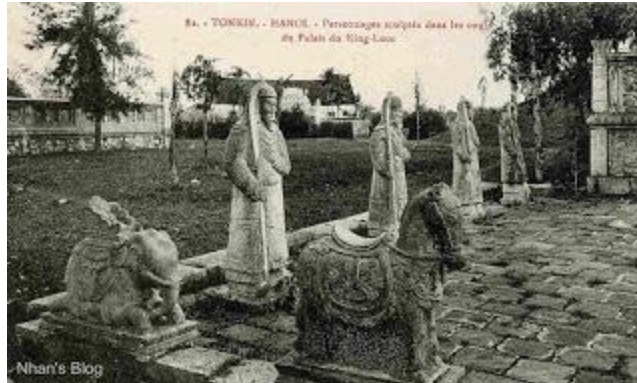
Con đường dẫn vào thẳng đến một cái hồ bán nguyệt tuyệt đẹp ở trung tâm của làng, vòng cung hướng ra ngoài, có bờ gạch xây cao lên cách mặt đất 40 cm rất sạch sẽ, bờ bao quanh hồ xây gạch đỉnh xuống đến tận đáy, trên thành hồ có những hốc thoát nước hình vuông cách đều nhau khoảng 30 mét để thoát nước ra ngoài khi hồ quá đầy vì một lý do nào đấy. Dưới hồ trồng sen, nước trong hồ trong suốt và rất sâu. Chỉ có một lối xuống hồ duy nhất là ở chính giữa bờ thẳng phía bên trong nơi người dân ở quanh vùng đến gánh nước về ăn, không ai được phép rửa ráy hay tắm giặt ở đây. Người ta có thả cá chép trong hồ, không phải để ăn mà là để kiểm tra chất lượng nước.

Đối diện với lối lên xuống hồ là lăng chính của vợ chồng Hoàng Cao Khải hoàn toàn bằng đá cẩm thạch trắng, rất lớn và hoành tráng, trần cách sàn hơn 4 mét, ở giữa có một cái bàn đá màu trắng rộng và rất mát, trẻ con leo lên đó ngồi dầm bảy đứa thoải mái. Mộ của Hoàng Cao Khải ở bên trái, của vợ ông ta ở bên phải, đều bằng đá cẩm thạch trắng cực đẹp, chạm trổ tinh vi, có khắc những dòng chữ Hán sắc xảo.

Phía trước mộ là hai hàng lính đá mỗi bên 4 người bông gươm, cao gần bằng người thật, đầu đội mũ nhỏ có tua đứng gác."







Để ý các bức ảnh trên sẽ thấy ban đầu mộ (hoặc mộ chò) của vợ chồng Hoàng Cao Khảo để lộ thiên trên một nền đá có tường bao, bờ tam cấp dẫn lên được trang trí bằng hai khối đá tạc hoa văn cách điệu hình rồng, về sau một toà lăng được dựng bên trên, toà lăng này còn tồn tại tới ngày nay.

Tiếp tục lời kể: "Phía sau mộ là một quả đồi khá cao, trên đỉnh đồi dựng một nhà tam quan để hóng mát. Từ trên đồi có thể nhìn thấy toàn cảnh một vùng rất rộng. Có một bậc

thang xây bằng gạch đình màu đỏ rộng đến 8 mét từ chân đồi thẳng lên đến tận nhà tam quan trên đỉnh đồi, tổng cộng có 108 bậc. Có một đạo người ta lấy nơi đây làm nhà mẫu giáo. Ngày hai buổi sáng, chiều các bé cùng phụ huynh phải leo bậc thang mệt đứt hơi, sau vì bất tiện mới bỏ. Bên phải mộ Hoàng Cao Khải là mộ Hoàng Trọng Phu, con trai trưởng của Hoàng Cao Khải xây bằng đá xanh, đẹp và uy nghi không kém."



Và những gì diễn ra sau khi khu thái ấp này được công nhận là di tích quốc gia?

"Trước 1963, nơi đây thường được các trường ở Hà Nội chọn làm nơi cắm trại cho học sinh. Ngày thường ở đây rất vắng vì trong khu vực lăng chỉ có vài gia đình sinh sống ở mép rìa bên phải và bên trái phía sau lăng. Mọi chuyện bắt đầu thay đổi vào một buổi tối mùa đông năm 1964 khi những người sống gần đó nghe thấy một tiếng động lớn từ phía lăng mộ Hoàng Trọng Phu. Sáng ra mới biết có kẻ đã phá mộ để tìm của. Rồi khu lăng mộ được canh gác cẩn thận nhưng số người tò mò ngày càng tăng. Khi giặc Mỹ bắt đầu đánh bom miền Bắc, khu lăng mộ yên tĩnh và tuyệt đẹp này bắt đầu bị xáo trộn bởi những người không biết ở đâu đến dựng nhà và ở luôn. Vì chính quyền không can thiệp nên làn sóng người đến chiếm đất làm nhà ngày càng tăng. Đến khi giặc Mỹ ném bom Khâm Thiên thì hàng loạt gia đình trên phố đổ bộ vào lăng Hoàng Cao Khải và đường vào Chùa Bộc là hai nơi hoang vắng bậc nhất thời bấy giờ. Tất cả các công trình kiến trúc nguy nga tráng lệ bị xâu xé tan hoang, đất bị chiếm, hồ bị lấp, cây bị chặt, đồi bị san. Cái con đường bé chỉ đặt vừa bàn chân của những người đi cúng chùa Bộc tạo nên bỗng chốc biến thành một cái xóm có tên nôm na là Xóm Liều bởi ở đó người ta từ nhiều nơi đổ về dựng nhà dựng cửa sinh sống, chả còn gì để mà không liều. Thời chiến tranh mà, thông cảm. Ai chứng kiến cảnh này vào thời đó thì biết rõ một điều là xét về nguồn gốc thì những gia đình sống trong phạm vi lăng Hoàng Cao Khải và đường Chùa Bộc ngày đó không ai có một tờ giấy lận lưng cả. Tất cả đều nhảy dù vào hết. Sau này, mọi thứ giấy tờ, bằng khoán, chủ quyền nhà đất của họ đều là hợp thức hoá cả thôi. Tiếc thay, một công trình tuyệt mỹ đã bị san bằng. Kể ra thì cũng khó bảo tồn: Hoàng Cao Khải là quan



đầu triều của triều Nguyễn làm tay sai cho Pháp có nhiều nợ máu với dân thì làm sao có thể bảo tồn lăng mộ của ông ta truyền lại cho hậu thế tương tự như các ông vua ở kinh thành Huế được. Có tiếc chỉ là tiếc cái tài hoa, khéo léo, công sức và trí tuệ của những người thợ thủ công ngày xưa. Nhà tôi sống ở cạnh đó, cách cái lăng này có một cái hồ nhỏ, ngày nào chả qua đây trèo roi, câu cá nên thuộc lòng từng vết nứt của các viên gạch, từng nét khắc hoạ trên đá, từng cái bướu trên cây. Ờ, mà cá chép trong hồ sen này cực ngon nha, dưới hồ chỉ toàn sen, lơ thơ vài cọng rong đuôi chó, nước thì trong vắt, có gì ăn đâu, thế mới lạ. Thôi, tất cả đã qua rồi."

Thuộc thế hệ con cháu bác Thảo Nguyên, nhưng tôi còn nhớ rất rõ khu lăng này. Hồi học trường Trung Liệt (phía sau gò Đống Đa), các bạn trong lớp tôi phần lớn là dân Thái Hà và xóm liễu Chùa Bộc, những buổi nghỉ học chúng tôi thường lang thang sang lăng chơi hay đi xem thi bơi ở bể bơi Đống Đa, ấn tượng về khu lăng trong tôi là một cảm giác lạnh lẽo, rờn rợn. Không biết bao nhiêu lần tôi đã hỏi đám bạn "thổ dân" trong cái quan tài đá kia có xác người không, và cũng chưa bao giờ tôi dám đá bóng ở cái khoảnh sân có mấy ông quan bằng đá đứng nhìn.

Hơn ba năm quay trở lại nơi này, cái cảm rờn rợn ấy vẫn không mất, thêm vào đó là cảm giác rùng mình vì sự man rợ của con người



Hồ nước trong và sâu với cái tên mỹ miều Tả Nguyệt (Dầm Trắng) giờ trở thành hồ chứa nước thải, bám quanh nó là một các chợ ồn ào, bẩn thỉu với đủ các loại hàng quán, dịch vụ.



Lối xuống hồ bị bịt bằng những thứ phế thải. Khó khăn lắm mới nhận ra lăng Hoàng Cao Khải màu đá xám chìm ngấm dưới những ngôi nhà, quán nhậu. Một tấm biển "Sân chơi trẻ em" treo trước lăng.



Công trình phúc lợi công cộng mang tên "Sân chơi trẻ em". Lăng bị biến thành Trụ sở tuần tra nhân dân cụm 9 phường Trung Liet. Tất cả các khoảng trống của kiến trúc đá được bịt kín bằng gạch, lỗ hoa và cửa sắt, một lớp nước xi măng được quét lên giả màu đá.



Không khí thê lương bao trùm phía trong những بیت bùng này. Bàn ghế phủ bụi lỏng chỏng khắp nơi, vương vãi bên hai cỗ quan tài đá - phần mộ của vợ chồng Hoàng Cao Khải - vài cọng chân hương chuột xô đổ.



Vỡ mẻ nham nhở một bậc tam cấp với hai bờ đá tạc khối mây hình rồng ám những vết khói vì hoá vàng, có vẻ như hậu duệ của dòng họ này vẫn qua đây thắp hương cho người đã chết .



Quan quân xếp hàng tám vị giờ còn ba, bị chôn chặt vào nền bê tông đến quá đầu gối .





sút sẹo .





Còn cái vật nằm chơ giữa vũng nước nước rửa bát trước nhà hàng kia chẳng nhận ra là mảnh vỡ còn lại của thứ gì: chẳng phải người, cũng chẳng phải ngựa, voi ...

Bài này dài nên dienbatn phân làm 2 bài. Xin theo dõi tiếp bài 8. dienbatn.

---

## **KHẢO SÁT MỘT SỐ NGÔI MỘ CỦA TIỀN NHÂN ĐỂ LẠI . BÀI 8.**

*Thứ Năm, ngày 21 tháng 4 năm 2016*

### **KHẢO SÁT MỘT SỐ NGÔI MỘ CỦA TIỀN NHÂN ĐỂ LẠI .**

*Sau rất nhiều chuyến đi đã khảo sát Phong thủy âm trạch , dienbatn còn giữ được một số tư liệu về những ngôi mộ cổ do tiền nhân đặt từ xưa . Nay đăng lại trong Blog này làm tư liệu và mong rằng những Thầy Địa lý của Việt Nam hiện nay nghiên cứu và hy vọng sẽ rút ra được những điều bổ ích cho mình , ngõ hầu có thể giúp cho những thân chủ của mình một cuộc sống an vui , hạnh phúc.*

*Sách có câu : "Tiên tu nhân lập âm chất, nhi hậu tâm Long " .*

*Người người đều muốn có được một Địa trạch tốt tươi, nhằm thăng hoa cuộc sống vật chất đầy đủ, công danh hiển hách, vợ đẹp con ngoan, Gia đình hạnh phúc. Sách THÔI QUAN THIÊN viết : "Trong nhà có người đức hạnh cao thượng thì đất đá trên núi gần đó nhất định có Linh khí ". Qua câu nói trên tức là con người làm chủ Linh khí vạn vật do phần Tâm khí của chính mình. Các Phong Thủy Sư không hiểu điều này thì dù có Trích Huyệt Tâm Long được Bảo địa cũng chẳng linh nghiệm.*

*Những việc Tâm Long Địa Huyệt còn phải hội thêm phần cảm ứng tức là Thiên Đạo (Đạo Trời ); sự ứng nghiệm của việc hành thiện lập âm chất, tạo nhân quả tốt. Tục ngữ có câu : "Âm địa tốt không bằng Tâm địa tốt ". Do vậy, tìm kiếm chọn lọc được Địa mạch Huyệt vị, Phong Thủy Sư phải tích đức hành thiện làm căn bản. Nếu kẻ nào có phẩm chất*

cao thượng, thì ắt Thiên cơ sẽ ứng, Địa cơ theo đó mà tăng thêm sự tốt lành cho con cháu đời sau hưởng Phúc. Bởi Tâm địa thiện lương thì tương ứng với Địa mạch cát lợi, vận Trời ứng cho, chứ chẳng phải chủ quan tâm về hình thức mà quên đi nội dung, cứ tưởng rằng tầm được Long huyết rồi, con cháu đời sau sẽ được hưởng Phúc, cái gốc chúng ta chẳng lo mà lại đi lo cái ngọn, rõ là ta chẳng biết gì cả. Nếu như các Phong Thủy Sư họ tài giỏi như thế thì ắt họ phải giành những huyết Đế Vương, Công Hầu, Khanh tướng cho con cháu họ, chứ đại gì mà họ chỉ cho ai ?

Quách Phác nói : "Cát hung cùng cảm ứng lẫn nhau, họa phúc cũng tự nhiên theo Tâm khí chiêu cảm mà đến ".

Khi táng di hài Tổ tiên, chắc người ta phải chọn Địa huyết thật tốt mà an táng, song song với việc trên, người tại tiền phải nỗ lực tu dưỡng thân, tâm cầu lấy gốc rễ của Đạo. Nếu chỉ chú trọng quan sát hình thể Địa huyết, sẽ cho kết quả trái ngược, làm tổn hại đến con cháu đời sau.

Nếu như có Nhân, tất phải có Quả; nhưng Nhân - Quả thiện ác tùy vào Tâm khi chiêu lấy họa phúc. Cũng như ngày xưa có người chết được Thiên táng hay Địa táng một cách ngẫu nhiên, con cháu sau này phát Đế Vương, Công hầu.

Triệu Quang viết cuốn : "PHONG THỦY TUYỂN TRẠCH TỰ ", có nói rằng : "Vô phước cho ai không có nhân duyên mà được Huyết tốt ". Dẫu cái tốt, xấu của Phong thủy Huyết mộ ảnh hưởng đến cát hung, nhưng Âm đức của con người có thể cải biến được Vận - Mạng. Đến như các bậc Tiền bối Phong thủy như Cao Biền, Quách Phác tài giỏi kinh Thiên động Địa, nhưng khi gặp Huyết Đế Vương cũng không dám dành cho mình, bởi biết đạt Địa lợi, nhưng Thiên thời và Nhân hội còn khuyết, không dám nghĩ bàn. Tóm lại việc "TIÊN TÍCH ĐỨC, NHI HẬU TÂM LONG " của người xưa dạy quả không sai.

## **7/ TRẠI THÁI HÀ VÀ LĂNG MỘ GIA ĐÌNH HOÀNG CAO KHẢI. ( Tiếp theo ).**

( dienbatn có sử dụng ảnh và tư liệu của trang Nhan blog - Xin cảm ơn ).

**Lăng Hoàng Trọng Phu .**

Cách lăng Hoàng Cao Khải chừng 100m là lăng Hoàng Trọng Phu - tổng đốc Hà Đông, con trai cả của Hoàng Cao Khải .



Ảnh vợ chồng Hoàng Trọng Phu tại Lăng ( dienbatn ).



Ban thờ trong lăng Hoàng Trọng Phu ( Ảnh dienbatn).





Không thể có được một bức hình toàn cảnh lăng vì mọi hướng đều bị che khuất bởi những ngôi nhà chen chúc nhau trên con đường ngoắt ngoáy đầy hàng quán. Với những vòm cửa bị bịt, lăng đã biến thành "tư dinh" của một hộ gia đình ba thế hệ .



Mọi sinh hoạt hàng ngày từ ăn ngủ, yêu đương, sinh con đẻ cái đều diễn ra bên cái quan tài đá từng bị bọn đạo trich cạy phá tìm của. Người sống và người chết chung nhau nơi cư

ngụ. Bà chủ hộ từng kể với báo chí dạo đầu thấy ngài về, đi đi lại lại khắp nhà, con dâu cả của bà sợ hãi phải bỏ về quê. Rùng mình!

Mộ của Hoàng Trọng Phu trong lăng ( Ảnh dienbatn ).











Hoàng Cao Khải chỉ tạc hai bờ mây cách điệu hình rồng (Vân hoá rồng) cho lăng mộ của mình, nhưng con trai ông tạc cho mình hẳn một đôi rồng. Đâu mất một con?



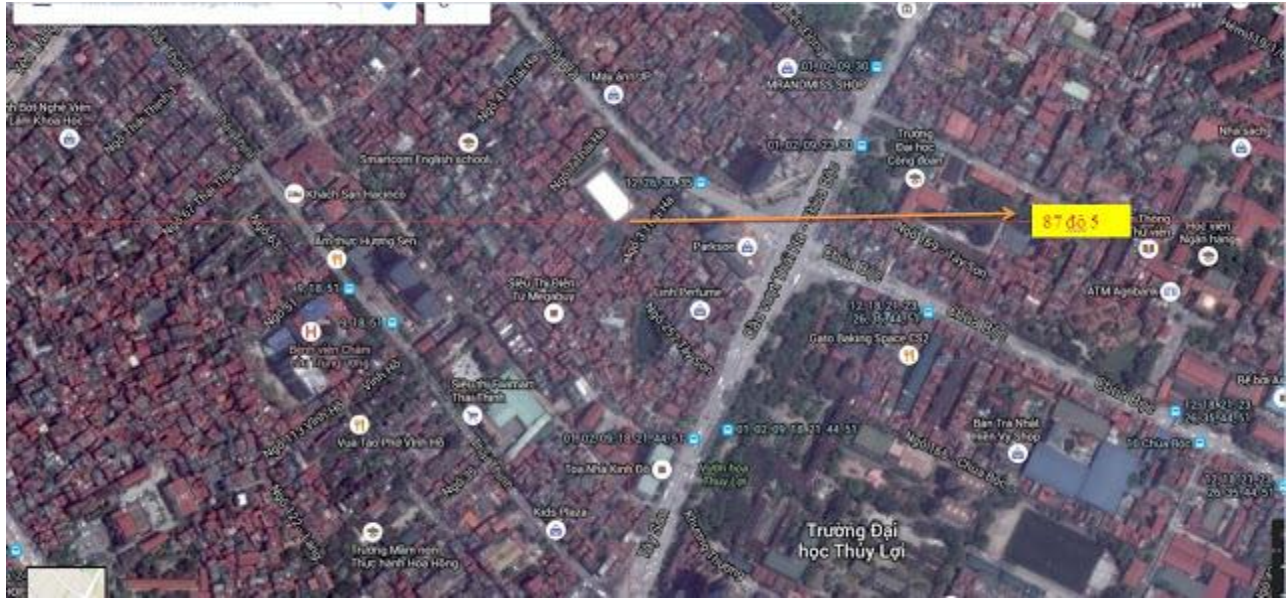




HƯỚNG MỘ : 87 độ 5 - thuộc cung Chân - Tọa Dậu - Hướng Mão - Phân kim : Kỷ Dậu  
- Quý mảo là huyết khí Bảo châu. ( HƯỚNG LẮN MỘ CỦA HOÀNG CAO KHẢI VÀ  
HOÀNG TRỌNG PHU GIỐNG NHAU )







### Khu đền thờ Hoàng Cao Khải

Cách khu lăng không xa là khu đình thờ của họ Hoàng 7 gian, lớn hơn tất cả những ngôi đình trên địa bàn Hà Nội. Trước cửa đình là một hồ vuông diện tích vài trăm mét vuông, bờ bó bằng đá xanh, quy mô lớn hơn hồ vuông ở Văn Miếu. Vào dịp sinh nhật mình hoặc khi có việc vui, các dịp khánh tiết, chủ thái ấp thường tổ chức các châu hát, quan lại các tỉnh về dự khá đông, có cả bơi thuyền tại hồ vuông.



Một dãy nhà cao tầng bám theo mặt phố Đặng Tiến Đông ngăn cách Hồ Vuông với gò Đống Đa .



Thể hiện tính khí chủ nhân, đôi rồng trên mặt hồ trông rất hung dữ .



Khu đình thờ dòng họ Hoàng giờ là phân viện Nguyễn Ái Quốc .







Những tấm biển: Phòng đọc, nhà A, Nhà B cho thấy công năng sử dụng công trình này đã thay đổi. Biết đâu đó lại là điều may mắn giúp công trình này tránh được sự tàn phá thâm của người dân nơi đây.





Hành lang khu điện. Một cảm giác ghê sợ khi nhìn những hình rồng nhè răng há miệng đỏ lòm. Những hình trang trí trên gạch lát có nói lên điều gì về chủ nhân khu thái ấp?

Photo by ttnhan

Location: Thai Ha Hamlet - Tây Sơn street.

" Trước cửa đình là một hồ vuông diện tích vài trăm mét vuông, bờ bó bằng đá xanh, có tầng hoa sen vây quanh, quy mô lớn hơn hồ Thiên Quang và Văn Miếu. Khu nhà ở của ấp Thái Hà cũng có những nét đặc sắc riêng khác hẳn xóm làng Việt Nam cổ truyền. Theo sử liệu, các dinh cơ trong ấp Thái Hà được căng dây kẻ thẳng với hệ thống mương thoát nước, khác hẳn với hình dáng khúc khuỷu của làng xóm xung quanh. Các con đường đi vào theo lối hà kiều (cầu trên sông), là những cây cầu gạch bắc qua các con



mương bao quanh khu nhà ở để đánh dấu ranh giới. Nếu như ở mô hình làng Việt cổ có lũy tre ngăn cách xóm làng với bên ngoài thì ở đây lại tạo nên một tầm mở rộng.  
"(dl.ueb.edu.vn)

### Đồi Nghinh Phong .

Phía sau lăng Hoàng Cao Khải có đồi Nghinh Phong (Đón Gió) cao 10m. Trên đỉnh đồi trước kia có Nghinh Phong Quán, một nơi để nghỉ ngơi và ngoạn cảnh. Từ chân đồi lên Nghinh Phong Quán có một lối đi gồm 133 bậc thang .  
Ngày nay trên đồi có dăm bảy nhà dân ở, được coi nơi xây dựng rất lộn xộn. Người dân xung quanh thường gọi là nhà trên đồi hay nhà trên gò.

### Hồ Tắm Nguyệt .



Đối diện với lăng Hoàng Cao Khải là hồ Tắm Nguyệt (Dầm Trắng) và những dòng mương uốn lượn. Hồ có hình bán nguyệt rộng vài trăm m<sup>2</sup> nên người dân cũng quen gọi là hồ Bán Nguyệt.

Hiện nay, nước hồ đang bị ô nhiễm nghiêm trọng và khu vực xung quanh hồ đã trở thành nơi họp chợ của người dân.

Quyết định xếp hạng di tích ngày 28/4/1962 của Bộ VH-TT đã đánh giá:

"Đây là chứng tích duy nhất của nước ta về một quần thể các công trình lăng tẩm, dinh thự của một phó vương"

Tuy là một di tích có tính đặc thù cao về kiến trúc và được xếp hạng quốc gia từ rất sớm, nhưng hiện nay quần thể di tích này nhận được rất ít sự quan tâm của các cơ quan văn hóa và người dân khu lăng nên đã gần như trở thành một phế tích.

"Từ đầu thập kỷ 10 của thế kỷ XX trở đi, nhiều cơ quan thuê nhà trong ấp Thái Hà để đặt trụ sở, như Viện Đại lý Pháp, Sở Đại chính Bắc Kỳ, Phòng Thí nghiệm vi trùng học... Năm 1927, thực dân Pháp cho lập một trại thu nhận trẻ lang thang tại đây.

Sau Cách mạng Tháng Tám, ấp Thái Hà về tay chính quyền nhân dân, tiếc rằng, việc bảo quản không tốt, nên nhiều công trình có giá trị kiến trúc nghệ thuật trong ấp Thái Hà đã bị phá. Hiện chỉ vài công trình đơn lẻ. Khu vực ấp đã trở thành khu dân cư và một bộ phận của Học viện Nguyễn Ái Quốc. (Ôi chaO) Sự tàn phá Theo tài liệu của nhà nghiên cứu người Pháp Phillippe Papin, phía trước lăng mộ Hoàng Cao Khải hồi đầu thế kỷ XX có hai dãy tượng gồm 8 chiến binh cao 1,3m cầm gươm đứng gác. Thế nhưng hiện nay số tượng này chỉ còn lại 3 vị và cả 3 đều

mất... phần chân do người dân đã tôn nền xi măng trùm lên cả chân tượng!

Khu lăng mộ Hoàng Cao Khải cũng đã bị biến thành trụ sở tuần tra cụm dân cư số 9 UBND phường Trung Liet. Có thời điểm chiếc quan tài bằng đá với hoa văn tinh xảo còn bị một ông phó mộc dùng làm... bàn mộc. Người dân quanh khu di tích đã tận dụng tối đa diện tích bằng cách cho xây tường bao quanh. Tại khu lăng mộ Hoàng Trọng Phu có ba hộ gia đình đã “nhảy dù” vào sinh sống từ năm 1972 đến nay. Khu học đường, từ đường, đình tế cũng bị nhiều hộ dân chiếm cứ.

Một điểm thú vị là tại ấp Thái Hà, Hoàng Cao Khải, đã cho xây miếu Trung Liet để tưởng niệm bốn vị quan yêu nước thế kỷ XIX là tổng đốc Trương Quốc Dụng hy sinh khi chỉ huy công cuộc bình định năm 1864, Nguyễn Tri Phương tự vẫn khi thành Hà Nội thất thủ, Đoàn Thọ chết trong một cuộc khởi nghĩa chống Pháp tại Lạng Sơn năm 1890, Hoàng Diệu, tổng đốc thành Hà Nội, tự vẫn khi quân Pháp chiếm thành lần thứ hai (1882). Song hiện nay khu miếu Trung Liet đã hoàn toàn bị xóa sổ!

Điều đáng nói là khu di tích này chỉ cách trụ sở UBND phường vài trăm mét và cách phòng văn hóa quận chừng một cây số. Anh Nguyễn Văn Kiểm, cán bộ đóng tại trụ sở cho biết anh không hề hay biết khu di tích này đã được xếp hạng. Anh nói: “Chúng tôi ăn còn chả đủ, lấy đâu ra tiền mà tu sửa, chỉ quét vôi được đã là giỏi lắm rồi! Những năm trước bọn nghiện ngập chích choác còn vứt ống tiêm, rác rưởi ngập ngụa khắp khu mộ đá. Như vậy, chỉ riêng việc chúng tôi ở đây và không làm gì cả cũng là góp phần gìn giữ di tích đấy chứ!”.

Ngày 25/11/1945, trong Sắc lệnh bảo vệ di tích cổ vật (gồm cả lăng miếu), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ trương giữ nguyên hiện trạng khu ấp Hoàng Cao Khải. Sau ngày giải phóng thủ đô (10/10/1954), di tích này vẫn được duy trì. Thế nhưng do chiến tranh leo thang phá hoại miền Bắc của Mỹ (1972) rồi những khó khăn gay gắt về nhà ở đã dẫn tới việc dân tứ chiếng đổ bộ vào khu di tích này. Hiện, trên địa bàn Hà Nội có 1915 di tích, trong đó có 600 di tích được xếp hạng trong đó quần thể lăng mộ Hoàng Cao Khải (1845 - 1933) là di tích kiến trúc bằng đá duy nhất.

Quyết định xếp hạng di tích ngày 28/4/1962 của Bộ VH-TT đã đánh giá: “Đây là chứng tích duy nhất của nước ta về một quần thể các công trình lăng tẩm, dinh thự của một phó vương”... (dl.ueb.edu.vn).

" Con cháu ông Hoàng Cao Khải và Hoàng Trọng Phu, sống ở Pháp, đã về Việt Nam hỗ trợ 2 tỷ đồng, để các gia đình chuyển khỏi lăng mộ, để họ tu bổ, quản lý, trông nom lăng mộ của cha ông. Số tiền ấy với những Việt kiều Pháp giàu có thì không đáng gì cả, nhưng với các hộ gia đình ở đây thì quá lớn, nên họ đồng ý chuyển đi một cách vui vẻ."

### **ĐỌC THÊM :**

*Nhắc đến Hoàng Cao Khải không thể không nói tới Phan Đình Phùng và ngược lại - hai con người cùng thời đại, cùng quê, có quan hệ họ hàng, nhưng đối lập nhau về lí tưởng. Một người vương giả hiển vinh, một người vì lí tưởng mà mồ mả tổ tiên bị quật lên, rồi sau này chính thân xác chính mình cũng bị thiêu thành tro, trộn với thuốc súng bắn xuống dòng sông La*

*(Trích từ Việt Nam Thư Quán....)*

Người hạ bút viết bức thư khuyên nhủ Phan ra hàng, chính là người đồng hương, đồng thời với cụ, lại có tình thông gia với nhau nữa: ông Hoàng Cao Khải.

Lúc này họ Hoàng đang làm Bắc kỳ Kinh lược sứ tôn nghiêm hiền hách; người Pháp gọi là "phó vương" (vice roi). Thiếu gì người làng Đông Thái muốn tránh hoạ phải chạy ra Bắc, núp dưới bóng che chở và đầu thân làm môn hạ của họ Hoàng, ngay đến người trong thân tộc cụ Phan cũng có.

Xuất thân chỉ là một thầy cử nhân đậu trẻ, rồi ở nhà nhàn cư vô sự, cờ bạc chơi bời, đến đổi bán hết gia viên điền sản, chỉ còn một nước tự tử đến nơi, họ Hoàng bỏ nhà đi ra Bắc hà, gặp được người tri kỷ, rồi cỡi voi đánh giặc, tuý thế lập công danh, thâm thoát không mấy năm mà làm tới kinh lược, phong tới Quận công, ai cũng phải chịu là người có tài lớn.

Nếu cụ Phan là anh hùng muốn tạo lại thời thế mà tạo không được, thì họ Hoàng chính là anh hùng bởi thời thế tạo ra.

Cùng thời, cùng làng, hai người đi khác hẳn con đường chí hướng, mà cùng đến chỗ cực đoan, cùng có tên tuổi lớn trong lịch sử. Đối với thời thế, mỗi ông là một đại biểu cho một trào lưu tư tưởng hành vi của Việt Nam: có họ Hoàng nên khí tiết họ Phan càng rõ rệt, có họ Phan nên sự nghiệp họ Hoàng càng vẻ vang, ấy là một chỗ sắp đặt của lịch sử éo le khôn khéo lắm vậy.

Cuối tháng 10 năm Giáp Ngọ, Hoàng Cao Khải viết thư rồi sai chính người nội đệ (em vợ) mình vừa là ông anh con nhà bác của cụ Phan là Phan Văn Mân đem lên núi Vụ Quang. Không ai khác hơn ông này mà dám lĩnh mệnh đi sứ, nhất là đi sứ chiêu hàng, vì nếu người khác chắc là nghĩa binh làm thịt.

Mặc lòng là bà con thân quyến, Phan Văn Mân phải trải nhiều lớn gian nan nguy hiểm mới vô đến đại doanh. Mới thấy ông đường huynh thò mặt vô, cụ Phan cả cười và nói:

- Anh đi làm thuyết khách cho Hoàng Cao Khải khó nhọc lắm hè!

Vì cụ đã được tin báo trước cho biết.

Cụ xem thư rồi thở dài:

- Không dè người khuyên nhủ tôi ra hàng là cố nhân Hoàng Cao. Tôi thề quyết làm việc tôi làm đây tới cùng, dầu sấm sét búa rìu cũng không làm sao cho tôi thay lòng đổi chí được, anh về nói giùm cho Hoàng Cao biết như thế. Nếu tôi không làm xong được công việc vua uỷ thác, dân trông mong và không rửa hận cho khô cốt của tổ tiên ở dưới đất, thì chỉ có một cách là chết theo hoài bão tâm chí mình mà thôi.

Rồi tức thời, cụ cầm bút viết thư trả lời, trao cho ông Phan Văn Mân đem về. Lúc anh em từ biệt, cụ ân cần dặn với:

- Cũng may phước cho người đem thư chiêu hàng chính là anh, nếu là ai khác thì bộ hạ của tôi chắc làm tương mắm để gửi biếu Hoàng Cao nếm thử. Lần sau y có sai đi, anh đừng lãnh mệnh nữa nghe!

Ta đọc cả hai bức thư dịch ra dưới đây, tức như hai bức tranh phóng đại tâm tích chí khí của hai ông cùng một làng với nhau, mà hai làng xa cách nhau tuyệt mù không thể nào gặp nhau được là phải.

Bức thư của Hoàng Cao Khải

"Đồng ấp Phan Đình Nguyên đại nhân túc hạ.

Tôi với ngài xa cách nhau, xuân thu đáp đối trải đã mười bảy năm nay rồi. Dâu bể cuộc đời, bắc nam đường bụi, tuy là mỗi người đi một ngã khác nhau, nhưng mà trong giấc mộng hồn vẫn thường thấy nhau không phải xa xôi gì. Ngồi nghĩ lại ngày trước chúng ta còn ở chốn quê hương giao du với nhau, cái tình ấy đầm thắm biết là dường nào?

Từ lúc ngài khởi nghĩa đến giờ, nghĩa khí trung can, đều rõ rệt ở tai mắt người ta. Tôi thường nghe các quý quan (là các quan Pháp) nói chuyện đến ngài, ông nào cũng phải thở than khen ngợi và tỏ ý kính trọng ngài lắm. Xem như thế thì tấm lòng huyết khí tôn nhân, tuy là người khác nước cũng chung một tâm tình ấy thôi, không phải là người cùng thanh khí với nhau mới có vậy.

Ngày kinh thành thất thủ, xe giá nhà vua bốn ba, mà ngài mạnh mẽ đứng ra ông nghĩa, kể sự thế lúc bấy giờ, ngài làm vậy là phải lắm, không ai không nói như thế. Song le, sự thế gần đây đã xoay đổi ra thế nào, thử hỏi việc đời có thể làm được nữa không, dầu kẻ ít học thức, kém trí khôn, cũng đều trả lời không được. Huống chi như ngài lại là bậc người tuấn kiệt, chẳng lẽ không nghĩ tới đó hay sao? Tôi trộm xét chủ ý của ngài, chắc cũng cho rằng: ta cứ làm theo việc phải ta biết, cứ đem hết tài năng ta có, một việc nên làm mà làm là ở nơi người, còn nên được hay không nên là ở nơi trời, ta chỉ biết đem thân này hứa cho nước, đến chết mới thôi. Bởi thế, cho nên ngài cứ việc làm tới cùng, không ai có thể làm biến đổi cái chí ấy đi được.

Có điều tôi thấy tình trạng ở quê hương chúng ta gần đây, lấy làm đau lòng hết sức. Nhân đó, tôi thường muốn đem ý kiến hẹp hòi, để ngỏ cùng lượng cao minh soi xét; nhưng mấy lần mở giấy ra rồi, mài mực xong rồi, đã toan đặt bút xuống viết rồi lại gác bút thờ dài,



không sao viết được. Vì sao? Vì tôi liệu biết can tràng của ngài cứng như sắt đá, không thể lấy lời nói mà chuyển động nổi. Đã vậy, lại còn khác tình, khác cảnh, xa mặt xa lòng, vậy thì lời nói của tôi, chắc gì thấu tới được nơi ngài; mà dầu cho có thấu tới nơi ngài chẳng nữa, đã chắc gì lọt vào tai ngài chịu nghe giùm cho, chẳng qua chỉ để cho cổ nhân cười mình là thẳng ngu thì có.

Nay nhân quan Toàn quyền trở lại, đem việc ở tỉnh ta bàn bạc với tôi, có khuyên tôi sai người đến ngõ ý cùng ngài biết rằng: ngài là bậc người hiểu biết nghĩa lớn, dầu không bận lòng tưởng nghĩ gì đến thân mình, nhà mình đi nữa, thì cũng nên tưởng nghĩ cứu vớt lấy dân ở trong một địa phương mới phải. Lời nói đó, quan Toàn quyền không nói với ai, mà nói với tôi, là vì cho rằng: tôi với ngài có cái tình xóm làng cố cựu với nhau, chắc hẳn tôi nói ngài nghe được, vậy có lẽ nào tôi làm thinh không nói?

Ngay thử nghĩ xem: quan Toàn quyền là người khác nước, muôn dặm tới đây, mà còn có lòng băn khoăn lo nghĩ tới dân mình như vậy thay, huống chi chúng ta sinh đẻ lớn khôn ở đất này, là đất của cha mẹ tôn tộc ở đó, có là đâu mình làm lơ đành đoạn, thì trăm năm về sau, người ta sẽ bảo mình ra làm sao? Ôi! Làm người trên phải có lòng thương yêu dân làm cốt, chưa từng có ai không biết thương dân mà bảo là trung với vua bao giờ. Việc của ngài làm từ bấy lâu nay, bảo rằng trung thì thiệt là trung, song dân ta có tội gì mà vương phải nông nổi làm than thế này, là lỗi tại ai? Nếu bảo là đã vì thiên hạ thì không thiết chi tới nhà nữa cũng phải, nhưng một nhà của mình đã vậy, chứ còn bao nhiêu nhà ở trong một vùng cũng bỏ đi cả, sao cho đang tâm, Tôi nghĩ nếu như ngài cứ không không làm tràn tới mãi, thì e rằng khắp cả sông Lam núi Hồng đều biến thành hồ cá hết thủy, chứ không phải chỉ riêng lo ngại cho cây cỏ một làng Đông Thái chúng ta mà thôi đâu. Đến nỗi để cho quê hương điêu đứng xiêu tàn, tưởng chắc bậc người quân nhân quân tử không lấy gì làm vui mà làm thì phải.

Tôi suy nghĩ đắn đo mãi, vụt lấy làm mừng rỡ mà nói riêng với mình: Được rồi, lời nói đó tôi có thể đem ra nói cho ngài nghe lọt tai, để xin ngài chỉ bảo cho biết như vậy có phải hay không?

Tuy nhiên, sự thế của ngài như cỡi trên lưng cọp đã lỡ rồi, bây giờ muốn bước xuống, nghĩ lại khó khăn biết bao!

Nếu như tôi không có chỗ tự tin chắc chắn nơi mình, thì quyết không khi nào dám mở lời nói liều lĩnh để mang lụy cho cổ nhân về sau. Nhưng may là tôi với quan Toàn quyền, vốn có tình quen biết nhau lâu, lại với quan Khâm sứ ở Kinh, và quan Công sứ Nghệ Tĩnh, cùng tôi quen thân hiệp ý nhau lắm, cho nên trước kia Trần Phiên sứ (tên là Khánh Tiến, làm Tuần phủ, nên gọi là Phiên sứ) Phan Thị Lang, (tên là Huy Nhuận), cũng là chỗ thân trong tỉnh, trong làng hoặc bị tội nặng, hoặc bị xử đày rồi, thế mà tôi bảo toàn cho hai ông ấy đều được yên ổn vô sự. Lại như mới rồi, ông Phan Trọng Mưu ra thú, tôi dẫn đến yết kiến các đại hiền quý quan, thì các ngài cũng tiếp đãi trân trọng như đãi khách

quý, và tức thời điện về tỉnh nhà, bắt trả lại mồ mả, và tha cả ba con về, như thế tỏ ra nhà nước Bảo hộ khoan dung biết chừng nào! Cứ xem vậy đủ biết lẽ ấy, lòng ấy, dầu là người nghìn dặm xa nhau, vẫn là giống nhau vậy.

Bây giờ, nếu ngài không cho lời tôi nói là đông dài, thì xin ngài đừng ngần ngại một điều gì khác hết tôi không khi nào dám để cho cổ nhân mang tiếng là người bất trí đâu.

Hoàng Cao Khải

đón thư"

Bức thư cụ Phan trả lời:

"Hoàng quý đài các hạ,

Gần đây, tôi vì việc quân, ở mãi trong chốn rừng rú, lại thêm lúc này tiết trời mùa đông, khí hậu rét quá, nông nổi thiệt là buồn tênh. Chợt có người báo có thư của cổ nhân gửi lại. Nghe tin ấy, không ngờ bao nhiêu nỗi buồn rầu lạnh lẽo, tan đi đâu mất cả. Tiếp thư liền mở ra đọc. Trong thư cổ nhân chỉ bảo cho điều hoạ phúc, bày tỏ hết chỗ lợi hại, đủ biết tấm lòng của cổ nhân, chẳng những muốn mưu sự an toàn cho tôi thôi, chính là muốn mưu sự yên ổn cho toàn hạt ta nữa. Những lời nói gan ruột của cổ nhân, tôi đã hiểu hết, cách nhau muôn dặm tuy xa, nhưng chẳng khác gì chúng ta được ngồi cùng nhà nói chuyện với nhau vậy.

Song le tâm sự và cảnh ngộ của tôi có chỗ muôn vàn khó nói hết sức. Xem sự thế thiên hạ như thế kia, mà tài lực tôi như thế này, y như lời cổ nhân đã nói "thân con bộ ngựa là bao mà dám giơ cánh tay lên muốn cản trở cỗ xe" sao nổi không biết; việc tôi làm ngày nay, sánh lại còn quá hơn nữa, chẳng phải như chuyện con bộ ngựa đưa tay ra cản xe mà thôi.

Nhưng tôi ngẫm nghĩ lại, nước mình mấy ngàn năm nay, chỉ lấy văn hiến truyền nối nhau hết đời này qua đời kia, đất nước chẳng rộng, quân lính chẳng mạnh, tiền của chẳng giàu, duy có chỗ ý thị dựa nương để dựng nước được, là nhờ có cái gốc vua tôi, cha con theo nghĩa vốn có chỗ đủ cho mình tự có thể trồng cấy dựa nương lắm vậy. Đến nay người Pháp với mình, cách xa nhau không biết là mấy muôn dặm, họ vượt bể tới đây, đi tới đâu như là gió lướt tới đó, đến nỗi nhà vua phải chạy, cả nước lao xao, bổng chốc non sông nước mình biến thành bờ cõi người ta, thế là trọn cả nước nhà, dân nhà, cùng bị đắm chìm hết thảy, có phải là riêng một châu nào hay một nhà ai phải chịu cảnh lầm than mà thôi đâu.

Năm Ất Dậu, xe giá thiên tử ngự đến sơn phòng Hà Tĩnh, giữa lúc đó tôi đang còn tang bà mẹ, chỉ biết đóng cửa cư tang cho trọn đạo, trong lòng há dám mơ tưởng đến sự gì khác hơn. Song, vì mình là con nhà thế thân, cho nên đôi ba lần đức Hoàng thượng giáng chiếu vời ra; không lẽ nào có thể từ chối, thành ra tôi phải gắng gổ đứng ra vâng chiếu, không sao dừng được. Gần đây, Hoàng thượng lại đoái tưởng lựa chọn tôi mà giao phó việc lớn, uỷ thác cho quyền to; Ấy, mệnh vua uỷ thác như thế đó, nếu cổ nhân đặt mình

vào trong cảnh như tôi, liệu chừng cổ nhân có đành chối từ trốn tránh đi được hay không?

Từ lúc tôi khởi nghĩa đến nay, đã trải mười năm trời, những người đem thân theo việc nghĩa, hoặc đã bị trách phạt, hoặc đã bị chém giết, vậy mà lòng người trước sau chẳng hề lấy thế làm chán nản ngã lòng bao giờ; trái lại, họ vẫn ra tài, ra sức giúp đỡ tôi, và lại số người mạnh bạo ra theo tôi càng ngày càng nhiều thêm mãi. Nào có phải người ta lấy điều ta vạ hiểm nguy làm cho sự sung sướng thêm thường mà bỏ nhà dân thân ra theo tôi như vậy đâu. Chỉ vì họ tin cậy lòng tôi, lượng xét chí tôi, cho nên hâm hở vậy đó thôi. Ấy, lòng người như thế đó, nếu như cổ nhân đặt mình vào cảnh của tôi liệu chừng cổ nhân có nở lòng nào bỏ mà đi cho đành hay không?

Thưa cổ nhân, chỉ vì nhân tâm đối với tôi như thế, cho nên cảnh nhà tôi đến nỗi hương khói vắng tanh, bà con xiêu dạt, tôi cũng chẳng dám đoái hoài. Nghĩ xem, kẻ thân với mình mà mình còn không đoái hoài, huống chi là kẻ sơ: người gần với mình mà mình còn không bao bọc nổi, huống chi người xa. Vả chẳng hạt ta đến đổi điều đứng lằm than quá, không phải riêng vì tai họa binh đao làm nên nông nổi thế đâu. Phải biết quan Pháp đi tới đâu, có lũ tiểu nhân mình túa ra bày kế lập công, thù vợ oán cha; những người không có tội gì chúng cũng đâm thọc buộc ràng cho người ta là có tội, rồi thì bữa nay trách thế họ, ngày mai phạt thế kia; phạm có cách gì đục khoét được của cải của dân, chúng nó cũng dùng tới nơi hết thấy. Bởi đó mà thói hư mỗi tề tuôn ra cả trăm cả ngàn, quan Pháp làm sao biết thấu cho cùng những tật khổ của dân trong chốn làng xóm quê mùa, như thế thì bảo dân không phải tan lìa trôi giạt đi sao được?

Cổ nhân với tôi, đều là người sinh đẻ tại châu Hoan, mà ở cách xa ngoài muôn ngàn dặm, cổ nhân còn có lòng đoái tưởng quê hương thay, huống chi là tôi đây đã từng lấy thân chịu đựng và lấy mắt trông thấy thì sao? Khốn nỗi cảnh ngộ bó buộc, vả lại sức mình chẳng làm được theo lòng mình muốn, thành ra phải đành, chứ không biết làm sao cho được. Cổ nhân đã biết đoái hoài thương xót dân này, thì cổ nhân nên lấy tâm sự tôi và cảnh ngộ tôi thử đặt mình vào mà suy nghĩ xem, tự nhiên thấy rõ ràng, có cần gì đến tôi phải nói dông dài nữa ư?

Phan Đình Phùng. Phúc thư"

Bức thư cụ Phan trả lời, viết thật nhẹ nhàng mà đau đớn, tử tế mà cương quyết, tỏ ra mình chết thì thôi, không chịu bãi binh quy hàng. Cụ lại khéo đem quân mạng và dân tâm ra làm nòng cốt để hỏi cổ nhân họ Hoàng nếu gặp cảnh ngộ ấy thì làm thế nào? Hình như cụ Phan có ý chặn đường rào ngõ không để họ Hoàng viết cho mình tới bức thư thứ hai nữa.

Thiệt, lúc ông Phan Văn Mân đem bức thư phúc đáp ra Hà Nội, họ Hoàng xem rồi biến sắc, nếu lúc ấy có bệnh nhưc đầu chóng mặt gì, tất cũng tiêu tan như hồi Tào Mạnh Đức đọc bài hịch của Trần Lâm vậy.

Họ Hoàng sai dịch bức thư ra chữ Pháp, đưa trình Toàn quyền De Lanessan, luôn với tờ báo cáo của mình, trong đó có câu đại ý: “Bản chức đã lấy hết sự thể lợi hại để tỏ bày khuyên nhủ Phan Đình Phùng ra hàng, nhưng y vẫn tỏ ý hôn mê bất ngộ (mê mẩn tới tấp không tỉnh), giờ xin Chính phủ Bảo hộ vì dân mà dùng binh lực tiêu trừ cho hết văn thân loạn phi...”

Ấy là lẽ cố nhiên. Đào mả không núng; khuyên hàng không nghe; văn chương không cảm; thôi thì chỉ còn võ lực. Giờ, quan văn trở vô buồng để cho tướng võ lại ra sân khấu.

### **THÔNG TIN THÊM.**

Hoàng Cao Khải (chữ Hán: 黃高啟; 1850–1933), là nhà văn, nhà sử học và là đại thần thân Pháp dưới triều vua Thành Thái trong lịch sử Việt Nam.

Nguyên danh của ông là Hoàng Văn Khải, tự Đông Minh, hiệu Thái Xuyên, quê ở làng Đông Thái (nay thuộc xã Tùng Ảnh), huyện La Sơn (nay là huyện Đức Thọ), tỉnh Hà Tĩnh.

Huyện Đức Thọ - Tỉnh Hà Tĩnh cách Thủ đô Hà nội khoảng hơn 300 Km về phía Tây Nam. Nếu bạn xuất phát từ Hà nội bằng xe hơi thì sau khoảng 5 tiếng là tới. Qua Thành phố Vinh và đi qua sông Lam , đi thêm chừng 30 Km rẽ phải là đến Đức thọ. Đi tiếp khoảng 10 Km nữa là tới Bãi Vọt và Thị trấn Đức thọ. Thị trấn Đức thọ mới được xây dựng thời gian gần đây. Tại ngã tư trước khi vào Thị trấn đức thọ , có một con đường từ Hà nội lên và đi thẳng lên cửa khẩu Cầu Treo sang nước bạn Lào. Một đường vào Thị trấn và một con đường mới làm rất đẹp dẫn vào Linh cảm. Con đường này có từ khi mộ của Tổng Bí thư Trần phú được khánh thành. Huyện Đức thọ - Tỉnh Hà tĩnh là một vùng đồng bằng rộng lớn , tuy nhiên dân cư trong khu vực này còn thưa thớt. Toàn bộ Huyện Đức thọ được ôm bởi dãy Thiên Nhọn , có xuất phát từ dãy Trường sơn và con sông La hiền hòa hình vòng cung bao bọc.

Con sông La và một nhánh của nó ôm vòng lấy một cánh đồng rất rộng - Trong đó có khu địa Huyệt . Sông La và nhánh của nó chảy tới đây lững lờ như quyến luyến không muốn đi . Nhánh của sông La chảy nghịch Thủy , tạo thêm sinh khí rất mạnh cho toàn khu vực . Đây là một Long mạch rất lớn , bắt đầu từ dãy Trường sơn , có chi Long chạy về khu vực Đức thọ - Hà tĩnh ( Trong đó có đỉnh 30 ) . Con sông La bắt đầu từ hai con sông Ngàn Sâu , ngàn Phố từ dãy Trường Sơn , gặp nhau tại Linh cảm tại bến Tùng xoa ( Còn gọi là bến Tam xoa ) , chạy thêm chừng 20 Km nữa lại đổ vào sông Lam tại chợ Tràng ( Gần chợ Cũi - Nơi có Đền thờ ông Hoàng Mười ) . Dãy Thiên lĩnh tại khu vực Bãi vọt gọi là dãy Hồng lĩnh có 99 ngọn núi . Dãy Thiên lĩnh nằm tại phía Bắc của khu vực . Sở dĩ gọi là Thiên Lĩnh hay Thiên nhọn vì cả dãy núi này có tới 999 ngọn núi , xuất phát từ Lào , Trường sơn , chạy qua Ngàn sâu , Ngàn Phố , kéo tới khu vực bến Tam xoa - Linh cảm . Tại khu vực này là một vùng có Long khí rất mạnh , nơi phát tích nhiều đời Vua , Quan thuộc loại Tứ trụ Triều đình . Nơi đây đặc biệt Phụ nữ rất đẹp và có tài , từng giúp cho



các đức ông chồng thành đạt , thẳng tiến trên đường công danh. Phụ nữ ở đây đa phần mình dây , da trắng , tóc dài , nói tiếng rất dễ nghe , dễ cảm. Ở đây có câu : " Vợ ngoan lo Quan cho chồng ". Đằng sau sự thành công của các Danh nhân xuất phát từ đất này , đều có công không nhỏ của những người Phụ nữ Đức Thọ.

Trong các làng thuộc Huyện Đức Thọ - Hà tĩnh , làng Đồng Thái là làng được xem là có nhiều người thành đạt nhất từ xưa cho đến nay. Làng này có khoảng 200 hộ dân , với khoảng 600 khẩu. Trong làng nổi lên nhiều dòng họ đã cung cấp nhiều bậc vĩ nhân cho đất nước như : Họ Phan ( Có PHAN ĐÌNH PHÙNG , PHAN TRỌNG TUỆ , PHAN ANH , PHAN MỸ... ) ; Họ Mai ( MAI THỨC LOAN ) , Họ Hoàng ( HOÀNG CAO KHẢI.. ) ; Họ Bùi ( BUI DƯƠNG LỊCH ) , họ Trần ( TRẦN PHÚ...); Họ Kiều ( KIỀU CÔNG TIẾN ) ; Họ Đinh ( ĐINH LIỆT , ĐINH LỄ ) , Họ Lê ( LÊ BÔI ) ; Họ Nguyễn ( NGUYỄN BIỂU ) .....

Xã Tùng ảnh ( là hình bóng của cây thông in trên núi ) , trước kia là làng YÊN VIỆT ; sau đổi thành Châu Phong , rồi Đức Phong và cuối cùng là Tùng Ảnh. Từ thời xa xưa cho đến ngày nay , xã Tùng ảnh luôn có người học giỏi , thi đậu cao , rất nhiều người có bằng cấp Tiến sĩ. Làng Đồng Thái - Xã Tùng Ảnh - Huyện Đức Thọ , trước kia là Phủ Đức Thọ - Tổng Việt yên.

Làng này tuy ở một vùng quê hẻo lánh song rất trù phú , đường là được lát bê tông , nhà cửa khang trang , đẹp đẽ.

Bên cạnh làng Đồng Thái có một làng nhỏ tục tên gọi là làng Nồi. Địa hình của làng này như một cái nồi úp trên mặt nước vì bốn phía là sông và cánh đồng . Làng này từ xưa đã truyền tụng câu : " Đầu làng là Tụng , Giữa làng là Họa , cuối làng là bần ". Bởi vì những hộ của phần đầu làng có truyền thống kiện tụng lâu dài , giữa làng thì xảy ra rất nhiều tai họa quái gở , cuối làng vì cò bạc nên nghèo mạt rệp. Hai xóm Yên hội Đông và Yên Hội Tây chuyên sống bằng nghề cò bạc.

Tuy nhiên , rất ít người , kể cả người của làng Đồng Thái biết rằng : Những dòng họ của Đồng Thái phát mạnh mẽ và lâu dài đến như vậy không phải do đất Đồng Thái.

Thực chất , đất của làng quê Đồng Thái chỉ là được hưởng những khí chất tốt đẹp của một vùng đất gần núi , nơi là nghĩa trang chung của cả làng. Vùng đó chính là làng TRINH NGUYỄN , nơi đã hội tụ tất cả những Linh khí của cả vùng Đức thọ. Nơi đây cũng là nơi có phần mộ của Tổng Bí thư Trần phú. Nhìn chung Long mạch của vùng này , là nơi dừng chân của hành Long , xuất phát từ Tây tạng của Trung Quốc , vượt miền Tây Bắc , theo dọc dãy Trường sơn , một chi Long theo hai con sông Ngàn sâu , Ngàn phở về hợp lưu tại bến Tam xoa - Linh cảm. Nhìn chung địa hình vùng này , tất cả các núi đều đã tròn đầu , có hình dáng xinh tươi , đẹp đẽ ( Thường các bạn cứ để ý sẽ nhận biết được rằng : Khi mà các dãy núi đang hành Long thì có dạng nhấp nhô liên tục , đỉnh thường nhọn . Khi mà núi thừa dần và tròn đầu , hình dáng đẹp , cây cối xanh tốt là nơi

mà Long mạch sắp dừng và kết Huyệt ). Long mạch vùng Linh cảm cũng vậy , tất cả các núi đều tròn và cách quãng theo từng đốt ( Mỗi đốt sẽ kết phát cho một Đồi ). Phía Thanh Long có rất nhiều vòng ôm vào cuộc đất kết phát Long Huyệt. Tuy nhiên đầu Thanh long lại có chiều hướng duỗi ra xa , nên đàn ông ( Thanh Long là Dương , chủ về đàn ông ) phải ly Quê mới có thể thành tựu công danh được , những người ở lại tuy học vấn uyên thâm , nhưng bất quá chỉ là một anh Đồ làng. Nhánh Thanh Long có tới chín đốt , nên Long Huyệt này có thể kết phát tới 9 đời. Tuy nhiên , hiện nay vì tình trạng khai thác đất làm đường ( đất đỏ ) , quá tràn lan mà vô tình người ta đang tàn phá Long mạch này một cách trầm trọng.

Nhánh Bạch hổ bao gồm nhiều quả núi đất hình dáng tròn trịa như những trái Châu , lại có xu hướng ôm cuộn vào Long Huyệt . Bạch hổ là tượng Âm , tượng trưng cho phái nữ. Do vậy , Phụ nữ ở vùng Linh cảm - Đức thọ , vừa đẹp , vừa giỏi lại rất đảm đang.

Chính giữa của Tiểu Minh đường có một hồ nước rộng và rất đẹp ( Các bạn xem hình ở trên ). Trung Minh đường và Ngoại Minh đường là một vùng đất rộng lớn , xanh ngắt màu của những ruộng lúa. Phía ngoài lại có nhiều sông lớn bao bọc hình vòng cung , chảy nghịch thủy , đem lại nhiều Linh khí cho Long Huyệt."

( BÍ MẬT ĐẰNG SAU NHỮNG THÀNH ĐẠT CỦA CON NGƯỜI TẠI MỘT VÙNG QUÊ HÀ TĨNH - dienbatn).

Trong quá trình điền dã khảo sát tại Làng Đồng Thái - Xã Tùng Ảnh - Huyện Đức Thọ - HÀ TĨNH , dienbatn được biết tại khu từ đường của gia đình ông Kiều Oánh trong thôn còn một ngôi mộ của Hoàng Tích Trí ( không rõ là con hay cháu của Hoàng Cao Khải ) nằm tại đây . Khu đất này ngày xưa là đất của gia đình Hoàng Cao Khải .



Ngôi mộ này đã xuống cấp trầm trọng nhưng vẫn được gia đình ông Kiều Oánh thấp hương đều đặn.

Nếu cần liên hệ theo địa chỉ : ông Kiều Oánh -Làng Đồng Thái - Xã Tùng Ảnh - Huyện Đức Thọ - HÀ TĨNH - Tel : 01276787424.

Xin theo dõi tiếp bài 9. dienbatn.

---

## **KHẢO SÁT MỘT SỐ NGÔI MỘ CỦA TIỀN NHÂN ĐỂ LẠI . BÀI 9.**

*Thứ Sáu, ngày 22 tháng 4 năm 2016*

### **KHẢO SÁT MỘT SỐ NGÔI MỘ CỦA TIỀN NHÂN ĐỂ LẠI .**

*Sau rất nhiều chuyến đi đã khảo sát Phong thủy âm trạch , dienbatn còn giữ được một số tư liệu về những ngôi mộ cổ do tiền nhân đặt từ xưa . Nay đăng lại trong Blog này làm tư liệu và mong rằng những Thầy Địa lý của Việt Nam hiện nay nghiên cứu và hy vọng sẽ rút ra được những điều bổ ích cho mình , ngõ hầu có thể giúp cho những thân chủ của mình một cuộc sống an vui , hạnh phúc.*

*Sách có câu : "Tiên tu nhân lập âm chất, nhi hậu tâm Long ".*

*Người người đều muốn có được một Địa trạch tốt tươi, nhằm thăng hoa cuộc sống vật chất đầy đủ, công danh hiển hách, vợ đẹp con ngoan, Gia đình hạnh phúc. Sách THỜI QUAN THIÊN viết : "Trong nhà có người đức hạnh cao thượng thì đất đá trên núi gần đó nhất định có Linh khí ". Qua câu nói trên tức là con người làm chủ Linh khí vạn vật do phần Tâm khí của chính mình. Các Phong Thủy Sư không hiểu điều này thì dù có Trích Huyệt Tầm Long được Bảo địa cũng chẳng linh nghiệm.*

*Những việc Tầm Long Địa Huyệt còn phải hội thêm phần cảm ứng tức là Thiên Đạo (Đạo Trời ); sự ứng nghiệm của việc hành thiện lập âm chất, tạo nhân quả tốt. Tục ngữ có câu : "Âm địa tốt không bằng Tâm địa tốt ". Do vậy, tìm kiếm chọn lọc được Địa mạch Huyệt vị, Phong Thủy Sư phải tích đức hành thiện làm căn bản. Nếu kẻ nào có phẩm chất cao thượng, thì ắt Thiên cơ sẽ ứng, Địa cơ theo đó mà tăng thêm sự tốt lành cho con cháu đời sau hưởng Phúc. Bởi Tâm địa thiện lương thì tương ứng với Địa mạch cát lợi , vận Trời ứng cho, chứ chẳng phải chủ quan tâm về hình thức mà quên đi nội dung, cứ tưởng rằng tầm được Long huyệt rồi, con cháu đời sau sẽ được hưởng Phúc, cái gốc chúng ta chẳng lo mà lại đi lo cái ngọn, rõ là ta chẳng biết gì cả. Nếu như các Phong Thủy Sư họ tài giỏi như thế thì ắt họ phải giành những huyệt Đế Vương, Công Hầu, Khanh tướng cho con cháu họ, chứ đại gì mà họ chỉ cho ai ?*

*Quách Phác nói : "Cát hung cùng cảm ứng lẫn nhau, họa phúc cũng tự nhiên theo Tâm khí chiêu cảm mà đến ".*

*Khi táng di hài Tổ tiên, chắc người ta phải chọn Địa huyệt thật tốt mà an táng, song song*



với việc trên ,người tại tiên phải nỗ lực tu dưỡng thân,tâm cầu lấy gốc rễ của Đạo.Nếu chỉ chú trọng quan sát hình thể Địa huyết,sẽ cho kết quả trái ngược,làm tổn hại đến con cháu đời sau.

Nếu như có Nhân,tất phải có Quả;nhưng Nhân -Quả thiện ác tùy vào Tâm khi chiêu lấy họa phúc.Cũng như ngày xưa có người chết được Thiên táng hay Địa táng một cách ngẫu nhiên,con cháu sau này phát Đế Vương,Công hầu.

Triệu Quang viết cuốn : "PHONG THỦY TUYỂN TRẠCH TỰ ",có nói rằng : "Vô phước cho ai không có nhân duyên mà được Huyệt tốt ".Dẫu cái tốt,xấu của Phong thủy Huyệt mộ ảnh hưởng đến cát hung,nhưng Âm đức của con người có thể cải biến được Vận - Mạng.Đến như các bậc Tiên bối Phong thủy như Cao Biền,Quách Phác tài giỏi kinh Thiên động Địa ,nhưng khi gặp Huyệt Đế Vương cũng không dám dành cho mình,bởi biết đạt Địa lợi,nhưng Thiên thời và Nhân hội còn khuyết,không dám nghĩ bàn.Tóm lại việc "TIÊN TÍCH ĐỨC,NHI HẬU TÂM LONG " của người xưa dạy quả không sai.

#### 8/ MỘ DÒNG HỌ VI VĂN ĐỊNH TẠI KHUẤT XÁ - LỘC BÌNH - LẠNG SƠN.

( Tư liệu lấy từ loạt bài TRUY TÌM VỀ MỘT GIAI THOẠI ĐẶT MỘ của dienbatn ).





## 1. VI VĂN ĐỊNH.

" Vi Văn Định (1880 - 1975) là một quan lại triều Nguyễn và đại biểu Quốc hội Việt Nam khóa 1.

Tổng đốc Vi Văn Định, dân tộc Tày thành viên Hội đồng cơ mật và Thuộc địa Bắc Kỳ, sinh ngày 27-8-1878 tại Bản Chu, làng Khuất Xá, châu Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã Khuất Xá, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn). Nguyên quán xã Vạn Phần, tổng Vạn Phần, huyện Đông Thành, tỉnh Nghệ An.

Ông xuất thân trong một gia đình quý tộc gốc Việt-Tày ở Lạng Sơn, là con trai Hiệp tá đại học sĩ Trảng Phái Vi Văn Lý. Cao tổ là cụ Đình Mật Vi Kim Thắng được triều đình cử ông trấn giữ biên giới phía Bắc. Vi định cư lâu đời tại Lạng Sơn nên tổ tiên ông được “Tày hoá”, “tập tước thổ tử” và nhiều người được phong làm Quận công trong nhiều thế hệ từ đời nhà Trần đến triều Nguyễn (1802-1945). Ông có một em trai là ông Vi Văn Lâm, từng làm Bố chánh tỉnh Thái Nguyên.

Khởi đầu hoạn lộ, ông được cử làm Tri châu Lộc Bình. Năm 1901, ông được thăng tri phủ Trảng Khanh. Năm 1908, Thương tá tỉnh Lạng Sơn, rồi năm 1913 làm Án sát cùng tỉnh. Từ năm 1914 – 1921, ông làm Tuần phủ tỉnh Cao Bằng cho đến khi chuyển về giữ chức Tuần phủ tỉnh Phúc Yên (1923-1927), Hưng Yên (1927-1929). Năm 1929, ông được thăng Tổng đốc tỉnh Thái Bình (1929-1937), đến năm 1937, ông chuyển về làm Tổng đốc tỉnh Hà Đông (1937-1941) tháng 8-1941, ông được tấn phong Hiệp tá Đại học sĩ, hàm Thái tử Thiếu Bảo.

Suốt hoạn lộ của mình, ông được Nam triều và chính phủ Pháp Việt Miên tặng nhiều huân chương cao quý, như: Đại nam long tinh, Kim khánh đệ nhất hạng, Kim tiên, Officier de Ordre Royal du Combodge, Grand Officier de la Légion d'Honneur... Ông là một quan lại xuất thân trong một gia đình quý tộc Tày gốc Việt từ lâu đời, gia đình có nhiều người làm quan từ nhiều thế hệ, nhưng không làm mất bản sắc văn hoá Việt Nam. Sau ngày toàn quốc kháng chiến, gia đình ông tản cư ra Hà Đông, sau đó được chính quyền kháng chiến đưa lên chiến khu Việt Bắc.

Con trai ông là ông Vi Văn Kỳ (nhân viên Bộ Nội vụ chính phủ VNDCCH), con gái là bà Vi Kim Ngọc (vợ tiến sĩ Văn Khoa Nguyễn Văn Huyền: 1908 -1975, Bộ trưởng Bộ Giáo dục), bà Vi Kim Phú (vợ Giáo sư Thạc sĩ y khoa Hồ Đắc Di: 1901-1984, Hiệu trưởng Đại học y Hà Nội), cháu nội (con gái ông Vi Văn Kỳ) là bà Vi Thị Nguyệt Hồ (vợ Giáo sư y khoa Tôn Thất Tùng (1912- 1982) Giám đốc bệnh viện Việt Đức).

Một người cháu nội của ông là Vi Quang Đạo, Tổng Giám đốc Công Thông tin điện tử Chính phủ trực thuộc Văn phòng Chính phủ."( <https://vi.wikipedia.org/wik>).

Từ đây trở đi dienbatn trích từ loạt bài viết của mình : *TRUY TÌM VỀ MỘT GIAI THOẠI ĐẶT MỘ*.

## 2. NÓI VỀ THẾ PHẢ HỌ VI .

( Bản Gia phả này do cụ VI VẤN ĐỊNH chấp bút ).

*Dịch từ Hán văn .*

Nhà có Phả ký để ghi nhớ nguồn gốc của Gia tộc , công đức của Tổ tiên, khiến con cháu đời đời giữ mãi về sau . Theo lời truyền lại , họ Vi ta là dòng dõi của Hoài Âm Hầu Hàn Tín đời nhà Hán . Khi Hoài Âm Hầu đã bị Lã Hậu diệt cả họ , thì người vợ lẽ đương có thai . Thừa tướng là Tiêu Hà ngầm đem gửi ở Quan Lệnh Long xuyên là Triệu Đà , và dặn trông nom cho cẩn thận . Sau sinh ra con trai , Triệu Đà nhận làm con nuôi, đặt tên là Nhân , đổi họ Vi , tức là nửa chữ HÀN .

Về sau con cháu kế tiếp, làm Tù trưởng ở đất Lĩnh Nam , nhưng đã lâu đời không có Phả ký , nên đã thất truyền .

Đến đời nhà Trần , ông VI KIM THẮNG , tự Đình Mật , quán xã vạn phần , Tổng Vạn phần , Huyện Đông Thành , tỉnh Nghệ an, dời đến ở Tây núi Huyền Đinh ( Thuộc lục ngạn, Tỉnh Nghệ an ) . Ông làm quan ở triều Trần , gặp khi HỒ QUÝ LY cướp ngôi Vua , ông bỏ Quan về nhà . Đến khi người Minh sang chiếm cứ nước ta , Ông cùng con là ông Phúc Hân đem quân theo LÊ THÁI TỔ khởi nghĩa ở Lam sơn , đánh đuổi quân Minh , diệt được Liễu Thăng ( Ở xứ Chi Lăng , Châu Ôn - Tỉnh Lạng sơn ) . Sau khi nước nhà đã được bình định , Ông được phong làm Thảo Lộ Tướng quân Tả Đô đốc , Mật Quận công , con được phong là Đô đốc đồng tri , Hoàn Quận công . Ông cùng với Huyện Quận công là NGUYỄN ĐỨC MINH , và các người bộ thuộc họ Hoàng Đức , Nguyễn Công , Nguyễn Khắc , Hà Văn , Nông Ngọc ....chia ra ở các xứ Cao bằng , Lạng sơn , Quảng Yên , đời đời làm Thổ Ty , tập phong tước Hầu . Hoàn Quận Công sinh được 5 con giai : Con trưởng là THẾ NHÂN , con thứ hai là THẾ HUỆ , đều ở châu Lộc Bình . Thứ ba là THẾ KỶ , ở châu Yên bảo ; Thứ tư là THẾ TÀNG ở châu Ôn ; Thứ năm là THẾ TRẠCH , ở Bình Tây ( Nay thuộc Cao Lộc ) .Năm người đều được phong làm Kinh Lược xứ , tước hầu .

Sau cháu MẠC ĐĂNG DUNG là MẠC PHÚC HẢI chiếm cứ đất Cao bằng , chống nhà Lê , con trưởng ông Thế Nhân là Cầm -Đường hầu , Huý Phúc Đường , cùng với con là Nhữ Dục hầu , Cháu là Trúc Khê hầu không chịu theo , cứ tìm con cháu nhà họ Lê để lo việc khôi phục .

Khi đã diệt được nhà Mạc , Cầm Đường hầu được phong là Bắc phương Kinh lược Đô chỉ huy sứ , và được lập ấp tại thôn Lộc mã , Xã Khuất xá , Châu Lộc bình , Tỉnh Lạng sơn . Vì thế nên họ VI ta mới đến ở đây .

Xét họ VI ta từ đời ông VI NHÂN đến nay đã hơn hai nghìn năm , những sự tích trong thời gian đó , chỉ nghe truyền lại trong câu tục ngữ Vạn phần hoặc trong lời già đàm

Chiêu nghi , không lấy gì làm xác thực . Nay chỉ bằng cứ vào Gia phả cũ mà ghi chép thế thứ từ cụ Tổ 13 đời là Cầm Đường Hầu trở xuống mà thôi .

### 3.LỘC PHONG LÃO NHÂN TỰ TRẠNG .

(của cụ Vi Văn Lý (1830-1905), phụ thân của cụ Định . )

Ta sinh ra giờ Tý ( Mậu Tý ), mồng 7 ( Nhâm Thìn ) , tháng 8 ( Ất Dậu ) , năm Canh Dần , niên hiệu Minh Mệnh thứ 2 ( 23/9/1830 ) ở ngôi nhà cũ .

Hồi bấy giờ , Hiền khảo ta đương làm Tri châu Lộc bình , nhân loạn Tiễn Hiền , cụ đem lính đồng về đóng ở làng . Vào khoảng canh ba , nằm chiêm bao con Hổ một mắt sáng như điện , toàn thân trắng như tuyết, nhảy vào , bày lộn chạy toán loạn . Bỗng nghe Hiền Tỷ kêu một tiếng to , giật nẩy mình dậy hỏi , thì bà cũng nói mơ thấy con Hổ trắng như thế. Rồi bà sinh ra ta .

Ta từ thừa nhỏ vẫn thường không ngủ được , mà năm sinh ra ta là năm Canh dần , chính là hợp với điềm bạch Hổ . Hiền Khảo cũng cho là lạ .

Đến khi ta lớn , Cụ kể lại chuyện mộng bạch Hổ , và bảo ta rằng : " Cụ Thủy Tổ nhà ta là Hoàn Quận Công , từng nổi tiếng là Hổ Thần . Từ đấy , con cháu kế tiếp làm Hùng trưởng ở chốn Biên cương , kẻ đã lâu đời . Giấc mộng đó là một điềm tốt , ta chắc con sẽ làm cho nhà ta được vinh quang thêm . Duy có bọn giặc cướp , con phải vì Triều đình mà trừ cho hết . Cứ cố gắng lên " . Ta thưa rằng : " Vâng , con không dám quên " .

Năm Tự Đức thứ 6 ( 1853 ) , ta lên 24 tuổi , đem các Thổ Ty đi đánh giặc ở phố Đồng nhân ( Thắng trận , được thưởng Phi Long ngân tiền hạng lớn 2 đồng ) .

Đến năm sau , đem quân đi phòng ngự ở xã Thạch Bi ( Giặc không vào cướp được , nên được thưởng Phi Long ngân tiền , hạng nhón 1 đồng , hạng nhỏ 1 đồng ) . Được tin báo thắng trận Ông cụ gật đầu khen mãi .

Sang năm sau ( 1855 ) , Cụ Ông mất , ta chỉ lo không nổi được nghiệp nhà . Tháng 10 năm ấy , được bổ thụ chức Thiên Hộ .

Năm thứ 12 ( 1859 ) đánh giặc ở xã Yên lập , Tỉnh Quảng yên ( Thắng trận được thưởng Phi Long ngân tiền hạng nhón 3 đồng ) .

Năm thứ 13 ( 1860 ) đón đánh giặc ở đường biên giới ( được thưởng Phi Long ngân tiền hạng nhón 1 đồng và 6 Quan tiền kẽm ) , ở xã Khuất xá , châu Lộc bình ( được thưởng Phi Long ngân tiền hạng nhón 1 đồng và 10 Quan tiền ) . Ở xã Vĩnh khương , Huyện Yên bác ( Lúc bấy giờ tướng giặc là Hứa Phạm Tam đến quấy rối , ta đem 600 lính Đồng đón đánh , được thưởng Ngân bài và 10 Quan tiền ) . Từ đấy ta ra sức giúp Triều đình .

Năm thứ 15( 1862 ) , giặc cướp nổi lên như ong, bọn Hoàng văn Chính quấy rối Tổng Yên Châu ,đăng Cai Vàng ( tên Lý Tuyền ) đến đồn Quang lang , Trương Thập Lục đánh phá tỉnh Cao Bằng . Đăng Chi Hùng tập hợp đồ đảng ở Đường Lang và Quỳnh sơn . Ta trước sau ra đánh 8, 9 trận , trận nào cũng thắng , được kỷ lục một lần , ngân tiền hạng

lớn , hạng nhỏ và hạng nhỏ , mỗi hạng 7 đồng . ( Năm ấy , đánh giặc cỏ ở Lang châu , thắng trận được thưởng Nhạn Tiên có chữ " Sử dân Phú Thọ " , hạng nhớn , nhỏ và nhỏ , mỗi hạng 1 đồng . Dem 600 lính Đồng đến Yên Châu đánh bọn Hoàng Văn Chính , thắng trận , được thưởng thưởng hạng ngân tiền lớn 1 đồng , hạng nhỏ 2 đồng , hạng nhỏ 2 đồng . Đánh giặc ở phố Quang lạng , thắng trận được thưởng thưởng hạng ngân tiền lớn , nhỏ , nhỏ mỗi hạng 1 đồng . Bọn giặc cai Vàng tên là Lý Tuyển cướp được một con voi , giả xưng là quan Tuần phủ Lạng sơn , kéo lên đồn Quang lạng . Ta đem 800 lính Đồng đón đánh ở xã Chi Lăng , được thưởng thưởng hạng ngân tiền hạng nhớn 1 đồng . Tướng giặc là Trương Thập Lục đánh phá tỉnh Cao bằng , ta đem 500 lính Đồng theo , quan quân thu phục được Tỉnh Thành , được thưởng thưởng hạng ngân tiền 2 đồng nhớn , 1 đồng nhỏ và 1 đồng nhỏ . Sang Thái nguyên đánh Đặng Chí Hùng , thắng trận , được thưởng thưởng hạng ngân tiền nhớn , nhỏ , nhỏ mỗi thứ 1 đồng . Năm thứ 16 ( 1836 ) , bổ thụ Thổ binh suất đội ( do đánh giặc Tàu là bộ Chi Hỷ ở xã Hoàng động , được kỷ lục 2 lần nên xét bổ chức này ) .

Năm thứ 18 ( 1865 ) , cải bổ làm Tri Huyện Yên bác ( sau đó , có công theo quân bắt giặc , được thưởng một đồng tiền " Như Ý " thay cho bữa yến ) .

Năm thứ 23 ( 1870 ) , quyền Tri phủ Tràng Khánh ( Sau được phong 2 trật .

Năm thứ 24 ( 1871 ) , đến đóng đồn ở Kỳ lừa ( Lúc bấy giờ tỉnh Thành Lạng sơn có việc , thừa lệnh quan trên ta mộ được 900 lính Đồng đến đóng ở Kỳ lừa ) và kiêm chức Châu Thoát lã .

Năm thứ 27 ( 1874 ) , thăng Viên ngoại lang , nhưng vẫn lĩnh chức Tri huyện Yên bác , rồi Tri Huyện Văn quan được 9 tháng , lại trở về chức cũ .

Năm thứ 28 ( 1875 ) lĩnh chức Tri phủ Tràng khánh .

Năm thứ 29 ( 1876 ) quyền tiền và thóc để giúp quân nhu ( 200 hộ thóc , 500 quan tiền ) , được một đạo lục chỉ .

Năm thứ 31 ( 18878 ) sang Thái nguyên hợp với toán quân khác để đánh giặc ( Quan Thống đốc họ Hoàng cấp cho bằng Bang phó tá quân vụ ) .

Năm thứ 32 ( 1879 ) thăng một trận ( rồi vẫn làm hàm Viên ngoại mà sung chức Bang tá Tỉnh vụ ) .

Năm thứ 34 ( 1881 ) , lại sang Thái nguyên hợp với toán quân khác để đánh giặc , lấy được đồn Chu bố ( được thưởng bạc hà , đỉnh hương , dầu quế mỗi thứ một chai ) .

Năm thứ 36 ( 1883 ) , thăng thị giảng Học sĩ , vẫn lĩnh chức Bang tá tỉnh vụ .

Năm Hàm Nghi ( 1885 ) . Lã Xuân Uy đem theo ấn Tuần phủ ra nước ngoài . Các nơi lân cận , bọn giặc cướp thừa cơ tụ tập , đến nghìn người . Ta đem lính Đồng ở Thượng du và các trại tất cả được 500 tên , đến đàn áp ở Kỳ lừa , rồi phái phó binh là Phạm Văn Khỏa đóng ở Tỉnh thành , còn ta thì đóng ở Bản Lộc , để cho mạnh thanh thế . Tháng 8 , tướng giặc là Hà Khánh Sinh đánh phá đồn Hữu thu . Được tin báo ta phái viên Bang tá cũ là



Hà Vạn Ninh và viên Châu úy là Hứa Viết Tăng ( Hiện làm Ám sát Lạng sơn ) . chia đường tiến đánh , giặc bỏ chạy . Năm đầu , niên hiệu Đồng Khánh ( 1886 ) , quyền chức Bồ chánh . Được vài tháng , giặc tâu Lý Hữu Sinh đem hơn 2000 đồ Đảng lên qua hạt Cao bằng đến phá đồn Na cảm và quán Phú tàng , đánh phủ Đồng bực rồi vây thôn Hữu Khánh . Ta thấy thôn này có nhiều thóc gạo, sợ giữ không nổi , thì địch cướp lương thực , nên lập tức đem 400 tên đoàn Đồng đến cứu viện . Bọn giặc ẩn nấp ở mậu sơn , ta quay về thôn Bản Chu , bọn giặc đem toàn lực tới đánh , nhưng không vào được . Rồi ta đánh tan được bọn giặc này ở Khôn Động , giết được rất nhiều . Năm này được làm Hộ lý Tuần phủ .

Năm sau ( 1887 ) , thăng làm Hồng Lô tự Khanh , ( Vẫn quyền hộ lý ) .

Năm sau nữa ( 1888 ) , thăng Thị lang , lĩnh Tuần phủ ( rồi được thưởng Ngân Bội tinh ) . Được hai đạo cáo trạng ( Hiện khảo làm Thị giảng học sĩ , Tỷ chánh Ngũ phẩm nghi nhân ) . Tên Hoàng Đình Kinh ở Tổng Ngột sơn , chiếm cứ nơi hiểm trở , thường đem đồ đảng đón bên đường cái quan ở bắc lệ , cướp xe chở quân nhu . Ta lập nhiều mưu kế , để cho chúng ngờ vực lẫn nhau , sau đó ta đem quân đến đánh úp , tên Kinh trốn thoát . Tháng 6 , phái Phó lĩnh binh là Phạm Văn Khoa đem quân vây bắt được y ở thôn Bản Thí ( Được thưởng Kim bội tinh ) . Tháng 10 xin nghỉ việc để về làm Từ đường . Rồi ở nhà luôn .

Năm Thành Thái thứ 2 ( 1890 ) , bọn Lưu Kỳ Thắng quấy rối thôn Hữu Khánh , ta phái Bá Hộ là Vi Thế Hiền và Trần Văn Tường đón đánh , giết được 1 tên , bắt sống được 8 tên , lấy lại được 1 khẩu súng , 1 con ngựa và 14 phụ nữ . Được thưởng 100 quan tiền kềm . Quan trên phái đi đánh giặc ở xã Sắn Viên , bắt sống được 1 tên , giết được 1 tên , rồi lại bắt sống được tên giặc lâu năm ở biên giới là Mã Sinh Ninh .

Năm thứ 4 ( 1892 ) , đồ đảng của Lưu Kỳ Thắng là Lưu Nhị và Hoàng Khai tam ẩn nấp ở Mậu Sơn , chực đi quấy rối . Ta phái Châu úy Hiền và Thiên hộ Tường đón đánh , giết được 9 tên địch , bắn bị thương hơn 20 tên . Rồi đón đánh ở thôn Bản Lộc giết được 12 tên , bắn bị thương 30 tên , nộp giải ở Tỉnh . Quan toàn Quyền gửi điện tín , mời ta về hà nội , tướng giặc là Lý Tam thừa cơ nổi lên . Con trai thứ hai của ta là Văn Trân đốc xuất toàn đồng để đánh giặc , giết được 2 tên , bắt sống được 8 tên , lấy lại được 13 phụ nữ . Quan Năm tư thưởng cho Văn Trân Tòng cử phẩm bá hộ , hiện có một đạo sắc .

Tháng 3 năm thứ 5 ( 1893 ) , thực thụ hàm Tuần phủ , nhưng vẫn hưu dưỡng ở nhà . ( Được thưởng Ngũ hạng Long bội tinh ) . Lại được 2 đạo các văn gia tặng ( Hiện khảo làm Thái bộc tự Khanh , Tỷ là tòng tam phẩm thực nhân ) .

Lão từ có nói : " Tri túc bất nhục , tri chi bất đại " ( Biết đủ rồi thì không nhục , biết thôi đi thì không nguy ) . Ta dù không giỏi , cũng biết lời dạy đó . Thế thì ta còn mưu cầu gì nữa .

Tháng 11 , Quan Toàn quyền và Quan Kinh lược về tận nơi nói với ta rằng : " Giặc cướp ở Biên giới chưa yên , hãy cố gắng ra làm việc để thỏa lòng dân trông cậy " . Vì thế ta bắt

buộc phải ra làm trái với ý muốn của mình .

Tháng giêng năm sau ( 2/1894 ) , ta lại ra làm việc ( được cấp một bản Nghị định : Tổng đốc lĩnh Lạng Bình Tuần phủ ) . Nhờ hồng phúc của Hoàng Thượng và uy đức của các vị Đại Thần , bọn cướp lần lượt bị bắt ( tên Kim Lộc , tên Vòi ) , làm biên cảnh được an ninh .

Lại 1 năm nữa ( 1895 ) , thăng 1 trật ( nhân dịp tứ tuần đại khánh của Hoàng Thái hậu , được thăng 1 trật và thưởng đại yến ngân tiền , nghĩa là ngân tiền thay cho bữa đại yến ) .

Lại một năm nữa ( 1896 ) , được cáo thụ Tổng đốc ( tháng 6 , Nha Kinh lược cấp cho Kim thanh hạng nhì . Tháng 9 được đạo cáo văn : Tổng đốc lĩnh Tuần phủ ) .

Lại một năm nữa ( 1897 ) , tấn phong Nam tước ( tháng 3 , quan Khâm mạng đưa Thái trực tấn phong Trùng phái nam . Tháng 5 , quan Toàn quyền tặng bắc đầu bội tinh ) .

Lại 3 năm nữa ( 1899 ) , gia tặng Miếu chức cho song thân ( Hiền khảo làm Gia nghị đại phu , Thái thường tự khanh. Tỷ là chính tam phẩm thực nhân ) .

Lại một năm nữa ( 1900 ) , thăng Biện Đại Học sĩ.

Kể từ lúc trẻ theo việc nhung trường , trải qua 40 năm , cũng chỉ như là giấc mộng lúc ra đời , giấc mộng đó quả là điềm tốt . Chắc tiên công đã định trước như thế , mà Thần bạch hổ cũng thiêng , mượn tay ta mà làm cho được như thế .

Nay ta đã 71 tuổi , vẫn như hồi trước không ngủ được , mới bảo cậu học trò đem bút chép lấy bài " Tự trạng " này .

Viết tại Dinh Tổng đốc Lạng bình - Mùa thu năm Canh Tý - Niên hiệu Thành Thái thứ 12 ( 1900 ) .

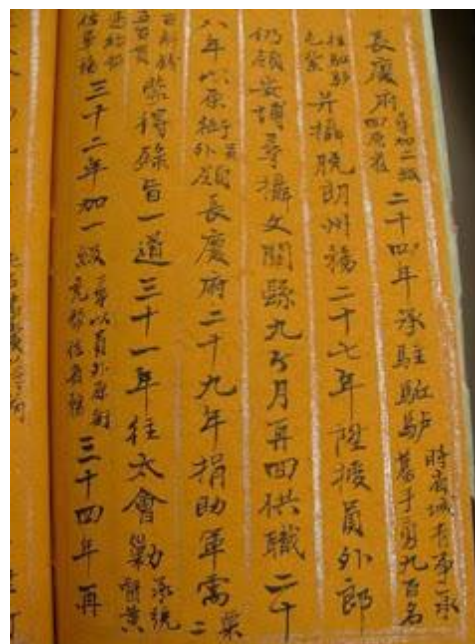
### **MỘ TÔ Ở NÚI ĐÌNH ĐẦU .**

Long mạch của núi Đình Đầu , ở Đô lương ( Thuộc phủ Anh sơn - Tỉnh Nghệ an ) đi xuống , nguyên bắt đầu từ chân Lang chánh ( Thuộc tỉnh Thanh hóa ) . Đi đến Thiên uy , mạch bằng phẳng và thấp , đến dãy núi bên Kênh Thiên uy ( Tức là Kênh Sắt , do Cao Biền đời Đường khơi ra , nối liền sông Bùng ở Phủ Diễn châu với sông Cẩm ở Huyện Nghi lộc ) . Qua kênh Thiên uy , mạch lại phẳng và thấp , rồi nổi lên ở núi Đình . Long mạch nổi cao lên , hình như bày ngựa đua chạy . Trong đó có một hòn núi tròn như bát úp , đây là Huyet ...

Long , Hồ phía trong , vòng vòng bọc lại , phía ngoài dần dần đi thẳng mà chia ra . Cửa bể ....là Ngoại Long - Thủy , Cửa Hiền là Ngoại Hồ Thủy , cũng đều chạy thẳng mà không hợp lại với nhau . Trước mặt là bể cả , nên ngoại Đường rất thoáng đãng . Ngoài Hồ Thủy còn có Điện Hồng đức và núi Thiên Nguyệt ( Tục gọi là núi Mật ) . Ngoài Long Thủy còn có núi Đại độc và núi Tiểu độc ( Tục gọi là núi Mê ) , hai bên châu lại trông rất đẹp .

Đẹp nhất là trước mặt có bể rộng mông mênh , sóng cồn dào dạt Còn phía sau , Long

mạch qua kênh , đến nơi bằng phẳng và thấp xuống , lại có cầu Bùng và đường cái quan  
chấn ngang , nên chưa được toàn mỹ .







*TÁM PHẢ HỆ HỌ VI BẰNG ĐỒNG NẠM BẠC RẤT ĐẸP , BỊ NGƯỜI DÂN Ở ĐÂY LẤY LÀM NẤP CHUM . Lần này , dienbatn cùng con cháu họ Vi mới lấy về được và rất nhiều nước mắt đã rơi .*

#### **4. MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ CUỘC ĐỜI VÀ CON CHÁU CỤ VI VĂN ĐỊNH.**





Cù Vi Văn Định.



Bác Hồ và cù Vi Văn Định.



Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cử ông Ba Ngo tới gặp ông Vi Văn Định để chuyển lời mời tham gia các hoạt động của chế độ mới.



Gia đình cụ Vi Văn Định ở Chiêm Hóa, Tuyên Quang năm 1948. Trong ảnh: Người chồng ba-toong là cụ Vi; người đứng bên phải là GS Hồ Đắc Di; đứng hàng sau, bên trái là TS Nguyễn Văn Huyền; cùng ba tiểu thư nhà họ Vi: Vi Kim Ngọc, Vi Kim Phú, Vi Nguyệt Hồ. (Ảnh: Gia đình TS Nguyễn Văn Huyền)



Cụ Vi văn Định lúc 13 tuổi và người cha.







Các em gái cụ Vi văn Định ( 1896)- 2 em trai và 1 em gái của cụ: cụ Vi văn Lâm ngồi ghế và cụ Vi Thị Tư đứng còn một ông thì sau này mất trẻ .



*Tổng đốc Lạng Sơn Vi Văn Định. Ảnh tư liệu Đông Dương đầu thế kỷ 20. Nguồn: NXB Thế giới.*

Từ các thời trước cụ VI VĂN ĐỊNH , dòng họ VI rất phát về Quan trường thuộc phái Võ quan . Sau thời cụ VI , có một điểm khác lạ là lại phát về cánh phụ nữ . Chúng ta có thể điểm qua một số phụ nữ trong dòng họ Vi phát Phúc nhờ chồng như sau :

\* Bà VI KIM NGỌC ( Sinh ngày 12/1/Bính Thìn tức ngày 18/6/1916 ) là con thứ 3 của cụ VI VĂN ĐỊNH lấy chồng là NGUYỄN VĂN HUYỀN , Luật khoa Tiến sĩ , quê Hoài Đức - Hà đông .

\* Bà VI KIM THÀNH ( Sinh ngày 12/12/ tân Sửu - 1902 )- con gái cả cụ Vi , lấy chồng là DƯƠNG THIỆU CHINH ( TRINH ) . Bố chánh quê tại Vân đình - Phủ Ứng hòa - Hà đông .

\* Bà VI KIM YẾN ( Sinh ngày 4/5/Nhâm tý - 1912 ) con gái thứ 2 lấy chồng là PHAN HỮU CƯỜNG - Quê làng Đông Ngạc - Phủ Hoài đức - Hà Đông .

\* Con gái út cụ Định là VI KIM PHÚ ( Sinh ngày 10/11/Mậu Ngọ - 1918 ) lấy chồng là HỒ ĐẮC DI , Bác sĩ là con trai thứ cụ HỒ ĐẮC TRUNG ở Huế .

\* Bà VI NGUYỆT HỒ ( Con gái ông VI VĂN DIỆM - Là con trai trưởng cụ Định ) - Lấy chồng là Bác sĩ TÔN THẤT TÙNG .



Gia đình Tổng đốc Vi Văn Định trong ngày cưới của con gái Vi Kim Ngọc với tiến sĩ Nguyễn Văn Huyền.Ảnh: Tư liệu



Cô dâu Vi Kim Ngọc và chú rể Nguyễn Văn Huyền trong ngày cưới (1936). Ảnh: Tư liệu



TS Nguyễn Văn Huyền trong ngày thành hôn với tiểu thư Vi Kim Ngọc.



Chân dung của Hồ Đắc Di.



Giáo sư, Bác sĩ Hồ Đắc Di (bìa trái) hỏi thăm sức khỏe linh mục Phạm Bá Trực (1951).  
Ảnh tư liệu





GS.BS. Tôn Thất Tùng .





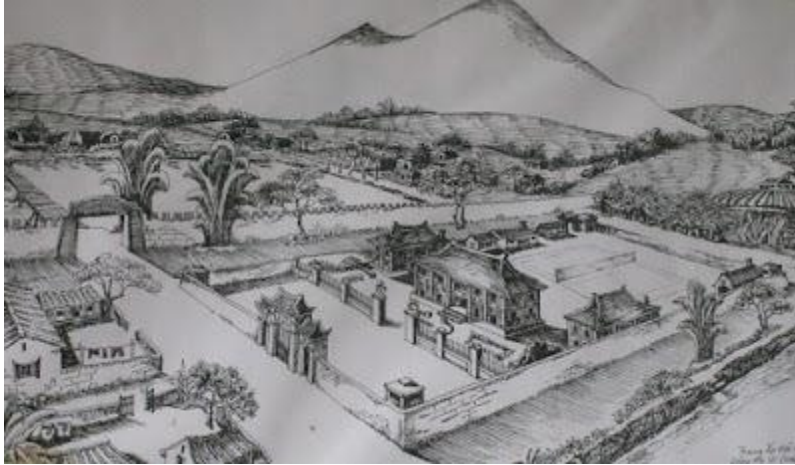
diênbatn với bà Vi Kim Thành.



diênbatn với con cháu dòng họ Vi trong một đám giỗ.

## 5.DINH QUAN TỔNG ĐỐC VI VĂN ĐỊNH TẠI BẢN CHU.

Từ Thành phố Lạng sơn đi men theo sông Kỳ cùng về phía thượng nguồn ( Sông Kỳ cùng là một con sông duy nhất ở Việt Nam bắt nguồn từ Trung Quốc đổ vào Việt nam tại Bắc Xá - Huyện Đình Lập - TP . Lạng sơn , chảy vòng vo tam quốc trong Thành phố Lạng sơn rồi lại chảy về Trung quốc tại Đào viên - Huyện Tràng Định - TP . Lạng sơn ) . Theo một con đường nhựa đã hư hỏng rất nhiều , người viết đến xã Khuất xá - Huyện Lộc Bình . Nơi đây có Bản Chu , là Thủ phủ của Quan Tổng đốc Vi Văn Định khét tiếng một thời của xứ Lạng . Nơi đây cách trung tâm Thành phố Lạng sơn khoảng gần 50 Km . Bản Chu là một ngôi làng khá cổ kính , đã là nơi mà nhiều người ở xứ Lạng và trong nước biết tới . Nơi đây không chỉ là Thủ phủ một thời của xứ Lạng mà còn là một làng quê người dân tộc Tày , có những kiến trúc cổ độc đáo . Một trong những nét tiêu biểu về Kiến trúc của bản Chu là những ngôi nhà hai tầng làm bằng gạch không nung, hoặc tường đất trình , có mái lợp bằng ngói máng kiểu rất xưa . Nhờ kiến trúc như vậy mà những căn nhà đó , mùa hè rất mát , mùa đông lại rất ấm . Nhìn toàn cảnh Bản Chu thật là đẹp , bốn xung quanh có những dãy núi cao bao bọc nhiều lớp . Bản làng nằm men theo con sông Kỳ cũng lững thững nước chảy, hai bên bờ cây cối xanh um . Một đặc trưng nữa của Bản Chu là hầu hết các ngôi nhà , xung quanh có những lớp tường bằng đất nện trên có trồng xương rồng , vây bọc lấy căn nhà , giống như một lớp thành trì bảo vệ ở cái xứ mà ngày xưa vô số Thổ phỉ , giặc cướp Tàu , ta . Nhìn toàn cảnh Bản Chu như một pháo đài bất khả xâm phạm - Vừa là nhà ở , vừa là Thành trì . Nét nhấn về Kiến trúc của bản Chu chính là những gì còn sót lại của 3 cái cổng làng xây bằng gạch và cổng vào Dinh của Tổng đốc Vi Văn Định . Cổng được xây dựng bằng gạch nung rất kiên cố , còn dấu vết của những cánh cổng bằng sắt dày . Kiến trúc của cổng rất đẹp , vừa cổ kính vừa mang sắc thái tín ngưỡng , những mái vòm cong có những nét điểm là hình rồng bay lên . Hiện nay gần như toàn bộ Dinh đã bị phá hủy , lớp thì thời gian , lớp thì pháo kích của quân Tàu ngày trước , lớp thì bị con người tại chỗ phá hủy . Nhìn nét thể lương , âm đạm đúng như câu thơ " Nền cũ lâu đài bóng tịch dương " .



Dòng họ Vi làm thổ ty Lạng Sơn 13 đời, đến đời thứ 8 mới dời đến Bản Chu, xã Khuất Xá, huyện Lộc Bình, lập thái ấp. Trong ảnh là biệt phủ Tổng đốc Vi Văn Định ở thôn Bản Chu.



Tổng đốc Vi Văn Định xây dựng biệt phủ từ đầu thế kỷ XX. Trải qua thăng trầm, hiện nay khu biệt phủ chỉ còn lại hai cổng cách nhau khoảng 30 m.





Cổng chính biệt phủ họ Vi được xây bằng gạch nung, vôi, cát. Theo ông Lộc Văn Chú (nguyên Chủ tịch xã Khuất Xá), sau khi Tổng đốc Vi Văn Định rời khỏi Lạng Sơn, nơi đây không ai coi sóc, từng trở thành căn cứ của bộ đội. Năm 1979, chiến tranh biên giới xảy ra, biệt phủ bị san lấp hoàn toàn bởi đạn pháo TQ.



Mạch tường làm bằng hỗn hợp tro, đường phen và nhựa dây tơ hồng bền chắc, khó bong tróc theo thời gian.



Kiến trúc mái vòm của cổng chính biệt phủ.



Cổng ngoài của biệt phủ. Theo lãnh đạo Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh Lạng Sơn, hiện tỉnh đã xây dựng phương án bảo tồn, gìn giữ dấu tích khu biệt phủ. ( diệnbatn có sử dụng một số ảnh của Hồng Vân )



Dinh tổng đốc ngày xưa.



Dinh tổng đốc ngày nay.



Cổng bản Chu mang nét phòng thủ.



diênbatn tại UBND xã Khuất Xá - Lộc Bình.







Nền cũ lâu đài bóng tịch dương.

Có lẽ từ ngày xưa do lý do giặc giã , người dân Bản Chu đã biết thiết kế liên hoàn làng , bản của mình thành một căn cứ quân sự . Các nhà xây dựng liền kề nhau tạo thành một quần thể kiến trúc thống nhất , có hàng rào bằng đất nện cao ngang đầu người , biến mỗi ngôi nhà trở thành một ổ đề kháng . Người dân đã biết trồng những lũy tre làm thành trì và đào nhiều hồ ao bao bọc xung quanh địa phận của mình . Tại xung quanh khu Thủ phủ có ba cái ao tên lần lượt là : Phai Cải , Phai Cầu và Cốc Sung có diện tích khoảng trên dưới 3 Ha . Những cái ao này hẳn ngày xưa rất đẹp vì được quy hoạch rất hợp lý , vừa là

cảnh quan vừa để phòng thủ . Hiện nay tại một số đoạn bờ ao còn có những đoạn kè bằng đá xây dựng rất Mỹ thuật .



Đoạn sông Kỳ Cùng chảy qua bản Chu.



Dấu tích ao được kè đá .

Bản Chu là một trong 13 thôn của xã Khuất xá . Xét về mặt Phong thủy thì đây là một địa hình rất đẹp . Bản nằm chính giữa vùng đồng bằng , nơi giao nhau của hai dãy núi rất lớn . Từ trên cao nhìn xuống , hai dãy núi như hai cái chân người đang ra hai bên , kẹp Bản Chu vào giữa . Địa hình vùng này có đủ cả Sông ( Kỳ cùng ) , núi và đồng ruộng bao la . Con sông Kỳ cùng mùa này nước xanh ngát lững lờ chảy vòng vung quanh bản . Sông Kỳ cùng một mùa đỏ nặng phù sa , cuộn cuộn chảy , còn mùa này nước lại trong xanh mát cả mắt , thật là lạ . Toàn bộ dân của bản Chu dùng nước tại một cái giếng do đích thân Vi Văn Định bỏ tiền xây dựng . Tên địa phương của giếng nước này là Bó Lìn . Đây là một giếng nước cũng vô cùng thú vị . Ở ngay tại rìa bờ sông Kỳ cùng - Bất kể mùa nước lớn hay nhỏ , mực nước trong giếng đều như nhau . Mạch nước ở đây không phải thẳng đứng từ dưới lên như những cái giếng khác mà là được dẫn từ lòng núi , cho chảy vào một cái giếng rất lạ được xây kiên cố bằng gạch và xi măng . Niên đại khắc trên thành giếng cho

chúng ta biết được nó xây dựng vào năm 1910 . Nước giếng này trong như nước tinh khiết , để cả năm không hề có váng , vị nước rất thanh , ngọt , có thể uống luôn mà không sợ bị đau bụng . Giếng này được đặt hơi xa khu dân cư , xung quanh có nhiều cây cổ thụ tạo nên một khung cảnh tuyệt đẹp . Người dân nơi đây quan niệm rằng uống nước Bó Lìn sẽ mạnh khỏe , thành đạt và minh mẫn hơn . Con cháu dòng họ Vi vẫn lấy nước này về làm nước thờ hàng năm .







Bố Lìn.

Hiện nay , khu vực Dinh Tổng đốc chỉ còn là một bãi đất hoang tàn . Người ta mới cho xây dựng một nhà trẻ cho các cháu trên nền của sân Ten nít ngày xưa ở khu vực cuối của Dinh . Đã có nhiều hộ dân từng lấn chiếm đất Dinh để làm nhà , nhưng đều xảy ra những việc khủng khiếp phải bỏ cửa chạy lấy người . Người viết được một vị chức sắc của Ủy ban xã kể cho biết, đã từng có hai gia đình vào làm nhà tại hai bên sân ngay tại khu vực cổng Dinh . Cả hai gia đình này đều xảy ra hiện tượng cha con vác dao chém nhau , gây án mạng , có người bị chém tới hàng chục nhát dao . Hiện nay họ đã phải bỏ đi , để lại những mái nhà hoang tàn giá lạnh . Một việc nữa là những nhà xung quanh Dinh , sử dụng những di vật của Dinh như ngói , gỗ , các vật bài trí ...đều có cuộc sống nghèo khó dưới mức trung bình . Người viết có trao đổi với ông Bí thư của xã Khuất xá và con cháu của dòng họ Vi về việc bảo tồn và tu tạo một di tích Lịch sử của Bản Chu là Dinh Tổng đốc . Được biết , những người này rất nhiệt tình và UBND xã Khuất cũng ủng hộ và tạo điều kiện để khôi phục một chứng tích Lịch sử .Hiện nay , di vật của Dinh Tổng đốc còn nằm lại trong nhà dân khá nhiều . Người viết trong đợt vừa qua đã cùng con cháu dòng họ Vi thu lại được một hiện vật vô cùng quý giá , đó là một bảng đồng khắc chữ rất đẹp , vừa chữ Hán vừa chữ Việt , ghi rõ phả hệ của dòng họ Vi . Miếng đồng này bị một người dân trong vùng lấy về làm nắp lu đựng nước . Con cháu của dòng họ Vi đã rơi nước mắt và tổ chức ăn mừng khi di sản của dòng họ lại trở về . Hiện nay , trước cửa Dinh còn một bể nước cảnh bằng đá nguyên khối , con cháu dòng họ Vi nên tìm cách bảo quản để sau này có di vật khi trùng tu lại Dinh .

Hiện nay , dân Bản Chu chỉ sống bằng nguồn sản xuất nông nghiệp , thu nhập bình quân một đầu người chỉ khoảng trên một triệu đồng . Đường làng tuy đã được bê tông hóa nhưng chỉ ở một vài đoạn đường chính . Người viết mong mỏi rằng , việc tu tạo sửa chữa lại dinh Tổng đốc xứ Lạng của dòng họ Vi và chính quyền xã Khuất xá sẽ tạo nên một

điểm du lịch hấp dẫn khách du lịch trong nước và Thế giới . Chính việc này sẽ thúc đẩy đời sống của dân Bản Chu được nâng cao lên .

Chúng tôi về thăm mộ dòng họ Vi vào một buổi chiều cuối thu . Không gian Bản Chu hiện lên trong sắc thu thật là đẹp . Ánh nắng rực vàng trên những tàn lá thông cổ thụ ở những dãy núi xung quanh . Con sông Kỳ cùng xanh ngắt uốn lượn quanh bản như những dải lụa quấn ngang hông những người con gái miền sơn cước . Từng đoàn thiếu nữ ra Bó Lìn gánh nước , dáng đi uyển chuyển theo nhịp đòn gánh tưởng như bày Tiên nữ giáng trần . Không biết cảnh ngày xưa giặc giã , thổ phi , cướp bóc ở xứ này như thế nào , bây giờ chỉ thấy một cuộc sống yên bình , êm ả của một vùng sơn cước vào thu .  
Xin theo dõi tiếp bài 10. dienbatn.

---

## **KHẢO SÁT MỘT SỐ NGÔI MỘ CỦA TIỀN NHÂN ĐỂ LẠI . BÀI 10.**

*Thứ Sáu, ngày 22 tháng 4 năm 2016*

### **KHẢO SÁT MỘT SỐ NGÔI MỘ CỦA TIỀN NHÂN ĐỂ LẠI .**

*Sau rất nhiều chuyến đi đã khảo sát Phong thủy âm trạch , dienbatn còn giữ được một số tư liệu về những ngôi mộ cổ do tiền nhân đặt từ xưa . Nay đăng lại trong Blog này làm tư liệu và mong rằng những Thầy Địa lý của Việt Nam hiện nay nghiên cứu và hy vọng sẽ rút ra được những điều bổ ích cho mình , ngõ hầu có thể giúp cho những thân chủ của mình một cuộc sống an vui , hạnh phúc.*

*Sách có câu : "Tiên tu nhân lập âm chất, nhi hậu tầm Long " .*

*Người người đều muốn có được một Địa trạch tốt tươi, nhằm thăng hoa cuộc sống vật chất đầy đủ, công danh hiển hách, vợ đẹp con ngoan, Gia đình hạnh phúc. Sách THÔI QUAN THIÊN viết : "Trong nhà có người đức hạnh cao thượng thì đất đá trên núi gần đó nhất định có Linh khí ". Qua câu nói trên tức là con người làm chủ Linh khí vạn vật do phần Tâm khí của chính mình. Các Phong Thủy Sư không hiểu điều này thì dù có Trích Huyệt Tầm Long được Bảo địa cũng chẳng linh nghiệm.*

*Những việc Tầm Long Địa Huyệt còn phải hội thêm phần cảm ứng tức là Thiên Đạo (Đạo Trời ); sự ứng nghiệm của việc hành thiện lập âm chất, tạo nhân quả tốt. Tục ngữ có câu : "Âm địa tốt không bằng Tâm địa tốt ". Do vậy, tìm kiếm chọn lọc được Địa mạch Huyệt vị, Phong Thủy Sư phải tích đức hành thiện làm căn bản. Nếu kẻ nào có phẩm chất cao thượng, thì ắt Thiên cơ sẽ ứng, Địa cơ theo đó mà tăng thêm sự tốt lành cho con cháu đời sau hưởng Phúc. Bởi Tâm địa thiện lương thì tương ứng với Địa mạch cát lợi , vạn Trời ứng cho, chứ chẳng phải chủ quan tâm về hình thức mà quên đi nội dung, cứ tưởng*

rằng tâm được Long huyết rồi,con cháu đời sau sẽ được hưởng Phúc,cái gốc chúng ta chẳng lo mà lại đi lo cái ngọn,rõ là ta chẳng biết gì cả.Nếu như các Phong Thủy Sư họ tài giỏi như thế thì ắt họ phải giành những huyết Đế Vương,Công Hầu,Khanh tướng cho con cháu họ,chứ đại gì mà họ chỉ cho ai ?

Quách Phác nói : "Cát hung cùng cảm ứng lẫn nhau,họa phúc cũng tự nhiên theo Tâm khí chiêu cảm mà đến ".

Khi táng di hài Tổ tiên,chắc người ta phải chọn Địa huyết thật tốt mà an táng,song song với việc trên ,người tại tiền phải nỗ lực tu dưỡng thân,tâm cầu lấy gốc rễ của Đạo.Nếu chỉ chú trọng quan sát hình thể Địa huyết,sẽ cho kết quả trái ngược,làm tổn hại đến con cháu đời sau.

Nếu như có Nhân,tất phải có Quả;nhưng Nhân -Quả thiện ác tùy vào Tâm khi chiêu lấy họa phúc.Cũng như ngày xưa có người chết được Thiên táng hay Địa táng một cách ngẫu nhiên,con cháu sau này phát Đế Vương,Công hầu.

Triệu Quang viết cuốn : "PHONG THỦY TUYỂN TRẠCH TỰ ",có nói rằng : "Vô phước cho ai không có nhân duyên mà được Huyết tốt ".Dẫu cái tốt,xấu của Phong thủy Huyết mộ ảnh hưởng đến cát hung,nhưng Âm đức của con người có thể cải biến được Vận - Mạng.Đến như các bậc Tiên bối Phong thủy như Cao Biền,Quách Phác tài giỏi kinh Thiên động Địa ,nhưng khi gặp Huyết Đế Vương cũng không dám dành cho mình,bởi biết đạt Địa lợi,nhưng Thiên thời và Nhân hội còn khuyết,không dám nghĩ bàn.Tóm lại việc "TIÊN TÍCH ĐỨC,NHI HẬU TÂM LONG " của người xưa dạy quả không sai.

## **8/ MỘ DÒNG HỌ VI VĂN ĐỊNH TẠI KHUẤT XÁ - LỘC BÌNH - LẠNG SƠN. ( Tiếp theo ).**

( Tư liệu lấy từ loạt bài **TRUY TÌM VỀ MỘT GIAI THOẠI ĐẤT MỘ** của dienbatn ).

## **5/ MỘ ÔNG NỘI CỤ VI VĂN ĐỊNH.**



### "KIỀU ĐẤT LƯƠNG NGƯU ÂM THỦY.

Dù không được quyền khuynh thiên hạ thì họ Vi cũng là anh hùng một cõi, đúng với lời dân chúng sở tại vẫn còn truyền tụng cho đến bây giờ những lời đồng giao về kiêu đất quý báu, hiếm lạ này :

" Lương Ngưu âm thủy,

Bột phát Công Khanh,

Huỳnh đệ hiển danh,

Anh hùng nhất Khoảnh..."

Nếu đây là chánh huyết, thì ngôi mả này trông thẳng ra trái Cao Sơn, một hòn núi cao ngất tới trời xanh mà thiên hạ đồn đãi là có một làng Mèo sống biệt lập ở trên núi cao ấy từ đời nhà Trần, khi Chiêu văn Vương Trần Nhật Duật đem quân triều đình đến điều phạt mấy động chúa ở vùng Lĩnh Nam. Ngôi mả tổ của họ Vi trông thẳng ra ngọn núi Cao Sơn kia, tựa lưng vào dãy Trường Sơn, tay long, tay hổ là hai dãy đồi thoai thoải chạy dài theo dòng sông Cả, tạo thành một kiêu đất kỳ thú vô cùng quý báu, mà theo lời thuật lại của các bô lão sở tại thì hình như Bà chúa Rừng đã cố ý để dành riêng cho dòng họ Vi vậy. Ý nghĩa cũng vẫn là ca ngợi kiêu đất " lương ngưu âm thủy".



Thì ra Núi Rồng là ngọn núi chỉ cách dải Cao Sơn chừng hai dặm. Còn Cầu Vòng là cái đồi uốn cong đối diện với dãy Cao Sơn ở phía sau Bản Ty, chỗ nọ cách chỗ kia hàng vài ba chục dặm.

Khác hẳn sự an táng hài cốt ở những mộ phần của thiên hạ, trong khu linh địa "Lưỡng Ngư ẩm thủy", huyết chôn hài cốt ở hai bên bờ Sông Cả là huyết bằng, còn chính huyết thì lại nằm giữa lòng sâu, trên một hòn núi cao, phải trấn yểm bằng con rùa và chiếc lọ đầy kín, không biết bên trong chứa đựng những gì, cùng lá cờ bát quái vẽ chi chít những hình thù quái đản.

Đặc biệt hơn hết, là sau khi an táng cả hài cốt ở hai bên huyết bằng, lúc ấy mới được khởi sự trấn yểm huyết chánh bằng cách đọc bài chú, ghi ở trang cuối cùng cuốn gia phả, chờ cho nước sông đang lên mới được thả những lễ vật xuống vào đúng nửa đêm thanh vắng.

Nếu đúng phương hướng và cách thức trấn yểm, thì nội bách nhật, hòn núi giữa lòng sông sẽ biến mất, sau một cơn bão tố ngất trời.

**GÈNH ĐÁ CÓ BỊ CHÌM SÂU DƯỚI NƯỚC THÌ MÃ MỚI BẮT ĐẦU KẾT PHÁT...**

Tóm lại, thầy địa lý nào, xem kiểu đất của mình mà phân kim, án hướng, mai táng hài cốt theo lẽ lối thông thường của khoa phong thủy thì nhất định sẽ bị thần linh trừng phạt tức khắc, sự kết phát trong trường hợp ấy đã hiển nhiên hống hết, mà thầy địa lý cũng khó lòng giữ gìn được cho vô sự.

Nhưng so sánh hai ngôi mộ ở tả hữu ngọn sông Cả trong vùng Ngòi Xảo, thì mã của họ Lương đặc địa hơn nhiều.

Cứ nhìn qua bề ngoài của hai ngôi mộ, người không biết gì về khoa địa lý cũng có thể phân biệt được sự hơn kém : mã tổ phụ họ Lương không cần trông coi, bồi đắp mà quanh năm, lúc nào cũng to lớn, nổi cao lên như một cái đồi nhỏ, cỏ mọc xanh rờn, dây leo chằng chịt, trông xa như một tấm thảm nhung biếc, đẹp mắt vô cùng.

Còn mã tổ họ Vi, dù thường xuyên vẫn có gia nhân, canh gác, đắp đất, rẫy cỏ rất cẩn thận mà cỏ vẫn kém tươi, mộ phần cũng chỉ bằng tám phần mười ngôi mã của họ Lương, mặc dù phong cảnh cũng xinh đẹp lạ lùng. Sở dĩ có sự khác biệt ấy, theo sự nhận xét của nhà phong thủy họ Triệu, thì nguyên do chỉ là vì con hỏa nằm án ngữ cách mình đường ngôi mộ chừng nửa dặm.

Đó là một gò đất nổi lên, nằm trơ vơ phía trái miếu sơn thần, chạy thoai thoải đến gần mộ phần, trong giống như một mũi dùi nhọn đâm thẳng vào ngôi mã.

Vì thế, sự kết phát bị giám sát mất một phần nhỏ.

Không những thế, nó còn là điềm bất đắc kỳ tử cho nhiều người trong họ nữa.

Vi Văn Định lo sợ, vội năn nỉ tha thiết yêu cầu thầy địa lý tìm cách trấn yểm giúp cho con Hỏa không nổi dậy, tác quái, nhiều hại cho con cháu trong dòng họ, nhưng họ Triệu khẳng khái từ chối và cho biết : con Hỏa ấy nằm sát long mạch, không có phương thế chi dễ diệt trừ, hay trấn áp được hết, vì chỉ hơi động đến là long mạch bị thương tổn ngay tức khắc , chẳng những không có lợi chi mà còn có thể gây thêm nguy hại cho sự kết phát sau này, uổng phí cả tâm cơ của tổ tiên ngày trước.

Vả lại, cứ như sự suy luận của họ Triệu thì các kiểu đất quý, phần nhiều đều có một vài nét khuyết điểm, nhẹ nặng tùy theo phước trạch của ông cha, đó là luật thừa trừ rất nhiệm mầu kỳ bí của Hoá công, chứ chẳng mấy khi được toàn mỹ, chỉ có kết mà không có động trê bao giờ

Chỉ cốt sao cho sự kết phát được nhiều hơn sự nguy hại, cũng đã là một điều đại hạnh cho gia chủ lắm rồi !

Ta không nên đòi hỏi quá nhiều mà vô tình cưỡng lại mệnh trời, tạo thêm sự thất đức, làm giảm bớt cả tính cách linh ứng của kiểu đất hiếm có, mà dám chắc, trên cõi đời này, chưa chắc đã tìm được một kiểu đất tương tự thứ hai !

Nhưng sự tác hại của con Hỏa nằm trước mộ phần, quả cũng vô cùng ghê gớm.

Nếu không trấn áp được gò đất ấy, thì cứ 15 năm trong dòng họ Vi, thế nào cũng lại có một người bị bất đắc kỳ tử mới thôi.

Đây kìa, quan lớn thử trông : con Hỏa nằm án ngữ minh đường, chia thẳng mũi nhọn vào chánh huyệt, nào có khác gì một người cầm dao sắt, đâm vào cổ người nằm ở trong ngôi mộ này ! Như thế, hỏi con cháu mà làm sao sống yên ổn được.

Một gò đất dài, như một mũi giáo nhọn, đâm vào cổ người nằm trong mộ, nếu không trừ được, cứ 15 năm, lại có một người trong họ bị bất đắc kỳ tử. ( Trích từ TỪ CUỐN GIA PHẢ ĐẤU KÍN TRONG HANG CHÚA...ĐẾN KIỂU ĐẤT LƯỠNG NGƯU ÂM THỦY...MẢ TỔ VI-VĂN-ĐỊNH Ở ĐÂU ?)







Mộ ông nội Vi văn Định trên đỉnh Khau Loáng .

Từ đằng xa , nhìn về dãy Khau Láng giống như một người đàn bà nằm ngửa , hai chân dang ra và cả hai khu mộ đều được kẹp ở giữa. Riêng mộ của ông nội VI VĂN ĐỊNH , nằm đúng chính Huyệt trên lưng chừng dãy Khau Láng người viết sẽ đề cập sau. Xung quanh khu vực Huyệt mộ được con sông Kỳ cùng và một nhánh của nó ôm vào lòng.





Mộ gia đình họ Vi tại Phiêng Phai.

Tại khu vực phía sau Bản Chu có hai gò đất khá lớn , một là nghĩa trang của họ Vi , một là nghĩa trang của họ Lường ( hay Lương ) . Nếu xét về mặt hình thể thì mộ của họ Lường có hình thể đẹp hơn , gò đất tròn trịa , cây cối xanh rờn , gò đất còn gần như trình nguyên , ít bị tác động của con người . Hiện nay con cháu họ Lường đã tổ chức tu tạo phần lăng mộ rất đẹp và theo mọi người nói , con cháu họ Lường đang ăn nên làm ra , bột phát công danh . Từ ngày xưa cho đến nay , dòng họ Lường không lúc nào quá phát và cũng không lúc nào quá khó khăn , cuộc sống sung túc , bình an luôn đến với mọi người trong họ . Ngược lại , gò đất của dòng họ Vi thì thấp hơn , nơi đây cũng rất đẹp , nhưng vì bàn tay của con người tác động quá nhiều nên mất đi vẻ trình nguyên hoang sơ ban đầu . Mộ của dòng họ Vi quy tụ vài chục cái , nằm thẳng hàng , trắng xóa cả gò đất . Theo người bản địa cho biết , ngày xưa có một gò đất nhỏ hình mũi dùi chĩa vào khu mộ ( Không rõ có phải con Hỏa mà thầy địa lý xứ Nghệ phải bó tay hay không ?? ) . Hiện nay , qua nhiều năm làm nương rẫy , người ta đã san bằng con Hỏa đó rồi .

Người viết đã đi mộ vòng xung quanh hai khu mộ của họ Vi và họ Lường , đồng thời đã trèo lên đỉnh một ngọn núi gần đó quan sát thì thấy về Phong thủy khu đất này thật độc đáo .



Khu mộ dòng họ Lương.

Khu vực mộ dòng họ Vi được gọi theo tiếng dân tộc Tày là Mả Phiêng Phai. Cả hai khu mộ của họ Vi và họ Lương đều có Long tay Hổ cân phân , được cấu tạo bởi dãy Khao Láng. Từ đằng xa , nhìn về dãy Khao Láng giống như một người đàn bà nằm ngửa , hai chân dang ra và cả hai khu mộ đều được kẹp ở giữa. Riêng mộ của ông nội VI VĂN ĐỊNH , nằm đúng chính Huyệt trên lưng chừng dãy Khao Láng người viết sẽ đề cập sau. Xung quanh khu vực Huyệt mộ được con sông Kỳ cùng và một nhánh của nó ôm vào lòng.

Tận lưng chừng của dãy núi Khao Láng , điểm giữa của tay Long - Tay Hổ là mộ ông nội cụ VI VĂN ĐỊNH . Từ Bản Chu lên được đến đây phải đi mất " vài con dao quăng " như người dân tộc thường nói . Đường lên Khao Láng không dốc lắm như các dãy núi đá ở Tây Bắc Việt nam mà thường dọc theo các triền núi có lớp đất vỏ rất dày ( có lẽ là đặc trưng của các ngọn núi vùng Lạng sơn ) . Hai bên đường lên là những rừng thông cổ thụ ngút ngàn tầm mắt , cái hơi se lạnh cuối thu làm cho những người lữ hành càng thêm phấn chấn bước tới . Vượt qua khoảng ba ngọn núi thật cao , chúng tôi xuống tới một thung lũng nhỏ và ngẩng lên , trong những bụi cây rậm rì , xanh biếc , mộ ông nội cụ VI VĂN ĐỊNH hiện ra trắng xóa .



Dãy núi Khau Loáng.







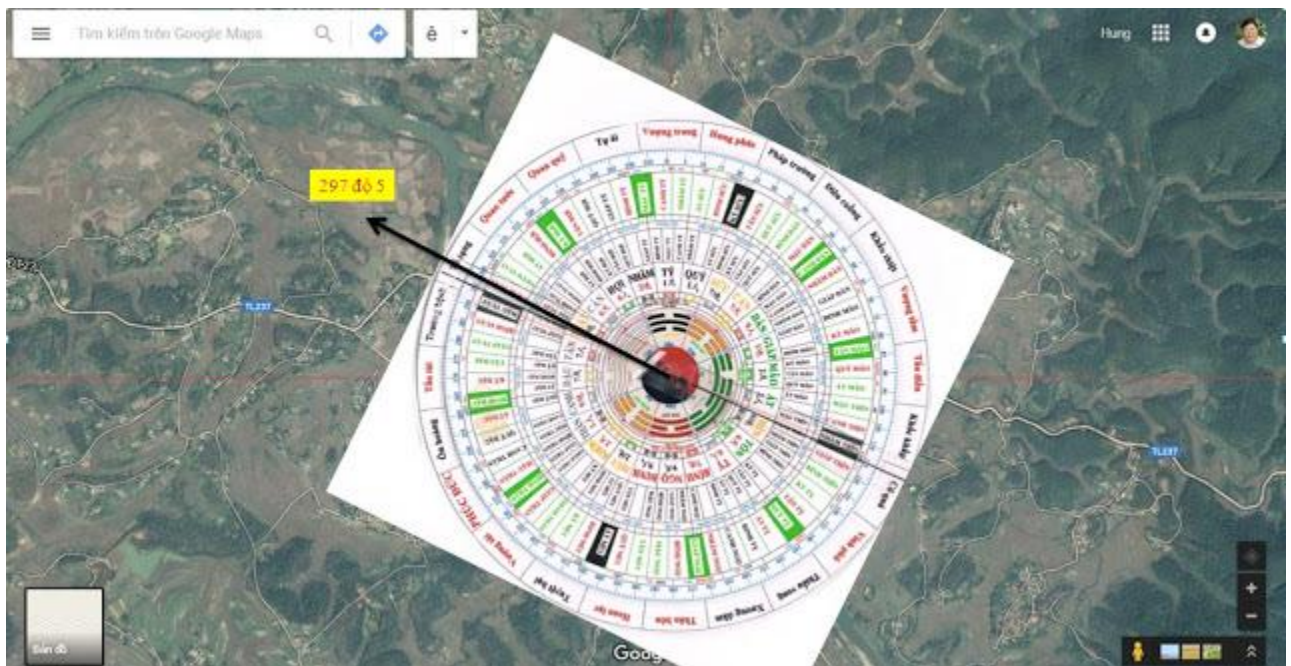


Trên đỉnh Khau Loáng.

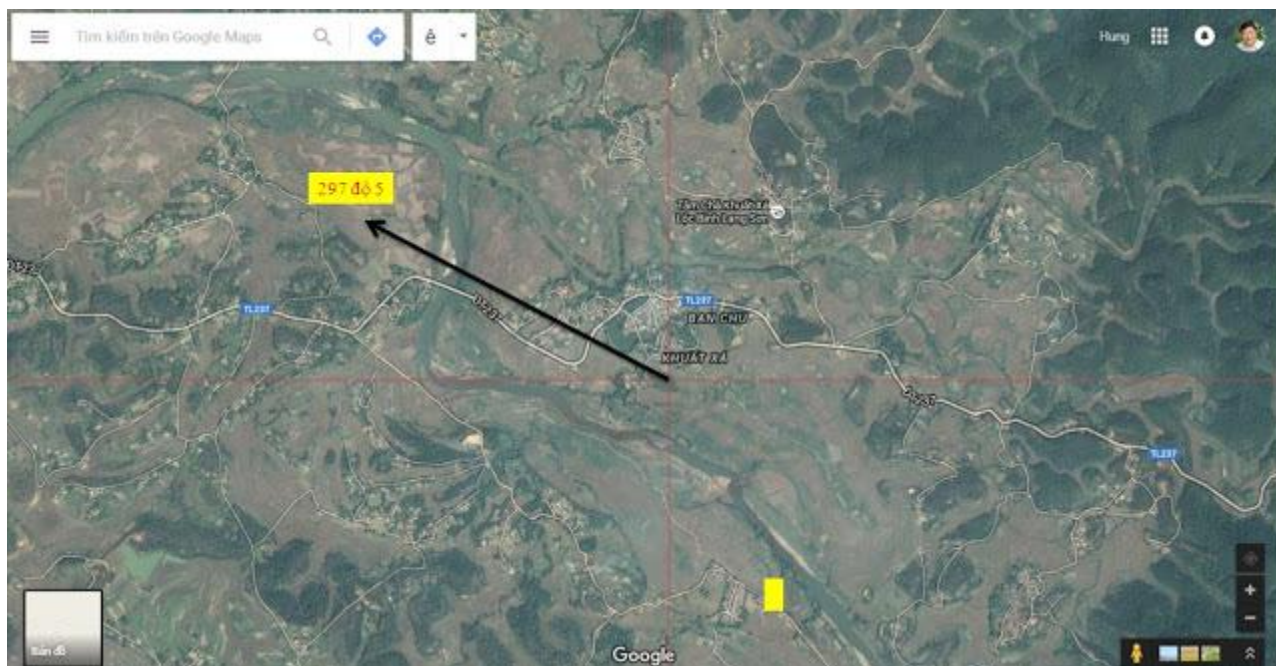
Trên lưng chừng đỉnh Khau lán , từ hơn 100 năm nay đã tồn tại một cái mộ có hình dáng khá kỳ lạ . Đây chính là mộ của ông nội cụ VI VĂN ĐỊNH . Mộ có hình mộ con Rùa nằm theo hướng Tọa Thìn - Hướng Tuất . Trên đỉnh mộ là mộ khối đá hình nửa quả trứng trông khá kỳ lạ . Huyệt mộ này được đặt đúng vào tâm điểm Âm Huyệt của Long mạch . Chúng ta cứ hình dung một người đàn bà nằm ngửa , hai chân dang ra và Huyệt mộ đặt chính xác vào Âm Huyệt . Minh đường của Mộ là cả một cánh đồng bát ngát ở phía dưới , thoải thấp dần về tới khu Phiêng Phai . Hai bên tay Long , tay hổ rất cân phân , ôm trọn cả khu Long Huyệt vào lòng . Con sông Kỳ cùng chảy quanh co , lững lờ từ phía Thanh long qua phía bạch hổ . Hai qua đồi đất tại khu Phiêng Phai như 2 chiếc Án , tọa trước Long huyệt . Theo sự khảo cứu bằng cảm xạ của người viết , kết hợp với khả năng ngoại cảm từ xa của 2 Nhà Ngoại cảm Minh Nguyệt và chị Mai ( Thái bình ) , chúng tôi đồng thời có kết luận giống nhau là dưới Huyệt mộ không có cốt . Sau này khi về đến bản Chu , chúng tôi được nghe câu chuyện về ngôi mộ này như sau . Trước kia , đúng là Ông nội cụ VI VĂN ĐỊNH được táng ở Huyệt mộ này . Sau này , không biết vì lý do gì mà người Tàu đào lên mang về Trung quốc mất . Triều đình Việt nam lúc bấy giờ đã phải xuất cho bố cụ ĐỊNH 200 quan tiền để sang Trung quốc chuộc về . Về sau này nghe truyền lại là táng bí mật ở trong núi nhưng không ai tìm thấy cả . Về hình dáng kỳ bí của Huyệt mộ , người viết xin phân tích kỹ ở phần sau .

HƯỚNG MỘ : 297 độ 5 - Tọa Thìn - Hướng Tuất thuộc cung Càn - Tây Bắc - Phân kim : Giáp Thìn - Canh Tuất là huyệt khí bảo châu . Canh Tuất khí ở chính Tuất long, thì được giàu sang, sung sướng, ăn mặc phong lưu, những năm Tị, Dậu, Sửu thấy tin vui mừng, 36 năm sẽ sanh ra người thông minh xuất chúng.

Nếu thấy Ngọ, Đinh thủy xung vào thì hung bại.







### VĂN BIA TRÊN ĐỈNH KHAU LOÁNG .

Tại ngôi mộ hình con rùa của ông nội cụ Vi Văn Định trên đỉnh Khau Loáng có một tấm bia cổ , nét chữ còn tương đối rõ . dienbatn đã chụp được toàn bộ văn bia như sau :





Trải qua nhiều khó khăn , được sự trợ giúp nhiệt tình của con cháu dòng họ VI và nhất là được sự giúp đỡ hiệu quả của ThS. NGUYỄN XUÂN DIỆN - Phó Giám đốc Thư viện Hán nôm . Ngày hôm nay , người viết đã có được bản dịch văn bia của ngôi mộ dòng họ VI trên đỉnh Khau Loáng , một ngôi mộ có nhiều bí ẩn . Người viết xin chia sẻ cùng các bạn .

諒 山 省 祿 平 州 屈 舍 總 馬 祿 村 韋 家 誌 墓

先封公太夫人卜吉于丘浪山前後四十六年始非敢也蓋有待也我家本歡州自始祖都督桓郡公奉平吳創業舉...準往諒山處為國...平食祿于本州遂館焉。先封公的派也。

公以嘉隆朝乙卯年九月二十三日辰時生。明命十二年承鎮官保公為本州知州十四年...雲進為省城於時七州。惟公前來保護身手轉輪射宛匯將名中匯...隋皆無解以公知府衙仍嶺嗣德七年致士。八年七月十二日酉時終于嘉壽六十一歲。

先太夫人姓何翻臣一貴族也.....以乙丑年四月十二日丑時生；以癸亥年二月十九日戊辰壽終享年五十有九癸日。先封公太夫人在于仕歷蒞州縣垂三十年自升翻羽加督府金御昭列始蒙封贈先公太夫人以不及見矣。

同慶三年二月日太夫人為五品宜人，金上臨御之五年三月日慶太夫人從三品淑人；十一年十一月日累贈.....公加...寺卿，太夫人正三品淑人。於是理拜.....事親而言曰忠孝矣。先封公精忠一片日月爭光，歷朝.....命先蔭之福。生有機足以表.....後世而庇賴...子孫矣.....列.....先封太夫人之隆...並壽于碑...子...之.....而能全大節無...所生其來有....

諒平等處地方提督軍務場派南小子

## TÀI LIỆU HỌ VI.

Phiên âm:

LẠNG SƠN TỈNH - LỘC BÌNH CHÂU - KHUẤT XÁ TỔNG - MÃ LỘC THÔN

### VI GIA CHÍ MỘ

Tiên Phong công, Tiên thái phu nhân bốc cát vu Khâu Lăng sơn, tiên hậu tứ thập lục niên thủy phi cảm tuy dã, cái hữu đãi dã. Ngã gia bản Hoan Châu, tự thủy tổ Đô Đốc Hoàn Quận công phụng bình Ngô sáng nghiệp cử [...] chuẩn vãng Lạng Sơn xứ, vì quốc [...] bình thực lộc vu bản châu toại quán yên. Tiên Phong công đích phái dã.

Công dĩ Hoàng triều Gia Long, Ất Mão niên cử nguyệt, nhị thập tam nhật, Thìn thời sinh. Minh Mệnh thập nhị niên thừa trấn quan bảo công vi bản châu Tri châu. Thập tứ niên [...] vân tiến vì tỉnh thành ư thất châu.

Duy công tiên lai bảo hộ thân thủ chuyển luân xạ Uyển Hối tướng danh Trung Hối [...] tùy giai vô giải dĩ công. Tri phủ nha nhưng lĩnh Tự Đức thất niên chí sĩ; bát niên thất nguyệt, thập nhị nhật, Dậu thời chung vu gia, thọ lục thập nhất tuế.

Tiên thái phu nhân tính Hà, phiên thần trung nhất quý tộc dã [...], dĩ ất Sửu niên, tứ nguyệt, thập nhị nhật, Sửu thời sinh; dĩ Quý Hợi niên, nhị nguyệt, thập cửu nhật, Mậu Thìn thọ chung. Hưởng niên ngũ thập hữu cửu quý nhật.

Tiên Phong công thái phu nhân tại vu sĩ lịch lý châu huyện thù tam thập niên tự thăng phiên vũ gia đốc phủ kim ngự chiêu liệt thủy môn phong tặng Tiên công thái phu nhân dĩ bất cập kiến hĩ. Đồng Khánh tam niên, nhị nguyệt nhật, thái phu nhân vi ngũ phẩm Nghi nhân. Kim Thượng lâm ngự chi ngũ niên, tam nguyệt nhật khanh thái phu nhân Tông tam phẩm Thục nhân; Thập nhất niên, thập nhất nguyệt nhật lũy tặng [...] công gia [...] Tự khanh, Thái phu nhân Chánh tam phẩm Thục nhân. Ư thị lý bái [...] sự thân nhi ngôn viết Trung Hiếu hĩ.

Tiên Phong công tinh trung nhất phiến, Nhật nguyệt tranh quang. Lịch triều [...] [...] mệnh tiên âm chi phúc. Sinh hữu cơ túc dĩ biểu [...] [...] hậu thế nhi tỷ lại [...] tử tôn hĩ [...] liệt [...] [...]. Tiên Phong thái phu nhân chi long [...] tịnh thọ vu bi [...] tử [...] chi [...] nhi năng toàn đại tiết vô [...] sở sinh ký lai hữu [...].

Lạng - Bình đẳng xứ địa phương Đề đốc quân vụ

Tràng Phái nam tiêu tử.

1 Dấu ngoặc vuông [...] biểu thị một chữ hoặc vài chữ trong nguyên bản bị mất. TÀI LIỆU HỌ VI

Dịch nghĩa:

**GHI CHÉP VỀ MỘ PHẦN HỌ VI TẠI THÔN MÃ LỘC, TỔNG KHUẤT XÁ,  
CHÂU LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN .**

Cụ Tiên Phong cùng cụ bà bói được đất tốt ở núi Khâu Lãng, sớm kết phát trong khoảng trên dưới 46 năm cũng có ý ngầm đợi.

Nhà ta vốn ở Hoan Châu<sup>1</sup>, tự cụ Thủy tổ Đô Đốc Hoàn Quận công vâng mệnh đi bình dẹp giặc Ngô, dựng nghiệp nhà Lê, được cho đến hưởng lộc ở châu này mà ở lại đó. Cụ Tiên Phong là con cháu dòng đích.

Cụ Tiên Phong công sinh giờ Thìn, ngày 23 tháng 9 năm Ất Mão, niên hiệu Gia Long (?)<sup>2</sup>. Năm Minh Mệnh 12 (1831) cụ vâng mệnh làm Tri châu châu Lộc Bình. Đến năm thứ 14 (1833) vây tỉnh thành và thất châu. Cụ trước đây đã có công bảo vệ thân hữu tay chân của tướng Trung Hối, đã giải vây được, nên rất có công. Năm Tự Đức 7 (1854) về nghỉ hưu. Năm Tự Đức 8 (1855) tháng Bảy, ngày 12, giờ Dậu, cụ mất tại nhà, thọ 61 tuổi.

Cụ bà người họ Hà, là dòng họ phiên thân quý tộc danh giá. Cụ sinh giờ Sửu, ngày 12 tháng 4 năm Ất Sửu (1805). Mất giờ Mậu Thìn, ngày 19 tháng Hai năm Quý Hợi (1863) hưởng thọ 59 tuổi. Cụ theo cụ ông tại các nơi cụ ông làm quan ở các châu huyện có đến 30 năm, nhưng những vinh dự mà nhà vua phong tặng cho cụ thì cụ đều không kịp thấy.

Năm Đồng Khánh 3 (1888), tháng Hai, cụ được ban Ngũ phẩm Nghi nhân. Đến năm Thành Thái 5 (1893), tháng Ba, cụ được ban Tam phẩm Thục nhân; năm thứ 11 (1899) tháng 11 cụ ông được liên tiếp (truy) tặng là [...], lại thêm [...] Tự khanh, nên cụ bà lại được ban Tam phẩm Thục nhân. Bây giờ [...] gọi là Trung hiếu vậy!

Cụ Tiên Phong là một bậc trung nghĩa ở đời, lòng trung sáng cùng nhật nguyệt. Trải các triều đều [...], lại cho con cháu được hưởng ăm. Khi cụ còn sống thì chí khí sắt son làm gương cho hậu thế; khi cụ mất đi thì phúc lớn để lại cho cháu con mãi muôn sau. Vì thế xin được kể ra đây công đức của cụ Tiên Phong và cụ bà, khắc lên bia đá, truyền mãi muôn đời, để cho hậu thế giữ trọn danh tiết.

Đề đốc quân vụ các địa phương Lạng - Bình

Con trai Trảng Phái Nam kính đề1.

1 Hoan Châu: Nghệ An ngày nay.

2 Thực ra bia viết nhầm. Trong niên hiệu Gia Long không có năm Ất Mão. Năm Ất Mão gần nhất trước đó là 1795.

1 Căn cứ theo niên đại nêu trong bia và gia phả họ Vi, thì bài văn bia này được cụ Trảng Phái nam viết trong khoảng từ năm 1899 đến năm 1905.

Bản dịch của ThS. NGUYỄN XUÂN DIỆN - Phó Giám đốc Thư viện Hán nôm

Bài này đã được đăng tại đây

: <http://hannom.vass.gov.vn/noidung/thongbao/Pages/baiviet.aspx?ItemID=854>

**NÓI VỀ THẾ PHẢ HỌ VI .**



( Bản Gia phả này do cụ VI VĂN ĐỊNH chấp bút ).

Dịch từ Hán văn .

Nhà có Phả ký để ghi nhớ nguồn gốc của Gia tộc , công đức của Tổ tiên, khiến con cháu đời đời giữ mãi về sau . Theo lời truyền lại , họ Vi ta là dòng dõi của Hoài Âm Hầu Hàn Tín đời nhà Hán . Khi Hoài Âm Hầu đã bị Lã Hậu diệt cả họ , thì người vợ lẽ đương có thai . Thừa tướng là Tiêu Hà ngầm đem gửi ở Quan Lệnh Long xuyên là Triệu Đà , và dặn trông nom cho cẩn thận . Sau sinh ra con trai , Triệu Đà nhận làm con nuôi, đặt tên là Nhân , đổi họ Vi , tức là nửa chữ HÀN .

Về sau con cháu kế tiếp, làm Tù trưởng ở đất Lĩnh Nam , nhưng đã lâu đời không có Phả ký , nên đã thất truyền .

Đến đời nhà Trần , ông VI KIM THẮNG , tự Đình Mật , quán xã vạn phần , Tổng Vạn phần , Huyện Đông Thành , tỉnh Nghệ an, dời đến ở Tây núi Huyền Đình ( Thuộc lục ngạn, Tỉnh Nghệ an ) . Ông làm quan ở triều Trần , gặp khi HỒ QUÝ LY cướp ngôi Vua , ông bỏ Quan về nhà . Đến khi người Minh sang chiếm cứ nước ta , Ông cùng con là ông Phúc Hân đem quân theo LÊ THÁI TỔ khởi nghĩa ở Lam sơn , đánh đuổi quân Minh , diệt được Liễu Thăng ( Ở xứ Chi Lăng , Châu Ôn - Tỉnh Lạng sơn ) . Sau khi nước nhà đã được bình định , Ông được phong làm Thảo Lộ Tướng quân Tả Đô đốc , Mật Quận công , con được phong là Đô đốc đồng tri , Hoàn Quận công . Ông cùng với Huyện Quận công là NGUYỄN ĐỨC MINH , và các người bộ thuộc họ Hoàng Đức , Nguyễn Công , Nguyễn Khắc , Hà Văn , Nông Ngọc ....chia ra ở các xứ Cao bằng , Lạng sơn , Quảng Yên , đời đời làm Thổ Ty , tập phong tước Hầu . Hoàn Quận Công sinh được 5 con giai : Con trưởng là THẾ NHÂN , con thứ hai là THẾ HUỆ , đều ở châu Lộc Bình . Thứ ba là THẾ KỲ , ở châu Yên bảo ; Thứ tư là THẾ TÀNG ở châu Ôn ; Thứ năm là THẾ TRẠCH , ở Bình Tây ( Nay thuộc Cao Lộc ) .Năm người đều được phong làm Kinh lược xứ , tước hầu .

Sau cháu MẠC ĐĂNG DUNG là MẠC PHÚC HẢI chiếm cứ đất Cao bằng , chống nhà Lê , con trưởng ông Thế Nhân là Cầm -Đường hầu , Huý Phúc Đường , cùng với con là Nhữ Dục hầu , Cháu là Trúc Khê hầu không chịu theo , cứ tìm con cháu nhà họ Lê để lo việc khôi phục .

Khi đã diệt được nhà Mạc , Cầm Đường hầu được phong là Bắc phương Kinh lược Đô chỉ huy sứ , và được lập ấp tại thôn Lộc mã , Xã Khuất xá , Châu Lộc bình , Tỉnh Lạng sơn . Vì thế nên họ VI ta mới đến ở đây .

Xét họ VI ta từ đời ông VI NHÂN đến nay đã hơn hai nghìn năm , những sự tích trong thời gian đó , chỉ nghe truyền lại trong câu tục ngữ Vạn phần hoặc trong lời già đàm Chiêu nghi , không lấy gì làm xác thực . Nay chỉ bằng cứ vào Gia phả cũ mà ghi chép thế thứ từ cụ Tổ 13 đời là Cầm Đường Hầu trở xuống mà thôi .

Xin theo dõi tiếp bài 11. dienbatn.

---

## **KHẢO SÁT MỘT SỐ NGÔI MỘ CỦA TIỀN NHÂN ĐỂ LẠI . BÀI 11.**

*Thứ Sáu, ngày 22 tháng 4 năm 2016*

### **KHẢO SÁT MỘT SỐ NGÔI MỘ CỦA TIỀN NHÂN ĐỂ LẠI .**

*Sau rất nhiều chuyến đi đã khảo sát Phong thủy âm trạch , dienbatn còn giữ được một số tư liệu về những ngôi mộ cổ do tiền nhân đặt từ xưa . Nay đăng lại trong Blog này làm tư liệu và mong rằng những Thầy Địa lý của Việt Nam hiện nay nghiên cứu và hy vọng sẽ rút ra được những điều bổ ích cho mình , ngõ hầu có thể giúp cho những thân chủ của mình một cuộc sống an vui , hạnh phúc.*

*Sách có câu : "Tiên tu nhân lập âm chất, nhi hậu tâm Long ".*

*Người người đều muốn có được một Địa trạch tốt tươi, nhằm thăng hoa cuộc sống vật chất đầy đủ, công danh hiển hách, vợ đẹp con ngoan, Gia đình hạnh phúc. Sách THÔI QUAN THIÊN viết : "Trong nhà có người đức hạnh cao thượng thì đất đá trên núi gàn đó nhất định có Linh khí ". Qua câu nói trên tức là con người làm chủ Linh khí vạn vật do phần Tâm khí của chính mình. Các Phong Thủy Sư không hiểu điều này thì dù có Trích Huyệt Tâm Long được Bảo địa cũng chẳng linh nghiệm.*

*Những việc Tâm Long Địa Huyệt còn phải hội thêm phần cảm ứng tức là Thiên Đạo (Đạo Trời ); sự ứng nghiệm của việc hành thiện lập âm chất, tạo nhân quả tốt. Tục ngữ có câu : "Âm địa tốt không bằng Tâm địa tốt ". Do vậy, tìm kiếm chọn lọc được Địa mạch Huyệt vị, Phong Thủy Sư phải tích đức hành thiện làm căn bản. Nếu kẻ nào có phẩm chất cao thượng, thì ắt Thiên cơ sẽ ứng, Địa cơ theo đó mà tăng thêm sự tốt lành cho con cháu đời sau hưởng Phúc. Bởi Tâm địa thiện lương thì tương ứng với Địa mạch cát lợi , vận Trời ứng cho, chứ chẳng phải chủ quan tâm về hình thức mà quên đi nội dung, cứ tưởng rằng tâm được Long huyệt rồi, con cháu đời sau sẽ được hưởng Phúc, cái gốc chúng ta chẳng lo mà lại đi lo cái ngọn, rõ là ta chẳng biết gì cả. Nếu như các Phong Thủy Sư họ tài giỏi như thế thì ắt họ phải giành những huyệt Đế Vương, Công Hầu, Khanh tướng cho con cháu họ, chứ đại gì mà họ chỉ cho ai ?*

*Quách Phác nói : "Cát hung cùng cảm ứng lẫn nhau, họa phúc cũng tự nhiên theo Tâm khí chiêu cảm mà đến ".*

*Khi táng di hài Tổ tiên, chắc người ta phải chọn Địa huyệt thật tốt mà an táng, song song với việc trên , người tại tiền phải nỗ lực tu dưỡng thân, tâm cầu lấy gốc rễ của Đạo. Nếu chỉ chú trọng quan sát hình thế Địa huyệt, sẽ cho kết quả trái ngược, làm tổn hại đến con*

cháu đời sau.

Nếu như có Nhân, tất phải có Quả; nhưng Nhân - Quả thiện ác tùy vào Tâm khi chiêu lấy họa phúc. Cũng như ngày xưa có người chết được Thiên táng hay Địa táng một cách ngẫu nhiên, con cháu sau này phát Đế Vương, Công hầu.

Triệu Quang viết cuốn : "PHONG THỦY TUYỂN TRẠCH TỰ ", có nói rằng : "Vô phước cho ai không có nhân duyên mà được Huyệt tốt ". Dẫu cái tốt, xấu của Phong thủy Huyệt mộ ảnh hưởng đến cát hung, nhưng Âm đức của con người có thể cải biến được Vận - Mạng. Đến như các bậc Tiền bối Phong thủy như Cao Biền, Quách Phác tài giỏi kinh Thiên động Địa , nhưng khi gặp Huyệt Đế Vương cũng không dám dành cho mình, bởi biết đạt Địa lợi, nhưng Thiên thời và Nhân hội còn khuyết, không dám nghỉ bần. Tóm lại việc "TIÊN TÍCH ĐỨC, NHI HẬU TẮM LONG " của người xưa dạy quả không sai.

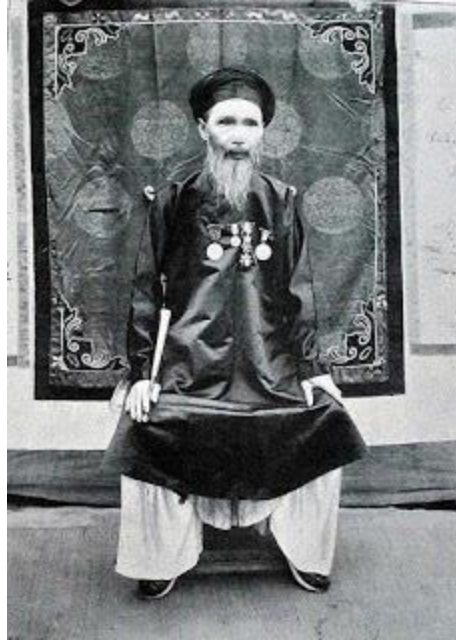
## 8/ MỘ DÒNG HỌ VI VĂN ĐỊNH TẠI KHUẤT XÁ - LỘC BÌNH - LẠNG SƠN. ( Tiếp theo ).

( Tư liệu lấy từ loạt bài TRUY TÌM VỀ MỘT GIAI THOẠI ĐẤT MỘ của dienbatn ).

## 6/ MỘ CHA VÀ MỘ VỢ CẢ CỦA CỤ VI VĂN ĐỊNH TẠI NÀ KHƯA - KHUẤT XÁ - LỘC BÌNH .

Chúng tôi ghé thăm mộ của cụ VI VĂN LÝ ( 1830 - 1905 - Là cha của VI VĂN ĐỊNH ) , nằm cạnh còn có mộ bà HÀ THỊ BẠCH ( là chính thất của cụ ĐỊNH ) . Hai ngôi mộ này nằm theo hướng Tọa Thân - Hướng Dần tại khu vực Nà Khưa - Xã Khuất xá - Lộc bình . Đây là hai ngôi mộ có kết cấu kiểu Pháp có pha thêm bản sắc miền sơn cước rất đẹp . Đầu hai ngôi mộ đều xây thành những vòm cuốn cao , bên trong có chứa Bia mộ . Đằng sau là thần mộ , xung quanh từng mộ có hàng tường gạch xây bao bọc cuốn theo kiểu túi đựng tiền . Hướng mộ trước kia khi chưa có con đường chạy qua trước mặt , nhìn xuống một bãi trống , có con sông Kỳ cùng uốn lượn qua . Đằng sau mộ phía xa xa là một dãy núi cao vút , mây vắt ngang triền núi . Nếu không có con đường và cây cầu gần đó án hướng mộ thì đây cũng là một kiểu đặt mộ điển hình của người Hoa ngày trước . Người viết còn có một điều chưa ưng ý và đã trao đổi với dòng họ Vi là nên đưa mộ Vi Văn Định tập kết về nơi này vì thực ra chỉ có bố chồng và nàng dâu nằm cùng chỗ như vậy cũng thật bất tiện .

**Tổng đốc Lạng Sơn - Vi Văn Lý (1830-1905).**



Truyền thống đánh giặc Phương Bắc của Gia tộc Họ Vi được ghi trong cuốn Quan và lại ở miền Bắc Việt Nam - Một bộ máy hành chính trước thử thách (1820-1918), tác giả Emmanuel Poisson (Phó giáo sư Đại học Paris VII - Denis Diderot), Người dịch: Đào Hùng và Nguyễn Văn Sự -Nhà Xuất bản Đà Nẵng năm 2006, được biết như sau:

“...có 3 quan người Tày thuộc về một dòng họ đã bám rễ rất lâu đời trong các tỉnh Cao Bằng, Tuyên Quang, Lạng Sơn. Nghiên cứu ba dòng họ cho thấy họ đã thường xuyên có vai trò lớn trong bộ máy phòng thủ biên giới với Trung Hoa sau những thời kỳ đoạn tuyệt liên tiếp về chính trị.

Nông Hùng Tân, tri phủ Tương Uyên sinh ra ở xã Gia Lạc, tổng Nam Quang, phủ Tương Yên, tỉnh Cao Bằng vốn là dòng dõi các thổ ty đã cai quản châu Bảo Lạc ít nhất là từ thế kỷ XI...

Một dòng họ Tày khác, Ma Doãn quê ở tổng Thổ Bình, châu Chiêm Hóa tỉnh Tuyên Quang cũng có người làm trong bộ máy cai trị...

Dòng họ Vi cũng đưa ra thí dụ cuối cùng về những gia đình có công giữ gìn biên cương. Vi Văn Lý, tuần phủ Lạng Bằng năm 1896 quê thôn Lộc Mã, xã Khuất Xá tổng Khuất Xá, châu Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn, xuất thân từ một trong 7 họ lớn (gọi là Thất tộc) Tày, làm thổ ty từ nhiều đời. Đó là những đại địa chủ rất có ảnh hưởng và rất đoàn kết với nhau trong vùng.

...cha Vi Văn Lý là Vi Thế Tuân đã được bổ làm tri châu Lộc Bình tỉnh Lạng Sơn, ông giữ chức này đến 1854. Con trai là Vi Văn Lý được 7 họ tộc ở Lạng Sơn bầu làm thiên hộ, hẳn đã giữ một vai trò quyết định trong việc phòng thủ biên cương chống lại những xâm nhập của Trung Hoa. Ông không những phòng thủ địa giới tỉnh mình (châu Lộc



Bình, huyện Yên Bái), mà còn đem quân giúp Cao Bằng (châu Thoát Lãng và Văn Uyên), Quảng Yên và Thái Nguyên.

Ảnh hưởng của Vi Văn Lý và công trạng đánh lui giặc giả Trung Hoa trong những năm 1853, 1854, và 1859 đã khiến các quan tỉnh phải dựa vào ông để cai trị yên ổn trong vùng. Chúng ta hãy vẽ lại các giai đoạn của việc thu phục các thủ lĩnh người dân tộc ở vùng biên giới. Tuần phủ Lạng Bằng là Bùi Huy Phan lo lắng thấy công sự phòng thủ biên giới ở các phủ Trường Định, Trường Khánh (Lộc Bình trực thuộc Trường Khánh) không bảo đảm như không có thành lũy đồn binh nên năm 1860 đã đề nghị Triều đình chọn thiên hộ, bá hộ, cai và phó tổng trong phủ, sức cho họ mộ dân tráng mỗi phủ 50 người, và cấp bằng cho họ làm đội trưởng, đốc suất lính mộ đóng giữ thành phủ. Nhà Vua chuẩn y và Vi Văn Lý đã được ân hưởng chính sách khen thưởng này. Tỉnh thân Lạng Bằng cấp bằng “quyền sung chánh đội trưởng suất đội” cho ông. Năm đó ông mộ quân đóng giữ đồn Chi Ma. Hai năm sau, trong việc lấy thành Cao Bằng, ông tập hợp được 500 quân góp phần chiếm lại pháo đài dưới quyền của tuần phủ Lạng Bằng. Năm 1863 ông được phong đại chánh đội trưởng suất đội thực thụ. Một dịp biểu lộ sức mạnh của ông là năm 1876 ông quyền cho quân đội của tỉnh 200 hộc thóc tương đương với 560 quan tiền.

Chắc là công sức đóng góp quân sự nhiều mặt của Vi Văn Lý đã đưa đến hai đạo chỉ dụ của Triều đình năm 1880, khuyến khích toàn thể các thổ ty, các tỉnh Hưng Hoá, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Cao Bằng mộ thêm quân lính. Vi Văn Lý được ban thưởng rất hậu, hai mươi bốn mề đay trên khắc những dòng chữ đề cao lòng can đảm của ông giữa 1853 và 1862: 15 ngân tiền trên khắc chữ “Sử dân phú thọ”, 8 phi long đại hạng ngân tiền, 1 ngân bài trên khắc chữ “Thường công”. Ông được bổ tri huyện Yên Bái (1865), tri phủ Trường Khánh (1869) rồi trở lại Yên Bái làm tri huyện (6-11/1874), tri huyện Văn Quan (tháng 11/1874) rồi tri phủ Trường Khánh lần thứ hai (1-6/1878). Tháng giêng năm 1879 ông được bổ bang tá tỉnh vụ và năm 1883 được ban tước hàm thị giảng học sĩ tòng tứ phẩm.

...Nghiên cứu trường hợp của Vi Văn Lý thấy rõ vai trò bảo vệ biên cương của dòng họ ông dưới triều Nguyễn vào đầu thời kỳ thuộc địa, tuy nhiên cũng cần bổ sung thêm. Nếu muốn hiểu rõ thêm thẩm quyền của ưu thế họ Vi thì phải đẩy cuộc nghiên cứu xa hơn về tình hình trước đó...

...Thành phần hợp thành của dòng họ lớn nhất trong 7 thổ ty chắc chắn là đã biến dạng với thời gian và tùy thuộc vào ảnh hưởng qua lại của họ. Giữa thế kỷ XIX đó là những người đứng đầu 7 dòng họ lớn nhất đã có vai trò nổi trội nhất. Chúng ta nhớ lại rằng họ đã bầu Vi Văn Lý.

Rõ ràng việc hình thành 7 họ lớn ở Lạng Sơn đã bắt đầu từ giữa thế kỷ XV. Phần lớn họ xuất thân ở Nghệ An, tổ tiên của họ đã có vai trò chủ yếu trong việc lập nên nhà Hậu Lê.

Họ đã ủng hộ nghĩa quân Lê Lợi từ cuộc khởi nghĩa Lam Sơn năm 1418 và cung cấp lực lượng cho quân khởi nghĩa. Phụ trách tác chiến trong các tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng, họ được Vua đầu Triều ban thưởng như phong cấp đất đai, ban chức tước phẩm hàm cha truyền con nối. Sự liên minh với Lê Lợi xác nhận mối quan hệ xa xưa với chính quyền vương triều trung ương: một đại thần - chi thứ 2 có một vị thượng thư đầu tiên dưới đời Trần Thái Tông (1251-1258), vua khai sáng triều Trần - nhiều quan võ đi đánh Chiêm Thành dưới đời Lý (chi thứ 8) hay đời Trần (Vi Kim Kính chi thứ nhất), các sứ thần tham gia các sứ bộ đi Trung Hoa (chi thứ 8)..”

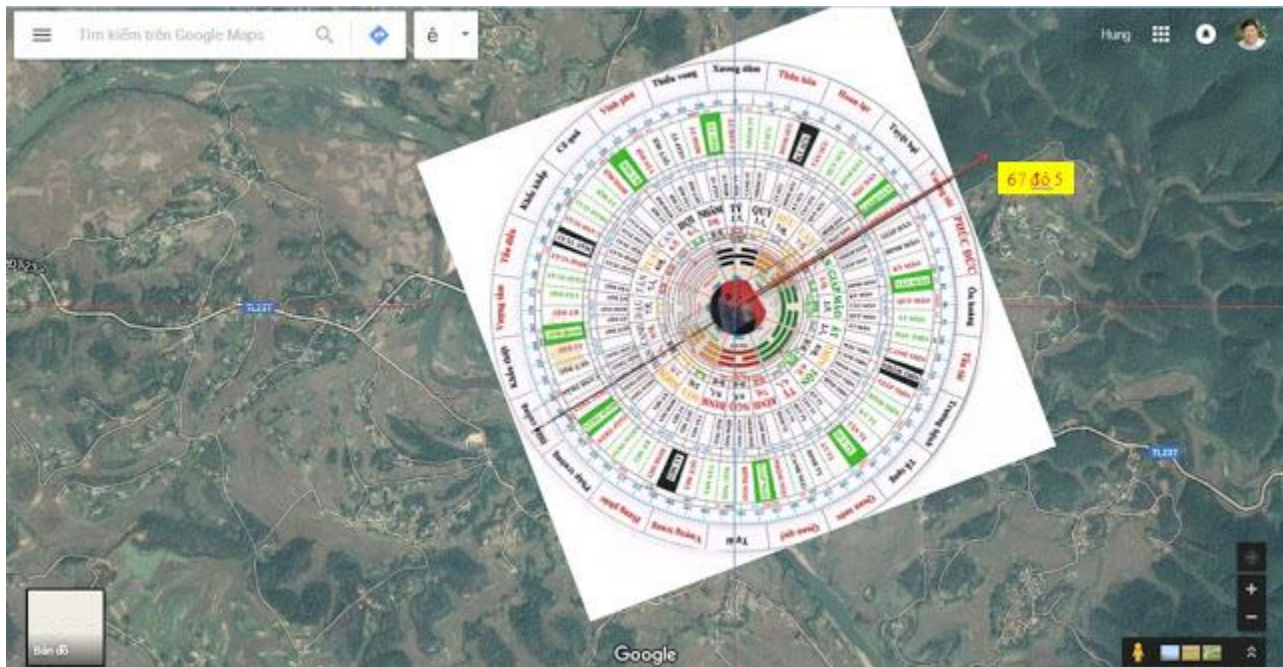
(Theo Gia phả họ Vi: cụ Tổ Vi Văn Lý là đời thứ 12).

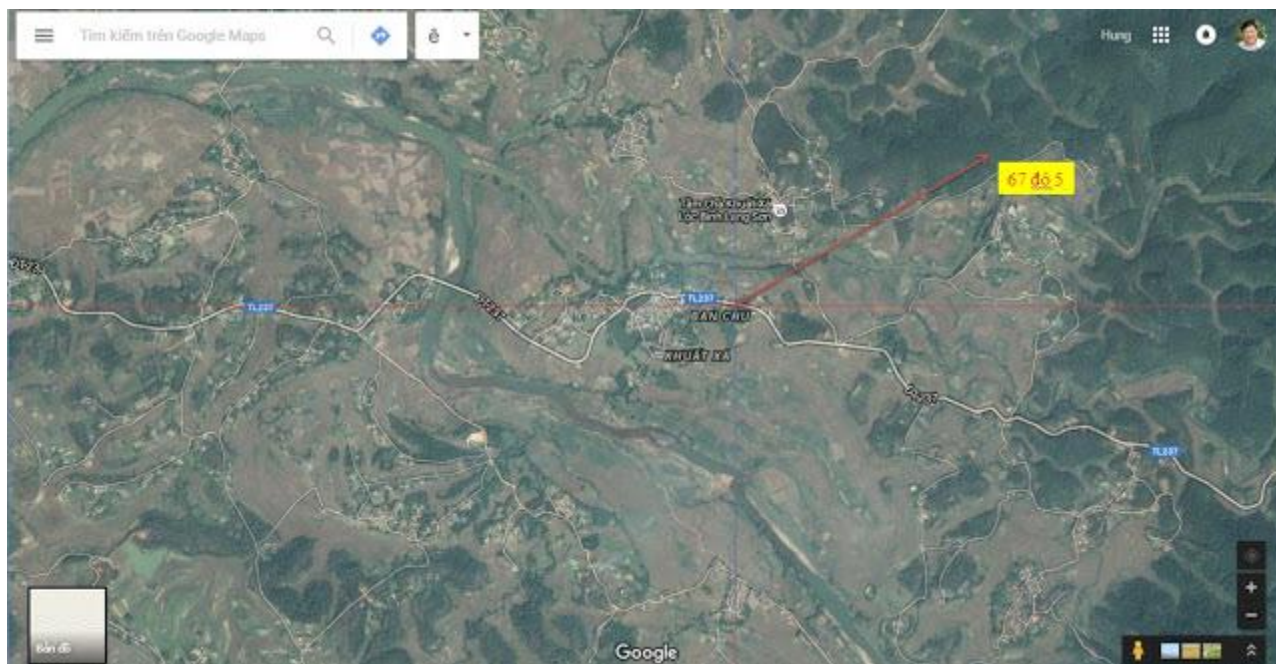




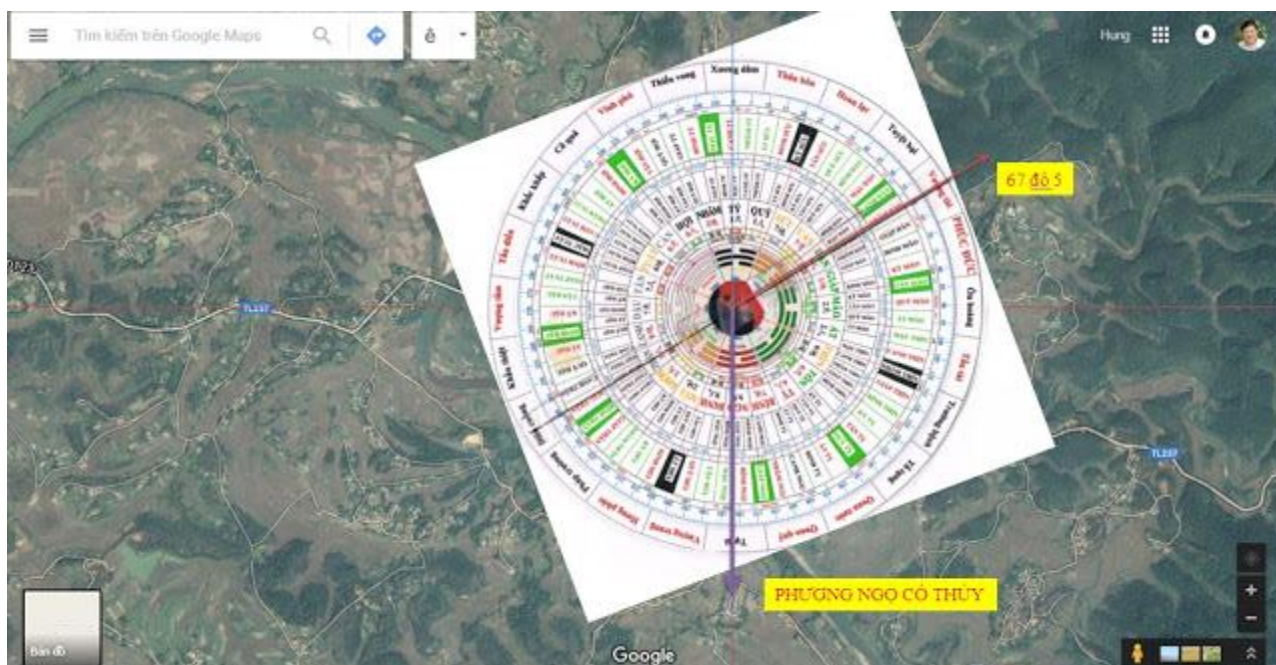




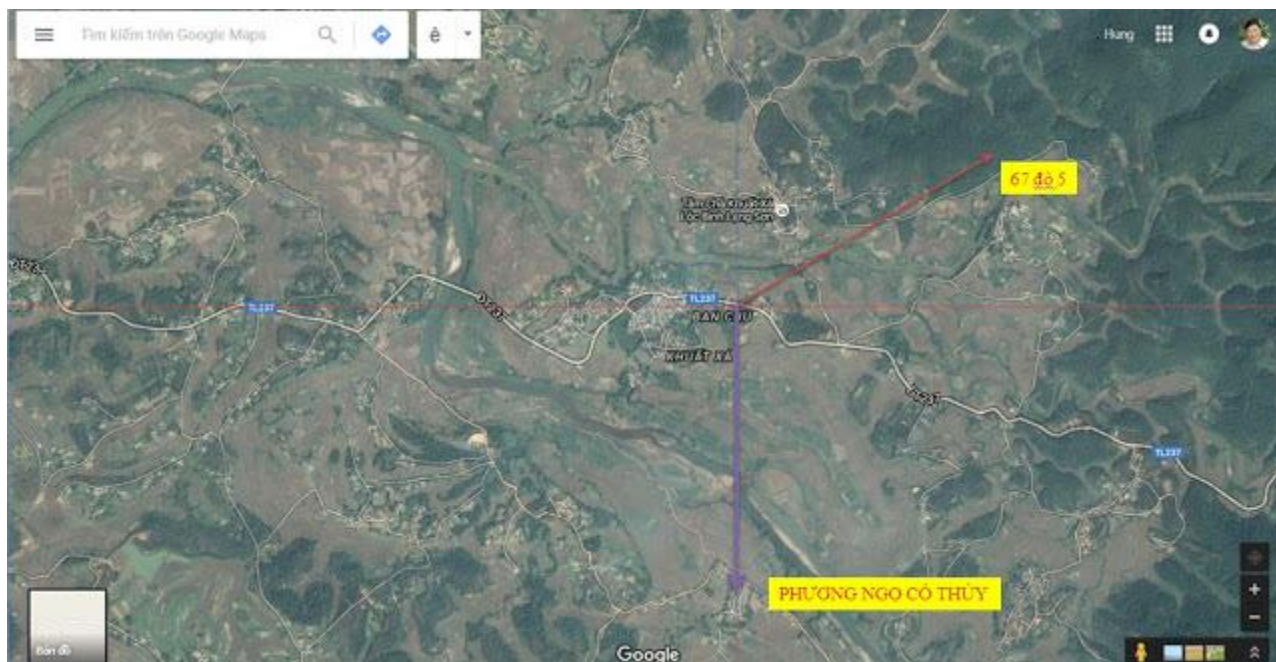




Mộ Tọa Thân - Hướng Dần - Thuộc cung Cấn - Đông Bắc - Phân kim : Mộ Thân - Nhâm Dần là huyệt khí bảo châu . Nhâm Dần khí ở chính long Dần, thì phú quý, phúc trạch dồi dào, lắm ruộng nhiều vườn, sẽ ứng vào các năm Tị, Dậu, Sửu. Nếu thấy thủy ở phương Ngọ xung thì quan tài có bùn là hỏng.







## 7/ KHU MIẾU THỜ NƠI ÔNG VI VĂN LÊ CHẾT DƯỚI SÔNG KỲ CÙNG TẠI BẢN TÁU - TỨ ĐOẠN - LỘC BÌNH .

### NHỮNG NGHI ÁN PHONG THỦY TRONG DÒNG HỌ CỤ VI VĂN ĐỊNH .

Trong dòng họ cụ VI VĂN ĐỊNH có nhiều nghi án liên quan đến Phong thủy mộ phần .  
Người viết xin được điểm lại như sau :

\* VI VĂN LÊ : Là con trai cụ Định đi ngựa qua sông Kỳ cùng , bị ngựa vướng rễ cây chồm lên , hất ông Lê xuống và bị ngựa dẫm chết tại khúc sông ở Bản tấu - Xã Tứ đoạn - Huyện Lộc bình . Ở nơi này còn có miếu thờ của ông .

\* Bà VI THỊ TU' ( Là em của cụ Định ) , khi đi ngựa ở Từ Liêm - Hà nội bấy giờ , ngựa vướng vào rễ bèo Nhật bản chồm lên xô bà xuống ao chết đuối .

\* Bà HÀ THỊ BẠCH ( Là chính thất của cụ Định ) , trong khi cưỡi ngựa thăm con gái , ngựa vấp ngã làm bà tử thương tại xã Ứng hoà - Hà tây bấy giờ . Mộ bà hiện nay được táng tại khu đất Nà Khưa - Xã Khuất xá - Lộc bình - Lạng sơn .

\* Con trai cụ Định là VI VĂN HUYỀN yêu một bà đầm người Pháp. Vì gia đình hai bên cấm cản sao đó mà đã dùng súng lục bắn tự vẫn làm cả hai người bị chết tại Hải phòng .

Có một điều hết sức kinh ngạc là Cha cụ Định mang linh khí của Bạch hổ thì các con , cháu lại hay phải chết vì ngựa ???



Khu miếu thờ tại BẢN TẤU - TÚ ĐOẠN - LỘC BÌNH .

## 8. TRÍCH LỤC CUỐN : THẤT TỘC THỔ TY Ở LẠNG SƠN .

*(Tác giả LÃ VĂN LÔ sưu tầm và dịch từ bản chữ Hán , có tham khảo bản dịch của cụ ĐỖ MỘNG KHƯƠNG .)*

Lời tựa : Mới đây , người viết may mắn có trong tay bản dịch trên của tác giả là nhà Dân tộc học LÃ VĂN LÔ ( 1973 ) . Trong bản THẤT TỘC THỔ TY này có phần viết về dòng họ VI ở Lạng sơn rất hay . Người viết xin trích đăng để các bạn có tài liệu tham khảo . dienbatn .

### HỌ VI

Xét gia phả họ Vi , nguyên tổ tiên là họ Hàn tên là Nhân , dòng dõi của Hoài Âm hầu Hàn Tín . Lã Hậu nghi Hàn Tín mật thông với Trần Hy làm phản , nên cùng lập mưu với



Tiêu Hà diệt trừ Hàn Tín . ( Khoảng năm 110 trước CN ) . Lúc bấy giờ một người thiếp của Hàn Tín có thai, Tiêu Hà mật gửi cho Triệu úy Đà ở Lĩnh Nam nhận nuôi . Đà làm Long châu lệnh ( Long châu nguyên là đất Việt ta , thời Tần Vua sai Triệu Đà theo Nhâm Thao sang chia cai trị , đất ấy đến bây giờ thuộc Hán ) , nuôi nhận ( tức là con người thiếp của Hàn Tín ) rất chu đáo . Khi Nhân trưởng thành , giúp Đà làm việc , Đà chia đất cho từ Thượng Thạch trở đi , lấy phía Đông làm giới hạn . Đà sai Nhân bỏ nửa chữ Hàn đi trở thành họ Vi từ đó ( để tránh chu di Tam tộc ) . Từ khi Nhân ở đất Long châu , từ Thượng Thạch về phía Đông , Cổ Lân , Tư lãng về phía Bắc đều giao cho Nhân quản trị . Đến lúc họ Triệu suy , Nhân chiếm ứ đất Long châu , sai con thứ chín là VI TIẾT NGHIÊM , giúp cai trị . Sau Nghiêm kiêu ngạo làm bậy bị Hồ giết chết ( Hồ là cháu Triệu Đà , con Trọng Thủy lấy My nương nước Việt sinh ra ) . Họ hàng con cháu lánh nạn về đất Nhật nam , trở thành một dòng họ quý tộc ở đất này . Như thế đủ thấy Phúc trạch họ Vi đầy đặn và lâu dài . Đến đời Trần , khoảng năm HÙNG LONG ( 1293 - 1314 ) , có VI KIM TÔN , xuất thân từ một người lính , làm Quan đến chức Đông dinh Đô Đốc phủ , tước phong Vạn Quận công , truyền cho con tên là KIM ĐỈNH , làm quan ở đất Hoan châu ( Tức Nghệ an bây giờ - NV ) , kiêm chức trưởng hải liên . ( Lúc bấy giờ Triều đình sai ông đào sông để chở lương thực đánh Chiêm thành ) . Ông làm nhà ở chỗ Châu Ly ( Nghệ an - NV ) , phía Đông Thành ( trên đất xã Vạn Phần ) . Vì có công làm đường thủy thuận tiện cho việc chở lương , nên được phong Cận Quận công . Đến đời cháu là KIM THẮNG , lấy chân Ẩm tự , được bổ vào Trục Diện Kim đao Ty , trẻ tuổi , giỏi giang được Vua yêu quý . Đến đời Vua hiện ??? năm Xương Phù ( 1377 - 1388 ) , lại được giữ chức Kim Ngô . Từ khi HỒ QUÝ LY cướp ngôi , ông giận việc thoán nghịch không theo , liền vượt mọi khó khăn , ngầm sang Trung quốc cầu cứu để khôi phục lại nhà Trần . Vì không thỏa mãn được chí hướng của mình , Ông ẩn náu ở vùng biên giới . Người nhà Minh mời ra làm quan , Ông cũng không ra . Được tin Vua LÊ THÁI TÔ khởi binh ở Lam sơn , để đánh đổ chính sách đô hộ tàn bạo của nhà Minh , Ông lập tức chiêu tập dân binh trong các động , sách đi theo giúp Vua đánh giặc . Giặc bình xong , khi luận công , ông được liệt vào hàng Khai Quốc Công Thần , được phong chức Trụ Quốc tước thảo lễ Đô đốc mật Quận công , được dự vào việc Khu cơ ( tức là việc mật của Triều đình ) . Thời bấy giờ , họ Hồ chiếm cứ vùng Lạng sơn ( Tức HỒ KIM KHUÊ ) , có tên Mao Quốc công làm Nguyên soái . Năm Thuận Thiên thứ tư ( 1431 ) , Vua sai con trưởng của Ông là VI PHÚC HÂN , giữ chức Đô Đốc đồng tri Hoàn Quận công , cầm một đạo quân đông tới ba vạn người và Voi lên Lạng sơn tiêu phi , chiêu dân ( lúc đó dân siêu tán để tránh loạn lạc ) . Ông cai quản xứ Quảng Yên , sau làm Trấn thủ biên thủy , Triều đình cho lấy châu Lộc Bình làm quê quán , đời đời làm Phiến thần , không cho về quê nữa . Ông sinh được 5 người con trai , con trưởng là THẾ THẬN , con thứ là THẾ HUỆ chia nhau cai quản châu Lộc bình . Con thứ ba là THẾ KỶ ở An châu - Huyện AN BẢO . Con

thứ tư là THẾ TĂNG ,ở Ôn châu . Con thứ năm là THẾ TRẠCH châu Bình Tây ( Xã Xuân Lễ - Châu Cao Lộc ngày nay ) , đều được phong làm Kinh lược sứ ( Theo quan chế triều Lê là tước quan Chánh Ngũ phẩm được phong tước hầu ) . Sau THẾ THẬN được phong tước Công , truyền 2 đời đến DIÊN ĐÌNH , ba đời đến HOÀNG HOÃN ( ? ) , bốn đời đến HÂN ĐƯỜNG , gặp lúc nhà Mạc cướp ngôi nhà Lê , con HÂN ĐƯỜNG là NHỮ DIỆC hầu Đức Thứ ( ? ) , cháu Trúc Quận công Đức Quảng không chịu theo nhà Mạc . Còn chi thứ hai là con cháu THẾ HUỆ là VI ĐỨC SỸ , đem dân thuộc hương động của mình phụ thuộc vào triều nhà Minh . Từ đây , châu Lộc bình mất đi một nửa phần thượng du ( tức là từ đất Tư Long thuộc tỉnh Quảng tây bây giờ ) . NHỮ DIỆC cho con là ĐỨC TỰ cố giữ trại sách ( sau Tự có công được phong Thọ Quận công ) . Tự đem đồ đảng đi vào Nghệ an theo Vua Lê . Lúc bấy giờ Vua nhà Minh tha tội cho họ Mạc , con cháu MẠC ĐĂNG DUNG là Phúc Hải làm An Nam Đô thống , lấy vùng Thanh - Nghệ giao cho Vua Lê để thờ cúng Tổ tiên , tức LÊ TRANG TÔNG trung hưng , hiệu là Nguyên Hoà ( 1533 - 1548 ) . Còn Vua Lê húy là Minh thì biệt phong là Thống sứ Ty . Thời đó họ Mạc lên chiếm cứ vùng Lạng sơn , có Ngụy Đôn hậu Vương Mạc Kính Cung chiếm cứ châu Văn Lan , lên ngôi Vua ở xã An Bài ( Ngụy Thái bảo Nguyễn Dữ làm mưu chủ , ở Lạng sơn có hào tướng họ Nông , họ Hà đi theo nhà mạc ) . Mạc Kính Cung tiếm xưng hiệu là Càn Thống ( 1593 - 1635 ) , đắp thành Khánh Dương ( bây giờ ở núi Vệ sơn , Đông Kinh , nền Thành cũ vẫn còn ) ... duy có Thọ Quận công bày mưu đánh giặc , bảo toàn được Tỉnh Lạng sơn , đánh giết được Vương Mạc Đôn hậu ở An Bắc , đuổi Kính Cung về Cao Bằng . Đến khi nhà Lê trung hưng lên , Triều đình cho làm Tam Đô Ty quản binh để chống lại nhà Mạc . Đây là việc thưởng công cho cha con Thọ quân mà Tỉnh Lạng sơn đặt chức quan Ty từ đó . Triều đình lại cho con cả Thọ Quận công là ĐỨC KHÁNH làm Tam Ty trưởng , được phong Lại Quận công , truyền đến cháu là ĐỨC THẮNG , tước vị càng cao đã từng phụng mệnh đi khắp xứ Bắc quốc , được thưởng hai Huyện BẢO LỘC và LỤC NGẠN làm Thái Đô để lấy binh , lương . Lúc bấy giờ , họ Vi có người con nuôi là HÀ ĐÔN , là con thứ của Tây sơn hầu HÀ ĐIỀM . Lại Quận công lấy em gái Đôn làm vợ lẽ , được ông yêu quý hơn các vợ khác . Đôn học nhiều mà tinh ranh , vũ dũng hơn người , đi đánh giặc ở Cao bằng xưng phong vào trận bắt giặc ( bắt được ngay tướng MẠC KHÁNH SỬ ) , đánh bại TRẦN SÙNG VĂN , được phong Lục Quận công , đổi lấy họ Vi tên là ĐỨC ĐÌNH . Vua lại sai đi Cao Bằng hòa giải với Mạc Long Thái Vương . Vương lấy hai tôn nữ là hai nàng Đông Hoa và Quế Hoa , gả cho Đôn và cho về quê . Lại Quận công không về , Đôn lấy con gái họ Mạc mà nghi ngờ . Đôn ngầm ngầm muốn chiếm đoạt dòng họ Vi . Nhưng Kiêm Nghĩa hầu ( tên là ĐỨC THỤ ) , vẫn bao dung không chống cự . May mà lòng Trời giúp họ Vi , Hà Đôn chết mà ĐỨC THẮNG ( Vũ Quận công ) mới đi xứ Trung quốc về ( Ông có bài kể về Hà Đôn rất thâm chép ở tập Văn học ) . Được lần lượt an ủi , vỗ về , họ hàng nói ( Gia phả

họ Vi thì thấy chép : Tháng 2 năm Phúc Thái ( 1647 ) , Lục Quận công là HÀ ĐÌNH MỨC giết Sóc Nghĩa hầu VI KHAO . Em là ĐỨC THỤ thể cô bèn ngầm mang cháu là PHÚC AN đương đêm chạy sang Bảo Lộc , nâng tựa Lại Quận công . Lúc bấy giờ ĐỨC ĐÌNH xưng Phò mã Quốc công , sắp làm việc trái phép ( Triều đình cũng không làm gì được ) . Đến đời Khuê Quận công PHÚC VỊNH mới dời chỗ từ Dinh Chùa ( Xã Tú đoạn - Huyện Lộc bình ) đến ở núi Lục Mã ( Xã Khuất xá , Lộc bình ) . Nguyên xứ này núi sông quanh co , đất từ dãy núi Côn Sơn , Mầu Sơn chạy sang , hai sông gặp nhau thật là một thắng cảnh của cả Tỉnh Lạng sơn , không riêng chỉ là nơi núi non của một khu .

Nguồn gốc Gia thế bảy họ Thổ Ty thì họ Vi là dòng họ trâm anh hơn cả . Trải qua 22 đời nhờ ơn nước , các đời nối tiếp nhau cai quản dân làm đến Khanh Tướng , có hơn 100 người làm Công , Hầu , Bá không thể đếm xiết .Chỉ có Thọ Quận công , Lục Quận công , Vũ Quận công , Khuê Quận công , bốn ông trong số 10 Quận công giữ chức kiêm cai quản tỉnh đến sông Bò đề , uy trấn biên thù , tiếng vang trong Nam ngoài Bắc , được Triều đình ban thưởng Huân công , công lao bậc nhất , cấp thêm cho hai Huyện Trung châu làm ngụ lộc . Tướng bày tôi được ân vinh đến như thế là tột bậc . Năm Chiêu Thống thứ 2 ( 1789 ) , Mẫn ?? để tránh sự uy hiếp của Tây sơn - Nguyễn Huệ , chạy từ Gia Bình đến Hữu Lũng , đóng ở Cản Đình , sai quan Nội hàn là Ngô Trí đem chiếu chỉ triệu tập các phiên thần vùng Cao Lạng sơn đến giúp Vua . Lúc bấy giờ họ Vi có Hiền xuân hầu PHÚC KIÊN , họ Nguyễn có Nhuệ Trung hầu ĐÌNH THÁI , đem nghĩa binh hơn 1000 người đi theo Vua . Lưu Việt trung hầu Phúc Bảo giữ Lạng sơn . Năm sau quân Thanh đến cứu viện thua chạy về , Vua chạy đến 10 ngày , bảy họ Phiên thần toan xin Vua tạm lánh ở Cao Bằng để dần dần mưu đồ việc khôi phục . Vua lại nghe TÔN CHẾ HUÂN ( Tức TÔN SĨ NGHỊ ) cùng ra Nam quan rồi sang Trung quốc . Vua ra sắc phong cho Xưởng Quận công HÀ QUỐC KỲ hợp lực với Vi hầu Phúc Kiên ở lại chống quân Tây sơn - Việt Trung hầu Phúc Bảo mang gia quyến và đồ đảng ( tham trần HOÀNG ĐÌNH CẦU , phòng ngự NGUYỄN ĐÌNH CHẤT ) , theo Vua sang Quảng tây . Sau nghe bản triều CAO HOÀNG ĐẾ khởi binh ở cõi Nam , Phúc , Bảo , và Đình Chất lại xin theo Vua về và được Vua cho y như chức cũ làm Thế Thần đời đời kế tục cai trị Hạt mình . Vụ khởi loạn năm Quý Tỵ ( Ngụy Khôi ) , , họ Vi không có ai liên quan . Gần đây có XUÂN PHƯƠNG công làm đến Hiệp Biện Đại Học sĩ , mở phủ bản hạt , tước phong trường phái Nam . Sau này còn nhiều người tài giỏi kế tục không dứt .

## **HỌ VI Ở LẠNG SƠN VÀ CÔNG LAO CỦA ĐÔ ĐỐC VI ĐỨC THẮNG ĐỐI VỚI XỨ LẠNG .**

(Bài của HOÀNG GIÁP - Viện nghiên cứu Hán - Nôm ).

Lạng sơn xưa là Lạng châu ở nơi địa đầu Tổ quốc . Nhìn lên bản đồ , Lạng sơn như một con diều sải cánh không hết mỗi một . cánh bên trái là Lộc bình , Đình lập ; Cánh bên phải là Văn quang , Văn lăng , Tràng định . Trục đối xứng là Đồng đăng , Cao lộc , Thị xã . Đồng Mỏ và Hữu lũng .

Lạng sơn trải qua bao thăng trầm sóng gió biến thiên lịch sử mà lúc nào cũng ngẩng cao đầu ở vị thế tiên tiêu . Hôm nay lạng sơn vất cánh bay cao hơn , bay xa hơn , xứng đáng là một trung tâm Kinh tế , văn hóa của một nút giao lưu hội tụ Quốc tế . Sở dĩ lạng sơn có được điều đó vì Lạng sơn có sức mạnh của 7 họ Thổ ty và của Nhân dân các dân tộc tày , Nùng , Dao , Kinh , Hoa ...ngàn đời sinh sống tại đây .

Trong bài này tôi xin được nêu kiến giải bước đầu của mình về họ Vi , một trong 7 họ Thổ ty ở lạng sơn và con người tiêu biểu của họ là VI ĐỨC THẮNG .

### **DÒNG HỌ VI Ở LẠNG SƠN**

Đến nay có rất nhiều giả thiết về nguồn gốc họ Vi ở lạng sơn . Để có một kết luận xác thực về nguồn gốc họ Vi âu cũng lắm công phu . Thuyết thứ nhất cho rằng họ Vi là con cháu Hàn Tín . Chữ Hàn 韓 , một bên là chữ Trác 卓 , một bên là chữ Vi 葦. Truyền rằng hàn Tín bị ghép vào tội phản nghịch chu di Tam tộc thì một số người họ Hàn , trong đó có vợ bé hàn Tín đang mang thai chạy trốn sang Giao chỉ , cư trú tại Tổng vạn phần xứ Nghệ an , sau đổi làm họ Vi. Đến thời Lý , Trần , ông cha họ đã từng làm quan có công . Khi đó họ lại chuyển đến cư ngụ tại phía Tây núi Huyền đình - Lục ngạn - Bắc giang . Trong cuộc kháng chiến chống quân Minh , họ lại giúp lê Lợi , có công nên được phong Đô đốc Đồng tri ( Phó Đốc trấn ) , trấn giữ Lạng sơn , đời đời con cháu được phân phong ở Lộc bình . Đất Bắc ninh , Bắc giang , Lạng sơn trong Lịch sử gắn chặt với nhau , lúc thì gọi là Lạng giang , khi thì gọi là Đạo Kinh bắc , nên họ Vi ở Lục ngạn được coi là " bản xứ " tức người Lạng sơn .

Nguyễn Đình tộc phả ( Hiện anh Nguyễn đình Bao ở Thị trấn Na sầm - Văn lăng cất giữ ) chép : " Con trai thứ 8 Vũ Nghĩa tướng quân Đô đốc Thiêm sự Nghi Quận công Nguyễn Cẩm Miên đem binh mã 15.000 người đến lạng sơn làm Chánh Tuần phủ . Người bản xứ lạng sơn , Đô đốc Đồng tri Hoàn Quận công VI ĐÌNH HÂN cũng đem 15.000 tướng sĩ , binh mã lên Lạng sơn làm Phó Tuần phủ đóng tại Đoàn Thành cùng chế ngự biên cương . Chia giữ các Quan ải Nam quan , Bình nhi , Bạc khư, Bình lăng , Lân quan , Phân quan , Kết quan . Mỗi Quan ải đều 2.000 người chốt giữ . Bấy giờ chiến sự vẫn xảy ra , Triều đình ra lệnh chỉ buộc hai họ Nguyễn và Vi ở lại giữ Lạng sơn , không được về quê , thế tập cha truyền con nối làm Phiến Thần " .



Thuyết thứ hai cũng thừa nhận Tổ tiên của họ Vi sống ở Nghệ an , nhưng không phải ở Tổng vạn phần mà là ở xã Phát xá - Huyện Thiên lộc ( Can lộc ) . Người được cử lên trấn giữ Lạng sơn không phải là VI BÌNH HÂN mà là VI THẾ ĐỨC .Thuyết này không hề nói đến họ Vi chuyển từ Nghệ an đến cư trú tại núi Huyền đình - Lục ngân - Bắc giang .

Trong bản kê khai Gia phả của Tuân Vũ bá Vi Đình Trinh ( bản sao năm Khải định thứ 4 - 1919 ) có chép : " Thủy tổ Tuyền Quận công VI THẾ ĐỨC quê ở xã Phát xá - Huyện Thiên lộc xứ Nghệ an . Bấy giờ theo khởi nghĩa ( Lam sơn ) , có công được Vua ghi nhớ công lao cho làm Phiên Thần xứ Lạng sơn , hưởng lộc nước , đời đời kế tập , cư trú tại xã Suất Lễ - Châu Lộc bình " .

Hai thuyết trên có khác biệt , nhưng có nhiều điểm chung :

1/ Tổ tiên họ Vi ở Lạng sơn trước đây có cư trú tại Nghệ an , đã có công với nước được phong tước .

2/ Họ Vi được phong đất ở châu Lộc bình - Tỉnh Lạng sơn .

Họ Vi được kế tập làm Phiên Thần ở Lạng sơn để bảo vệ biên cương Tổ quốc .

### **CÔNG LAO CỦA ĐÔ ĐỐC VI ĐỨC THẮNG ĐỐI VỚI XỨ LẠNG .**

VI ĐỨC THẮNG người xã Khuất xá - Châu Lộc bình - Phủ Trường kháng xứ Lạng sơn - Đạo Kinh Bắc nước An Nam . Vào những năm Vĩnh Trị ( 1676 - 1680 ) được Trịnh phong là Đô tổng binh sứ ty Đô Tổng binh sứ , Bắc quân Đô đốc Thiêm sự , Vĩ Quận công ( Chức này sau gọi là Đốc trấn hay Tổng trấn ) .Những năm này VI ĐỨC THẮNG là vị Quan cao nhất trông coi xứ Lạng .

Từ khi VI ĐỨC THẮNG được phong là Đô đốc Thiêm sự , ông đã có nhiều công hiến đối với mảnh đất biên cương này . Điều đầu tiên phải nói đến là VI ĐỨC THẮNG cùng hai phó tướng là NGUYỄN ĐÌNH LỘC , THÂN ĐỨC TÀI đã giữ yên biên giới , làm tốt việc bang giao để dân 7 Châu xứ Lạng an cư lạc nghiệp .

Sắc chỉ ngày 16/10 năm Vĩnh Trị thứ nhất 1676 , khẳng định : " Đại nguyên soái Trương Quốc chính Thượng sư Tây vương ( TRINH TẠC ) lệnh chỉ : Đô đốc Tổng binh sứ Đô đốc Thiêm sự Vĩ Quận công VI ĐỨC THẮNG , Tổng binh Đô đốc đồng tri Thao Quận công NGUYỄN ĐÌNH LỘC , Tổng binh Thiêm sự Đề đốc Vinh Quận công HOÀNG CÔNG BÌNH , Quảng úy Đại sư Vi đường hầu HÀ ĐỨC TUẤN , Đề đốc Cường Quận công NGUYỄN ĐÌNH KẾ , Đề đốc kiêm Thọ hầu VI PHÚC QUỐC , Tham đốc kiêm Tài hầu HOÀNG CÔNG HIỀN , Hầu xuyên hầu VI ĐÌNH BÌNH xứ Lạng sơn ...Nếu được tin của Tuyền Quận công ( NGUYỄN KHẮC TUY ) thì phải đem quân đến tiếp

viện , hiệp lực vây đánh cốt giết sạch lũ giặc . Ai chém được đầu giặc , hay bắt sống được chúng , thu được ngựa , vũ khí , có công phải được đổi chiếu hậu thưởng để động viên khuyến khích . Đồng thời phải lập nhiều đồn , tăng thêm quân để tiêu trừ tiêu diệt bọn phản loạn . Chế độ rõ ràng , kẻ nài vi phạm sẽ có Quốc pháp . Nay ra lệnh " .

### **ƯỚC VỌNG CỦA DÒNG HỌ VI HIỆN NAY .**

" Chúng tôi gồm đại diện các hậu duệ của dòng họ Vi , dân tộc Tày tại Bản Chu , xã Khuất xá , Huyện Lộc bình , Tỉnh Lạng sơn , xin trình bày với ... như sau .

Theo Gia phả của họ Vi , cũng như trong Địa chí của Tỉnh Lạng sơn , do NXB Chính trị Quốc gia xuất bản năm 1999 , và theo tư liệu sưu tầm và dịch từ bản chữ Hán của nhà Dân tộc học Lã Văn Lô ( Viện dân tộc học Việt Nam ) , họ Vi là một trong 7 dòng họ lớn ở Lạng sơn . Cụ Thủy Tổ là VI KIM THẮNG ( ở Nghệ an ) , đem quân theo Vua LÊ THÁI TỔ khởi nghĩa ở vùng Lam sơn , góp phần đánh đuổi quân Minh . Giặc bình xong , khi luận công , ông được liệt vào hàng Khai Quốc Công Thần , được phong chức trụ Quốc tước thảo lễ Đô đốc Mật Quận công , được dự vào việc khu cơ . Năm 1431 , Vua sai con trưởng của ông là VI PHÚC HÂN giữ chức đồng tri Hoàn Quận công , cầm một đạo quân đông tới ba vạn người và voi lên Lạng sơn tiêu phi , chiêu dân ( lúc đó dân siêu tán để tránh loạn lạc ) . Ông kiêm cai quản xứ Quảng yên , sau trấn thủ biên thùy , triều đình cho lấy châu Lộc bình làm quê quán , đòi đòi làm Phiên Thần không cho về quê nữa . " Chế độ Thổ Ty hay chế độ thế tập phiên thần là chính sách cai trị chính của triều đại Phong kiến Việt nam ở các dân tộc vùng thiểu số , chủ yếu ở vùng Tày , Nùng là địa bàn chống xâm lăng của Phong kiến phương Bắc dưới nhiều triều đại . Triều đình phải phong những công thần hoặc con cháu của họ , cho phép họ lấy vài thôn hay vài xã làm Thái ấp , đòi đòi kể tục cai trị địa phương . Những lưu quan ấy và con cháu của họ trở thành một thứ Quý tộc của địa phương , thường gọi là 7 họ Phiên thần hay Thất tộc Thổ Ty . Họ dần dần đồng hóa với người Tày . các Phiên Thần hay Thổ ty rất mực trung thành với triều đình , làm nhiệm vụ chiêu dân lập ấp , cai trị nhân dân , trấn thủ biên thùy và khi có giặc thì đem quân bản bộ đến giúp triều đình đánh giặc " .

Và từ đó dòng họ Vi làm Thổ ty và tồn tại 13 Thế hệ tại Lộc bình , Lạng sơn . Ban đầu dòng họ Vi tại Lộc bình lập Thái ấp tại Dinh Chùa ( Xã Tú đoạn ) . Đến đời Khuê Quận công VI PHÚC VĨNH ( Đời thứ 8 ) , mới dời chỗ đến chân núi Lộc Mã ( nay là bản Chu , xã Khuất xá , Huyện Lộc bình ) . " Nguyên xứ này sông núi quanh co , đất từ dãy núi Côn sơn , Mẫu sơn chạy sang , hai sông gặp nhau thật là một thắng cảnh của cả Lạng sơn , không riêng chỉ là nơi núi non hùng vĩ của một khu ...Nguồn gốc , gia thế bảy họ Thổ ty thì họ Vi là dòng họ trâm anh hơn cả . Trải qua 22 đời nhờ ơn nước , các đời nối tiếp nhau cai quản quân dân làm đến Khanh , Tướng ...giữ chức kiêm cai quản Tỉnh đến sông

Bồ Đề , uy trấn biên thù , tiếng vọng trong Nam ngoài bắc , được Triều đình ban thưởng Huân công , công lao bậc nhất , cấp thêm cho hai Huyện trung châu làm ngụ lộc ( tức là để thu thêm thuế má nuôi quân ) , Tướng bày tôi được ân vinh đến thế là tốt bậc " .

Đó là các tư liệu về nghiên cứu mối quan hệ khăng khít về Lịch sử và Văn hóa vốn có giữa các thành phần dân tộc trong Đại gia đình Tổ quốc Việt Nam , trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước . Hiện nay họ Vi ở bản Chu đã phát triển đến Thế hệ thứ 17 . Hiện tại họ Vi chúng tôi còn tồn tại hệ thống mồ mả Tổ tiên nhiều đời tại Khau loáng, Nậm nê , Nà Khưa , Phiêng Phai và một số di tích khu thờ Họ đã bị tàn phá nghiêm trọng sau chiến tranh biên giới 1979 tại bản Chu . Hiện tại khu đất của nhà thờ họ đã có một số hộ dân vào làm nhà ở và Xã đã xây dựng nhà trẻ tại đây , nhưng phần lớn còn để hoang hóa chưa sử dụng . Do trải qua 3 cuộc Chiến tranh kéo dài , chúng tôi không có điều kiện về quê sinh sống và trông nom mồ mả , bảo quản Nhà Thờ Dòng Họ tại Bản Chu . Từ cuối những năm 1980 và đầu những năm 90 , hàng năm chúng tôi đều về quê để trông nom tu tạo mồ mả của Tổ tiên và đã có những mối quan hệ gắn bó với Chính quyền địa phương và nhân dân Bản Chu . Nhưng khi về đến quê hương , chúng tôi không còn Nhà Thờ Họ để thấp nén hương tưởng nhớ đến Tổ tiên theo truyền thống đời đời của dân tộc Việt nam ta .

Với những tư liệu về Văn hóa , Lịch sử của 7 họ Thổ ty tại Lạng sơn , cũng như của riêng dòng họ Vi chúng tôi đã nêu , thì khu đất của Thái ấp họ Vi tại Bản Chu là mảnh đất vô cùng linh thiêng đối với hậu duệ họ Vi chúng tôi , đồng thời cũng là chứng tích Lịch sử về Trấn ải biên thù của nhân dân địa phương bao nhiêu đời nay , tất cả chúng ta phải có nhiệm vụ gìn giữ , bảo tồn . Chính vì vậy chúng tôi đề nghị ...xem xét phần đất còn lại trong khu Thái ấp họ Vi cũ , để giao lại cho con cháu họ Vi có nguồn gốc tại Bản Chu , xây dựng nhà thờ họ Vi , để chúng tôi có nơi thấp nén hương thờ cúng Tổ tiên và xin Tổ tiên cho phép con cháu họ Vi cùng nhân dân xã Khuất xá được tiến hành sửa chữa , bảo tồn khu di tích một thời là Thái ấp của họ Vi tại Bản Chu . Với mục đích lưu giữ lại một trong những di tích Lịch sử , Văn hóa tại tỉnh nhà .....

*THAY MẶT GIA TỘC HỌ VI TẠI BẢN CHU - TRƯỞNG BAN ĐẠI DIỆN .VI VẤN ĐÀI .*

Lời kết : Mong muốn của dòng họ Vi là hoàn toàn chính đáng . Người viết xin ghi lại và mong được sự trợ giúp của các cấp Chính quyền địa phương , nhằm bảo tồn một khu di tích Lịch sử - Văn hóa có một không hai của Thành phố Lạng sơn .

Khau loáng cuối năm Bính Tuất - 2006 - dienbatn .

Phần bài về mộ dòng họ Vi đến đây là hết .Xin theo dõi tiếp bài 12. dienbatn.

---

## KHẢO SÁT MỘT SỐ NGÔI MỘ CỦA TIỀN NHÂN ĐỂ LẠI . BÀI 12.

Thứ Tư, ngày 27 tháng 4 năm 2016

### **KHẢO SÁT MỘT SỐ NGÔI MỘ CỦA TIỀN NHÂN ĐỂ LẠI .**

Sau rất nhiều chuyến đi đã khảo sát Phong thủy âm trạch , diện tích còn giữ được một số tư liệu về những ngôi mộ cổ do tiền nhân đặt từ xưa . Nay đăng lại trong Blog này làm tư liệu và mong rằng những Thầy Địa lý của Việt Nam hiện nay nghiên cứu và hy vọng sẽ rút ra được những điều bổ ích cho mình , ngõ hầu có thể giúp cho những thân chủ của mình một cuộc sống an vui , hạnh phúc.

Sách có câu : "Tiên tu nhân lập âm chất, nhi hậu tầm Long ".

Người người đều muốn có được một Địa trạch tốt tươi, nhằm thăng hoa cuộc sống vật chất đầy đủ, công danh hiển hách, vợ đẹp con ngoan, Gia đình hạnh phúc. Sách THỜI QUAN THIÊN viết : "Trong nhà có người đức hạnh cao thượng thì đất đá trên núi gần đó nhất định có Linh khí ". Qua câu nói trên tức là con người làm chủ Linh khí vạn vật do phần Tâm khí của chính mình. Các Phong Thủy Sư không hiểu điều này thì dù có Trích Huyệt Tầm Long được Bảo địa cũng chẳng linh nghiệm.

Những việc Tầm Long Địa Huyệt còn phải hội thêm phần cảm ứng tức là Thiên Đạo (Đạo Trời ); sự ứng nghiệm của việc hành thiện lập âm chất, tạo nhân quả tốt. Tục ngữ có câu : "Âm địa tốt không bằng Tâm địa tốt ". Do vậy, tìm kiếm chọn lựa được Địa mạch Huyệt vị, Phong Thủy Sư phải tích đức hành thiện làm căn bản. Nếu kẻ nào có phẩm chất cao thượng, thì ắt Thiên cơ sẽ ứng, Địa cơ theo đó mà tăng thêm sự tốt lành cho con cháu đời sau hưởng Phúc. Bởi Tâm địa thiện lương thì tương ứng với Địa mạch cát lợi , vận Trời ứng cho, chứ chẳng phải chủ quan tâm về hình thức mà quên đi nội dung, cứ tưởng rằng tầm được Long huyệt rồi, con cháu đời sau sẽ được hưởng Phúc, cái gốc chúng ta chẳng lo mà lại đi lo cái ngọn, rõ là ta chẳng biết gì cả. Nếu như các Phong Thủy Sư họ tài giỏi như thế thì ắt họ phải giành những huyệt Đế Vương, Công Hầu, Khanh tướng cho con cháu họ, chứ đại gì mà họ chỉ cho ai ?

Quách Phác nói : "Cát hung cùng cảm ứng lẫn nhau, họa phúc cũng tự nhiên theo Tâm khí chiêu cảm mà đến ".

Khi táng di hài Tổ tiên, chắc người ta phải chọn Địa huyệt thật tốt mà an táng, song song với việc trên , người tại tiền phải nỗ lực tu dưỡng thân, tâm cầu lấy gốc rễ của Đạo. Nếu chỉ chú trọng quan sát hình thể Địa huyệt, sẽ cho kết quả trái ngược, làm tổn hại đến con cháu đời sau.

Nếu như có Nhân, tất phải có Quả; nhưng Nhân - Quả thiện ác tùy vào Tâm khi chiêu lấy



họa phúc. Cũng như ngày xưa có người chết được Thiên táng hay Địa táng một cách ngẫu nhiên, con cháu sau này phát Đế Vương, Công hầu.

Triệu Quang viết cuốn : "PHONG THỦY TUYỂN TRẠCH TỰ", có nói rằng : "Vô phước cho ai không có nhân duyên mà được Huyệt tốt ". Dẫu cái tốt, xấu của Phong thủy Huyệt mộ ảnh hưởng đến cát hung, nhưng Âm đức của con người có thể cải biến được Vận - Mạng. Đến như các bậc Tiền bối Phong thủy như Cao Biền, Quách Phác tài giỏi kinh Thiên động Địa, nhưng khi gặp Huyệt Đế Vương cũng không dám dành cho mình, bởi biết đạt Địa lợi, nhưng Thiên thời và Nhân hội còn khuyết, không dám nghĩ bàn. Tóm lại việc "TIÊN TÍCH ĐỨC, NHI HẬU TÂM LONG " của người xưa dạy quả không sai.

## 9/ LĂNG MỘ VÀ NHÀ THỜ CỤ GIANG VĂN MINH TẠI ĐƯỜNG LÂM.



### 1. GIANG VĂN MINH.

Giang Văn Minh (chữ Hán: 江文明, 1573 - 1638 ) tự Quốc Hoa, hiệu Văn Chung, là quan nhà Lê trung hưng trong lịch sử Việt Nam. Ông được mệnh danh là vị sứ thần "Bất nhục quân mệnh" (Không để nhục mệnh vua) vì đã đối đáp thẳng thắn trước triều đình Trung Quốc và bị vua Minh Tư Tông hành hình vào năm 1638, thọ 65 tuổi.

“Gia phả dòng họ danh nhân Giang Văn Minh 江文明 ở Sơn Tây. Đầu sách có bài Tựa cho biết dòng họ này lấy tên là họ Giang đến lúc viết tựa đã 10 đời, Thủy tổ tính từ Đức Biền giữ chức Vệ úy đội Thần vũ triều Lê đến đời Thám hoa Giang Văn Minh là đời thứ 4. Đầu sách có một bài đề từ, tiếp đến là bảng kê phần mộ và ngày giỗ của các bậc tổ của cả hai chi Giáp Ất, từ thủy tổ khảo đến đời thứ 6. Tiếp đến là phần chép câu đối treo ở nhà thờ. Giang tộc từ đường kí: Từ đường làm xong năm Thiệu Trị Ất Tị 紹治乙巳 (1845), lấy tên họ Giang làm tên nhà thờ. Họ Giang là một dòng vọng tộc trong vùng đã

hơn 10 đời. Thủy tổ là thần vũ vệ úy Đức Biền đặt cơ nghiệp cho con cháu. Thám hoa Văn Trung quận công (Giang Văn Minh), cụ Hiến sát sứ (Giang Văn Tông)...Phả ghi rõ: Vệ úy công là tổ đầu được đặt họ Giang, Thám hoa công là tổ phát tộc, Hiến sát công là tổ chi Tiểu tông. Cuối có bài minh. Giới thiệu hành trạng, cuộc đời của Vinh quận công Giang Văn Minh. Các nghi thức trong gia tộc khi tế tại nhà thờ..." (Thọ, pp. 143-149). (<http://lib.nomfoundation.org/>).

"Đời vua Thiệu Trị nhà Nguyễn, mùa xuân năm Ất Ty (1845), nhà thờ họ Giang được xây dựng với tên gọi: "Giang tộc từ đường".

Họ Giang có gia phả, một họ có tên tuổi ở làng, đến nay đã có hơn mười đời.

Cụ Thủy tổ, quan võ đời Lê, chức Thần Võ Vệ úy, hiệu Đức Biền. Cụ là người xây dựng nền móng họ Giang ta.

Cụ Thám hoa, Văn Chung quận công; cụ Hiến sát cương trực, đã góp nhiều công nhiều đức từ nhỏ đến lớn vun đắp dòng họ vẻ vang tốt đẹp.

Họ Giang trước vẫn có thờ cúng, nhưng chia làm chi phái để thờ. Do đó có hạn chế về hiểu biết; chỉ biết các đời gần, mà không biết các đời xa, chỉ biết huyết thống nhỏ, mà không hiểu biết về huyết thống lớn. Bởi lẽ đó cần hợp lại xây nhà thờ, cùng chung nơi thờ cúng tổ tiên của họ.

Trong sách thánh hiền: Trình Tử và Chu Tử thường nói: "Tiết vụ lễ, đích vụ tình" (Mọi việc lễ bái, cốt có tình người). Bởi lẽ đó mà họ Giang xây dựng lên nhà thờ như vậy.

Ba gian nhà trên làm bái đường (nơi thờ cúng tổ tiên), năm gian nhà dưới là nhà để bia, đồ thờ, vật dụng, nơi mà ngày giỗ tổ cả họ đến tập trung để cúng lễ. Nhà xây tường gạch vững chắc. Mọi chi phí trong việc xây dựng nhà thờ, người trong họ góp công sức tiền của, kể cả đất đai hương hỏa của Ất nhị chi và Ất tứ chi cũng hiến góp để xây dựng từ đường.

Cụ Vệ úy là Thủy tổ của họ, cụ Thám hoa - quan trạng đầu tiên của họ, cụ Hiến sát ở hàng cháu đều được thờ cúng ở từ đường, bởi lẽ cụ Thám hoa có tiếng tăm đi sứ là như vậy, cụ Hiến sát nếu có tách ra cũng là chi trưởng vậy. Do đó phải có nhà thờ chung để thờ cúng tiên tổ của họ.

Các thế hệ nối tiếp về sau phải căn cứ thứ bậc mà theo. Từ một, hai đời (tả chiêu, hữu mục) đến trăm đời về sau vẫn nghĩ đến dòng họ, vẫn có nhà thờ chung để thờ cúng tổ tiên.

Than ôi! Một gốc không thể cắt bỏ cành nào được. Cùng một dòng họ, các thế hệ có khác nhau, nhưng cùng thờ cúng chung một tổ tiên.

Ta không thể chia ra, mà coi xem gần hay xa, thân hay sơ, mà phải biết cùng nhau đến nhà thờ để cúng bái tổ tiên.

Thờ cúng tổ tiên, điều đó phải cùng nhau biết tôn kính. Họ ta từ xưa đã có quy ước, khuôn phép, lấy đó ghi chép mà theo, làm cho họ Giang vẻ vang, cho người đời biết đến.

Minh viết (Gia phả ghi chép rõ ràng):

Mười đời về trước, và mãi đến trăm đời về sau đều biết.

Mừng thay! Mừng thay! Đây là từ đường họ Giang, đây là văn bia ghi chép.

Triều Nguyễn, Tự Đức năm thứ hai, tháng giêng, năm Kỷ Dậu (1849).

Cháu đời thứ 10 của họ Giang

Đỗ giải nguyên khoa Giáp Ngọ - Đô sát viện, Kinh kỳ đạo trưởng, giám sát ngục sử.

Giang Văn Hiến phụng bái.

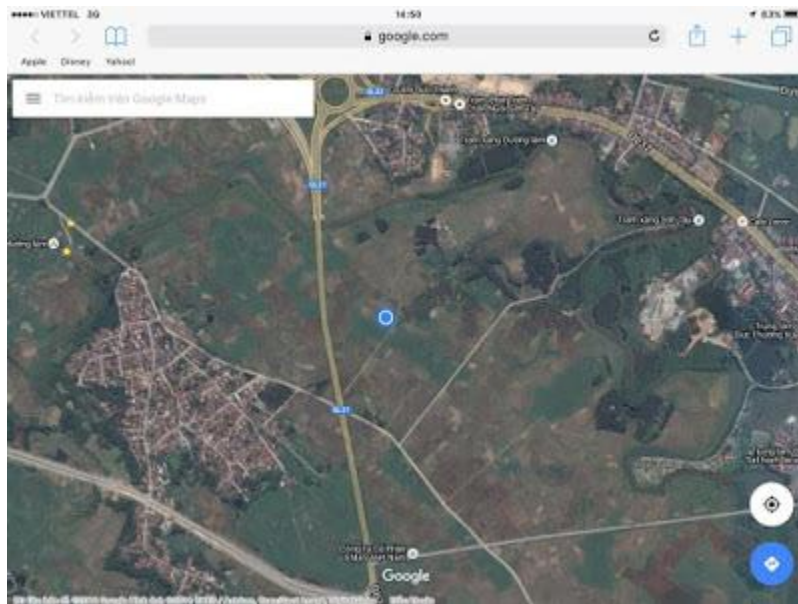
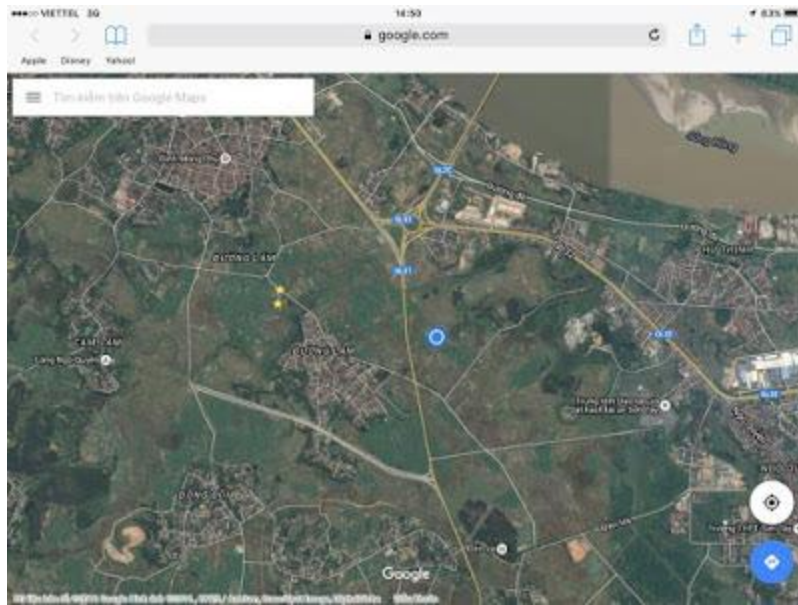
(Giang Văn Khuê dịch ra quốc ngữ.)"

"Giang Theo Nguyên Hà Tính Toàn, cháu vua Chuyên Húc là Bá Khôi được ban cho đất Giang Lăng để cai trị. Vào thời Xuân Thu, nước Giang bị nước Sở thôn tính, cháu chất Bá Khôi đã chọn tên Giang làm tên họ để tưởng nhớ nước Giang."

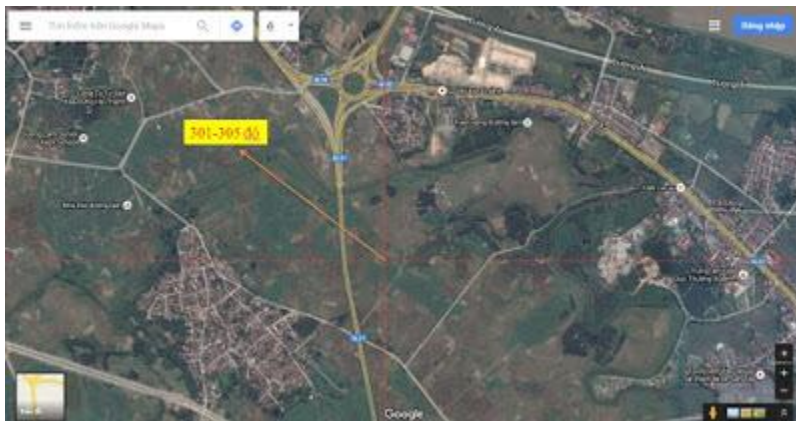
## 2. LĂNG MỘ CỤ GIANG VĂN MINH.

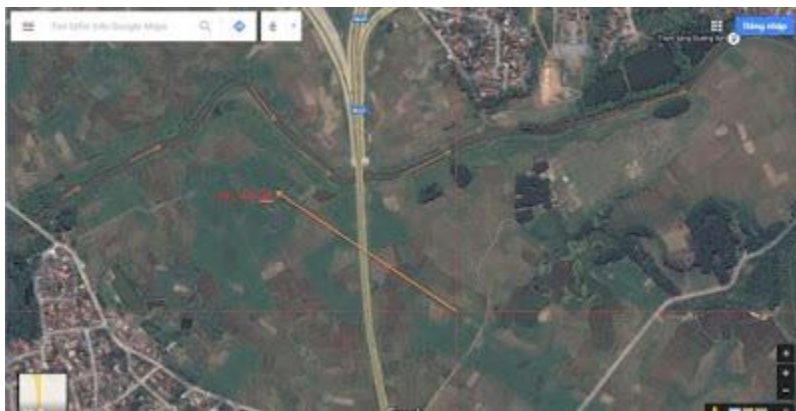
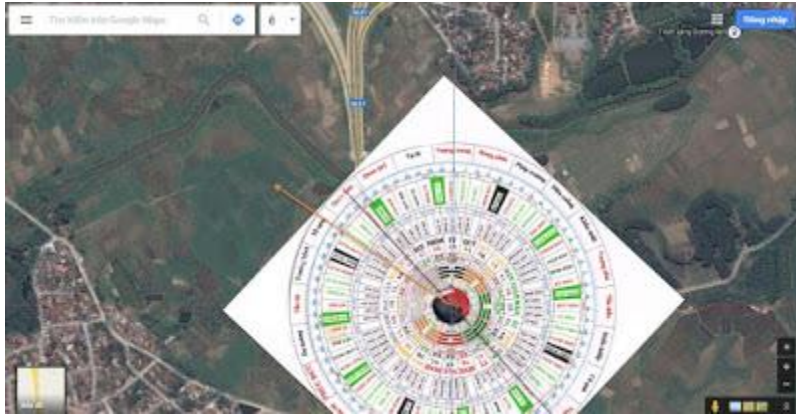


Sau khi thi hài được đưa về nước, Giang Văn Minh được chôn cất tại Đồng Dưa, thuộc xứ Gò Đông, [thực ra là Gò Đông - NXD] thôn Mông Phụ, xã Đường Lâm . Trên cánh đồng này có một quán (hiện có dạng ngôi nhà) nhỏ là nơi linh cữu ông đã được quàn và gọi là quán Giang. Hiện nay, nhà thờ ông ở làng Mông Phụ đã được nhà nước Việt Nam xếp hạng là Di tích lịch sử - văn hóa . ( Nguyễn Xuân Diện blog ).





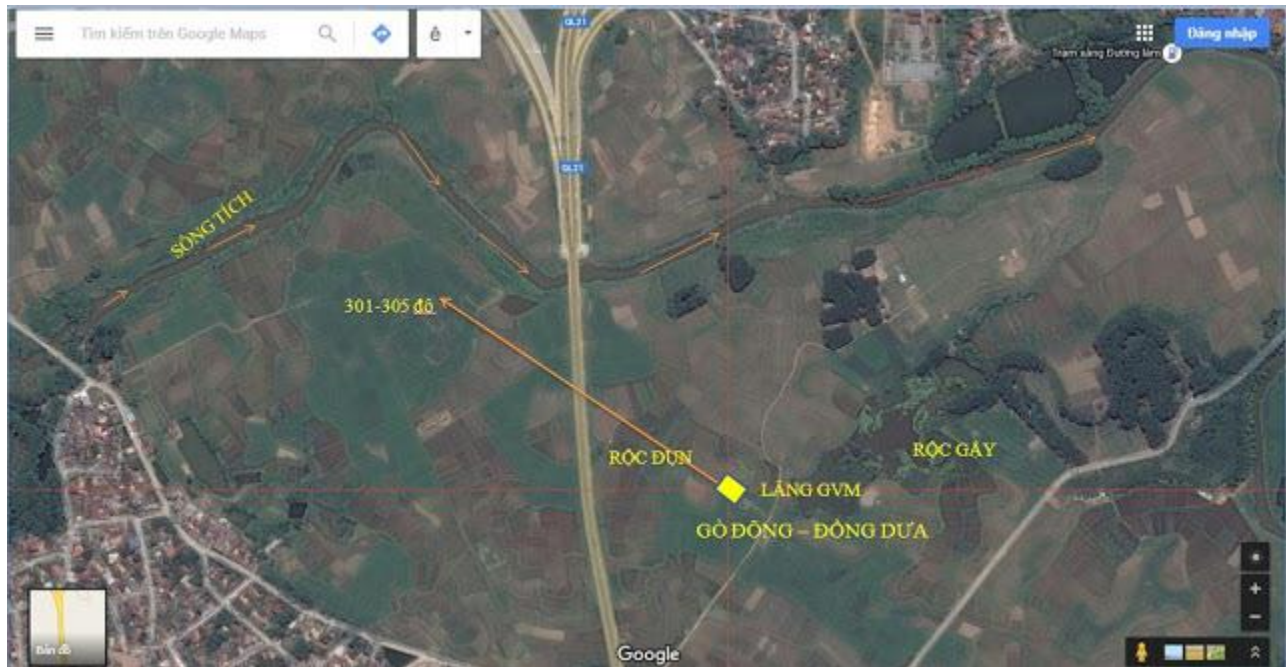




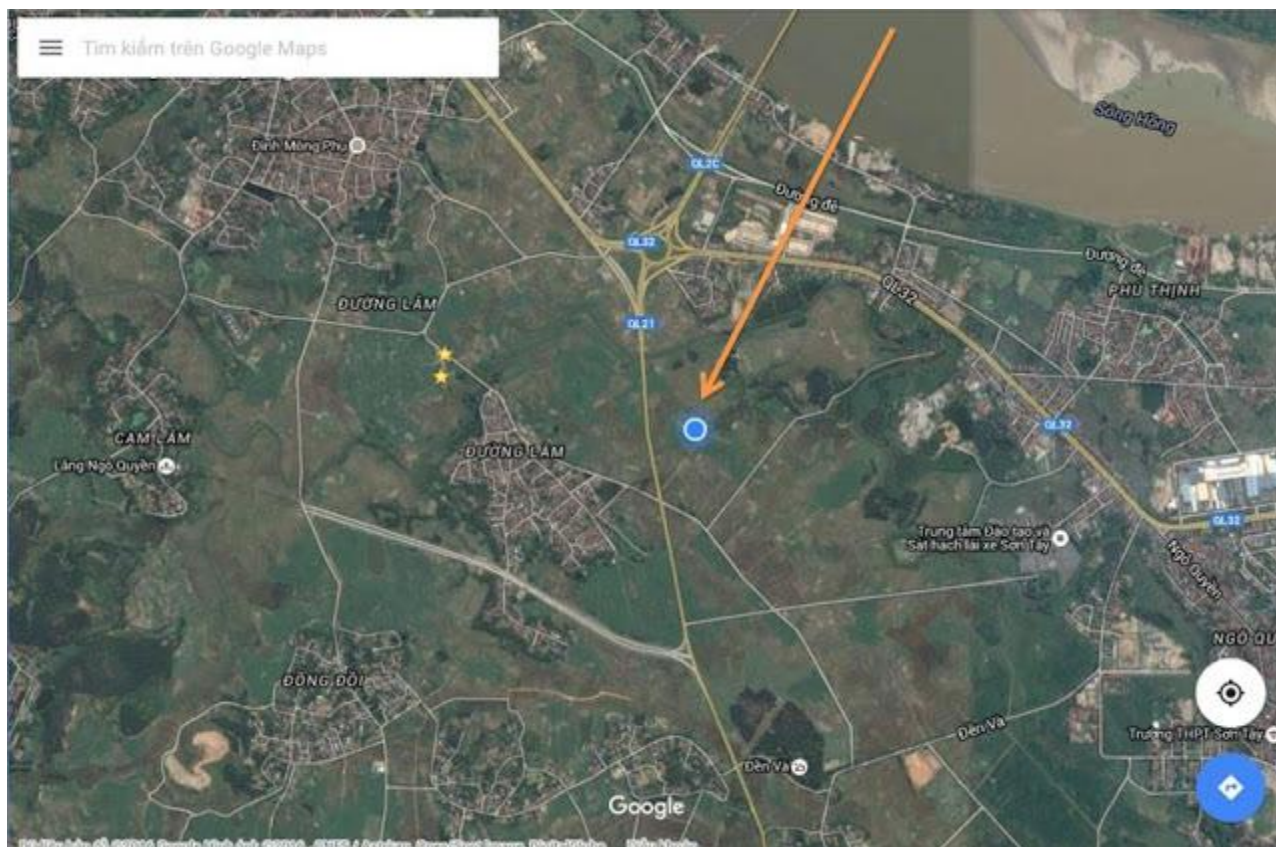
Lăng mộ của cụ Giang Văn Minh nằm trên Gò Đồng thuộc Đồng Dừa, phía trước thôn Phụ Khang (Cách con đường từ Sơn Tây đến vòng xoay đi cầu Vĩnh Thịnh). Lăng mộ có hướng khoảng 301-305 độ - Tọa Tồn - Hướng Càn - Tây Bắc - Phân Kim : Bính Thìn - Nhâm Tuất. Theo bảng " Sai thác không vong - Châu bảo tuyến " - Vị Tuất có : Giáp Tuất ( Không vong ) - Bính Tuất ( Châu bảo ) - Mậu Tuất ( Hỏa Khanh ) - Canh Tuất ( Châu bảo ) - Nhâm Tuất ( Không vong ). Không rõ tại sao ngày xưa khi phân kim cho cụ Giang Văn Minh lại phạm vào Nhâm Tuất ( Không vong ). " Nhâm Tuất khí, 7 phân Tuất, 3 phân Kiền, sinh ra người chết non, không có của cải, Ly hương vào chùa tu đạo, tồn khô, khắc tử, bại phòng 2 (con thứ 2 bại), thoái bại không thể lo tính thoát khỏi. Điềm ứng vào những năm Thân, Tý, Thìn. Nếu thấy th ủy Thìn, Tuất phương xung thì trong quan tài có đầy bùn nước ngập ". Tọa hướng Nhâm Thìn ( Hỏa Khanh ) : " Bính Thìn khí, 7 phân Thìn, 3 phân Tồn, thì người ngoài được phát phúc no ấm, yên ổn, rước con rể vào phòng (rước họa vào nhà) đời sau bại tuyệt vô tử, ứng vào những năm Thân, Tý, Thìn. Nếu thấy Dần, Thân thủy xung vào, thì bị rễ cây đâm vào quan, vong nhân bất an. ".

Nhìn trên bản đồ vệ tinh ta nhận thấy, hướng mộ nhìn xuống Rộc Đụn và sông Tích phía trước mặt, nhưng phía xa hơn là dãy núi Ba Vì chắn ngang sông. Phía bên Bạch hồ

là khu trũng xuống gọi là Rộc Gậy , phía xa nữa là vòng cung sông Hồng bắn tia ác xạ vào.







Có một con đường nhỏ đơn sơ đi từ ngoài đường cái vào khu Gò Đồng thuộc Đồng Dừa . Đường đi sau lưng khu lăng mộ và đi vào bên Thanh Long. Khu Lăng được chia làm 2 phần riêng biệt , phần chứa mộ và phần nội Minh đường để trồng trồng 2 bên hai cây hoa sứ . Khu lăng mộ được bao quanh bởi lớp tường rào cao khoảng 1,2 m , có gắn những song thưa để cho đường khí vận hành.





Chữ lớn phía trên mái lăng mộ : 雄英古干- THIÊN CỔ ANH HÙNG - Lấy từ câu 使  
不辱君命可爲千古英雄 - “Sứ bất nhục quân mệnh, khả vi thiên cổ anh hùng” - (Sứ  
thần không làm nhục mệnh vua, xứng đáng là anh hùng thiên cổ).



Phía trên lăng mộ có bốn mái cong được đỡ bằng 4 cây cột . Hai cây cột trước có hai câu  
đôi.





Câu đối ở mặt trước ghi :

Khôi khoa sự nghiệp tồn khuê các,  
Tinh sứ huân danh trọng đầu nam. ( Chu Xuân Giao dịch ).

星使 勳名重斗南 - **tinh sứ huân danh trọng đầu nam** : tiếng thơm khi đi sứ "đầu nam" liên hệ với "bắc đầu", ý như là đối Việt Nam với phương Bắc. "Trọng" là làm nặng, làm nghiêng.

魁 科事業存奎閣 - **khôi khoa sự nghiệp tồn khuê các** : sự nghiệp khoa bảng mà được đồ đầu còn lưu ở gác văn chương.



Câu đối tại mặt bên ghi :

聲蹟同垂南北史，

精神長在子孫身。

Thanh tích đồng thù Nam Bắc sử,

**Tinh thần trường tại tử tôn thân.**

(Tiếng tăm cùng để lại trong sử sách phương Nam, phương Bắc .

Tinh thần mãi còn ở bản thân con cháu.)

Phía đầu mộ có tấm dựa hình tay ngai vuông được xây bằng gạch và có tấm bia viết chữ Việt . Phía dưới là bát hương và nơi đặt lễ. Phía đầu mộ có tấm bia chữ Hán.

---

## **KHẢO SÁT MỘT SỐ NGÔI MỘ CỦA TIỀN NHÂN ĐỂ LẠI . BÀI 13.**

Chủ Nhật, ngày 08 tháng 5 năm 2016

### **KHẢO SÁT MỘT SỐ NGÔI MỘ CỦA TIỀN NHÂN ĐỂ LẠI .**

Sau rất nhiều chuyến đi đã khảo sát Phong thủy âm trạch , diện tích còn giữ được một số tư liệu về những ngôi mộ cổ do tiền nhân đặt từ xưa . Nay đăng lại trong Blog này làm tư liệu và mong rằng những Thầy Địa lý của Việt Nam hiện nay nghiên cứu và hy vọng sẽ rút ra được những điều bổ ích cho mình , ngõ hầu có thể giúp cho những thân chủ của mình một cuộc sống an vui , hạnh phúc.

Sách có câu : "Tiên tu nhân lập âm chất, nhi hậu tầm Long ".

Người người đều muốn có được một Địa trạch tốt tươi, nhằm thăng hoa cuộc sống vật chất đầy đủ, công danh hiển hách, vợ đẹp con ngoan, Gia đình hạnh phúc. Sách THỜI QUAN THIÊN viết : "Trong nhà có người đức hạnh cao thượng thì đất đá trên núi gần đó nhất định có Linh khí ". Qua câu nói trên tức là con người làm chủ Linh khí vạn vật do phần Tâm khí của chính mình. Các Phong Thủy Sư không hiểu điều này thì dù có Trích Huyệt Tầm Long được Bảo địa cũng chẳng linh nghiệm.

Những việc Tầm Long Địa Huyệt còn phải hội thêm phần cảm ứng tức là Thiên Đạo (Đạo Trời ); sự ứng nghiệm của việc hành thiện lập âm chất, tạo nhân quả tốt. Tục ngữ có câu : "Âm địa tốt không bằng Tâm địa tốt ". Do vậy, tìm kiếm chọn lọc được Địa mạch Huyệt vị, Phong Thủy Sư phải tích đức hành thiện làm căn bản. Nếu kẻ nào có phẩm chất cao thượng, thì ắt Thiên cơ sẽ ứng, Địa cơ theo đó mà tăng thêm sự tốt lành cho con cháu đời sau hưởng Phúc. Bởi Tâm địa thiện lương thì tương ứng với Địa mạch cát lợi , vạn Trời ứng cho, chứ chẳng phải chủ quan tâm về hình thức mà quên đi nội dung, cứ tưởng rằng tầm được Long huyệt rồi, con cháu đời sau sẽ được hưởng Phúc, cái gốc chúng ta



chẳng lo mà lại đi lo cái ngọn,rõ là ta chẳng biết gì cả.Nếu như các Phong Thủy Sư họ tài giỏi như thế thì ắt họ phải giành những huyệt Đế Vương,Công Hầu,Khanh tướng cho con cháu họ,chứ đại gì mà họ chỉ cho ai ?

Quách Phác nói : "Cát hung cùng cảm ứng lẫn nhau,họa phúc cũng tự nhiên theo Tâm khí chiêu cảm mà đến ".

Khi táng di hài Tổ tiên,chắc người ta phải chọn Địa huyệt thật tốt mà an táng,song song với việc trên ,người tại tiền phải nỗ lực tu dưỡng thân,tâm cầu lấy gốc rễ của Đạo.Nếu chỉ chú trọng quan sát hình thể Địa huyệt,sẽ cho kết quả trái ngược,làm tổn hại đến con cháu đời sau.

Nếu như có Nhân,tất phải có Quả;nhưng Nhân -Quả thiện ác tùy vào Tâm khi chiêu lấy họa phúc.Cũng như ngày xưa có người chết được Thiên táng hay Địa táng một cách ngẫu nhiên,con cháu sau này phát Đế Vương,Công hầu.

Triệu Quang viết cuốn : "PHONG THỦY TUYỂN TRẠCH TỰ ",có nói rằng : "Vô phước cho ai không có nhân duyên mà được Huyệt tốt ".Dẫu cái tốt,xấu của Phong thủy Huyệt mộ ảnh hưởng đến cát hung,nhưng Âm đức của con người có thể cải biến được Vận - Mạng.Đến như các bậc Tiên bối Phong thủy như Cao Biền,Quách Phác tài giỏi kinh Thiên động Địa ,nhưng khi gặp Huyệt Đế Vương cũng không dám dành cho mình,bởi biết đạt Địa lợi,nhưng Thiên thời và Nhân hội còn khuyết,không dám nghĩ bàn.Tóm lại việc "TIÊN TÍCH ĐỨC,NHI HẬU TÂM LONG " của người xưa dạy quả không sai.

## 10 / KHẢO SÁT LĂNG MỘ VÀ TỪ ĐƯỜNG NGÔ THÌ SĨ - NGÔ THÌ NHẠM - LÀNG TỐ.



### 1.LÀNG TỐ – TÀ THANH OAI.

Làng Tả Thanh Oai (làng Tố hay Tố Tả) thuộc xã Tả Thanh Oai huyện Thanh Trì được cả nước biết đến là làng khoa bảng với 12 người đỗ đại khoa, gồm 4 Hoàng giáp và 8 Tiến sĩ, có họ Ngô với dòng Ngô gia văn phái và các danh nhân Ngô Thì Sĩ, Ngô Thì

Nhậm đã đi vào lịch sử đất nước. Ngoài ra còn có 27 hương cống thời Lê, 10 cử nhân thời Nguyễn .

Những người đỗ đại khoa thuộc 4 họ: Nguyễn Khai Khoa, Ngô Vi, Ngô Thì và Nguyễn Thế. Họ Nguyễn k Khai Khoa có 3 tiến sĩ là Nguyễn Chi (đỗ năm 1453), Nguyễn Khánh Dung (1478). Nguyễn Tông Trình (1754). Trước đây, đầu dịp hội làng (ngày 14 tháng giêng), quan viên trong làng phải ra lễ ở mộ tổ và ở nhà thờ họ này.

Họ Ngô Thì (Ngô Thời) có 6 tiến sĩ là: Ngô Tuấn Dị (đỗ năm 1688), Ngô Đình Thạc (1700), Ngô Đình Chất (em Đình Thạc, 1721), Ngô Thì Sĩ (Hoàng giáp, 1766), Ngô Thì Nhậm (1775) và Ngô Điền (Hoàng giáp, 1841).

Họ Ngô Vi là dòng họ lập ấp đầu tiên, có 2 người đỗ là Ngô Vi Thực (Hoàng giáp, 1691) và Ngô Vi Nho (1694).

Những người đỗ đại khoa của làng Tó có Ngô Đình Thạc làm Tham tụng (Tể tướng), Ngô Đình Chất, Ngô Thì Nhậm làm Thượng thư, 2 người phụng mệnh đi sứ là Ngô Đình Thạc, Ngô Thì Nhậm (Chánh sứ sang nhà Thanh, có nhiều đóng góp cho việc ngoại giao của triều Tây Sơn). Ngô Thì Sĩ có nhiều công lao trong việc giữ yên và phát triển vùng biên giới Lạng Sơn. Ngô Đình Thạc là Trấn thủ Lạng Sơn, khi thành bị quân phi vây, ông chịu chết chứ không đầu hàng.

Đóng góp lớn nhất của các nhà khoa bảng làng Tó là về văn học, giáo dục. Hai cha con Ngô Thì Sĩ - Ngô Thì Nhậm là những danh nhân kiệt xuất, học vấn sâu rộng, làm rạng rỡ cho tông phái nhà Nho, vừa là quan văn, vừa là tướng, vừa là nhà sử học, nhà thơ, để lại nhiều tác phẩm có giá trị. Họ Ngô còn nổi tiếng với dòng Ngô gia văn phái, với thiên tiểu thuyết Hoàng Lê nhất thống chí có giá trị lớn về tư liệu lịch sử.

Để có sự thành đạt về khoa bảng, làng Tả Thanh Oai chế độ khuyến học thỏa đáng. Làng dành 40 mẫu ruộng để làm học điền. Những người đỗ đạt được trọng vọng. Trong tâm thức của người làng, thế đất của làng phát đạt về mặt học hành nên có ý thức với việc học. Cuốn Lư sử điển yếu điều lệ (soạn năm 1791), viết: "Làng Tả Thanh Oai đất do sông Tô dẫn mạch, miếu do sông Nhuệ bồi cơ, danh đăng khoa giáp, thế phiết thi thư, quý mà không phú, phần nhiều là sĩ dân sinh về đường học, coi là việc hàng đầu...".

Làng Tả Thanh Oai trước đây có 2 đình là đình Tổ Thị và đình Hoa Xá (nay chỉ còn đình Hoa Xá), thờ Lê Hoàn và Bà Chúa Hên – cô gái làng Tó được Lê Hoàn lấy làm phi trong dịp dẫn đại quân theo đường sông ra Bắc để tiêu diệt quân xâm lược Tống, ghé thăm làng (năm 981). Hội làng tổ chức trong 3 ngày: 13, 14, 15 tháng Giêng, có rước cỗ thờ và rước Giầu vàng từ đình Hoa Xá đến Minh Ngự Lâu (nhà Bà Chúa Hên) để kỉ niệm cuộc gặp

gỡ tình duyên giữa Bà và Vua Lê Đại Hành. Ngoài ra còn các nghi lễ hát xướng ca ngợi công đức thành hoàng, cảnh đẹp, có đọc "Mục lục" đề cao truyền thống văn vật của làng, cầu chúc dân làng an khang thịnh vượng. Làng còn giữ được 4 chùa và đặc biệt là 4 nhà thờ của các dòng họ khoa bảng, nhà thờ các danh nhân Ngô Thi Sĩ, Ngô Thi Nhậm- các di tích phản ánh truyền thống hiếu học và khoa bảng của làng .

## 2.CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ VĂN HOÁ

### 1 - ĐÌNH HOA XÁ , MINH NGỰ LÂU.

Hai di tích nằm gần bên nhau, phía tả sông Nhuệ, thuộc làng Tả Thanh Oai xã Tả Thanh Oai huyện Thanh Trì. Mảnh đất này được Dư địa chí của Nguyễn Trãi, coi “là 1 trong 4 kinh trấn phen đậu phía nam của kinh đô Thăng Long – Hà Nội ta”.

Tả-Hữu Thanh Oai là một địa phương có truyền thống văn hoá lâu đời. Nhiều truyền thuyết, ca dao, tục ngữ... được lưu truyền mãi đến ngày nay - mà truyền thuyết về cô gái Tó (hay bà Chúa Hên) được kể lại từ đời này qua đời khác, và cũng được in sâu vào tâm khảm của nhân dân địa phương như “chuyện cổ Tấm Cám” khi xưa. Nơi này, chính là nơi Lê Hoàn dừng binh để lấy quân lương, là quê hương - nơi sinh trưởng của bà chúa Tó - một người con gái đã vận động nhân dân vùng Hữu Thanh Oai đóng thuyền, vùng Tả Thanh Oai góp lương thực cho quân Lê Hoàn đánh trận - còn chính bản thân mình lại làm ra loại bánh dùng làm lương khô cho quân lính - đó chính là loại bánh chè lam - đặc sản trong ngày hội làng... Người được vua phong thứ phi.

Đình Hoa Xá là một ngôi đình cổ to đẹp. Đình cách cầu Tó không xa, ở kề bờ tả sông Nhuệ. Kiến trúc đình mang dáng vóc cung đình. Tương truyền đình được xây từ lâu đời, trước mặt là hồ bán nguyệt, giáp đường trục chạy theo sông Nhuệ, cổng được gọi là Ngọ Môn. Đình thuộc thôn Tả Thanh Oai, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội có quy mô khá lớn, bao gồm các bộ phận kiến trúc: giếng đình - sân - nghi môn ngoại - sân - nghi môn nội - sân - hai dãy tả mạc - đình chính và khu vườn rộng. Phía sau nghi môn nội là đôi ngựa đá tạc đủ yên cương, tác phẩm thời Tây Sơn do Tiến sĩ Thượng thư Bộ binh Ngô Thi Nhậm, người làng tiến cúng vào đình từ năm 1798. Đình Hoa Xá, được kiến trúc 5 gian nối liền với hậu cung, chạm trổ rất tinh vi. Mái đình uốn cong, trên nóc có rồng châu mặt nguyệt. Hai bậc thềm có đôi sư tử ôm quả cầu. Hiện còn giữ được các sắc phong của các triều đình, thần phả, ngọc phả, lư sử, đồ thờ tự, nhiều hoành phi câu đối.

Đình thờ vua sáng lập nhà Tiền Lê, là vua Lê Hoàn tức Lê Đại Hành và bà phi người làng Tó, được dân tôn danh là bà Chúa Hên hay bà Chúa Trai.

Theo cuốn “Hoa Xá Lê đế- phi miếu phả lục”, do quan Hàn lâm Đông các Đại học sĩ Nguyễn Bính soạn vào năm Hồng Phúc nguyên niên (1572) và quan Quản giám bách thần chi điện, Hùng lĩnh thiếu khanh Nguyễn Hiền sao lại vào năm Vĩnh Hựu (1740) thì:

“Một hôm, Vua qua ấp Hoa Xá ở Tả Thanh Oai, tạm dừng quân để lấy binh lương, giờ Ngọ, nhà vua trông thấy một người con gái cùng gánh gạo trong đám dân công. Cô đội nón lá, mặc áo vải thô, mắt sáng, mày thanh, mặt xinh như ngọc, miệng cười tươi như hoa. Trong phút nghỉ ngơi, cô xuống sông vốc nước rửa tay, tóc búi tó. Trên trời có đám mây năm sắc che thân. Nhà vua cho rằng người con gái đó không phải bình thường. Rồi đem lòng thầm ước nhưng mặt ngoài còn e.

Ít lâu sau, thiên hạ thái bình. Quân sĩ reo ca khải hoàn rước Vua về kinh đô Hoa Lư. Nhà Vua mở tiệc thưởng người có công. Các đình thần tôn tặng vua Lê mỹ hiệu: “Minh Càn Ứng Vận Thần Vũ Thăng Bình, Trí Nhân, Quảng Hiếu Đại Hành Hoàng Đế”. Lê Hoàn chọn ngày ngự giá Bắc tuần, thăm hỏi dân làng. Ngày về tại ấp Hoa Xá: bên tả giang, mời già trẻ trong ấp cùng đến dự yến. Rồi cho vơi nằng Đô Hồ, ban quần gấm áo ngự, phong làm quý phi. Sai bà tắm gội, thay áo mũ, cùng sánh xa giá về kinh.

Lúc đó bà con, họ hàng và dân ấp đều vui mừng lấy làm vinh hiển. Vua Lê lại cấp 185 mẫu ruộng đất, tiền của để bà đóng thuyền thả sông và lập cung điện ở vườn cũ, gọi là “Đô Hồ phi cung”. Khi vua băng hà “dân ấp Hoa Xá có lập đền thờ để tưởng nhớ ơn đức giúp dân, ghi tạc công lao phá Tống của ngài”.

Lúc thánh phi mất, dân làng hàng năm cúng giỗ. Nơi ở cũ của bà dựng lầu Minh Ngự. Nhà cung phi sửa thành miếu điện. Từ đó, miếu - đình Hoa Xá là nơi phối thờ hai vị và hồn thơm hiển ứng, đời đời linh thiêng giúp cho dân làng”.

Nhớ ơn bà, nhân dân tôn thờ bà cùng với vua Lê Đại Hành làm Thành Hoàng làng và thường gọi bà với cái tên dân dã là bà Chúa Hên hay bà Chúa Trai.

Minh Ngự Lầu xưa được gọi là miếu bà Chúa Hên, tương truyền là ngôi nhà mà bà Chúa Hên đã sinh ra. Sau khi bà trở thành Đô Hồ phi nhân, dân làng Tó sửa sang thành Minh Ngự Lâu. Di tích có quy mô không lớn, nhưng liên quan chặt chẽ đến đình Hoa Xá. “xưa kia, khi ngày rằm tháng Giêng làm lễ hội làng, thì từ tối 14, tượng và ngai của ông bà được rước về Minh Ngự Lầu. Sau khi tắm rửa, ở lại một đêm đến sáng hôm rằm thì rước trở về đình...”. Sau đó là nghi thức Tế: Thành Hoàng, dâng hương, chia lộc cho dân làng.

Trong các ngày hội, ngoài nhiều trò chơi còn có nghi lễ hát xướng ca nhằm ca ngợi công đức thành hoàng, ca ngợi cảnh đẹp, truyền thống hiếu học của làng, cầu chúc dân làng an khang thịnh vượng.



Đình Hoa Xá và Minh Ngự Lâu được làm theo lối kiến trúc - nghệ thuật truyền thống, hiện vẫn còn một số mảng chạm khắc mang phong cách nghệ thuật thế kỷ 18 và lưu giữ được rất nhiều hiện vật mang giá trị cổ vật quý hiếm: 16 đạo sắc phong thần của các triều đại phong kiến Lê - Tây Sơn và Nguyễn phong tặng cho Đô Hồ phi nhân là “Nhân uyển chi thần”, phong cho Lê Đại Hành là “hoàng đế –thượng đẳng thần”; rất nhiều- câu đối, bài thơ ca ngợi công đức của hai vị Thành Hoàng, đặc biệt còn bút tích để lại của Ngô Thì Nhậm trong bài cung tiến ngựa đá” ở cuối thế kỷ 18, là những tấm bia đá, những bộ kiệu đòn, kiệu Bát Cống thế kỷ 18 và tượng Đô Hồ phi nhân.

Tượng ghi lại hình tượng bà Đô Hồ thể hiện người con gái trẻ, nết nã, đoan trang, nhưng lại có chất giảm dị của cô thôn nữ, dáng đứng thẳng, tay phải cầm bơi chèo, tay trái cầm một túm hoa quả thể hiện một chiến công trèo thuyền tải lương và công tác hậu cần của Bà khi xưa. (Đó là dân làng tỏ lòng biết ơn công lao của vua Lê Đại Hành, bà Đô Hồ Phi Nhân. Lãnh đạo xã và thôn Tả Thanh Oai mời ông Vũ Tiến nhà nghệ nhân điêu khắc tạc tượng Bà bằng gỗ cây Mít ở trước cửa chùa Phe. Khánh thành tượng của Bà được trình trọng đặt ở một bệ trong hậu cung đúng ngày 10-10-1981).

Dưới thời Quân chủ, đình làng là nơi công quyền, rất nghiêm minh, phụ nữ ít khi được ra đình, còn khi việc làng: tế, lễ, khao vọng, đón quan trên, thưởng phạt dân chúng thì ở đình ngồi theo thứ bậc lệ làng.

Tại Minh Ngự Lâu, Bác Hồ đã về thăm Tả Thanh Oai và nói chuyện, căn dặn dân làng phải chăm lo đồng ruộng và gìn giữ những di tích lịch sử quý giá của làng xã.

Đình Hoa Xá (được trùng tu lớn gần đây nhất vào năm Quý Mùi niên hiệu Bảo Đại – 1943).

Gần đây hàng năm ban khánh tiết các cụ quản lý đình và nhân dân vẫn liên tục trùng tu Đình Hoa Xá và Minh Ngự Lâu.

Đình Hoa Xá và Minh Ngự Lâu được Bộ Văn hoá - Thông tin (nay là Bộ Văn hoá - Thể thao và Du lịch) xếp hạng tại Quyết định số 226/QĐ-BT ngày 5/2/1994.

## 2 - ĐÌNH TỔ THỊ.

Đình Tổ Thị và đền thờ Chúa Bà ở ngay đầu chợ Tó, đình Tổ Thị là nơi thờ bà Ngô phu nhân, cùng chồng là ông Trần Phổ Hoá có công nuôi công chúa (con của vua Lê Đại Hành và Đô Hồ Phi Nhân) nên bà được vua phong là Thượng Ban nữ mẫu (hay Ngô Thượng ban). Hội làng tổ chức trong 4 ngày: 13, 14, 15, 16 tháng Giêng, Trong ngày Rằm rước sách linh đình, có rước cỗ thờ và rước Giầu vàng từ đình Tổ Thị đến Ngự Lâu (nhà Bà Chúa Hén) để kỉ niệm cuộc gặp gỡ tình duyên giữa Bà và Vua Lê Đại Hành.

Ngoài ra còn các nghi lễ hát xướng ca ngợi công đức thành hoàng, cảnh đẹp, có đọc “Mục lục” đề cao truyền thống văn vật của làng, cầu chúc dân làng an khang thịnh vượng. Ngày 16 lễ “Giã đám” đặc biệt đám rước Giầu vàng từ đình Hoa Xá lên đình Tổ Thị đông vui vô kể. Năm 1947 giặc Pháp đã đốt phá đình Tổ Thị, dân làng không khôi phục lại đình được, mà đất đình đã bị dân sinh hoá không còn dấu tích. Hiện chỉ còn 13 đạo sắc phong cho ông bà, lưu ở đình làng Hoa Xá .

### 3 - KHU DI TÍCH LỊCH SỬ NHÀ THỜ NGÔ THÌ NHẬM.

Nhà thờ Ngô Thì Nhậm trước đây được gọi là đền Sùng Đức. Theo bia Sùng Đức từ ký. Có niên đại Cảnh Thịnh thứ hai (năm 1794) thì đều do thân phụ của Ngô Thì Nhậm là Văn Dụ vương (tức Ngô Phong công Ngô Thời Sĩ) xây năm Bính Tuất đời Cảnh Hưng (1766), sau khi ông thi đậu Hoàng giáp. Trong nhà thờ còn lưu giữ được chân dung Ngô Thì Nhậm, Ngô Thì Sĩ và một số đồ dùng của Ngô Thì Nhậm.

Qua nhà thờ Ngô Thì là khu mộ Ngô Thì Sĩ và Ngô Thì Nhậm, vốn là nhà ở của Ngô Thì Nhậm, hướng Tây Nam, phía trước là cánh đồng rộng. Ngôi mộ Ngô Thì Nhậm trước đây ở đồng Hoa Cà, năm 1976 dời về đây, còn mộ của Ngô Thì Sĩ trước đây ở cánh đồng Dọc Muống, chuyển về đây.

### 4 - DI TÍCH LỊCH SỬ NHÀ THỜ HỌ NGUYỄN KHAI KHOA.

Nhà thờ họ Nguyễn Khai Khoa (còn gọi là Nguyễn Thừa Chính) đã có từ lâu đời. đến năm Khải Định thứ 6 Nhâm Tuất 1922, họ tái thiết nhà thờ. Toạ lạc bên bờ sông Nhuệ, trước cửa đình Hoa Xá 50 mét nhìn hướng Nam. Năm 1994 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0196781 thuộc tờ bản đồ số 6 thửa 210 diện tích 383 m2 để chứng nhận nhà thờ họ Nguyễn. Nhà thờ chính hướng Nam. Ba gian trong thờ Tổ, ba gian ngoài nghi bàn, tế lễ, nội tự ngoại khách. Tường gạch vôi, mái gỗ lim lợp ngói. Nhà nghi ba gian nhỏ, hướng Tây lợp ngói. Phía trước là sân gạch, vườn hoa, bình phong, hai bên và phía sau là vườn cảnh. Tường xây bao quanh. Cổng ra Đường Tả Thanh Oai sông Nhuệ.

Nội tự nhà thờ họ Nguyễn Khai Khoa được thờ cúng lâu đời gồm khám thờ, bài vị, bát hương, đài nến, hoành phi, câu đối, cờ, lọng, biển, chiêng, trống. Mỗi năm tế Tổ 3 dịp: 14- Giêng tế Xuân; mừng 10- 8 giỗ cụ Thủy Tổ khảo; 13- 12 giỗ cụ Thủy Tổ tỷ. Ngày 14 tháng Giêng tế Tổ trùng với hội làng lễ nghi long trọng hơn cả, rất đông vui cả họ các nơi nô nức về dự lễ Tổ và hội làng.

### 5 - CHÙA BÙI: (Bùi Linh tự).

Số Đồi trụ trì: Hiện được biết 3 đời (còn trước nữa không nắm được).

Sư cụ trụ trì: Thích Đàm Tâm, được trên 40 năm tại chùa Búi, nay đã trên 90 tuổi. Sư Thầy Thích Bàn Thiện ở chùa được gần 20 năm.

Nguồn gốc: Xa xưa, vốn là quán Linh Tiên của người phương Bắc dựng, trải qua bao năm tháng nay đã trở thành chùa Búi.

Vị trí nhà thờ, hình thể (quang cảnh): Chùa toạ lạc ở dưới đường tàu gần cuối làng, mảnh đất rộng trên 3000m<sup>2</sup>, gồm: nhà điện 3 gian; nhà thờ Tổ 5 gian (mới xây dựng năm 2009); nhà ngang 6 gian; nhà vong 3 gian; nhà khách 3 gian (3 nhà trên xây dựng lại những năm gần đây); Tam quan, Lầu Đức Quan Âm, sân chùa, chùa chính, gian thờ các vị sư tổ và chỗ ở cho: thầy chùa, các sư, tiểu chủ trì.

Ngày giỗ Tổ: 28/4, 10/7, 30/12 Âm lịch.

#### 6 - CHÙA THẨM: (Linh Am tự).

Biết được trước sư Thầy Hưng, trụ trì là: Sư thầy Phụng, Sư thầy Hằng.

Truyền rằng từ thời cụ Ngô Thị Sĩ, dân làng tổ chức xây chùa thờ phật ở gần Minh Ngự Lâu, cũng với đầy đủ: Tam quan, sân chùa, chùa chính, gian thờ các vị sư tổ và chỗ ở cho: thầy chùa, các sư, tiểu chủ trì. Chùa là nơi sinh hoạt của các cụ bà quy y cửa phật. Thường là mừng 1, ngày rằm lễ phật, giải vận hạn đầu năm, sám hối tâm linh cho chúng sinh cải tà quy chính, cầu xin phúc lộc thọ, tụng kinh, cúng âm phần cho người mới khuất.v.

Hiện tại chùa Thẩm đang trùng tu: sửa chữa, xây dựng.

#### 7 - ĐỀN Chúa Bà: (Giao Trì Linh Từ).

Đền nằm trong quần thể khu di tích lịch sử đình Tổ Thị, đã có cùng với ngôi Đình.

Ngôi Đền thờ Mẫu Liễu Hạnh, sau này tục truyền lại là thờ Công Chúa con của vua Lê Đại Hành và bà Đô Hồ Phi Nhân. Vì sau khi bị giặc Pháp Phá nền còn lại một số như: Tượng Mẫu, Tượng Chúa Bà và một tấm bia Hạ Mã.

Từ xưa đến nay được biết đã qua năm đời các cụ trụ trì: Cụ Đô Đen; Cụ Cả Phác; Cụ Nhiều Hoi; Cụ Đỗ Thị Thảo và trụ trì hiện nay Cậu Nam (Nguyễn Hoàng Nam).

Giỗ Tổ từ xưa đến nay đều làm vào ngày 24 – 4 Âm lịch hàng năm.

Đền hiện nay đã được sửa sang nhiều lần và là nơi hoạt động tín ngưỡng của toàn thể nhân dân trong thôn.

## 8- MIẾU ÔNG.

Thờ: Dũng mãnh Tướng Quân.

Theo “Ngọc phả lục miếu thờ đức Lê Đại Hành Hoàng Đế và Thánh Phi đình Hoa Xá” của làng:

“Mời phối hưởng có vị Lê triều phò Thánh Giá, phá Tống từng lập đại công dũng mãnh Tướng Quân linh thần vị tiền. Dũng mãnh Tướng Quân có đền thờ chính ở giáp Phúc Lâm, do dân giáp thờ phụng. Nay còn một bãi cây rậm quanh chỗ thờ, tương truyền là nơi ngày xưa Dũng mãnh Tướng Quân đóng quân tại đó”.

Nay ở dưới ngõ Khánh Hội, hiện còn có quần thể Miếu Ông, giếng Miếu Ông. Dân làng từ xưa tới nay vẫn ra Miếu Ông cầu cúng xin Ngài phù hộ. Đám ma khi đưa linh cữu người quá cố đi chôn của làng qua Miếu Ông đều dừng chân và không đánh trống.

## 9 - VĂN CHỈ CỦA LÀNG.

Văn chỉ (Tờ vũ), ở phía trên chùa Tô Thị. Theo Lư sử điển yếu điều lệ thì Văn chỉ ở hướng Đình rồng nhập cước (rồng chạm chân tới). Chỗ gần thì lấy Thổ tinh miếu làm án tiền; xa thì lấy Tam thai xuyên châu làm án ngự. Sông Nhuệ quanh co uốn châu, nối với cầu Quang Liệt, bãi Rồng ôm phía sau, không biết bồi đắp từ đời nào. Văn chỉ do Binh bộ Thượng thư, Tinh Phái hầu Ngô Thì Nhậm cho làm, mua nhà của quan huyện Hoài An, tu sửa lại để tế lễ. Hàng năm, tư văn hàng huyện tế tiên hiền tại đây (trước đó, tế ở Văn chỉ hàng huyện tại thôn Cầu Đor). Đến triều Nguyễn, tư văn sáu tổng trong huyện bỏ lệ tế chung tại đây mà về tế riêng ở từng tổng. Về sau, năm 1947 giặc Pháp chiếm, đốt phá làng cả khu Văn chỉ không còn dấu tích, còn Bia “Văn Chỉ” các cụ trong làng Tả Thanh Oai phải đưa về sau đình Hoa Xá lưu giữ.

Tháng 3 năm 2011, chính quyền kết hợp với dân làng đang tiến hành xây dựng Văn chỉ, trên diện tích 200m<sup>2</sup> ở cạnh khu Minh Ngự Lâu, để khích lệ phong trào học tập của địa phương.

## 10 - ĐÀN THIÊN NÔNG.

Ngày xưa nghề nông: cấy, cày ở làng phụ thuộc hoàn toàn vào thiên nhiên, mưa, nắng, úng, hạn, thiên tai, dịch họa thất thường, nên việc Tế Thần Nông rất là quan trọng.

Đàn Thiên nông, xưa đặt ở xứ Mả Thí, đến tiết Thượng điền, các giáp cử người ra quét dọn để tế lễ. Về sau đàn được dời đến xứ Mả Sở, xung quanh đắp tường đất, đến tiết Thượng điền các giáp làm lễ tế thần. Tế xong, các giáp thi nấu cơm làm trò vui, lấy lúa ở cây, lấy nước ở thượng lưu sông. Ai nấu chín sớm nhất được hạng ưu.



Ngày nay, áp dụng khoa học: giống, phân, cần, nước (chủ động được tưới, tiêu) đã hạn chế được rất nhiều mất mùa, nên không còn lệ tế lễ thần ở đàn Thiên nông nữa. *(Theo tài liệu của Bác sĩ Trương Văn Hòa .)*

### 3. NGÔ THÌ SĨ (吳時仕).



Ngô Thì Sĩ (chữ Hán: 吳時仕, 1726-1780), tự: Thế Lộc, hiệu: Ngọ Phong (午峰), đạo hiệu: Nhị Thanh cư sĩ ; là nhà sử học, nhà văn, nhà thơ nổi tiếng ở thế kỷ 18 tại Việt Nam; được Phan Huy Chú đánh giá là người có "học vấn sâu rộng, văn chương hùng vĩ, làm rạng rỡ cho tông phái nho gia, là một đại gia ở Nam Châu".

Tiểu sử .

Ngô Thì Sĩ sinh ngày 20 tháng 9 năm Bính Ngọ (tức 15 tháng 10 năm 1726) tại làng Tả Thanh Oai (làng Tó), huyện Thanh Oai, trấn Sơn Nam (sau thuộc tỉnh Hà Đông, và nay thuộc huyện Thanh Trì Hà Nội).

Ông sinh ra trong một dòng họ lớn ở làng, có nhiều người nổi tiếng hay chữ...

Ông nội ông là Ngô Trân, hiệu Đan Nhạc, là một người nổi tiếng về sức học uyên bác và tài văn chương, được người đương thời liệt là một trong "bảy con hổ của kinh thành Thăng Long" (Trường An thất hổ).

Ông là con trưởng Ngô Thì Úc, cũng nổi tiếng hay chữ. Năm 14 tuổi, ông Úc đỗ thứ hai kỳ thi Hương nhưng sau đó hỏng liền hai khoa thi Hội, nên không để chí vào khoa cử nữa. Khi Ngô Thì Sĩ lên 10 tuổi, thì ông Úc mất.

Từ 7 đến 11 tuổi, Ngô Thì Sĩ được ông nội rèn dạy. Sau đó, ông được cho ra Thăng Long theo học các bậc danh nho như Nghiêm Bá Đĩnh, Nhữ Đình Toàn . Năm Quý Hợi (1743), Ngô Thì Sĩ thi đỗ Hương tiến (Cử nhân), nhưng bị hỏng khoa thi Hội ngay sau đó.

Năm 1752, Ngô Thì Sĩ lại đi thi Hội, nhưng bị khảo quan Trần Tổ đánh hỏng (vì "nhảm"). Chúa Trịnh Doanh rất tiếc, truất chức của Trần Tổ và trao cho Ngô Thì Sĩ chức Thiêm tri Công phiên thẩm ứng vụ (trước đó ông giữ một chức nhỏ trong Binh tào).

Năm 1756, nhân đỗ đầu một kỳ thi tuyển người, Ngô Thì Sĩ trở thành một thành viên trong Văn ban của phủ chúa Trịnh, được giao trách nhiệm soạn thảo giấy tờ, và làm Tùỳ giảng cho con chúa là Thế tử Trịnh Sâm.

Năm 1761, ông được sai làm "bạn tiếp" tiếp sứ nhà Thanh sang sắc phong và điều tang Lê Ý Tông.

Năm 1763, ông được cử làm Cấp sự trung công khoa.

Năm 1764, ông làm Giám sát ngự sử đạo Sơn Tây, rồi Đốc đồng Thái Nguyên (1765).

Năm Bính Tuất (1766), đời Cảnh Hưng, ông thi đỗ Hoàng giáp, năm sau (1767), được thăng Đông các hiệu thư rồi đổi làm Hiến sát sứ Thanh Hoa (tức Thanh Hóa). Khi ở đây, ông khai thác núi Bàn A dựng chòi xem sóng biển và lập hội Quan lan sào, tự mình làm hội trưởng.

Năm 1769, ông được về triều; năm sau (1770), làm Tham chính Nghệ An.

Năm 1771, ông coi việc chấm thi ở trường thi Nghệ An, bị Nguyễn Văn Chu, người ở Hà Tĩnh kiện vì ăn của đút của học trò, bị án "hoàn dân thụ dịch" (nghĩa là trả về làm dân chịu sai dịch) vào năm 1772 .

Năm 1774, chúa Trịnh Sâm đi tuần phương Nam, biết ông bị oan, mới có ý cất dùng.

Năm 1775, cho triệu ông vào kinh giữ chức Hiệu lý Viện Hàn lâm kiêm Hiệu chính quốc sử, sau đó thăng Thiêm đô ngự sử.

Năm 1777, ông được bổ làm Đốc trấn Lạng Sơn. Trong thời gian ở đây, sau khi ổn định được tình hình địa phương, giúp dân an cư, ông đặt doanh Lộc Mã, dựng đình Kinh lược, sửa sang động Song Tiên, khai thác động Nhị Thanh làm cho nó trở thành một thắng tích.

Ngày 29 tháng 8 năm Canh Tý (tức 22 tháng 10 năm 1780), ông mất ở nơi đó, lúc 54 tuổi.

Ngô Thi Sĩ là cha của các danh sĩ: Ngô Thì Nhậm, Ngô Thì Chí, Ngô Thì Trứ, Ngô Thì Hương và là cha vợ của Phan Huy Ích.

Tác phẩm.

Sử học .

Việt sử tiêu án (Những nghi án nêu lên trong sử Việt)

Đại Việt sử ký tiền biên

Đại Việt sử ký tục biên (soạn chung)

Văn học.

Anh ngôn thi tập (Tập thơ chim vẹt học nói), quyền thượng và quyền hạ

Anh ngôn phú tập (Tập phú chim vẹt học nói)

Quan lan thi tập (Tập thơ xem sóng)

Nhị thanh động tập (Tập thơ làm ở động Nhị Thanh)

Khuê ai lục (Ghi nỗi buồn đau về chuyện phòng khuê)

Ngộ phong văn tập (Tập văn Ngộ phong), quyền nhất và quyền nhị

Hậu hiệu tảo thi tập

Bảo chương hoẵng mô

Sách chế khai tập

Khoa số tập biên

Theo Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam, ông còn có Hải Dương chí lược (hay Hải Đông chí lược).

Trích đánh giá .

Phan Huy Chú:

Tổ tiên (ông) trước mấy đời theo nghiệp Nho. Lúc trẻ ông sẵn nề nếp gia đình, cày cấy học; do văn chương mà được nổi tiếng. Trong cuộc tuyển cử để lấy người, ông được đứng đầu, rất được Nghị tổ (Trịnh Doanh) yêu và chú ý...Nhà vốn nghèo mà chí không nhụt. Ông có bài văn trách ma nghèo... Lúc tạm giữ chức Thiêm đô ngự sử, ông có điều trần 4 việc: Xin định rõ phép khảo xét (các quan), xin sửa sang luật lệ kiện tụng, xin truy tôn bậc tiên nho, xin sửa lại thể thức làm văn. Ông lại điều trần về việc binh, việc dân, chúa đều khen ngợi và nghe lời. Qua một tháng, ông được sai ra trấn Lạng Sơn. Bấy giờ hạt Lạng Sơn đói vì mất mùa, dân 7 châu phần nhiều đi nơi khác và chết đói ngoài đường. Khi ông đến, tìm cách cấp cứu. Rồi chiêu dụ dân lưu tán về khai khẩn ruộng hoang, tự mình đôn đốc việc cày bừa để khuyến khích dân biên giới. Đến vụ gặt mùa lúa tốt lắm. Do đó trộm giặc tiêu tan, trong hạt yên ổn. Khi việc tuần phòng rồi rảnh, ông lại nhớn nhor nơi núi khe, tìm chốn thanh u, dò nơi hiểm trở, không có chỗ nào ông không đến. Ở phía Bắc trấn thành cách sông, ông mở mang động Nhị Thanh làm cảnh trí rất lạ. Khi việc quan thông thả ông thả thuyền tới động, leo lên bậc đá ngâm thơ, uống rượu; thật là hứng thú, phóng khoáng...

Trần Thị Băng Thanh:

Ngô Thì Sĩ vốn là một người hăng hái làm việc. Ông thấu được rằng quyền lợi kẻ ăn lộc nước gắn bó mật thiết với cuộc sống yên lành của "dân đen"...Ngô Thì Sĩ cũng là người đưa ra nhiều dự án, đề nghị sửa đổi về các mặt: thuế khoá khai hoang, chỉnh đốn văn thể, thay đổi chính sách, chấn chỉnh các cấp quan liêu...Ông mong muốn "vua làm hết phận vua, tôi làm hết phận tôi" để cứu vãn tình trạng bê bối của xã hội Bắc Hà đương thời, nhưng rất tiếc ở hoàn cảnh ấy, ý muốn hay tài năng một cá nhân không dễ gì xoay chuyển nổi cục diện... Là một chính khách, một quan chức, nhưng bên cạnh đó, ở Ngô Thì Sĩ còn nổi bật lên một tư chất khác, đó là một tâm hồn nghệ sĩ, một con người đa cảm. Ở ông, mọi rung động đều mãnh liệt, sâu sắc. Ông luôn nhìn thấu tâm tư con người và cảm thông cùng họ, từ những băng khuâng vì một duyên cớ mơ hồ đến những trăn trở, day dứt về số phận, cuộc sống... Với nội dung và số lượng phong phú của hơn 2000 trang tác phẩm, Ngô Thì Sĩ đã là một tác gia lớn không chỉ của dòng họ Ngô Thì. Ông đã đóng góp nhiều tư liệu quý qua hai hộ sử Tiền biên, Tục biên đồng thời còn là một ngòi bút bình luận sử, bình luận văn chương sắc sảo, nhiều ý kiến mới và giàu chất trữ tình qua Việt sử tiêu án. Ngô Thì Sĩ sáng tác nhiều, nhưng tựu trung có thể quy vào bốn đề tài lớn: nông thôn, kẻ sĩ, quan chức, tình yêu và hạnh phúc gia đình. Bốn mảng đề tài đó trong văn học các thế kỷ trước cũng đã được đề cập đến, nhưng đặc sắc riêng của Ngô Thì Sĩ là cách lý giải, nhìn nhận.

Tài năng Ngô Thì Sĩ được tạo thành từ nhiều nguồn...tuy nhiên, điều kiện quan trọng nhất để Ngô Thì Sĩ có được sự nghiệp trước tác phong phú là tinh thần lao động nghiêm túc,



say mê và tính năng động, sáng tạo trong học tập. Tất cả những điều đó cũng xuất phát từ một tấm lòng yêu dân, yêu đất nước, một tấm lòng đôn hậu, giàu tinh thần nhân ái. Ngày nay xem xét toàn bộ cuộc đời hoạt động và trước tác của Ngô Thì Sĩ, xem xét những đóng góp của ông trên các lĩnh vực chính sự và trước tác, có thể khẳng định ông là một nhân cách đẹp, một nhà văn, một nhà sử học có nhiều công hiến, lãnh tụ của Ngô gia văn phái và là một trong không nhiều nhân vật lớn, tiên phong của thế kỷ 18.

Nguyễn Lộc:

Trong những công trình trước tác của Ngô Thì Sĩ, đáng chú ý hơn cả là quyển Việt sử tiêu án. Ông soạn sách này nhằm mục đích sửa chữa lại những sai lầm trong sử cũ. Trong sách, nhiều ý kiến của ông khá xác đáng, thể hiện tinh thần dân tộc sâu sắc, được các nhà sử học đời sau, trong đó có Phan Huy Chú trích dẫn lại. Về sáng tác thơ văn, hầu hết viết bằng thể thơ Đường luật, thỉnh thoảng mới có bài theo thể cổ phong, thể phú...Nội dung phần lớn viết về những phong cảnh ở những nơi ông có dịp đặt chân tới, không có gì thật đặc sắc. Ngoài đề tài thiên nhiên, ông dành riêng tập Khuê ai lục để viết về nỗi đau khổ của ông trước cái chết của người vợ thứ. Lời thơ thống thiết, xúc động. Về văn, ông có bài Cách tệt sách (Sách trừ tệt nạn) cũng đáng chú ý. Trong bài này, ông trình bày rất rõ tình cảnh khổ cực, đói nghèo, lưu tán của nhân dân lúc bấy giờ do nhiều nguyên nhân gây ra như chiến tranh, nạn hà hiếp cướp bóc của cường hào, thiên tai mất mùa và đề nghị phương hướng giải quyết tình trạng ấy.

Tạ Ngọc Liên:

Qua hàng loạt các bài biểu, bài khải...chứng tỏ ông là nhà chính trị có tầm nhìn xa rộng, có tâm huyết và có nhiều ý tưởng cải cách nền chính sự đương thời với mong muốn làm cho xã hội ổn định, nhân dân được sống, lao động yên vui. Trên lĩnh vực sử học, ông là một sử gia nổi tiếng, vì có tinh thần làm việc cẩn trọng, có ngòi bút sinh động, có nhiều phát hiện mới và có suy nghĩ riêng. Trong Ngô gia văn phái, có nhiều người viết sử tài ba, và ông chính là người mở đầu cho truyền thống ấy của dòng họ Ngô Thì. Về thơ cũng như văn xuôi, dù bàn chuyện chính sự hay bộc lộ tình cảm trữ tình, ngòi bút của ông thường khoáng đạt, đa dạng và hướng vào đời sống thực, ít dùng lối ước lệ, tượng trưng...Riêng ở văn, tính lạc quan, tính hài hước cũng là một phong cách văn chương của Ngô Thì Sĩ. Về quan niệm sáng tác, ông cho rằng văn chương phải thiết thực, hữu dụng, mới mẻ và có cốt cách riêng. Ông đã phá lối thơ chuộng hình thức, phù phiếm...

Đúc kết lại, Ngô Thì Sĩ là một tác giả có nhiều bài thơ trữ tình, ngâm vịnh cảnh thiên nhiên, ca ngợi lòng ưu ái nhân hậu. Ông còn là người đi trước trong loại văn hồi ức, tự truyện, đã đưa lại cho văn học trung đại Việt Nam một nét trữ tình mới. Ông cũng có

nhiều trang điều trần, ghi chép sắc sảo, in đậm phong cách nghị luận và ý thức chấn chỉnh, đổi mới đất nước.

Nghi vấn .

Theo Trần Văn Giáp và Trần Thị Băng Thanh, thì Ngô Thì Sĩ mất sau lần đi công cán trên ải Nam Quan trở về vào nằm nghỉ trong động Nhị Thanh, có lẽ là do bị cảm lạnh . Nhưng có sách lại cho rằng Ngô Thì Sĩ đã uống thuốc độc chết.

Sách Khâm định Việt sử thông giám cương mục chép:

Trước khi Ngô (Thì) Nhậm tố cáo cơ mưu của Trịnh Khải, có đem bàn với cha là Ngô (Thì) Sĩ. Ngô (Thì) Sĩ cố sức ngăn...Đến khi hay tin Ngô (Thì) Nhậm đã tố cáo, Ngô (Thì) Sĩ buồn bực mà uống thuốc độc tự tử. Ngô (Thì) Nhậm, vì có công tố giác, được thăng làm Hữu Thị lang bộ Công, nhưng thiên hạ lúc ấy lại có câu rằng: "Sát tứ phụ nhi Thị lang", nghĩa là "giết bốn người cha mà làm Thị lang".

Sách Lê quý dật sử chép tương tự:

...(Ngô Thì) Sĩ thấy con bề đảng xu phụ Tuyên Phi (Đặng Thị Huệ), vu khống Thế tử, ông bất bình, ra sức khuyên ngăn, nhưng (Ngô Thì) Nhậm không nghe, ông phần uất uống thuốc độc tự tử...(Sau vụ án) cất nhắc Ngô Thì Nhậm làm Công bộ tả thị lang, vì tố cáo Thế tử (Trịnh Khải) nên được ban thưởng, thăng vượt cấp bảy lần.

Chép khác có Hoàng Lê nhất thống chí. Theo sách này, chỉ có một mình Nguyễn Huy Bá đứng ra tố giác, còn Ngô Thì Nhậm thì đã có lời khuyên Nguyễn Khắc Tuân phải hỏa tốc về kinh can ngăn Trịnh Khải dừng lại cơ mưu, nhưng không được nghe. Đến khi ông Tuân bị bắt giam, ông Nhậm định tìm cách gỡ tội, nhưng vì việc tang (cha mất) nên phải về.

Để sáng tỏ vấn đề này cần phải nghiên cứu thêm.

#### 4. NGÔ THÌ NHẬM.



Ngô Thì Nhậm (吳時壬; còn gọi là Ngô Thời Nhiệm 吳時任 ( 25/10/1746–1803), tự là Hy Doãn(希尹), hiệu là Đạt Hiên(達軒), là danh sĩ, nhà văn đời hậu Lê–Tây Sơn, người có công lớn trong việc giúp triều Tây Sơn đánh lui quân Thanh. Ngô Thì Nhậm xuất thân gia đình vọng tộc chốn Bắc Hà, là con Ngô Thì Sĩ, người làng Tả Thanh Oai, ngày nay thuộc huyện Thanh Trì Hà Nội.

Sự nghiệp .

Ngô Thì Nhậm thông minh, học giỏi, sớm có những công trình về lịch sử. Ông thi đỗ giải nguyên năm 1768, rồi tiến sĩ tam giáp năm 1775. Sau khi đỗ đạt, ông được bổ làm quan ở bộ Hộ dưới triều Lê–Trịnh, được chúa Trịnh Sâm rất quý mến. Năm 1778 làm Đốc đồng Kinh Bắc và Thái Nguyên. Khi đó cha ông làm Đốc đồng Lạng Sơn. Cha con đồng triều, nổi tiếng văn chương trong thiên hạ.

Sau Vụ án năm Canh Tý (1780), ông bị nghi ngờ là người tố giác Trịnh Khải nên phải bỏ trốn về quê vợ ở Thái Bình lánh nạn.

Năm 1788, Nguyễn Huệ ra Bắc lần hai, xuống lệnh "câu hiền" tìm kiếm quan lại của triều cũ. Danh sĩ Bắc Hà đã đầu quân cho nhà Tây Sơn từ trước đó mới chỉ có Trần Văn Kì , Ngô Văn Sở và Đặng Tiến Đông. Tuy vậy, tới thời điểm này thì cả vua Lê lẫn chúa Trịnh đều đã đổ. Ngô Thì Nhậm và một số thân sĩ Bắc Hà khác như Phan Huy Ích, Bùi Dương Lịch ; các tiến sĩ Ninh Tồn, Nguyễn Thế Lịch, Nguyễn Bá Lan; Đoàn Nguyễn Tuấn (anh rể Nguyễn Du); Vũ Huy Tấn; Nguyễn Huy Lượng (tác giả "Tụng Tây Hồ phú")...lần lượt ra làm quan cho nhà Tây Sơn. Sử cũ viết khi được Thì Nhậm, Nguyễn Huệ mừng mà rằng: "Thật là trời để dành ông cho ta vậy", và phong cho ông chức Tả thị lang bộ Lại, sau lại thăng làm thượng thư bộ Lại-chức vụ cao cấp nhất trong Lục bộ.

Cuối năm Mậu Thân (1788) do vua Lê Chiêu Thống cầu viện, 29 vạn quân Thanh kéo sang Đại Việt, với chiêu bài diệt Tây Sơn dựng lại nhà Lê. Ngô Thì Nhậm đã có kế lui binh về giữ phòng tuyến Tam Điệp - Biện Sơn (Ninh Bình) góp phần làm nên chiến thắng của nhà Tây Sơn.

Năm 1790, vua Quang Trung đã giao cho Ngô Thì Nhậm giữ chức Binh bộ thượng thư. Tuy làm ở bộ Binh, nhưng Thì Nhậm chính là người chủ trì về các chính sách và giao dịch ngoại giao với Trung Hoa. Ông là người đứng đầu một trong những sứ bộ ngoại giao sang Trung Hoa.

Sau khi Quang Trung mất, ông không còn được tin dùng, quay về nghiên cứu Phật học.

Sau khi Gia Long tiêu diệt nhà Tây Sơn, Ngô Thì Nhậm, Phan Huy Ích, Nguyễn Thế Lịch và một số viên quan triều Tây Sơn thì bị đánh bằng roi tại Văn Miếu năm 1803. Nhưng do trước đó có mâu thuẫn với Đặng Trần Thường nên cho người tẩm thuốc vào roi. Sau trận đánh đòn, về nhà, Ngô Thì Nhậm chết.



Tấm bia đá năm Cảnh Hưng thứ 36 tại Văn Miếu Quốc Tử Giám có tên của Ngô Thì Nhậm đã bị đục bỏ.

Trong bia ký Tiến sĩ khoa át Mùi đặt tại Văn miếu Hà Nội còn ghi lại: “... Qua trường bốn lầy trúng cách bọn Phan Huy Ích 18 người. Sang tháng sau thi Điện, ban cho bọn Ngô Thế Trị đỗ Đồng Tiến sĩ xuất thân. Lại sai khắc vào đá để lưu truyền bất hủ. Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân, 18 người trong đó: Ngô Thì Nhậm, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Oai.



Phan Huy Ích xã Thu Hoạch, huyện Thiên Lộc.”

Câu ứng đối nổi tiếng.

Tương truyền Ngô Thì Nhậm và Đặng Trần Thường có quen biết với nhau.

Lúc Ngô Thì Nhậm được vua Quang Trung trọng dụng thì Đặng Trần Thường đến xin Nhậm tiến cử. Trông thấy vẻ khúm núm làm mất phong độ của kẻ sĩ, Nhậm thét bảo Thường:

Ở đây cần dùng người vừa có tài vừa có hạnh, giúp vua cai trị nước. Còn muốn vào luôn ra cúi thì đi nơi khác.

Đặng Trần Thường hổ thẹn ra về, rồi vào Nam theo Nguyễn Phúc Ánh.

Sau khi nhà Tây Sơn mất, các võ tướng và một số quan văn bị giải về Hà Nội để bị xử phạt đánh bằng roi ở Văn Miếu, trong số đó có Phan Huy Ích và Ngô Thì Nhậm. Chủ trì cuộc phạt đánh đòn đó là Đặng Trần Thường.

Vốn có thù riêng, Đặng Trần Thường kiêu hãnh ra vẻ câu đối cho Ngô Thì Nhậm:

Ai công hầu, ai khanh tướng, vòng trần ai, ai dễ biết ai

Ngô Thì Nhậm khẳng khái đáp:

Thế Chiến Quốc, thế Xuân Thu, gặp thời thế, thế thời phải thế

Có thuyết nói rằng, nguyên câu đối lại của Ngô Thì Nhậm là:

Thế Chiến Quốc, thế Xuân Thu, dù thời thế, thế nào cũng thế

hoặc là:

Thế Chiến Quốc, thế Xuân Thu, gặp thời thế, thế nào vẫn thế

Đặng Trần Thường bắt ông phải sửa lại như câu nói "thế đành theo thế" (hay thế thời theo thế hoặc là thế thì phải thế). Ngô Thì Nhậm không nói lại. Thường tức giận sai người dùng roi tẩm thuốc độc đánh ông.

Sau trận đòn về nhà, Phan Huy Ích không bị đánh bằng thuốc độc nên còn sống. Còn Ngô Thì Nhậm bị thuốc độc ngấm vào tạng phủ, biết mình không qua khỏi, trước khi qua đời ông có làm bài thơ gửi tặng Đặng Trần Thường như sau:

Ai tai Đặng Trần Thường

Chân như yển xử đường

Vị Ương cung cố sự

Diệc nhĩ thị thu trường

Nghĩa là: Thương thay Đặng Trần Thường. Nay quyền thế lắm đấy, nhưng khác nào như chim yển làm tổ trong cái nhà sắp cháy, rồi sẽ khôn đến nơi. Giống như Hàn Tín giúp Hán Cao tổ, rồi bị Cao tổ giết ở cung Vị Ương. Kết cục của người rồi cũng thế đó.

Tạm dịch:

Thương thay Đặng Trần Thường

Tổ yển nhà xử đường

Vị Ương cung chuyện cũ

Tránh sao kiếp tai ương?

Quả nhiên sau này bài thơ ứng nghiệm, Thường bị Gia Long xử tử.

Tác phẩm chính.

Bang giao hảo thoại (văn)

Bang giao tập (văn)

Kim mã hành dư (văn)

Hàn các anh hoa(Văn, thơ)

Doãn thi văn tập (văn, thơ)

Yên đài thu vịnh (thơ)

Hoàng hoa đồ phả (thơ)

Cúc đường bách vịnh (thơ)

Hải Dương chí lược

Hy Doãn thi văn tập

Xuân Thu quản kiến

Xem thêm.

Phòng tuyến Tam Điệp

Ngô Thì Sĩ

Nguyễn Huệ

Đặng Trần Thường

Chú thích .

Ngô Thì Nhậm trùng với tên húy vua Tự Đức (Hong Nhậm, Nguyễn Phúc Thì) nên phải đọc và viết thành Ngô Thì Nhiệm (theo Họ và tên người Việt Nam, PGS.TS Lê Trung Hoa, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, 2005).

Trần Văn Kỉ đồ giải nguyên, quê ở huyện Hương Trà, Thuận Hóa chưa làm quan cho triều nào. Theo nhà Tây Sơn từ 1786, sử chép là Nguyễn Huệ "việc gì cũng bàn với Kỉ, không mấy khi rời"

Đặng Tiến Đông thuộc dòng họ nhiều đời đỗ đạt, làm quan to dưới triều Lê-Trịnh. Ông tìm vào Quảng Nam ra mắt Nguyễn Huệ năm 1787. Hai năm sau, lĩnh chức đô đốc, ông dẫn đầu cánh quân đánh vào đồn Đống Đa, kéo quân vào Thăng Long sớm nhất

Dương Lịch về sau cũng làm quan cho nhà Nguyễn Gia Long

Thái độ của danh sĩ Bắc Hà đối với Nguyễn Huệ là chia rẽ và phức tạp. Bên cạnh với những người đầu Tây Sơn, một số khác đi theo hoặc vua Lê hoặc chúa Trịnh, hoặc sau này làm quan cho Gia Long như Nguyễn Đăng Trường, Nguyễn Đình Giản, Lê Duy Đản, Trần Danh Án, Ngô Thì Chí , Nguyễn Du...

Sau chiến thắng Kỉ Dậu 1789, nhà Tây Sơn đã phái nhiều sứ đoàn sang Trung Hoa, trong đó có sứ đoàn do Ngô Văn Sở cầm đầu, một sứ đoàn khác do Võ Văn Dũng đứng đầu khi Quang Trung có ý định xin cưới con gái của Càn Long và xin đất Lưỡng Quảng, nhưng khi đoàn này vừa khởi hành (có tài liệu nói là khi đoàn đã sang tới nơi) thì Quang Trung qua đời .

( <https://vi.wikipedia.org/wiki>).

Đọc thêm .

### **NGÔ THÌ NHẬM VỚI ĐỜI THƯỜNG -LÂM GIANG**

Mỗi khi nhắc đến Ngô Thì Nhậm, người đời sau thường nói đến “Nước cờ Tam Điệp” một công hiến to lớn của Ngô Thì Nhậm, giúp vua Quang Trung hành quân thần tốc từ

Phú Xuân ra Thăng Long đánh tan bọn xâm lược nhà Thanh vào mùng Năm tết Kỷ Dậu (1789). Nói đến Ngô Thì Nhậm, người đời sau không thể nào quên vụ án năm Canh Tý về việc phế truất lập thứ của phủ chúa Trịnh mà Ngô Thì Nhậm có chút dính líu và tiếp theo đó là cái chết đột ngột của cha (Ngô Thì Sĩ) tại nhậm sở Đoàn Thành (Lạng Sơn). Bài viết này xin đề cập lại nỗi oan về vụ án năm Canh Tý và một số chi tiết liên quan tới đời thường của ông qua các tác phẩm: Hào môn ai lục, Kim mã hành dư và một số tác phẩm khác của Ngô Thì Nhậm.

## 1. Nỗi oan về vụ án năm Canh Tý

khi nghiên cứu Thiên học lấy đạo hiệu Hải Lượng. Ông đỗ Tiến sĩ năm Cảnh Hưng thứ 36 (1775), làm quan tới Đốc đồng Kinh Bắc, thăng Công bộ Hữu thị lang. Năm 1788, Ngô Thì Nhậm ra với nhà Tây Sơn và được Nguyễn Huệ trọng dụng, trao cho chức Thị lang Bộ Công, tước Tình Phái hầu, sau thăng Thượng thư Bộ Binh. Ông mất ngày 16 tháng 2 năm Quý Hợi (9-3-1803). Ngô Thì Nhậm sinh ngày 11 tháng 9 năm Bính Dần, tức ngày 25 tháng 10 năm 1746, tại làng Tả Thanh Oai, tục gọi là làng Tó, trấn Sơn Nam, nay thuộc huyện Thanh Trì, ngoại thành Hà Nội, thủa nhỏ tên là Phó, sau đổi Nhậm, tự Hy Doãn, hiệu Đạt Hiên,

Ngô Thì Nhậm để lại những sáng tác với số lượng rất lớn, hiện còn các tập văn: Kim mã hành dư, Hào môn ai lục, Xuân thu quản kiến, Hàn các anh hoa, Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh và các tập thơ: Bút hải tùng đàm, Thủy vân nhàn vịnh, Ngọc đường xuân khiêu, Hoàng hoa đồ phả, Cúc hoa thi trận, Thu cận dương ngôn. Trong số thơ văn hiện còn có 5 tác phẩm viết thời Lê Trịnh: Bút hải tùng đàm, Thủy vân nhàn vịnh, Kim mã hành dư, Hào môn ai lục, Xuân thu quản kiến, số còn lại đều được viết dưới thời Tây Sơn.

Dòng họ Ngô đến lập nghiệp tại Tả Thanh Oai đã nhiều đời, nhưng Ngô gia thế phả cũng chỉ coi từ đời cụ Phúc Cơ (khoảng đầu thế kỉ XVI) là người mở đầu cho dòng họ Ngô tại Tả Thanh Oai. Tên thụy hiệu của cụ tổ đều không rõ, năm Giáp Ngọ, cháu đời thứ 12 là Ngô Phong, hạp họ, xin đặt thụy hiệu, tôn làm Triệu tổ (Ngô gia thế phả).

Đời thứ hai là cụ Mỹ Đức, giữ chức Cao Sơn cục chính trưởng.

Đời thứ ba là cụ Hoảng Nghị, tự Minh Dực tướng quân.

Đời thứ tư là cụ Cần Tiết, Nho sinh trúng thức.

Bắt đầu từ đây dòng họ Ngô chia ra làm hai chi Giáp và chi Ất. Ngô Thì Nhậm thuộc chi Giáp, và kể từ đời cụ Phúc Cơ thì ông thuộc đời thứ 13 của dòng họ.



Ngô Thì Nhậm là con trưởng của Ngô Thì Sĩ (1726-1780), Ngô Thì Sĩ thuộc đời thứ 12, tên tự Thế Lộc, hiệu Ngọ Phong, biệt hiệu Nhị Thanh cư sĩ. Ngô Thì Sĩ có tài, từ chương nổi tiếng, nhưng nhiều năm liền thi không đỗ, gia cảnh nghèo túng. Đến khoa Nhâm Thân, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 12 (1752), ông thi lại trượt, nhưng được Minh Đô Vương Trịnh Doanh miễn tài cho làm một chức nhỏ Thiêm sai tri Công phiên ở Phủ Chúa.

Năm Quý Mùi (1763), Ngô Thì Nhậm 18 tuổi, người cha là Ngô Thì Sĩ được chúa Ân Vương Trịnh Doanh, đặc cách cho tiến triều, trao cho chức Cấp sự trung Bộ Công, năm sau Giáp Thân (1764) trao chức Giám sát Ngự sử đạo Sơn Tây, không đầy vài tháng thăng làm Đốc đồng xứ Thái Nguyên (Hào môn ai lực).

Năm Bính Tuất (1766), Ngô Thì Nhậm đã 20 tuổi, ông cùng với Lưu Hi Trí (người cùng ấp, đỗ đầu thi Hương khoa Ất Dậu) đến theo học thầy Đan Sĩ, là Tham chính Thanh Hoa, và cũng năm đó Ngô Thì Sĩ thi đậu Hoàng giáp (khoa Bính Tuất, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 26 - 1766).

Năm Mậu Tý (1768), Ngô Thì Nhậm 23 tuổi, thi Hương đậu Giải nguyên và năm sau (1769), ông đỗ khoa Sĩ vọng, được bổ chức Hiến sát phó sứ Hải Dương (hàm Chánh thất phẩm).

Năm Tân Mão (1771), Ngô Thì Sĩ làm Tham chính Nghệ An. Tư đồ Hoàng Ngũ Phúc ghen ghét, ghép ông vào tội gian lận ở trường thi Hương. Khi ông bị cách tước chức tước, thì Ngô Thì Nhậm cũng xin cáo quan về nhà, với lý do sớm hôm phụng dưỡng cha, năm đó ông 26 tuổi.

Năm Ất Mùi (1775), Ngô Thì Nhậm tròn 30 tuổi mới thi đỗ Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân và đứng hàng thứ 5. Sau khi thi đỗ ông được bổ làm Hộ bộ Đô cấp sự trung. Năm sau lại thăng Giám sát Ngự sử đạo Sơn Nam, lại được bổ làm quan Giám khảo trường thi Hương ở Hải Dương.

Năm Mậu Tuất (1778), Ngô Thì Nhậm được thăng chức Đốc đồng Kinh Bắc. Năm ấy, Ngô Thì Sĩ cũng nhậm chức Đốc trấn Lạng Sơn. Hai cha con cùng đi nhận chức một ngày (Kim mã hành dư, Ngô gia thế phả). Năm ấy, Ngô Thì Nhậm còn kiêm giữ chức Đốc đồng Thái Nguyên. ở đây ông đã từng cùng cha phối hợp với Trấn thủ Tuân Vãng hầu đánh dẹp loạn tại vùng Vũ Nhai và năm đó ông soạn xong tập Công vụ thành thư. Năm Kỷ Hợi (1779), Ngô Thì Nhậm thăng chức Đông các hiệu thư, phụng mệnh hiệp đồng với Trấn thủ Tuyên, Thái đánh dẹp cuộc nổi dậy của Hoàng Văn Đồng ở Tuyên Quang. ít lâu sau ông lại được sai đi kinh lược ở mỏ bạc Tống Tinh. Năm Canh Tý (1780) trở về, dâng sớ về phương sách thu thuế ở xưởng bạc, được chúa Trịnh Sâm khen

ngôi, ban thường trọng hậu. Gần cuối năm ấy xảy ra vụ án tranh đoạt ngôi chúa, người đời sau thường gọi “Vụ án năm Canh Tý.”

Nguyên Trịnh Tông con trưởng của Trịnh Sâm, vì là con của một phi tần và không vừa ý chúa, nên đã 18 tuổi mà vẫn chưa được lập làm thế tử. Con thứ của nhà chúa là Trịnh Cán do Tuyên phi Đặng Thị Huệ sinh ra, được chúa rất yêu mến. Nhân lúc chúa Trịnh Sâm ốm nặng, Trịnh Tông bèn cùng tôi tớ trong nhà, sửa soạn khí giới, đợi khi chúa mất, đóng cửa thành lại, bắt trói Đặng Thị Huệ, giết phe cánh là quyền thần Quận Huy Hoàng Tổ Lý, rồi báo cho hai trấn Sơn Tây và Kinh Bắc đem quân về hộ vệ đưa Trịnh Tông lên ngôi. Nhưng vừa lúc đó thì bệnh của Trịnh Sâm khỏi, sự việc bị phát giác. Trịnh Sâm sai Quận Huy Hoàng Tổ Lý triệu Trấn thủ Sơn Tây là Nguyễn Khản và Trấn thủ Kinh Bắc là Nguyễn Khắc Tuấn về, bắt trói giam trong phủ. Hai vị Trấn thủ cầu cứu Ngô Thì Nhậm thanh minh với nhà chúa. Chúa Trịnh Sâm càng tức giận, giao cho Ngô Thì Nhậm xét xử, giữa lúc ấy Ngô Thì Sĩ qua đời tại Lạng Sơn, Ngô Thì Nhậm dâng khải xin về chịu tang. Chúa bèn giao vụ án cho Lê Quý Đôn xử trí.

Về sự kiện này, các sử gia triều Nguyễn, trong Việt sử thông giám cương mục viết rằng, chính Ngô Thì Nhậm cùng với Nguyễn Huy Bá đã cáo giác vụ án; rằng Ngô Thì Nhậm khi đó là thầy dạy (nhật giảng) của Trịnh Tông, rất rõ vụ việc, nhân cáo giác để nhận chức Công bộ Hữu thị lang; rằng Ngô Thì Sĩ vì can ngăn con mình không được, dẫn đến cái chết của bạn mình là Nguyễn Khắc Tuấn, Nguyễn Phương Đình, Chu Xuân Hân... buồn dầu uống thuốc độc chết tại Lạng Sơn. Cho nên đương thời truyền tụng câu: Sát tứ phụ nhi đắc Thị lang(Giết bốn cha để được làm chức Thị lang).

Đây là cách đánh giá không thiện ý của triều đình nhà Nguyễn, vốn thù địch với nhà Tây Sơn, không ưa gì những người đi theo phong trào Tây Sơn mà Ngô Thì Nhậm là một trong những người tích cực nhất.

Sách Hoàng Lê nhất thống chí, cho biết: Tên giữ sổ sách Hà Như Sơn, là học trò Ngô Thì Nhậm biết việc đó, báo cho ông biết, ông đã nói rằng: “Thế tử là người thay thế chúa nắm quyền hành. Nước là nước của Thế tử, lo gì mất ngôi mà làm chuyện ấy...” Rồi lập tức báo cho Trấn thủ Nguyễn Khắc Tuấn đình chỉ ngay, nhưng không kịp. Vụ án xử xong, khi xét công phát giác, quyền thần Hoàng Tổ Lý vốn ghét Ngô Thì Nhậm, muốn nhân chuyện này tìm cách dè bêu, nên ra sức xin thăng cho ông chức Công bộ Tả thị lang. Ngô Thì Nhậm giận lắm, lấy cớ có tang cha, không dâng biểu tạ ơn. Sách Hậu Lê thời kì lược, bộ sử có những quan điểm độc lập, và Ngô gia thế phả do Ngô Giáp Đậu viết cuối đời Nguyễn cũng cùng quan điểm trên.

Sự thực bốn người cha bị giết đó là những ai, chưa rõ lắm. Có thuyết cho rằng bốn người cha đó là: Trịnh Tông (quan phụ), Ngô Thì Sĩ (thân phụ), Nguyễn Khắc Tuân, Chu Xuân Hán (phụ chấp - bạn của cha). ở đây, Trịnh Tông chỉ bị truất xuống làm con thứ, chưa bị giết, thuyết này chưa thuyết phục. Lại có thuyết cho rằng, bốn người cha đó là: Ngô Thì Sĩ, Nguyễn Khản, Nguyễn Phương Đình, Nguyễn Khắc Tuân, nhưng sự thật thì có Ngô Thì Sĩ bị bệnh chết, chỉ có Nguyễn Khắc Tuân, Chu Xuân Hán ép phải uống thuốc độc chết (Hoàng Lê nhất thống chí).

Vụ án xảy ra khoảng cuối tháng 7, đến cuối tháng 9, Ngô Thì Sĩ bị cầm tại động Nhị Thanh, rồi ít ngày sau thì qua đời. Trong bài Tiên công hạnh trạng (Hạnh trạng Ngô Thì Sĩ) do Ngô Thì Nhậm viết, cho biết: “Ngày 17 tháng 9 năm Canh Tý (1780), có việc công ở cửa Nam Quan về, đi qua núi, dừng cờ quạt mà vào trong động, gục trước tượng mà chợp ngủ, ước hơn nửa trống canh. Thân thể thấy không được khỏe liền trở về trấn, đóng cửa lại không tiếp khách, mà cũng không làm việc nữa. Ngày 25 bệnh hơi đỡ, lại dựa gối xem sách, bạn bè hầu tiếp, cười nói tự nhiên, tới nửa đêm, lên giường nằm tắt thở. Tin cáo phó tới kinh thành, chúa rất thương xót, trao cho chức Thừa chánh sứ xứ Tuyên Quang, tặng hàm Hữu thị lang Bộ Hộ, cho tên thụy là Ôn Bác...” (Hào môn ai lục).

Lời về Sát tứ phụ nhi đắc Thị lang là của những người không cùng chính kiến, ghen ghét Ngô Thì Nhậm đặt ra sau đó ít lâu. Sự thực không phải do Ngô Thì Nhậm vì cáo giác vụ án mà được thăng chức. Như đã biết, năm đó trước khi vụ án xảy ra, Ngô Thì Nhậm cũng đã có công lao về việc xử trí xưởng đúc bạc ở mỏ Tổng Tinh, sau khi trở về Trịnh Sâm mới chỉ khen ngợi, chưa thưởng chức. Khi vụ án xảy ra, ông được giao cho xử trí, nhưng công việc chưa tiến hành thì Ngô Thì Sĩ đột ngột qua đời tại Lạng Sơn. Có thể để thưởng công cho những việc đã làm trước đây, an ủi phần nào trước nỗi đau mất cha của Ngô Thì Nhậm mà Trịnh Sâm đã thăng chức cho ông. Việc làm ngẫu nhiên mà trở thành hữu ý. Chính Ngô Thì Nhậm cũng không ngờ rằng sự việc lại dẫn đến nông nổi ấy, ông từng tâm sự: “Thật khó hiểu, mầm họa lại do cái phúc gây ra, Bổng xui nên tội trạng chính vì cái công dặt rủ đến...” (Hoản nhĩ ngâm - Thủy vân nhàn vịnh).

Sự ưu ái của Trịnh Sâm đối với Ngô Thì Nhậm được ông thể hiện trong bài Trần tình cáo Tĩnh vương văn, viết khi lánh nạn tại Sơn Nam, rằng: “Thần được Chúa thượng quá lòng chú ý tới... Không cho thần là ngu vụng mà dạy dỗ, vun vén, mong cho làm nên nghiệp lớn... Chính vì có sự ưu ái ấy mà thần ở vào cái thế qua ruộng dưa sửa dếp, qua gốc mận sửa mủ” (Kim mã hành dư). Một việc làm ngay thẳng, nhưng ở vào thế bị hiềm nghi.

Đoạn văn ấy như sau:

庚子密案事發，臣處瓜李之地，有所聞知，暴白冒陳。聖人深惟春秋大義，不容己於家庭之訓，以臣不敢隱情於君父，故吝重賞以明示天下。臣亦不敢以惡居下流之情，施於事君，故寧受重賞，以尸眾謗。然天下之不知者，皆曰：聖上之所以福臣者，乃所以禍臣也，臣之中聖上者，乃所誤聖上也。 “Canh Tí mật án sự phát, thần xử qua lý chi địa, hữu sở văn tri, bạo bạch mạo trần. Thánh nhân thâm duy Xuân thu đại nghĩa, bất dung kỷ ư gia đình chi huấn, dĩ thần bất cảm ẩn tình ư quân phụ, cố lận trọng thưởng dĩ minh thị thiên hạ. Thần diệc bất cảm dĩ ố cư hạ lưu chi tình, thí ư sự quân, cố ninh thụ trọng thưởng, dĩ thi chúng báng. Nhiên thiên hạ chi bất tri giả, giai viết: “Thánh thượng chi sở dĩ phúc thần giả, nãi sở dĩ họa thần dã, thần chi trung thánh thượng giả, nãi sở dĩ ngộ Thánh thượng dã”. (Mật án năm Canh Tý (1780) vỡ lở, thần ở vào thế bị hiềm nghi, hễ nghe biết được gì, đều đánh bạo bộc bạch hết. Thánh thượng hiểu sâu nghĩa lớn của sách Xuân thu, không dừng lại ở sự giáo huấn trong nhà, vì vậy thần không ẩn tình với quân phụ, không tiếc trọng thưởng để bảo rõ cho thiên hạ biết sự thật. Thần cũng không dám lấy cái tình ghét ở chỗ thấp để thờ vua, hoặc thà nhận trọng thưởng mà làm bung xung cho người phỉ báng. Nhưng kẻ không biết trong thiên hạ, đều bảo rằng: “Thánh thượng làm phúc cho thần mà gây họa cho thần, thần thì trung với Thánh thượng mà làm cho Thánh thượng sai lầm.” (Trần tình cáo Tĩnh vương văn - Kim mã hành dư).

Bài trần tình này, Ngô Thì Nhậm làm sau Trịnh Sâm mất đã ba năm, chắc lời nói với người đã khuất là lời nói thật. Tình cảm của ông đối Trịnh Sâm cũng là tình cảm thật:

Đức chí hiệu của Tiên Vương, sánh ngang Ngu Thuấn,

Ai ngăn được tiếng khóc kêu trời sau trận mưa thu.

Một bữa cơm tẻ xă, chén uất sường nấu lòng;

Muôn dặm non Kiêu, cây tùng cảnh thu nhỏ lệ.

(Văn Tiên thánh vương - Thủy vân nhàn vịnh)

Lại trong khi lánh nạn bị một trận ốm nặng, Ngô Thì Nhậm làm bài Mật đảo văn (Bài văn bí mật cầu được bình yên), đã nói thẳng ra rằng, mình nhận chức Thị lang khi mất cha là chuốc lấy tai vạ, không chỉ cho riêng bản thân mình phải long đong lẩn tránh, mà còn khổ đến gia đình, vợ con: “Tự mình sơ hở mà liên lụy cả nhà. Mất cha mà được chức, dẫn đo sự được mất, tiểu nhân này quả là có tội nặng.” Nhận chức trước tình cảnh bị mất cha, nên bị đặt điều Sát tứ phụ nhi đắc Thị lang, dẫn đến việc “vời người” mà “đầy mình” ấy, ông chỉ biết kêu lên: “Con tạo hỡi sao mà khéo tá!” Ông tỏ ra ân hận: “Tự xét: Ngay từ nhỏ đã hanh thông, nên không thấu lẽ rủi may tốt xấu, thành thử ở chỗ tối tăm mà chuốc



lấy thất bại, vì mau chóng mà chịu tai ương; ngựa mong đức lớn hiếu sinh, mở ra lối sửa chữa lỗi lầm, khiến cho lúc cùng mà biết đến sai lầm, khi khốn mà nghĩ đến điều thiện.” (Mật đảo văn - Kim mã hành dư). Lời bộc bạch trên ông viết trong hai bài văn mật đảo, dưới đây xin dẫn bài thứ hai:

又密禱天地文

臣: 忝以庸常，幸蒙培壅。

國澤濫叨溫寵，負乘皆非分之恩；身謀徒巧應酬，操履少澄心之事。

釁實招自己；禍延及所親。

關山萬里奔喪，父子不相聞，契闊實無窮之悔；雨露九天沛澤，君王新有命，僂僂增非據之慚。

深惟倚伏之機關，莫測幹旋之樞紐。

失父而得官，權衡於失得，小人罪惡之太深；虧人而盈己，推測於盈虧，大造飄陶之更巧。

撫躬而增懼；仰隆鑒之無私。

伏願: 不遠監觀曲加矜閔。

恢浩浩好生之德，卑聽孔昭；佑夤夤在疚之兒，可貞獲吉。

Phiên âm:

HỰU MẬT ĐẢO THIÊN ĐỊA VĂN

Thần: Thiệm dĩ dung thường, hạnh mông bội ủng.

Quốc trạch lạm thao ôn sủng, phụ thừa giai phi phận chi ân; thân mưu đồ xảo ứng thù, thao lý thiếu trừng tâm chi sự.

Hân thực chiêu tự kỷ, họa diên cập sở thân.

Quan san vạn lý bồn tang, phụ tử bất tương văn, khế khoát thực vô cùng chi hồi; vũ lộ cửu thiên bá trạch, quân vương tân hữu mệnh, khu lữ tăng phi cứ chi tàm.

Thâm duy ỷ phục chi cơ quan; mạc trắc cán tuyền chi khu nữu.

Thất phụ nhi đắc quan, quyền hành ư thất đắc, tiểu nhân tội ác chi thái thâm; khuy nhân nhi doanh kỷ, suy trắc ư doanh khuy, đại tạo phiêu đào chi cánh xảo.

Phủ cung nhi tăng cụ; ngưỡng long giám chi vô tư.

Phục nguyện: Bất viễn giám quan, khúc gia căng mẫn.

Khôi hạo hạo hiếu sinh chi đức, ty thính khổng chiêu; hựu quỳnh quỳnh tại cữu chi nhi, khả trình hoạch cát.

Dịch nghĩa:

LẠI VĂN MẬT CÁO VỚI TRỜI ĐẤT:

Thần, hô phận tâm thường, nhờ ơn vun đắp.

Giúp nước những lạm nhờ vinh sủng, việc gánh vác đều do ơn phi phận thẩm nhuần; xuất thân chỉ khéo ở ứng thù, sự dày đặc ít, hẳn lặng lòng suy nghĩ.

Tự mình khơi ra hiềm khích; cả nhà liên luy tới tai ương.

Đường chạy tang muôn dặm non sông, cha con vắng tin nhau, nỗi xa cách thật vô cùng hối hận; ơn tưới mát chín tầng mưa móc, mệnh Chúa ban khen vừa tới, bước lom khom không được đáng thẹn thùng.

Cơ quan dựa dẫm nghĩ cho sâu; bộ máy chuyển vận khôn đo được.

Mất cha mà được chức quan, dẫn đo sự được mất, tiểu nhân này tội quá sâu dày; vui người mà đầy mình, suy xét việc đầy vui, đại tạo hồi nặn vo sao khéo tá?

Ngắm thân hèn thêm sợ sệt; nhờ gương sáng chẳng riêng tây.

Cúi mong: soi xét không xa, rửa lòng thương tới.

Mở đức hiếu sinh rộng lớn, để nghe được rõ ràng; thương con cô vò võ cư tang, được ban điều tốt đẹp.

Đây cũng là những điều khẩn trước thần minh, chắc là lời nói thật, để mong cho được phù trợ, mau tai qua nạn khỏi. Trong bài có nói “Tự mình khơi ra hiềm khích” tức là nói việc ông nhận thưởng chức và nhận cả việc đứng ra xét xử vụ án là không đúng lúc.

Còn như Ngô gia thế phả hay Hoàng Lê nhất thống chí và một số sách khác nói rằng, Hoàng Tổ Lý vốn ghen ghét Ngô Thì Nhậm, nên cố xin thăng chức cho ông, để xỉ nhục ông. Có lẽ mối quan hệ giữa hai người không đến nỗi thế, mà ngược lại. Chẳng thế sau

khi chạy thoát xuống Bách Tính, Sơn Nam, Ngô Thì Nhậm mới kịp làm bài văn điều Quận Huy. Trong lời điều tỏ rõ nỗi thương xót thực sự:

“Sinh ra, khí phách anh hùng đã tự gửi vào thân xác,  
Chết đi, tinh thần còn lưu trong vũ trụ mệnh mông...”

Và viếng:

“Xin nhờ ngòi bút viếng hồn người trung nghĩa,  
Ngàn năm nơi chín suối người vẫn có thể vùng đứng lên...”  
(Điều Huy Quận công - Thủy văn nhân vịnh).

Như vậy, nếu có sự ghen ghét nhau chắc không có được những lời như thế.

Những lời tâm sự trên đây cho thấy Ngô Thì Nhậm có nhiều công lao với triều đình, được Trịnh Sâm tin tưởng và ưu ái, ban thưởng trọng hậu. Ngô Thì Nhậm cho rằng việc nhận thưởng là chính đáng, chỉ có điều lần lĩnh thưởng chức Tả thị lang đồng thời nhận việc đứng ra xử lý vụ án, sau đó thì Ngô Thì Sĩ qua đời đột ngột, dẫn đến lời đồn đại Sát tứ phụ nhi Thị lang khiến ông băn khoăn, cho rằng lần nhận thưởng này là chưa đúng lúc! Thực ra đúng như lời Hoàng Lê nhất chí nhận xét, Ngô Thì Nhậm nhận đứng ra xét xử vụ án là muốn gỡ tội cho những người bạn của cha mình, như Trần thủ Sơn Tây Nguyễn Khản và Trần thủ Kinh Bắc Nguyễn Khắc Tuân... Những chi tiết trên đây cho thấy Ngô Thì Nhậm không phải cố tình cáo giác vụ án để lĩnh thưởng!

## 2. Ngô Thì Nhậm với đời thường

Ngô Thì Nhậm thuở nhỏ cũng như những trẻ nhỏ khác, phải lo toan học hành, trau dồi kiến thức, thi cử..., nhưng nhà ông nghèo, nhiều năm người cha thi không đỗ, nên cuộc sống gia đình càng thêm khó khăn. Nhưng có lẽ, cả cuộc đời ông xảy ra mấy việc, khiến ông đau lòng nhất, ngoài nỗi oan về vụ án năm Canh Tý:

Năm Ngô Thì Nhậm 17 tuổi thì mẹ qua đời để lại 5 người con: Ngô Thì Nhậm con cả, con thứ hai Ngô Thị Thục, sau lấy Tiến sĩ Phan Huy Ích, con thứ ba Ngô Thì Chí, con thứ tư Ngô Thị Viêm, con thứ năm Ngô Thì Điện.

Năm 1763, Ngô Thì Sĩ được chúa Ân Vương Trịnh Doanh mến tài, đặc cách cho tiến triều, trao cho chức Cấp sự trung bộ Công, năm sau Giáp Thân (1764) trao chức Giám Ngự sử đạo Sơn Tây, không đầy vài tháng thăng làm Đốc đồng xứ Thái Nguyên (Hào môn ai lực). Từ đây gia đình Ngô Thì Sĩ mới dần dần thoát khỏi cảnh nghèo khó. Năm

1764 Ngô Thì Sĩ lấy vợ kế họ Nguyễn, bà cùng 4 người con chồng đến nhậm sở tại Sơn Tây ở với ông; chỉ còn Ngô Thì Nhậm ở nhà với người vợ mới cưới là Ngô Thị Anh, người Bách Tính, Sơn Nam Hạ (Kim mã hành dư).

Năm Tân Mão (1771), Ngô Thì Sĩ làm Tham chính Nghệ An, Tư đồ Hoàng Ngũ Phúc ghép ông vào tội gian lận trường thi Hương, bị cách tuột chức tước. Cũng năm đó, bà vợ kế của Ngô Thì Sĩ mất, khi ấy Ngô Thì Sĩ còn đang ở Nghệ An. Mọi việc thuốc thang, rồi tang ma đều do Ngô Thì Nhậm lo toan. Bà sống với Ngô Thì Sĩ được 7 năm, để lại hai người con (Ngô Thì Trí, Ngô Thì Hoàng). Trước cái chết của mẹ kế, Ngô Thì Nhậm rất đau xót:

“Than ôi, thương thay ! vào tuần tháng 6, thứ mầu mắc bệnh ở trong Kinh, cha ta thì ở châu Hoan chưa nhận được tin. Ta ở xứ Hải Dương bắt được thư của em gái và em trai Diễm gửi tới, đêm mưa dầm thân mà về, thì bệnh đã hấp hối rồi, đương muốn viết thư báo cấp cho vợ và em ta về Kinh hỏi thăm, thì bà gạt đi, vì không muốn làm phiền đến con bà đích. Đến như rước thầy lang và trông coi thuốc thang, chỉ có tin tưởng ở ta. Hỏi bà muốn trời lại điều gì, thì ngoài việc nhớ cha ta ra, không có lời gì khác. Với tấm lòng cẩn thận chu đáo của thứ mầu như thế thì người thường không thể sánh kịp. Ta thật lòng mong bệnh của thứ mầu có thể chỉ trong tuần nhật sẽ khỏi. Than ôi, thương thay! thứ mầu ra đời 29 năm, giúp cha ta tới nay vừa 7 năm, tuy ở vào cảnh thuận, nhưng đủ mùi cay đắng, những việc chưa được như ý chiếm tới tám chín phần mười. Hốt nhiên hoá đi như là thánh cõi trần, khiến cho cha ta vừa nhớ vừa buồn, hai em ta mất chốn nương cậy. Các con bà đích cũng bàng hoàng chưa chút đáp đền, đau thương này có thể nguôi được ư?...” (Tế thứ mầu Thuận Nhân văn – Kim mã hành dư). Bà mất tặng Thuận Nhân hiệu Trang Chính (Ngô gia thế phả).

Năm 1780 xảy ra vụ án Canh Tý. Vụ án xảy ra khoảng cuối tháng 7, đến cuối tháng 9, Ngô Thì Sĩ bị cảm tại động Nhị Thanh, rồi ít ngày sau thì qua đời. Ngô Thì Nhậm dâng biểu xin với Chúa đưa thi hài cha về quê. Trịnh Sâm liền cấp ngay cho tiền bạc và 20 tên lính đi áp tải quan tài. Đoàn người vội vã lên đường, đến nơi lập tức trở về ngay. Ngày Canh Dần, tháng 10 năm Canh Tý khởi hành, mười chín ngày sau vào ngày Nhâm Thân, tháng mười thì đưa quan tài về tới quê Tả Thanh Oai. Công việc đưa linh cữu về quê chậm trễ, dài ngày vì ngoài việc khiêng vác vất vả, hàng ngày dừng đợi cúng cơm ra; còn xảy ra một việc rất đau lòng là: Người vợ thứ tư của Ngô Thì Sĩ họ Hoàng, hiệu Tuệ Trang, theo ông lên Lạng Sơn, sinh được một trai nhưng không nuôi được, sau mới sinh được bé gái còn nhỏ thì Ngô Thì Sĩ qua đời. Lúc đưa linh cữu về quê, bà quá đau xót mà sinh bệnh, không thể đi cùng. Linh cữu đi được vài ngày, có tin báo bà đã mất. Ngô Thì Nhậm phải dừng linh cữu giữa đường, quay lại Đoàn Thành lo tang ma cho người mẹ kế, chôn cất tại đó, hẹn ba năm sau cải táng đưa về quê, cái thế lúc này không thể đưa linh



cửu mẹ kể về cùng. Ngô Thì Nhậm, kể: “Mệnh của Cơ sao quá mỏng, sinh một trai thì không nuôi được, một gái thì còn nhỏ. Tiên quân ta lại bỏ mà đi, đàn con cô không nơi nương tựa, Cơ cũng chẳng được trông cậy, trăm cảnh khổ cực, lòng sợ mất buồn. Gần đây chạy tang ở dinh thự Đoàn Thành, thấy Cơ bị bệnh rên rỉ, xin theo tiên quân. Lòng ta thương buồn, vì Cơ lễ bái thuốc thang nhưng không kiến hiệu. Ngày trở về đã tới, không thể sẵn sóc. Ngày 12 đưa tang ra khỏi thành, để Cơ ở lại dinh, còn mong cho khỏi, nhưng vào ngày 14 Cơ bèn theo tiên quân mà lìa cõi trần. ở giữa đường nghe được tin, rất lấy làm buồn. Cơ sống hay chết đều theo tiên quân ta, có thể coi là bậc trình thuận thành thực, còn bọn ta thờ phụng đáng thân, không có công trạng gì, không những đắc tội với cha, mà cũng thẹn với Cơ nữa. Nay linh cửu ở dọc đường, tính đường đất đến cuối tháng mới tới quê nhà. Tang sự là việc lớn, chính đương lúc chập vạt nơi núi cao khe thẳm, đường đi xa xăm này, thế không thể cho phép mang cả di hài của Cơ cùng đi theo mà về. Vậy xin chọn ngày tốt, tạm chôn ở cánh đồng Vĩnh Trại, ấp này phụng thờ đền tiên quân, có động Truyền thần ở đó. Khí thiêng chung đúc, um tùm âm u, Cơ có thể lại nương tựa, để phụng thờ tiên quân. Đặt hai khoảnh ruộng để hàng năm tuần tiết thờ cúng Cơ, đều khắc vào mặt sau bia, truyền lại lâu dài. Cơ có con dại, lũ tôi xin vì Cơ nuôi dạy, Cơ có mẹ già, lũ tôi xin vì Cơ thăm hỏi, Cơ ở dưới chín tuổi, sẽ không để lòng lo buồn. Ba năm đã sạch sẽ rồi, sẽ cải cát đưa hài cốt về để hậu hạ mồ mả tiên quân, sẽ yên ủi lòng mong mỏi của Cơ” (Tế thứ mẫu Hoàng Thị văn - Kim mã hành dư).

Khi linh cửu về gần đến kinh thành Thăng Long, vì tang đại thần, không được đi qua kinh đô, Ngô Thì Nhậm phải đưa đi đường vòng xuống phía hạ lưu sông Hồng, vượt sông về đến đầu làng Tả Thanh Oai, dựng rạp bên bờ sông Nhuệ, làm ma. Lại cũng vì lệ người chết nơi tha hương không được đem linh cửu về nhà mình ! Tại nhà tế này Ngô Thì Nhậm đề đôi câu đối, bao quát cả cuộc đời hoạt động của người cha:

Tam đô xuất trấn kiêm văn vũ;

Lưỡng tiến đăng triều sáng cổ kim.

(Hào môn ai lục).

(Ba lần ra trấn thủ xứ ngoài, tài kiêm văn võ;

Hai lượt được tiến triều, là dịp hiếm có xưa nay).D

Năm Nhâm Dần (1782), trong kinh có biến. Trịnh Sâm qua đời, nhân ngày cúng cơm, kêu binh nổi loạn, giết Quận Huy, phé Trịnh Cán, lập Trịnh Tông. Những người có liên quan ít nhiều đến vụ án năm Canh Tý hoặc bị giết, hoặc bị bắt giam, tịch thu gia sản. Ngô Thì Nhậm vì trước đây bị dư luận ghép cho là người cáo giác vụ án, phải lánh về quê vợ

cả ở am Lê Trạch, xã Đội Trạch, trấn Sơn Nam (Vũ Thư, Thái Bình). ở đây ông nương nhờ tại nhà người em vợ là Đồng Lạc thị.

Năm Bính Ngọ (1786), Nguyễn Huệ kéo quân ra Bắc diệt chúa họ Trịnh, giao quyền cho Lê Hiển Tông, rồi lại trở về Nam. Em ông là Ngô Thì Chí về am Lê Trạch, nơi ông đang lánh mình đón về kinh, nhận chức Hộ bộ Đô cấp sự trung, thăng Hiệu thảo kiêm Toàn tu của triều đình Lê Chiêu Thống.

Năm Đinh Mùi (1787), Vua Lê Chiêu Thống được Nguyễn Hữu Chỉnh giúp, chống lại nhà Tây Sơn. Nguyễn Huệ cho Vũ Văn Nhậm ra đánh. Chiêu Thống chạy về vùng núi Bảo Lộc (nay Lục Nam, tỉnh Bắc Giang), sai người sang nhà Thanh xin cầu viện, còn Ngô Thì Nhậm ẩn náu tại làng Kim Lan, huyện Thạch Thất (nay thuộc tỉnh Hà Tây).

Năm Mậu Thân (1788), Nguyễn Huệ ra Bắc lần thứ hai, xuống lệnh tìm kiếm quan lại cũ của triều đình nhà Lê -Trịnh ra giúp việc nước. Ngô Thì Nhậm được Nguyễn Huệ trao cho chức Hữu thị lang bộ Công, tước Tỉnh Phái hầu, cùng với Võ Văn Uớc coi tất cả các quan văn võ của nhà Lê. Nguyễn Huệ lại trở về Phú Xuân.

Tháng 10 năm Mậu Thân (1788), Tổng đốc Lương Quảng Tôn Sĩ Nghị đem 29 vạn quân, cùng hàng chục vạn dân phu phục dịch, vượt biên giới, tiến sâu vào nội địa nước ta, với dã tâm xâm lược. Ngô Thì Nhậm cùng tướng của Tây Sơn là Ngô Văn Sở bàn tính kế lui giặc. Một công hiến to lớn của Ngô Thì Nhậm là “Nước cờ Tam Điệp” giúp cho Quang Trung hành quân thần tốc ra Thăng Long lập nên chiến thắng mùa xuân năm Kỷ Dậu (1789) lừng lẫy.

Năm Nhâm Tý (1792), Ngô Thì Nhậm kiêm chức Quốc sử thư Tổng tài. Giữa lúc vua sáng tối hiền gặp gỡ thì vua Quang Trung lâm bệnh đột ngột qua đời vào ngày 29 tháng 7 (nhuận), năm ấy.

Tháng 2 năm sau (1793), Ngô Thì Nhậm lãnh chức Chánh sứ sang Thanh (Trung Quốc) báo tang và cầu phong cho vua mới Quang Toản.

Đi sứ là việc hết sức hệ trọng, không những đối với quốc gia đại sự mà ngay bản thân người đi sứ cũng lo lắng đến cả tính mạng của mình, e rằng lần đi sứ này khó có thể sống sót trở về, nên trước khi lên đường Ngô Thì Nhậm đã viết lời dặn lại con cháu rất cặn kẽ:

“Học Tôn công em ta (tức Ngô Thì Chí), đã quy tiên trước ta rồi, cháu Phẫm (tức con Ngô Thì Chí) nên lập từ đường ở bản ấp để thờ cúng em ta. Từ đường đó cứ theo như nhà cũ, sau này cháu, rồi con trưởng của cháu nối tiếp phụng thờ. Sủng là em cháu, sau khi khôn lớn, nên làm nhà ở làng Bảo Triện cùng nương tựa vào cậu là Hoàng giáp công

(Định Linh hầu), đợi khi nào mẹ cháu tuổi già, rước về Bảo Triện, lúc trăm tuổi hợp táng với cha cháu. Nay mẹ cháu tuổi chưa tới 50, ta chưa cho về.

Em thứ ta là Quảng Nghiệp quân, không có con, nay giao cho em Thiệm, (Thiệm là con ông chú: Ngô Tường Đạo) sau này thờ chú ta (Ngô Tường Đạo, bố của Thiệm) làm hàng chiêu, thờ Quảng Nghiệp quân ở hàng mục. Em (tức Thiệm) là người có tài, không phải tục tần, ta đâu phải nhiều lời.

Em thứ nữa là Trí, ở chi ta là ngành thứ, song đối với bà thứ mẫu Thuận Nhân lại là ngành trưởng (Ngô Thì Chí là em thứ ba của Ngô Thì Nhậm, nhưng là con đầu của bà mẹ kế (thứ mẫu) là Thuận Nhân sinh ra), đã thờ thần chủ bà thứ mẫu Thuận Nhân phối hưởng với Tiên công, đó là lòng hiếu kính của ta theo chí hướng của các cụ trước, đời đời không dám vượt quá. Trí, em nên cùng với Thân con cả ta ở chung (trong Ngô gia văn phái và Ngô gia thế phả chép Ngô Thì Diễm, chữ Diễm 典 và Thân 伸 tự dạng gần giống nhau, có lẽ ở đây chép lầm chữ “Diễm” ra chữ “Thân”?). Chú cháu phụng thờ tư tết phải kính cẩn, không được trái cái ý hiếu thuận của ta. Em [Trí] nên ở một khu đất phía trước, bên phải nhà của cháu Thân. Đất đó do Tiên công ta cho, lại một chiếc ao nữa, ta thu lại làm ao hương hỏa, sẽ lấy một chiếc ao đào cũ, sào thước cũng đúng bằng ấy để đổi.

Em thứ thứ nữa là Hoàng, vợ em có công nhưng không may không có con, cho em được ở quê vợ, cùng nương tựa với anh em họ ngoại. Em nên lấy vợ lẽ, người trong họ của vợ em, để kế về sau. Hàng năm lễ tết giỗ chạp thì về quê quán cùng anh em tôn tộc hội họp yến ẩm, là được.

Em thứ thứ nữa là Hương, mẹ em đã cải giá, vợ em cũng mất sớm, cảnh ngộ em rất lận đận, ta thương lắm. Nhưng sau em cưới vợ nữa, đó là điều không chỉ nói về đạo làm người, mà là theo đạo trời đất. Vì ngay từ khi còn nhỏ đã phải đơn côi khổ cực, đạo trời thì thêm bớt, ắt trưởng thành hanh thông. Sau này để tang sinh mẫu và giá mẫu. Hiện tại không được gặp mặt em. Vợ em hiện không có con, cho phép em lấy em gái vợ làm kế thất. Em nên làm nhà ở xã Cao Xá, nhập tịch xã đó. Còn như thổ cư ở thôn Đức Lâm, nay chị dâu thứ nhì tạm ở, sau này lấy nhà đó làm nơi thờ vợ (cả) của em. Bố mẹ vợ em đem con gái thứ hai gả cho em, con rể cũng như con đẻ, sau này, theo lễ thì để tang 1 năm, theo tình thì để tang 3 năm, không được làm trái lời ta.

Con trưởng Thân ! Con là con cả, ở quê cha mẹ, phụng thờ tổ tông, con cùng chú Trí ở chung, phải lấy hiếu thuận khuyên bảo, lấy thành thực đối xử, chớ phá hoại nền nếp ông cha. Con giữ một khu ao hương hỏa và các thửa ruộng tế của đàn Truy Viễn, siêng năng sản nghiệp, để đủ dưa muối, không được khiếm khuyết.

Con thứ Nghi ! năm Nhâm Dần (1782) lúc ta phải trốn tránh, cùng bàn với mẹ con, cho con ở quê ngoại xã Bách Tính, để phụng thờ những giỗ chạp về họ ngoại. Con nên cùng cậu Đồng Lạc thị nhập tịch làng đó. Nay cho con một ngôi nhà ở bên phải nhà anh Thân con, đó là một khu đất đằng sau suốt mãi tới phần đất của chi trưởng, để khi tuần tiết hàng năm, trở về ở đó mà cúng tế cho tiện.

Con thứ thứ nữa Quán ! Đã cho làm thừa tự em gái ta là Cung Hòa huy nhân, vợ Trác Lĩnh hầu, cho con làm nhà ở xã Bằng Liệt để thờ tự bố mẹ nuôi. Còn mẹ đẻ con, cho một ngôi nhà ở bên trái nhà anh Thân con, đằng sau suốt mãi tới vườn sau từ đường, cho có nơi dựa dẫm, ăn ở được yên.

Ngoài ra, con trai, con gái còn nhỏ, phó cho mệnh trời, không dám mong ước nhiều.

Lại ông anh họ là Hựu, được nhờ cha ta xưa nuôi làm con, kể tuổi thì phải làm em ta, nay ta đã xây dựng gia đình cho em để giữ hương khói ngành trưởng, em phải cùng anh Trí và cháu Thân ở chung, phải một nhà hòa thuận yêu mến, có thủy có chung, nhất là chia rẽ người này người nọ, phải cấm hẳn. Nếu trái lời ta, tổ tiên chúng giám !

Này, ta là người ứng phó với việc đời, từng làm bài phú Mộng Thiên Thai, có câu rằng:

“Lấy cả vũ trụ làm lều chù,

Ôi sao buộc được cánh chim hồng đây?”

Con đường dong ruổi chạy vạy của ta, tương lai chưa thể đoán được. Ngửa trông phúc lớn, việc đi sứ xong, khi cưỡi ngựa nhìn thấy cái vui của gia đình, nào cha con, nào anh em, nào ông cháu, càng có nhiều truyện lý thú.

Một thiên nghị luận về việc họ này, chỉ là sơ lược mà thôi”.

Trên đường đi sứ, đi đến Nam Ninh, được tin quê nhà mở khoa thi, ông lại viết thư về dặn dò con cháu:

“Năm nay mở khoa thi, lấy học trò đỗ bằng những bài Kinh nghĩa và văn sách. Khi thi tuyển, quan hữu ty dẫn dắt, cất nhắc vào kinh. Bước đường mây xanh dài rộng, người học giỏi mới được nộp danh sách.

Xem ra, lũ chúng mày học thì dềnh đoảng, cần nên sửa chữa, đừng có chơi đùa, để đợi khoa sau sẽ gặp dịp tốt. Là con em nhà thế gia, đứng trong hàng đại tử, không thể ví với con em nhà thường dân, gặp bước tiến mau, sức học thì không đủ, nhưng mong muốn những việc ngoài bốn phận, để nhục tới danh tiếng gia đình. Chú cháu chúng mày ở nhà, càng nên bảo nhau cố gắng, chăm đọc sử sách, vì ở đời người có văn chương là quý. Đến



nghư việc khoa cử, phận trời đã định. Truyện nhà Đào Bính, để lại trò cười cho các nhà đại gia, phải răn cấm, phải răn cấm! Chớ cho lời ta nói là viển vông không thiết thực. Nếu nhà chức trách cho việc không nộp danh sách ứng cử mà trách móc, thì khi ra ứng khảo hạch ở huyện, nếu có mỗ mãng mà bị đánh hỏng, cũng không hại gì. Cần nhất là không nên “vẽ rắn trở chim,” tài sức không đủ mà cứ miễn cưỡng làm, đến lúc thi lại, bị trượt, rất là hổ thẹn.

Đường xá xa xôi, trong lòng nhớ nhung, nghĩ tới các người, mượn bút gửi lời, ghi lòng chó trái.

Cuối tháng trọng Xuân, viết ở nhà trọ Nam Kinh, và để báo tin bình an mà mừng.”

(Giới đệ tử diệt thư)

Lần đi sứ này Ngô Thì Nhậm trở về bình yên. Về đến Thăng Long, ông chỉ kịp ghé qua nhà viếng mộ con trai Văn Trang vương vừa mất trước khi đi sứ ít ngày, rồi vào Phú Xuân ngay, mãi đến cuối năm Giáp Dần (1794) mới trở lại quê nhà.

Vua Quang Trung mất, Ngô Thì Nhậm mất đi người hiểu mình, biết đến tài năng và tin dùng mình. Quang Toản mới 15 tuổi lên nối ngôi, nội bộ triều đình dần dần bị chia rẽ sâu sắc, rồi lâm vào cuộc khủng hoảng nghiêm trọng, bởi người cậu Bùi Đắc Tuyên lợi dụng vua Quang Toản còn nhỏ tuổi, chuyên quyền, lộng hành, vơ vét của cải cho bản thân, gây ra năm bè bảy mối, gạt bỏ dần những bầy tôi giỏi, trung thành của vua Quang Trung. Rồi việc gì sẽ đến cũng đã đến. Triều đình Quang Toản sụp đổ. Nhà Nguyễn lên thay, Ngô Thì Nhậm bị đưa ra Văn Miếu đánh đòn. Trận đòn thù làm cho ông uất ức mà qua đời. L.G

### **VĂN BẢN HÀO MÂN AI LỤC CỦA NGÔ THÌ NHẬM -*PHẠM THỊ THOA*.**

Hào Mân ai lục (HMAL) là tác phẩm được chép trong tùng thư Ngô gia văn phái của dòng họ Ngô Thì làng Tả Thanh Oai. Song hầu như chưa được giới thiệu và khai thác. Sách gồm các bài cáo văn, tế văn, hành trạng Ngô Thì Sĩ do Ngô Thì Nhậm soạn sau khi cha ông qua đời; ngoài ra HMAL còn tập hợp các câu đối mà Ngô Thì Nhậm đã đề ở đình chùa, nhà thờ họ, nhà tế cha... Nhân dịp kỷ niệm 200 năm ngày mất của ông, chúng tôi giới thiệu đôi nét về tác phẩm này.

#### **1. Câu đối:**

Số câu đối ở đây gồm cả câu đối trong Kim mã hành dư, cùng nằm trong quyển 7).

Cụ thể là câu đối ở Từ đường Ngô Thì Sỹ 83 đôi, đền Sùng Đức 7, nhà bia 2, nhà thờ Vĩnh Tư 3, điện tế vua Lê Hiến Tông 43, trai đường Thái Phi 47, phủ chúa Trịnh 10, nhà giải nhiệt 7, Khôn Hậu đường 11, Vương phủ đường 4, công phủ 10, lầu Minh Ngự ở

đình bản xã 10, từ vũ bản huyện 9, miếu Chủ Đồng Tử 3, chùa Linh Am 1, điện tế mẹ vợ 3, đền Hoàn Tiết 1, đền Sài Sơn 1, đền Tượng Hiền 2, đền Tiên Căn 7, Tam tự 1, nhà tế 19, câu đối mừng quan về hưu 18, đàn Truy Viễn 1, Tư Sảnh 8, nhà ở Kinh 2, chùa Trúc Lâm 6, ở sảnh đường 2 đôi.

Như vậy tất cả có 321 đôi câu đối, được chép ở 28 nơi khác nhau, từ đền chùa miếu mạo, đến nhà tế Ngô Thì Sĩ. Trong số câu đối trên, có câu ngắn gọn, dễ hiểu, nhưng cũng có câu được dùng điển tích điển cố, khiến người đọc phải tinh thông kim cổ mới có thể hiểu được. Điều này thể hiện sự thông minh lỗi lạc, học rộng hiểu nhiều của Ngô Thì Nhậm. Nội dung các câu đối cũng đa dạng theo địa điểm thờ cúng. Chẳng hạn ở nhà thờ Ngô Thì Sĩ câu đối ca ngợi văn chương đạo đức của cha:

師世文章奎璧燦

宗儒道德斗山高

Sư thế văn chương Khuê Bích xán;

Tông nho đạo đức Đẩu Sơn cao.

(Văn chương bậc thầy sáng ngời như sao Khuê sao Bích;

Đạo đức đại nho cao ngất tựa Bắc Đẩu, Thái Sơn)

Chỉ một đôi câu đối ông cũng nêu hết công danh sự nghiệp của cha mình:

三都出鎮兼文武

兩進登朝創古今

Tam đô xuất trấn kiêm văn võ;

Lưỡng tiến đăng triều sáng cổ kim.

(Ba lần ra trấn thủ xứ ngoài tài kiêm văn võ;

Hai lượt được tiến triều gây sự nghiệp xưa nay).

Câu đối ở điện tế vua Lê Hiển Tông Dụ Hoàng đế thì ca ngợi đức cao vọng trọng của nhà vua:

深仁厚澤久涵濡如化日光天所在尊親冒怙

盛德茂功齊溥博雖深山窮谷罔不奔走悲號

Thâm nhân hậu trạch cửu hàm nhu, như hóa nhật quang thiên, sở tại tôn thân mạo hủ;

Thịnh đức mậu công tề phổ bác, tuy thâm sơn cùng cốc, vãng bất bồn tẩu bi hào.

(Nhân sâu ơn hậu, thâm nhuần đã lâu, như bóng mặt trời tỏa khắp, bầu trời sáng trưng, mọi nơi được thương yêu nương tựa;

Đức thịnh công cao, rộng che hết thảy, dù trên núi xa xăm, hang cùng ngõ tối, không đâu phải chạy vạy kêu gào).

Đền Sài Sơn ông chỉ còn để lại một đôi câu đối, song nó đã nêu được đầy đủ triết lý về nhân sinh, về đạo lý:

道則無始終可能始盡制終盡倫昭焄豈在地

人皆有生死 惟有生完美死完局 壽夭不爭天

Đạo tắc vô thủy chung, khả năng thủy tận chế, chung tận luân, chiêu huân khởi tại địa;  
Nhân giai hữu sinh tử, duy hữu sinh hoàn mỹ, tử hoàn cục, thọ thiên bất tranh thiên.

(Đạo thì không có đầu không có cuối, sao cho đầu thì làm hết chế độ, cuối thì hết luân thường, sáng soi rục rở đâu phải tại đất;

Người đều có sống có chết, miễn sao sống cho hoàn mỹ, chết cho vẹn toàn, tuổi thọ không ganh đua được với trời).

( <http://hannom.org.vn/> ).

Xin theo dõi tiếp bài 14. dienbatn.

---

## KHẢO SÁT MỘT SỐ NGÔI MỘ CỦA TIỀN NHÂN ĐỂ LẠI . BÀI 14.

Chủ Nhật, ngày 08 tháng 5 năm 2016

### **KHẢO SÁT MỘT SỐ NGÔI MỘ CỦA TIỀN NHÂN ĐỂ LẠI .**

Sau rất nhiều chuyến đi đã khảo sát Phong thủy âm trạch , dienbatn còn giữ được một số tư liệu về những ngôi mộ cổ do tiền nhân đặt từ xưa . Nay đăng lại trong Blog này làm tư liệu và mong rằng những Thầy Địa lý của Việt Nam hiện nay nghiên cứu và hy vọng sẽ rút ra được những điều bổ ích cho mình , ngõ hầu có thể giúp cho những thân chủ của mình một cuộc sống an vui , hạnh phúc.

Sách có câu : "Tiên tu nhân lập âm chất, nhi hậu tâm Long " .

Người người đều muốn có được một Địa trạch tốt tươi, nhằm thăng hoa cuộc sống vật chất đầy đủ, công danh hiển hách, vợ đẹp con ngoan, Gia đình hạnh phúc. Sách THÔI QUAN THIÊN viết : "Trong nhà có người đức hạnh cao thượng thì đất đá trên núi gần đó nhất định có Linh khí ". Qua câu nói trên tức là con người làm chủ Linh khí vạn vật do phần Tâm khí của chính mình. Các Phong Thủy Sư không hiểu điều này thì dù có Trích Huyệt Tâm Long được Bảo địa cũng chẳng linh nghiệm.

Những việc Tâm Long Địa Huyệt còn phải hội thêm phần cảm ứng tức là Thiên Đạo (Đạo Trời ); sự ứng nghiệm của việc hành thiện lập âm chất, tạo nhân quả tốt. Tục ngữ có câu : "Âm địa tốt không bằng Tâm địa tốt ". Do vậy, tìm kiếm chọn lọc được Địa mạch Huyệt vị, Phong Thủy Sư phải tích đức hành thiện làm căn bản. Nếu kẻ nào có phẩm chất cao thượng, thì ắt Thiên cơ sẽ ứng, Địa cơ theo đó mà tăng thêm sự tốt lành cho con cháu đời sau hưởng Phúc. Bởi Tâm địa thiện lương thì tương ứng với Địa mạch cát lợi , vận Trời ứng cho, chứ chẳng phải chủ quan tâm về hình thức mà quên đi nội dung, cứ tưởng rằng tâm được Long huyết rồi, con cháu đời sau sẽ được hưởng Phúc, cái gốc chúng ta

chẳng lo mà lại đi lo cái ngọn,rõ là ta chẳng biết gì cả.Nếu như các Phong Thủy Sư họ tài giỏi như thế thì ắt họ phải giành những huyệt Đế Vương,Công Hầu,Khanh tướng cho con cháu họ,chứ dại gì mà họ chỉ cho ai ?

Quách Phác nói : "Cát hung cùng cảm ứng lẫn nhau,họa phúc cũng tự nhiên theo Tâm khí chiêu cảm mà đến ".

Khi táng di hài Tổ tiên,chắc người ta phải chọn Địa huyệt thật tốt mà an táng,song song với việc trên ,người tại tiền phải nỗ lực tu dưỡng thân,tâm cầu lấy gốc rễ của Đạo.Nếu chỉ chú trọng quan sát hình thể Địa huyệt,sẽ cho kết quả trái ngược,làm tổn hại đến con cháu đời sau.

Nếu như có Nhân,tất phải có Quả;nhưng Nhân -Quả thiện ác tùy vào Tâm khi chiêu lấy họa phúc.Cũng như ngày xưa có người chết được Thiên táng hay Địa táng một cách ngẫu nhiên,con cháu sau này phát Đế Vương,Công hầu.

Triệu Quang viết cuốn : "PHONG THỦY TUYỂN TRẠCH TỰ ",có nói rằng : "Vô phước cho ai không có nhân duyên mà được Huyệt tốt ".Dẫu cái tốt,xấu của Phong thủy Huyệt mộ ảnh hưởng đến cát hung,nhưng Âm đức của con người có thể cải biến được Vận - Mạng.Đến như các bậc Tiên bối Phong thủy như Cao Biền,Quách Phác tài giỏi kinh Thiên động Địa ,nhưng khi gặp Huyệt Đế Vương cũng không dám dành cho mình,bởi biết đạt Địa lợi,nhưng Thiên thời và Nhân hội còn khuyết,không dám nghĩ bàn.Tóm lại việc "TIÊN TÍCH ĐỨC,NHI HẬU TÂM LONG " của người xưa dạy quả không sai.

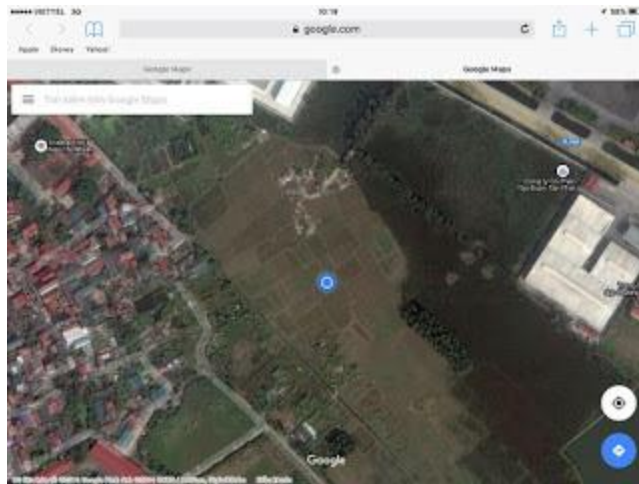
## 10 / KHẢO SÁT LĂNG MỘ VÀ TỪ ĐƯỜNG NGÔ THÌ SĨ - NGÔ THÌ NHẠM - LÀNG TỐ. ( Tiếp ).

### 5. LĂNG MỘ NGÔ THÌ SĨ - NGÔ THÌ NHẠM - LÀNG TỐ.



Khu mộ Ngô Thị Sĩ và Ngô Thị Nhậm, vốn là nhà ở của Ngô Thị Nhậm, hướng Nam, phía trước là cánh đồng rộng. Ngôi mộ Ngô Thị Nhậm trước đây ở đồng Hoa Cà, năm 1976 dời về đây, còn mộ của Ngô Thị Sĩ trước đây ở cánh đồng Dọc Muống, chuyển về đây.







Ngôi mộ Ngô Thi Nhậm trước đây ở đồng Hoa Cà, năm 1976 mới dời đi.

Hậu thế họ Ngô đến nay vẫn khẳng định, Ngô Thi Nhậm đã chuẩn bị sẵn sàng cho sự chết và cái chết của mình từ cuối năm 1795 thông qua “Bài ký ngôi mộ Vĩnh Định”, đề “Ngày đông chí năm Ất Mão”. Với tất cả niềm tự hào gia tộc, con cháu dòng họ Ngô ngày nay lớn lên học cái chữ là được cha mẹ, ông bà kể cho nghe về giấc mơ tiên tri của tiên nhân như một lời răn dạy về sự đường minh chính trực trong lối sống và cả cách nghĩ, xứng đáng với phương châm sống mà bậc hiền tài như Ngô Thi Nhậm đã từng khái quát thành phương châm sống: “Cũng là một cái chết, nhưng có cái chết coi nặng như núi Thái Sơn, lại có cái chết coi nhẹ tựa lông hồng”.

Ông Diễn hào hứng kể lại như giấc mơ liêu trai năm xưa còn ứng nghiệm cho đến tận bây giờ. Đó là một đêm mùa đông năm Giáp Dần 1794, Ngô Thi Nhậm đã có một giấc mơ lạ. Trong mơ, ông thấy mình đi bộ trên một cánh đồng ngập nước, tới làng Tó (Tả Thanh Oai) quê nhà bỗng thấy một nóc nhà hướng Tây quay ra bờ sông, lau cửa chót vót. Trước lâu là cờ quạt, tán lọng nghiêm trang.

Ông cất giọng hỏi người thị vệ “Nghĩ lẽ do xứ nào cung phụng” thì thấy cha mình là Ngô Thi Sĩ trong lâu đi ra, đưa tay dắt ông vào chùa, đến cao đường bày nhiều hương hoa trang nghiêm, trong có một hương án cao to. Cha ông chỉ vào đó nói rằng: “Huyệt ở dưới hương án, đào một lớp đất chùa ra, lập hướng rất đẹp”. Thấy vậy, ông giật mình thưa với cha: “Nếu định huyệt nơi hương án e vị sai trong chùa không cho”. Cha ông khẳng định: “Sãi chùa có một cô gái, hỏi mà cưới lấy thì có gì mà không cho”. Giật mình tỉnh dậy, ông mới nghĩ đó là người cha linh thiêng về mộng cho đất.

Sau đêm mơ giấc mơ lạ đó, Ngô Thi Nhậm đã bỏ nhiều công sức tìm đất, lập huyệt và xây cất phần mộ cho mình. Ông đã nhờ đến một tú tài ở đất Mân, Chiết Giang, Trung Quốc điểm huyệt tại chùa Bùi nhưng vị này ngại vì thấy hổ thủy phân tán qua cung

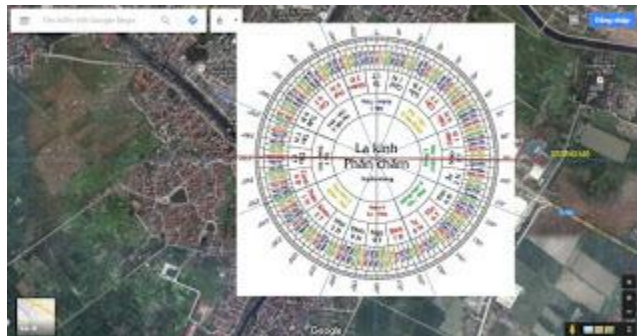
đường. Sau đó, ông nhờ Trần Thực, Hiệu sinh trong ấp xem cho một quẻ bói, thấy “cục đất ở vườn cam rất quý” thì sai người chọn đất.

Ông Diễn cho hay, theo sử sách chép lại: “Trước hết, Ngô Thì Nhậm nhờ người chọn lấy một chỗ ở nơi long mạch gấp khúc, mạch ở phương Đông – Bắc, hướng về phương Nam. Bói Dịch được quẻ “Địa lôi phục”, cả sáu “hào” đều tĩnh. Lời quẻ nói “Phục hanh xuất nhập vô tật, bằng lai vô cữu, phân phúc kỳ đạo, thất nhật lai phục, lợi ký du vãng”. Nghĩa là: “Quẻ phục hanh thông, ra vào không bệnh, bạn đến không lỗi, xem xét kỹ đường đi, bảy ngày trở lại, có lợi ở chỗ đi xa”. Tóm lại, ngôi đất được chọn là rất tốt.

Không những vậy, ông còn nhờ nhiều người tinh thông phong thủy huyệt đạo như Hoàng giáp Nguyễn Công ở làng Hương Triện, Trợ giáo Nghiêm Hỷ Thức làng Hoàng Xá và nhiều cụ già trong thôn có kinh nghiệm sống hỏi kỹ lưỡng về thế của đất đó. Khi mọi người nhất nhất quan điểm thì đánh dấu đắp nền đề nhận, để nhớ làm chỗ sinh phần. Xét đi tính lại, ông nhận thấy, đó là thế đất có phong thủy hướng núi, khá bằng phẳng, hợp phép.

Nghĩ lại lời tiên tri trong giấc mộng, thấy chỗ đất được chọn có con đường ngựa chạy dài. Voi, ngựa, cò, trống bao bọc trước sau, là hình tượng của lâu đài nghi vệ. Mạch đưa đến là dòng nước gấp khúc, cũng là hình bàn và ghế. Nhân mạch ở Đông Bắc (Cấn), lập hướng Đông Nam (Mão), lấy ngôi Tây Bắc (Đậu) làm cửa chùa. Chính ngay ngôi “Mão” là sau vách chùa. “Cái Sa” (Dòng nước) bên phải nhô lên một “Con mộc” (Cồn đất), đưa nước ở phương Tây (Hỗ thủy) vào trong lòng đến cung “Thìn” (Đông Nam) đổ về kho. Nếu đem ứng với mộng tiên tri thì đó chính là “Con gái sãi chùa, hỏi mà cưới lấy”.

Khi xem xét mọi chỉ bảo trong giấc mơ lạ với những điều xem xét kỹ lưỡng ở thực tế thì hoàn toàn trùng khớp. Không chần chừ gì nữa, Ngô Thì Nhậm đã xác định được chỗ yên giấc ngàn thu của mình. Sự dày công, cẩn thận được ông gọi là “Vĩnh Định Oanh” (Mộ Vĩnh Định), căn dặn con cháu về sau khi ông mất thì cứ đất đó mà tiến hành an táng. ( Dương Thu - <http://www.nguoiduatin.vn/>).



Thời thế đổi thay, lịch sử nhiều phen đảo lộn, gần 200 năm sau khi Ngô Thì Nhậm đã mồ yên mã đẹp đúng như tâm nguyện khi còn sống, hậu thế họ Ngô đã có dịp cải táng, tu bổ, tôn tạo mộ phần cho Ngô Thì Nhậm về gần khu từ đường họ Ngô Thì, làng Tả Thanh Oai. Như được tổ tiên và bậc danh nhân lớn của đất nước run rủi, giữa hai chiếc tiểu sành đựng hài cốt của ông và vợ nằm song song, người ta tìm thấy một tấm bia đá nhỏ. Theo cách gọi của nhà thơ Trần Lê Văn thì bốn câu thơ đó là để hai ông bà cùng gối đầu ở cõi vĩnh hằng. Lời thơ viết rằng: “Hằng tâm hà sa/ Vãng lai vũ trụ/ Bất đàn bất tử/ Tâm thường li tỵ”.



Tạm dịch:

“Hằng tâm: cát sông Hằng

Lại qua trong vũ trụ

Không mất, không chết đâu

Tâm thường, chuyện ly tự”.

Và như đề bậc danh nhân lớn của quê hương, đất nước, cùng lịch sử nhấn nhủ mọi người rằng: “Trong cuộc sống con người, có một thứ mà nơi đâu cũng có, nhiều như cát sông Hằng, ấy là tấm lòng nhân ái tồn tại lâu dài không thay đổi, gọi là Hằng Tâm.

Cái Hằng Tâm đó vận động trong vũ trụ như các vì tinh tú, không bao giờ mất, không bao giờ chết. Cái tinh anh đó mà còn, thì con người còn sống mãi. Sự hợp tan, sống chết, mất còn của một đời người cũng là chuyện tâm thường thôi, có gì đáng kể, so với điều vĩnh hằng đó...”.

Cái ý tứ mệnh mang sự cao cả của trí tuệ và tình người này, lồng lộng giữa đất trời, chỉ mười năm sau đã được đại thi hào Nguyễn Du đúc kết lại trong câu thơ tuyệt bút, để mà suốt qua thời gian, trên khắp không gian, truyền xa mãi mãi: “Thác là thể phách, còn là Tinh Anh”

(Giáo sư Sử học Lê Văn Lan/Nguồn: Tạp chí Nghiên cứu Phật học số 1 năm 2014, xuân Giáp Ngọ).

Tấm bia này khi chuyển mộ được đặt vào ngôi mộ chung của vợ chồng cụ Ngô Thì Nhậm tại ngõ 15, xóm Văn Lâm, đội 2, thôn Tả Thanh Oai Xã Tả Thanh Oai- huyện Thanh Trì thành phố Hà Nội.



人各墓陵 - nhân các mộ lăng .







墳功族吳 MỘ CÔNG TỘC NGÔ.







吳族仁墳 NGÔ TỘC NHÂN MỘ .







Khu lăng mộ Ngô Thì Sĩ - Ngô Thì Nhậm hiện nay đặt tại ngõ 15, xóm Văn Lâm, đội 2, thôn Tả Thanh Oai Xã Tả Thanh Oai- huyện Thanh Trì thành phố Hà Nội. Đây vốn là nhà ở của Ngô Thì Nhậm, hướng Nam, phía trước là cánh đồng rộng. Tại đây vẫn còn di tích nền nhà ngày xưa . Khu lăng mộ bao gồm 2 lăng . Lăng bên Thanh Long là mộ của cụ Ngô Thì Sĩ hợp táng cùng một người vợ. Lăng bên bạch hổ là mộ của cụ Ngô Thì Nhậm cũng hợp táng cùng một người vợ. Dưới ngôi mộ này có tấm bia mang từ mộ cũ về : “Hằng tâm hà sa/ Vãng lai vũ trụ/ Bất đàn bất tử/ Tâm thường li tị”.

Hướng chung của hai lăng là 166 độ 5.







Phân kim Bính Tý - Nhâm Ngọ - Tọa Nhâm - Hướng Bính - Thuộc cung Ly. Là Huyệt khí bảo châu. Nhâm Ngọ khí ở chính Bính long thì sinh xuất anh hùng, phú quý song toàn, được 3 đời, sau cháu chắt vẫn còn thịnh vượng, ân hưởng bằng sắc huy chương. Kỵ thấy thủy ở phương Thân lại thì hồng.

Về hai ngôi mộ cùng hợp táng ( tức là chôn cả hai vợ chồng vào cùng một ngôi mộ ) của Ngô Thời Sĩ và Ngô Thời Nhậm , nhưng chôn cùng với bà vợ nào diệnbatn muốn các bạn cùng thử tìm hiểu về gia đình cụ Ngô Thì Sĩ .

Tìm hiểu kỹ về gia đình cụ Ngô Thì Sĩ ta có tư liệu sau :

" Dòng họ Ngô đến lập nghiệp tại Tả Thanh Oai đã nhiều đời, nhưng Ngô gia thế phả ( 吳家世譜 ) cũng chỉ coi từ đời cụ Phúc Cơ (khoảng đầu thế kỉ XVI) là người mở đầu cho dòng họ Ngô tại Tả Thanh Oai. Tên thụy hiệu của cụ tổ đều không rõ, năm Giáp Ngọ,



cháu đời thứ 12 là Ngô Phong, hợp họ, xin đặt thụy hiệu, tôn làm Triệu tổ (Ngô gia thế phả).

Đời thứ hai là cụ Mỹ Đức, giữ chức Cao Sơn cục chính trưởng.

Đời thứ ba là cụ Hoằng Nghi, tự Minh Dực tướng quân.

Đời thứ tư là cụ Cần Tiết, Nho sinh trúng thức.

Bắt đầu từ đây dòng họ Ngô chia ra làm hai chi Giáp và chi ất. Ngô Thì Nhậm thuộc chi Giáp, và kể từ đời cụ Phúc Cơ thì ông thuộc đời thứ 13 của dòng họ.

Ngô Thì Nhậm là con trưởng của Ngô Thì Sĩ (1726-1780), Ngô Thì Sĩ thuộc đời thứ 12, tên tự Thế Lộc, hiệu Ngô Phong, biệt hiệu Nhị Thanh cư sĩ.

Năm Ngô Thì Nhậm 17 tuổi thì mẹ qua đời để lại 5 người con: Ngô Thì Nhậm con cả, con thứ hai Ngô Thị Thục, sau lấy Tiến sĩ Phan Huy Ích, con thứ ba Ngô Thì Chí, con thứ tư Ngô Thị Viêm, con thứ năm Ngô Thị Điện.

Năm 1763, Ngô Thì Sĩ được chúa Ân Vương Trịnh Doanh mến tài, đặc cách cho tiến triều, trao cho chức Cấp sự trung bộ Công, năm sau Giáp Thân (1764) trao chức Giám Ngự sử đạo Sơn Tây, không đầy vài tháng thăng làm Đốc đồng xứ Thái Nguyên (Hào môn ai lực). Từ đây gia đình Ngô Thì Sĩ mới dần dần thoát khỏi cảnh nghèo khó. Năm 1764 Ngô Thì Sĩ lấy vợ kế họ Nguyễn, bà cùng 4 người con chồng đến nhậm sở tại Sơn Tây ở với ông; chỉ còn Ngô Thì Nhậm ở nhà với người vợ mới cưới là Ngô Thị Anh, người Bách Tính, Sơn Nam Hạ (Kim mã hành dư).

Năm Tân Mão (1771), Ngô Thì Sĩ làm Tham chính Nghệ An, Tư đồ Hoàng Ngũ Phúc ghép ông vào tội gian lận trường thi Hương, bị cách tuột chức tước. Cũng năm đó, bà vợ kế của Ngô Thì Sĩ mất, khi ấy Ngô Thì Sĩ còn đang ở Nghệ An. Mọi việc thuốc thang, rồi tang ma đều do Ngô Thì Nhậm lo toan. Bà sống với Ngô Thì Sĩ được 7 năm, để lại hai người con (Ngô Thì Trí, Ngô Thì Hoàng).

Năm 1780 xảy ra vụ án Canh Tý. Vụ án xảy ra khoảng cuối tháng 7, đến cuối tháng 9, Ngô Thì Sĩ bị cầm tại động Nhị Thanh, rồi ít ngày sau thì qua đời. Ngô Thì Nhậm dâng biểu xin với Chúa đưa thi hài cha về quê. Trịnh Sâm liền cấp ngay cho tiền bạc và 20 tên lính đi áp tải quan tài. Đoàn người vội vã lên đường, đến nơi lập tức trở về ngay. Ngày Canh Dần, tháng 10 năm Canh Tý khởi hành, mười chín ngày sau vào ngày Nhâm Thân, tháng mười thì đưa quan tài về tới quê Tả Thanh Oai. Công việc đưa linh cữu về quê chậm trễ, dài ngày vì ngoài việc khiêng vác vất vả, hàng ngày dừng đợi cúng cơm ra; còn xảy ra một việc rất đau lòng là: Người vợ thứ tư của Ngô Thì Sĩ họ Hoàng, hiệu Tuệ

Trang, theo ông lên Lạng Sơn, sinh được một trai nhưng không nuôi được, sau mới sinh được bé gái còn nhỏ thì Ngô Thì Sĩ qua đời. Lúc đưa linh cữu về quê, bà quá đau xót mà sinh bệnh, không thể đi cùng. Linh cữu đi được vài ngày, có tin báo bà đã mất. Ngô Thì Nhậm phải dừng linh cữu giữa đường, quay lại Đoàn Thành lo tang ma cho người mẹ kế, chôn cất tại đó, hẹn ba năm sau cải táng đưa về quê, cái thế lúc này không thể đưa linh cữu mẹ kế về cùng. Ngô Thì Nhậm, kể: “Mệnh của Cơ sao quá mỏng, sinh một trai thì không nuôi được, một gái thì còn nhỏ. Tiên quân ta lại bỏ mà đi, đàn con cô không nơi nương tựa, Cơ cũng chẳng được trông cậy, trăm cảnh khổ cực, lòng sợ mất buồn. Gần đây chạy tang ở dinh thự Đoàn Thành, thấy Cơ bị bệnh rên rỉ, xin theo tiên quân. Lòng ta thương buồn, vì Cơ lễ bái thuốc thang nhưng không kiến hiệu. Ngày trở về đã tới, không thể săn sóc. Ngày 12 đưa tang ra khỏi thành, để Cơ ở lại dinh, còn mong cho khỏi, nhưng vào ngày 14 Cơ bèn theo tiên quân mà lia cõi trần. ở giữa đường nghe được tin, rất lấy làm buồn. Cơ sống hay chết đều theo tiên quân ta, có thể coi là bậc trinh thuận thành thực, còn bọn ta thờ phụng đáng thân, không có công trạng gì, không những đắc tội với cha, mà cũng thẹn với Cơ nữa. Nay linh cữu ở dọc đường, tính đường đất đến cuối tháng mới tới quê nhà. Tang sự là việc lớn, chính đương lúc chật vật nơi núi cao khe thẳm, đường đi xa xăm này, thế không thể cho phép mang cả di hài của Cơ cùng đi theo mà về. Vậy xin chọn ngày tốt, tạm chôn ở cánh đồng Vĩnh Trại, ấp này phụng thờ đền tiên quân, có động Truyền thần ở đó. Khí thiêng chung đúc, um tùm âm u, Cơ có thể lại nương tựa, để phụng thờ tiên quân. Đặt hai khoảnh ruộng để hàng năm tuần tiết thờ cúng Cơ, đều khắc vào mặt sau bia, truyền lại lâu dài. Cơ có con đại, lũ tôi xin vì Cơ nuôi dạy, Cơ có mẹ già, lũ tôi xin vì Cơ thăm hỏi, Cơ ở dưới chín tuổi, sẽ không để lòng lo buồn. Ba năm đã sạch sẽ rồi, sẽ cải cát đưa hài cốt về để hầu hạ mồ mã tiên quân, sẽ yên ủi lòng mong mỏi của Cơ” (Tế thứ mẫu Hoàng Thị văn - Kim mã hành dư).

Khi linh cữu về gần đến kinh thành Thăng Long, vì tang đại thân, không được đi qua kinh đô, Ngô Thì Nhậm phải đưa đi đường vòng xuống phía hạ lưu sông Hồng, vượt sông về đến đầu làng Tả Thanh Oai, dựng rạp bên bờ sông Nhuệ, làm ma. Lại cũng vì lệ người chết nơi tha hương không được đem linh cữu về nhà mình ! Tại nhà tế này Ngô Thì Nhậm đề đôi câu đối, bao quát cả cuộc đời hoạt động của người cha:

Tam đô xuất trấn kiêm văn vũ;

Lưỡng tiền đăng triều sáng cổ kim.

(Hào môn ai lục).

(Ba lần ra trấn thủ xứ ngoài, tài kiêm văn võ;

Năm Nhâm Tý (1792), Ngô Thì Nhậm kiêm chức Quốc sử thư Tổng tài. Giữa lúc vua sáng tối hiền gặp gỡ thì vua Quang Trung lâm bệnh đột ngột qua đời vào ngày 29 tháng 7 (nhuận), năm ấy.

Tháng 2 năm sau (1793), Ngô Thì Nhậm lãnh chức Chánh sứ sang Thanh (Trung Quốc) báo tang và cầu phong cho vua mới Quang Toản.

Đi sứ là việc hết sức hệ trọng, không những đối với quốc gia đại sự mà ngay bản thân người đi sứ cũng lo lắng đến cả tính mạng của mình, e rằng lần đi sứ này khó có thể sống sót trở về, nên trước khi lên đường Ngô Thì Nhậm đã viết lời dặn lại con cháu rất cẩn kẽ:

“Học Tôn công em ta (tức Ngô Thì Chí), đã quy tiên trước ta rồi, cháu Phàm (tức con Ngô Thì Chí) nên lập từ đường ở bản ấp để thờ cúng em ta. Từ đường đó cứ theo như nhà cũ, sau này cháu, rồi con trưởng của cháu nối tiếp phụng thờ. Sùng là em cháu, sau khi khôn lớn, nên làm nhà ở làng Bảo Triện cùng nương tựa vào cậu là Hoàng giáp công (Định Lĩnh hầu), đợi khi nào mẹ cháu tuổi già, rước về Bảo Triện, lúc trăm tuổi hợp táng với cha cháu. Nay mẹ cháu tuổi chưa tới 50, ta chưa cho về.

Em thứ ta là Quảng Nghiệp quân, không có con, nay giao cho em Thiệm, (Thiệm là con ông chú: Ngô Tường Đạo) sau này thờ chú ta (Ngô Tường Đạo, bố của Thiệm) làm hàng chiêu, thờ Quảng Nghiệp quân ở hàng mục. Em (tức Thiệm) là người có tài, không phải tục tằn, ta đâu phải nhiều lời.

Em thứ nữa là Trí, ở chi ta là ngành thứ, song đối với bà thứ mẫu Thuận Nhân lại là ngành trưởng (Ngô Thì Chí là em thứ ba của Ngô Thì Nhậm, nhưng là con đầu của bà mẹ kế (thứ mẫu) là Thuận Nhân sinh ra), đã thờ thần chủ bà thứ mẫu Thuận Nhân phối hưởng với Tiên công, đó là lòng hiếu kính của ta theo chí hướng của các cụ trước, đời đời không dám vượt quá. Trí, em nên cùng với Thân con cả ta ở chung (trong Ngô gia văn phái và Ngô gia thế phả chép Ngô Thì Diên, chữ Diên 典 và Thân 伸 tự dạng gần giống nhau, có lẽ ở đây chép lầm chữ “Diên” ra chữ “Thân”?). Chú cháu phụng thờ tư tết phải kính cẩn, không được trái cái ý hiếu thuận của ta. Em [Trí] nên ở một khu đất phía trước, bên phải nhà của cháu Thân. Đất đó do Tiên công ta cho, lại một chiếc ao nữa, ta thu lại làm ao hương hỏa, sẽ lấy một chiếc ao đào cũ, sào thước cũng đúng bằng ấy để đổi.

Em thứ thứ nữa là Hoàng, vợ em có công nhưng không may không có con, cho em được ở quê vợ, cùng nương tựa với anh em họ ngoại. Em nên lấy vợ lẽ, người trong họ của vợ em, để kế về sau. Hàng năm lễ tết giỗ chạp thì về quê quán cùng anh em tôn tộc hội họp yến ẩm, là được.

Em thứ thứ nữa là Hương, mẹ em đã cải giá, vợ em cũng mất sớm, cảnh ngộ em rất lận đận, ta thương lắm. Nhưng sau em cưới vợ nữa, đó là điều không chỉ nói về đạo làm người, mà là theo đạo trời đất. Vì ngay từ khi còn nhỏ đã phải đơn côi khổ cực, đạo trời thì thêm bớt, ắt trưởng thành hanh thông. Sau này để tang sinh mẫu và giá mẫu. Hiện tại không được gặp mặt em. Vợ em hiện không có con, cho phép em lấy em gái vợ làm kế thất. Em nên làm nhà ở xã Cao Xá, nhập tịch xã đó. Còn như thổ cư ở thôn Đức Lâm, nay chị dâu thứ nhì tạm ở, sau này lấy nhà đó làm nơi thờ vợ (cả) của em. Bố mẹ vợ em đem con gái thứ hai gả cho em, con rể cũng như con đẻ, sau này, theo lễ thì để tang 1 năm, theo tình thì để tang 3 năm, không được làm trái lời ta.

Con trưởng Thân ! Con là con cả, ở quê cha mẹ, phụng thờ tổ tông, con cùng chú Trí ở chung, phải lấy hiếu thuận khuyên bảo, lấy thành thực đối xử, chớ phá hoại nền nếp ông cha. Con giữ một khu ao hương hỏa và các thửa ruộng tế của đàn Truy Viễn, siêng năng sản nghiệp, để đủ dưa muối, không được khiếm khuyết.

Con thứ Nghi ! năm Nhâm Dần (1782) lúc ta phải trốn tránh, cùng bàn với mẹ con, cho con ở quê ngoại xã Bách Tính, để phụng thờ những giỗ chạp về họ ngoại. Con nên cùng cậu Đồng Lạc thị nhập tịch làng đó. Nay cho con một ngôi nhà ở bên phải nhà anh Thân con, đó là một khu đất đằng sau suốt mãi tới phần đất của chi trưởng, để khi tuần tiết hàng năm, trở về ở đó mà cúng tế cho tiện.

Con thứ thứ nữa Quán ! Đã cho làm thừa tự em gái ta là Cung Hòa huy nhân, vợ Trác Lĩnh hầu, cho con làm nhà ở xã Bằng Liệt để thờ tự bố mẹ nuôi. Còn mẹ đẻ con, cho một ngôi nhà ở bên trái nhà anh Thân con, đằng sau suốt mãi tới vườn sau từ đường, cho có nơi dựa dẫm, ăn ở được yên.

Ngoài ra, con trai, con gái còn nhỏ, phó cho mệnh trời, không dám mong ước nhiều.

Lại ông anh họ là Hựu, được nhờ cha ta xưa nuôi làm con, kể tuổi thì phải làm em ta, nay ta đã xây dựng gia đình cho em để giữ hương khói ngành trưởng, em phải cùng anh Trí và cháu Thân ở chung, phải một nhà hòa thuận yêu mến, có thủy có chung, nhất là chia rẽ người này người nọ, phải cấm hẳn. Nếu trái lời ta, tổ tiên chứng giám !

Này, ta là người ứng phó với việc đời, từng làm bài phú Mộng Thiên Thai, có câu rằng:

“Lấy cả vũ trụ làm lều chù,

Ôi sao buộc được cánh chim hồng đây?”



Con đường dong ruổi chạy vạy của ta, tương lai chưa thể đoán được. Ngửa trông phúc lớn, việc đi sứ xong, khi cười ngửa nhìn thấy cái vui của gia đình, nào cha con, nào anh em, nào ông cháu, càng có nhiều truyện lý thú.

Một thiên nghị luận về việc họ này, chỉ là sơ lược mà thôi”.

Trên đường đi sứ, đi đến Nam Ninh, được tin quê nhà mở khoa thi, ông lại viết thư về dặn dò con cháu:

“Năm nay mở khoa thi, lấy học trò đỗ bằng những bài Kinh nghĩa và văn sách. Khi thi tuyển, quan hữu ty dẫn dắt, cất nhắc vào kinh. Bước đường mây xanh dài rộng, người học giỏi mới được nộp danh sách.

Xem ra, lũ chúng mày học thì đỉnh đoảng, cần nên sửa chữa, đừng có chơi đùa, để đợi khoa sau sẽ gặp dịp tốt. Là con em nhà thế gia, đứng trong hàng đại tử, không thể ví với con em nhà thường dân, gặp bước tiến mau, sức học thì không đủ, nhưng mong muốn những việc ngoài bốn phận, để nhục tới danh tiếng gia đình. Chú cháu chúng mày ở nhà, càng nên bảo nhau cố gắng, chăm đọc sử sách, vì ở đời người có văn chương là quý. Đến như việc khoa cử, phận trời đã định. Truyện nhà Đào Bính, để lại trò cười cho các nhà đại gia, phải răn cấm, phải răn cấm! Chớ cho lời ta nói là viễn vông không thiết thực. Nếu nhà chức trách cho việc không nộp danh sách ứng cử mà trách móc, thì khi ra ứng khảo hạch ở huyện, nếu có mỗ mãng mà bị đánh hỏng, cũng không hại gì. Cần nhất là không nên “vẽ rắn trỏ chim,” tài sức không đủ mà cứ miễn cưỡng làm, đến lúc thi lại, bị trượt, rất là hổ thẹn.

Đường xá xa xôi, trong lòng nhớ nhung, nghĩ tới các người, mượn bút gửi lời, ghi lòng chó trái.

Cuối tháng trọng Xuân, viết ở nhà trọ Nam Kinh, và để báo tin bình an mà mừng.”

(Giới đệ tử điệp thư)

Lần đi sứ này Ngô Thì Nhậm trở về bình yên. Về đến Thăng Long, ông chỉ kịp ghé qua nhà viếng mộ con trai Văn Trang vương vừa mất trước khi đi sứ ít ngày, rồi vào Phú Xuân ngay, mãi đến cuối năm Giáp Dần (1794) mới trở lại quê nhà.

Hai lượt được tiến triều, là dịp hiếm có xưa nay). "

(NGÔ THÌ NHẬM VỚI ĐỜI THƯỜNG- LÂM GIANG ( <http://hannom.org.vn/> ).

**LƯỢC PHẢ DÒNG HỌ NGÔ THỜI .**

Dòng họ Ngô đến lập nghiệp tại Tả Thanh Oai đã nhiều đời, nhưng Ngô gia thế phả cũng chỉ coi từ đời cụ Phúc Cơ (khoảng đầu thế kỉ XVI) là người mở đầu cho dòng họ Ngô tại Tả Thanh Oai. Tên thụy hiệu của cụ tổ đều không rõ, năm Giáp Ngọ, cháu đời thứ 12 là Ngô Phong, họp họ, xin đặt thụy hiệu, tôn làm Triệu tổ (Ngô gia thế phả).

Đời thứ hai là cụ Mỹ Đức, giữ chức Cao Sơn cục chính trưởng.

Đời thứ ba là cụ Hoảng Nghị, tự Minh Dực tướng quân.

Đời thứ tư là cụ Cẩn Tiết, Nho sinh trúng thức.

Bắt đầu từ đây dòng họ Ngô chia ra làm hai chi Giáp và chi Ất. Ngô Thì Nhậm thuộc chi Giáp, và kể từ đời cụ Phúc Cơ thì ông thuộc đời thứ 13 của dòng họ.

## **I/ NGÔ THỜI SĨ.**

Bố: NGÔ THỜI ỨC

Mẹ: Bà Tiết Ý họ Tưởng.

Ngô Thời Sĩ có 4 bà vợ.

\* Vợ đầu :Bà Trinh Từ họ Nguyễn .

Sinh được các con :

1. NGÔ THỜI NHẬM ( cả ).
2. NGÔ THỊ THỰC – Là vợ Phan Huy ích.
3. NGÔ THỜI CHÍ. ( Học Tôn ốm chết năm 1788.)
4. NGÔ THỊ VIÊM.
5. NGÔ THỊ ĐIỆN.
6. Một cho em trai làm con nuôi không rõ tên.

\* Vợ thứ 2 năm 1764 Ngô Thì Sĩ lấy vợ kế họ Nguyễn sinh ra : Hiệu Thuần Nhân.

1. NGÔ THỜI TRÍ.
2. NGÔ THỜI HOÀNG

\* Vợ thứ 3 : Sinh ra : NGÔ THỜI HƯƠNG. Bà này đã cải giá với người khác

\* Vợ thứ 4 :Người vợ thứ tư của Ngô Thì Sĩ họ Hoàng, hiệu Tuệ Trang, theo ông lên Lạng Sơn, sinh được một trai nhưng không nuôi được, sau mới sinh được bé gái còn nhỏ thì Ngô Thì Sĩ qua đời. Lúc đưa linh cữu về quê, bà quá đau xót mà sinh bệnh, không thể đi cùng. Linh cữu đi được vài ngày, có tin báo bà đã mất. Ngô Thì Nhậm phải dừng linh cữu giữa đường, quay lại Đoàn Thành lo tang ma cho người mẹ kế, chôn cất tại đó, hẹn ba năm sau cải táng đưa về quê, cái thế lúc này không thể đưa linh cữu mẹ kế về cùng.

## **II/ NGÔ THỜI NHẬM**

Bố: NGÔ THỜI SĨ

Mẹ: Bà Trinh Từ họ Nguyễn

Vợ Ngô Thị Anh, người quê Bách Tính, Sơn Nam Hạ (Kim mã hành dư). Quê vợ cả ở am Lệ Trạch, xã Đội Trạch, trấn Sơn Nam (Vũ Thư, Thái Bình).

CON.

1. NGÔ THỜI THÂN – CON TRƯỞNG .

2. NGÔ THỜI NGHI (ms) 1776

3. NGÔ THỜI QUÁN 1782

4. NGÔ THỜI HIỆU 1792

5. NGÔ THỜI THẬP.

Ngô Thời Nhậm còn có những bà vợ khác , diệnbathn chưa có tư liệu.

( diệnbathn tổng hợp từ các tư liệu ).

Vậy hai vị phu nhân ở trong hai ngôi mộ hợp táng nói trên là những vị nào , diệnbathn chưa có tư liệu về việc này.

## 6. TÌNH CẢM GIỮA HAI ANH EM RÊ NGÔ THỜI NHẬM VÀ PHAN HUY ÍCH.

Lướt qua phần tiểu sử của Phan Huy ích và Ngô Thì Nhậm chúng ta sẽ hiểu thêm mối quan hệ thân thiết gắn bó giữa hai ông và con đường đến với triều đại Tây Sơn của họ. Về tuổi tác hai người hơn kém nhau 4 tuổi, Phan Huy Ích sinh ngày 12 tháng 12 năm Canh Ngọ (1750). Lúc nhỏ ông vốn tên là Phan Công Huệ, khi đi thi vì kiêng húy bà chúa Chè - Đặng Thị Huệ, nên đổi tên là Huy Ích, hiệu Dụ Am, tự Khiêm Thụ Phủ. Ông là con Phan Huy Cẩn, người làng Thu Hoạch, huyện Thiên Lộc (nay thuộc tỉnh Hà Tĩnh), sau dời ra ở làng Thụy Khuê, huyện Thạch Thất, tỉnh Sơn Tây (nay thuộc Hà Tây) rồi nổi đời ở đấy, ông Cẩn đỗ Tiến sĩ khoa Giáp Tuất năm Cảnh Hưng thứ 15 (1754), được phong tước Khuê Phong hầu. Phan Huy Ích là học trò Ngô Thì Sĩ sau làm rể Ngô Thì Sĩ, lấy em gái Ngô Thì Nhậm; chính vì thế mối quan hệ giữa Ngô và Phan càng gắn bó. Ngô Thì Nhậm sinh ngày 11 tháng 9 năm Bính Dần (1746) tại làng Tả Thanh Oai (tục gọi là làng Tó) trấn Sơn Nam. Thuở nhỏ, ông tên là Phó sau đổi là Nhậm, tên tự là Hi Doãn, hiệu Đạt Hiên. Xuất thân từ thế gia vọng tộc, có truyền thống học hành thi cử, lúc nhỏ Ngô Thì Nhậm theo học ông nội là Đan Nhạc Công Ngô Trân, đến 15 tuổi theo học người cha là Ngô Thì Sĩ, một con người nổi tiếng trong dòng họ Ngô và giới Nho sĩ thời đó. Ngô Thì Sĩ đậu Tiến sĩ và làm quan tới chức Thiêm đô ngự sử dưới thời Lê - Trịnh. Đến niên hiệu Cảnh Hưng năm ất Mùi (1775) lúc đó Ngô Thì Nhậm 30 tuổi, ông thi đỗ Tiến sĩ cùng với Phan Huy ích. Trong bia ký Tiến sĩ khoa ất Mùi đặt tại Văn miếu Hà Nội còn ghi lại: “... Qua trường bốn lấy trúng cách bọn Phan Huy Ích 18 người. Sang tháng sau thi Điện, ban cho bọn Ngô Thế Trị đỗ Đồng Tiến sĩ xuất thân. Lại sai khắc vào đá để lưu truyền bất hủ. Đề tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân, 18 người trong đó: Ngô Thì Nhậm, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Oai.

Phan Huy Ích xã Thu Hoạch, huyện Thiên Lộc.”

Sau khi thi đỗ hai ông làm quan dưới thời Lê - Trịnh. Người thì được bổ làm Đốc đồng Thanh Hoa, người thì làm Đốc đồng Thái Nguyên. Nhưng xem ra con đường hoạn lộ đối

với hai ông dưới thời Lê - Trịnh đều quanh quẩn bề tấc, có lúc Ngô Thì Nhậm còn rơi vào cảnh cùng quẫn, bị hiềm nghi phải trốn tránh, còn Phan Huy Ích cáo bệnh từ quan không được, nên đóng bè ở dưới sông, mỗi tháng chỉ lên công đường một lần...( <http://hannom.org.vn/> ).

Xin theo dõi tiếp bài 15 . dienbatn .

---

## **KHẢO SÁT MỘT SỐ NGÔI MỘ CỦA TIỀN NHÂN ĐỂ LẠI . BÀI 15.**

*Thứ Ba, ngày 10 tháng 5 năm 2016*

### **KHẢO SÁT MỘT SỐ NGÔI MỘ CỦA TIỀN NHÂN ĐỂ LẠI .**

*Sau rất nhiều chuyến đi đã khảo sát Phong thủy âm trạch , dienbatn còn giữ được một số tư liệu về những ngôi mộ cổ do tiền nhân đặt từ xưa . Nay đăng lại trong Blog này làm tư liệu và mong rằng những Thầy Địa lý của Việt Nam hiện nay nghiên cứu và hy vọng sẽ rút ra được những điều bổ ích cho mình , ngõ hầu có thể giúp cho những thân chủ của mình một cuộc sống an vui , hạnh phúc.*

*Sách có câu : "Tiên tu nhân lập âm chất, nhi hậu tâm Long " .*

*Người người đều muốn có được một Địa trạch tốt tươi, nhằm thăng hoa cuộc sống vật chất đầy đủ, công danh hiển hách, vợ đẹp con ngoan, Gia đình hạnh phúc. Sách THÔI QUAN THIÊN viết : "Trong nhà có người đức hạnh cao thượng thì đất đá trên núi gần đó nhất định có Linh khí ". Qua câu nói trên tức là con người làm chủ Linh khí vạn vật do phần Tâm khí của chính mình. Các Phong Thủy Sư không hiểu điều này thì dù có Trích Huyệt Tầm Long được Bảo địa cũng chẳng linh nghiệm.*

*Những việc Tầm Long Địa Huyệt còn phải hội thêm phần cảm ứng tức là Thiên Đạo (Đạo Trời ); sự ứng nghiệm của việc hành thiện lập âm chất, tạo nhân quả tốt. Tục ngữ có câu : "Âm địa tốt không bằng Tâm địa tốt ". Do vậy, tìm kiếm chọn lọc được Địa mạch Huyệt vị, Phong Thủy Sư phải tích đức hành thiện làm căn bản. Nếu kẻ nào có phẩm chất cao thượng, thì ắt Thiên cơ sẽ ứng, Địa cơ theo đó mà tăng thêm sự tốt lành cho con cháu đời sau hưởng Phúc. Bởi Tâm địa thiện lương thì tương ứng với Địa mạch cát lợi , vận Trời ứng cho, chứ chẳng phải chủ quan tâm về hình thức mà quên đi nội dung, cứ tưởng rằng tầm được Long huyệt rồi, con cháu đời sau sẽ được hưởng Phúc, cái gốc chúng ta chẳng lo mà lại đi lo cái ngọn, rõ là ta chẳng biết gì cả. Nếu như các Phong Thủy Sư họ tài giỏi như thế thì ắt họ phải giành những huyệt Đế Vương, Công Hầu, Khanh tướng cho con cháu họ, chứ đại gì mà họ chỉ cho ai ?*

*Quách Phác nói : "Cát hung cùng cảm ứng lẫn nhau, họa phúc cũng tự nhiên theo Tâm*



khí chiêu cảm mà đến ".

Khi táng di hài Tổ tiên, chắc người ta phải chọn Địa huyết thật tốt mà an táng, song song với việc trên, người tại tiên phải nỗ lực tu dưỡng thân, tâm cầu lấy gốc rễ của Đạo. Nếu chỉ chú trọng quan sát hình thể Địa huyết, sẽ cho kết quả trái ngược, làm tổn hại đến con cháu đời sau.

Nếu như có Nhân, tất phải có Quả; nhưng Nhân - Quả thiện ác tùy vào Tâm khi chiêu lấy họa phúc. Cũng như ngày xưa có người chết được Thiên táng hay Địa táng một cách ngẫu nhiên, con cháu sau này phát Đế Vương, Công hầu.

Triệu Quang viết cuốn : "PHONG THỦY TUYỂN TRẠCH TỰ ", có nói rằng : "Vô phước cho ai không có nhân duyên mà được Huyết tốt ". Dẫu cái tốt, xấu của Phong thủy Huyết mộ ảnh hưởng đến cát hung, nhưng Âm đức của con người có thể cải biến được Vận - Mạng. Đến như các bậc Tiên bối Phong thủy như Cao Biền, Quách Phác tài giỏi kinh Thiên động Địa, nhưng khi gặp Huyết Đế Vương cũng không dám dành cho mình, bởi biết đạt Địa lợi, nhưng Thiên thời và Nhân hội còn khuyết, không dám nghĩ bàn. Tóm lại việc "TIÊN TÍCH ĐỨC, NHI HẬU TÂM LONG " của người xưa dạy quả không sai.

## 10 / KHẢO SÁT LĂNG MỘ VÀ TỪ ĐƯỜNG NGÔ THÌ SĨ - NGÔ THÌ NHẠM - LÀNG TỐ. ( Tiếp ).

### 7/ TỪ ĐƯỜNG NGÔ THÌ SĨ - NGÔ THÌ NHẠM - LÀNG TỐ.



Nhà thờ Ngô Thì Nhậm trước đây được gọi là đền Sùng Đức. Theo bia Sùng Đức từ ký. Có niên đại Cảnh Thịnh thứ hai (năm 1794) thì đều do thân phụ của Ngô Thì Nhậm là Văn Dụ vương (tức Ngô Phong công Ngô Thời Sĩ) xây năm Bính Tuất đời Cảnh Hưng (1766), sau khi ông thi đậu Hoàng giáp. Trong nhà thờ còn lưu giữ được chân dung Ngô Thì Nhậm, Ngô Thì Sĩ và một số đồ dùng của Ngô Thì Nhậm.



" Em thứ nữa là Trí, ở chi ta là ngành thứ, song đối với bà thứ mẫu Thuận Nhân lại là ngành trưởng (Ngô Thì Chí là em thứ ba của Ngô Thì Nhậm, nhưng là con đầu của bà mẹ kế (thứ mẫu) là Thuận Nhân sinh ra), đã thờ thần chủ bà thứ mẫu Thuận Nhân phối hưởng với Tiên công, đó là lòng hiếu kính của ta theo chí hướng của các cụ trước, đời đời không dám vượt quá. Trí, em nên cùng với Thân con cả ta ở chung (trong Ngô gia văn phái và Ngô gia thế phả chép Ngô Thì Diễm, chữ Diễm 典 và Thân 伸 tự dạng gần giống

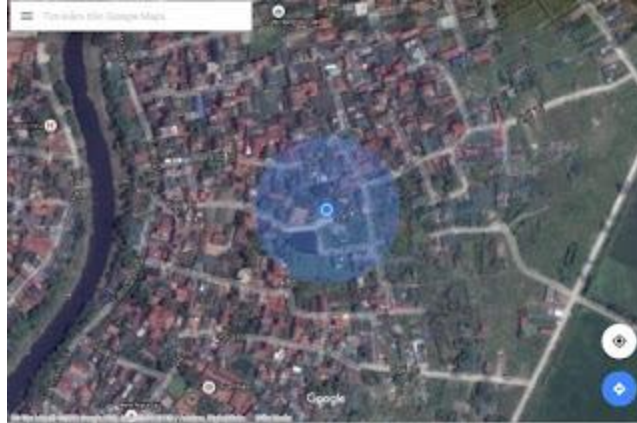
nhau, có lẽ ở đây chép lầm chữ “Điền” ra chữ “Thân”? Chú cháu phụng thờ tư tét phải kính cẩn, không được trái cái ý hiếu thuận của ta. Em [Trí] nên ở một khu đất phía trước, bên phải nhà của cháu Thân. Đất đó do Tiên công ta cho, lại một chiếc ao nữa, ta thu lại làm ao hương hỏa, sẽ lấy một chiếc ao đào cũ, sào thước cũng đúng bằng ấy để đôi." <http://hannom.org.vn/>



*dienbatn cùng anh Bình , anh Công, anh Liêm là con cháu dòng họ Ngô tại từ đường Ngô Thì Sĩ - Làng Tó.*

Nhà thờ và Lăng mộ Ngô Thì Nhậm được dựng từ thế kỷ thứ XIX theo kiểu nội tự ngoại khách. Năm 1977 tỉnh Hà Sơn Bình công nhận nhà thờ và lăng mộ Ngô Thì Nhậm là di tích lịch sử. Năm 1997 nhà thờ và lăng mộ Ngô Thì Nhậm được Bộ văn hóa thông tin công gnhాan là di tích lịch sử. Để tưởng nhớ ngày mất của danh nhân, vào ngày 16-2 âm lịch hàng năm, Đảng uỷ, UBND xã, thôn cùng con cháu trong họ làm lễ dâng hương tại khu di tích.





"Truyền kể khi Chu Văn An mở trường dạy học ở quê nhà, có nhiều học trò tìm đến theo học. Trong số này có một người sáng nào cũng đến thật sớm nghe giảng. Thầy dạy khen là chăm chỉ nhưng không rõ tông tích ở đâu. Ông bèn cho người dò xem thì cứ đến khu đầm Đại (khu đầm lớn hình vành khuyên, nằm giữa các làng Đại Từ, Tứ Kỳ, Huỳnh Cung) thì biến mất. Ông biết là thần nước. Gặp lúc đại hạn kéo dài, giảng bài xong ông tụ tập các trò lại hỏi xem ai có tài thì làm mưa giúp dân, giúp thầy. Người học trò kỳ lạ trước có vẻ ngần ngại, sau đứng ra xin nhận và nói với thầy: "Con vâng lời thầy là trái lệnh Thiên đình, nhưng con cứ làm để giúp dân. Mai kia nếu có chuyện gì không hay, mong thầy chu toàn cho". Sau đó người này ra giữa sân lấy nghiên mài mực, ngửa mặt lên trời khấn và lấy bút thấm mực vẩy ra khắp nơi. Vẩy gần hết mực, lại tung cả nghiên lẫn bút lên trời. Lập tức mây đen kéo đến, trời đổ mưa một trận rất lớn. Đêm hôm ấy có tiếng sét và đến sáng thấy có cây thường luồng nổi lên ở đầm. Chu Văn An được tin khóc thương luyến tiếc rồi sai học trò làm lễ an táng, nhân dân các làng lân cận cũng đến giúp sức và sau nhớ công ơn bèn lập đền thờ. Nay vẫn còn dấu vết mộ thần. Theo truyền thuyết, chỗ nghiên mực bị ném rơi xuống đã biến thành đầm nước lúc nào cũng đen, nên thành tên là Đầm Mực. Quân bút rơi xuống làng Tả Thanh Oai biến làng này thành một làng văn học quê hương của Ngô Thi Sĩ, Ngô Thi Nhậm, v.v... Trong đền thờ thần còn đôi câu đối khá tiêu biểu ghi lại sự tích này.

Mặc nghiên khởi tường vân, nhất bút lực hồi thiên tự thuận.

Chu đình lưu hóa vũ, thiên trù vọng thiếp địa phồn khô.

(Mây lành từ nghiên mực bay lên, một ngọn bút ra công trời thuận theo lẽ phải.

Mưa tốt giữa sân son đỏ xuống, nghìn cánh đồng đội nước, đất nẻ trở mùa hoa).

(Chu đình có hai nghĩa: sân son và sân họ Chu, chỉ Chu Văn An)."

Trong tâm thức của người làng, thế đất của làng phát đạt về mặt học hành nên có ý thức với việc học. Cuốn Lư sử điển yếu điều lệ (soạn năm 1791), viết :“Làng Tả Thanh Oai đất do sông Tô dẫn mạch, miếu do sông Nhuệ bồi cơ, danh đăng khoa giáp, thế phiết thi thư, quý mà không phú, phần nhiều là sĩ dân sinh về đường học, coi là việc hàng đầu...". Làng Tả Thanh Oai trước đây có 2 đình là đình Tổ Thị và đình Hoa Xá (nay chỉ còn đình



Hoa Xá), thờ Lê Hoàn và Bà Chúa Hên – cô gái làng Tó được Lê Hoàn lấy làm phi trong dịp dẫn đại quân theo đường sông ra Bắc để tiêu diệt quân xâm lược Tống, ghé thăm làng (năm 981).





Di ảnh Ngô Thời Sĩ - Ngô Thời Nhậm tại từ đường.



Trên cùng ban thờ đề chữ : 王 大 峯 午 - NGÔ PHONG ĐẠI VƯƠNG ???

















bắc ngang một cây tre, nhìn lên bản đồ Hà Nội như một mao mạch màu xanh, bên cạnh động mạch chủ gân guốc - Hồng Hà.

Sự ra đời của con sông Tô Lịch còn có nhiều giả thuyết. Có người cho rằng sông Tô Lịch do Thái Thú Cao Biền đào cách đây trên nghìn năm. Có người bảo nó là một đoạn sông Hồng bị đổi dòng. Dù nó ở sự phát nguyên nào chẳng nữa thì trong cuộc đời tồn tại của Tô Lịch, bao trầm tích văn hoá đã được bồi đắp.

Người Kinh kỳ gọi dòng sông của mình là Giang Linh Thần. Bởi lẽ, suốt chiều dài mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước, lúc nào, thời đại nào, nơi đây cũng xuất hiện những anh hùng cái thế "tề gia, trị quốc, bình thiên hạ" hay những tao nhân mặc khách mà thơ văn và nhân cách của họ mãi mãi còn lay động lòng chúng ta.

Xin giới thiệu những danh nhân văn hoá, những anh hùng dân tộc đã sinh ra và lớn lên bên bờ sông này.

Đầu tiên là Làng Cót, gồm thượng Yên Quyết và hạ Yên Quyết, với 13 tiến sĩ, là một trong bốn làng khoa bảng nhất của huyện Từ Liêm "Mỗ, La, Canh, Cót".

Sông Tô Lịch tiếp tục chảy xuôi vào địa phận tổng Khương Đình càng nhiều các danh nhân khoa bảng, sông càng chảy dài về xuôi thì các danh nhân lại càng nhiều lên cả về số lượng lẫn tầm vóc. Có lẽ tinh túy của thiên nhiên tạo vật theo dòng chảy mà tích tụ dần.

Mời bạn rẽ vào Làng Mọc, bây giờ thuộc quận Thanh Xuân, TP.Hà Nội. Mọc là tên gọi còn tự là Nhân Mục. Nó gồm hai làng Nhân Mục cự và Nhân Mục môn.

Theo sách danh nhân khoa bảng Việt Nam 1075 - 1919 của Nguyễn Tiến Cường thì Nhân Mục có 13 vị đỗ tiến sĩ, một phó bảng, 31 cử nhân và vô số tú tài, trong đó, Nhân Mục cự (gồm Hạ Đình, Thượng Đình) 11 tiến sĩ. Nhân Mục môn hai tiến sĩ nhưng đều đỗ đầu (Đình Nguyên và Giải Nguyên). Nhân Mục cự còn có hai vị đỗ tạo sĩ (tiến sĩ võ).

Khai khoa tiến sĩ là Đình Nguyên Nguyễn Tuấn 1562 đời Lê Kính Tông, người đỗ cuối cùng của Làng Mọc là phó bảng Lê Đình Sán (Nhân Mục Cự) 1866 đời Thành Thái.

Trở về làng Giáp Nhất, ta tới thấp nén nhang tưởng niệm tiểu thuyết gia Vũ Trọng Phụng. Ông đã sinh ra cho đời những nhân vật văn học như Xuân Tóc Đỏ, Nghị Hách, Bà Phó Đoan và một câu cửa miệng bất hủ: Biết rồi, khổ lắm, nói mãi!

Rồi xuống làng Thượng Đình, quê mẹ của Nguyễn Thị Minh Khai, nơi chôn rau cắt rốn của nhà tuý bút kỳ tài Nguyễn Tuấn. Ngày nay, làng Thượng Đình trở thành phường. Trong phường có phố Nguyễn Tuấn.

Tiếp giáp làng Thượng Đình là Hạ Đình, quê hương Đặng Trần Côn. Có điều lạ là hiện nay con cháu ông đi đâu hết cả, vì thế xuất xứ của ông cũng còn là điều bàn cãi. Theo nhà giáo ưu tú Nguyễn Ngọc Lãm, Trưởng tộc Nguyễn Huy ở Hạ Đình thì Đặng Trần Côn kết giao với Thượng thư bộ Công Nguyễn Đình Kỳ, cụ tổ chín đời của ông Lãm.

Tình bạn keo sơn giữa hai kẻ sĩ đã níu ông ở lại Hạ Đình, mở trường dạy học và mất tại đó. Mộ Đặng Trần Côn vẫn sè sè nằm đất bên đường, cạnh sông Tô Lịch.

Từ Làng Mọc, Hạ Đình xuôi theo dòng sông Tô Lịch đến làng Lũ, với thôn Lũ Cầu, Lũ Trung và Lũ Vãn. Những danh nhân phát tích nhiều ở Lũ Trung (Kim Lũ), dù người khai khoa tiến sĩ của ba làng Lũ là Nguyễn Nhân Chính, người thôn Lũ Cầu (Kim Giang).

Ông đỗ năm 1634, từng được cử đi sứ Tàu, làm quan đến Lại bộ tả thị lang, sau được phong tằng Thượng thư Hải quân công. Người khai khoa thôn Lũ Trung là Hồng Đạo (Điền) (1677 - 1749) đỗ năm 1710, Hình bộ hữu thị lang. Sang triều Nguyễn, vì kiêng húy tên vua nên họ Hồng đổi thành họ Cung. Hồng Điền là một trong tứ hổ Thanh Trì trên văn đàn thi phú Thăng Long.

Danh nhân khoa bảng đáng kể tiếp theo là Nguyễn Công Thê (Thái). Tiến sĩ xuất thân, Quốc Tử Giám tể tửu 1728 Bồi tụng kiêm. Thượng thư bộ Lễ, bộ Lại, năm lần tham tụng (phó tể tướng) dưới bốn triều Vua Lê. Ông đã được nhà nước ta suy tôn danh hiệu Danh nhân văn hoá năm 2007.

Nguyễn Công Thê là nhà chính trị, nhà văn, nhà ngoại giao kiệt xuất. Trong những công lao của ông, nổi bật nhất là hai việc sau đây:

Đất Vị Xuyên thuộc Hà Tuyên vốn có mỏ đồng quý. Bọn thổ ty phủ Khai Hoá Vân Nam âm mưu lấn chiếm 120 dặm đất vào phía Nam, nhằm ý đồ chiếm mỏ đồng.

Triều Lê đã cử Nguyễn Công Thê lên ải Nam Quan triều đình với nhà Thanh đòi đất. Nguyễn Công Thê đã không ngại gian khổ, lặn lội nơi lam chướng, lần tìm tới những xưởng bạc, xưởng đồng, nhận đúng chỗ sông Đô Chú để dựng bia, đưa khu mỏ Tụ Long vào cương vực nước ta, giành lại 120 dặm đất cho tổ quốc.

Việc thứ hai: Khi thấy Trịnh Giang ăn chơi sa đoạ, sao nhãng việc quốc gia đại sự, Nguyễn Công Thê khuyên răn mãi không được, đã cùng Nguyễn Quý Kính phé bỏ Trịnh Giang, lập Trịnh Doanh là em thứ ba của Trịnh Giang lên ngôi chúa, lập lại kỷ cương đang bị băng hoại.

Khi Trịnh Doanh nghe lời sàm tấu của bọn gian thần, ông rũ áo từ quan về trí sĩ tại quê nhà, đem ruộng tước lộc từ vua chia cho 3 thôn Lũ, mở trường dạy học, sống thanh bần với quê hương dòng tộc.

Cũng trong dòng học Nguyễn Công Thế còn có Nguyễn Siêu - một ngôi sao sáng của tư tưởng Hán Nho mà tài thơ văn của ông đã được vua Tự Đức tôn vinh:

Văn như Siêu - Quát vô tiền Hán

Thi đáo Tùng - Tuỳ thất thịnh Đường

Nhờ Nguyễn Siêu mà Hà Nội có đền Ngọc Sơn, một hòn ngọc ở hồ Hoàn Kiếm. Đài Nghiên, Tháp Bút, biểu tượng cho tinh thần Nho giáo mãi mãi vươn lên bầu trời ba chữ: Tả thiên thanh, là niềm kiêu hãnh về Hà Nội ngàn năm văn hiến của chúng ta.

Gần với chúng ta hơn là Nguyễn Trọng Hợp, học trò của tiến sĩ Vũ Tông Phan và Nguyễn Văn Lý. Đậu tiến sĩ năm 1865, là thầy dạy của các vua Thành Thái, Hàm Nghi. Làm quan đến chức phụ chính đại thần, rồi Kinh lược xứ Bắc Kỳ, Trưởng bộ sứ Việt Nam sang Pháp đàm phán.

Năm 2003, ông đã được nhà nước quyết định công nhận là Danh nhân văn hoá đất nước. Ngoài dòng họ Nguyễn, Khoa bảng còn phải kể đến họ Cung và họ Hoàng, với một loạt cử nhân và những đóng góp to lớn cho nền văn hoá Thăng Long. Đó là Hoàng Đạo Thành, Hoàng Đạo Đạt. Đó là nhà Hà Nội học, huynh trưởng Hướng đạo sinh Việt Nam: Hoàng Đạo Thuý.

Qua làng Lũ đến làng Quang Liệt, ngày nay là Thanh Liệt. Quê hương của Thái sư bắc đầu Chu Văn An, người thầy giáo số một của đất nước ta, vị hiệu trưởng đầu tiên của Quốc Tử Giám, người duy nhất được thờ cùng với Khổng tử trong Văn Miếu.

Từ làng Quang, sông Tô Lịch phân thành hai nhánh. Một nhánh ra sông Nhuệ, nhánh chính tiếp tục chảy xuống Ngọc Hồi ra sông Hồng.

Nhánh ra sông Nhuệ chảy qua làng Tó. Nơi đây là quê hương của cả một dòng văn học mà trong sử sách vẫn thường ghi: Dòng Ngô Gia Văn Phái gồm 11 tên tuổi lẫy lừng như Ngô Thì Chí (1753 - 1788), Ngô Thì Du (1772 - 1840), Ngô Thì Hiệu (1791 - 1830), Ngô Thì Hương (1774 - 1821), Ngô Thì Nhậm (1746 - 1803), Ngô Thì Sĩ (1726 - 1780)...., trong đó nổi bật lên một nhà thơ, một người anh hùng cái thế mà những câu chuyện về ông vẫn thường xuyên được mọi người nhắc đến hôm nay, đó là Ngô Thì Nhậm.

Cách làng Tó không xa cũng bên bờ sông Tô Lịch là làng Nhị Khê, quê hương của anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi.

Từ đây, sông Tô Lịch mở rộng ra và ôm ấp lấp ruộng vườn làng Đông Mỹ, quê hương của nguyên Tổng bí thư Đảng cộng sản Việt Nam Đỗ Mười.

Chúng ta vừa làm một cuộc hành trình theo dọc sông Tô Lịch, từ hướng Bắc xuống Tây Nam của Hà Nội, để hiểu thêm về một dòng sông thiêng mà một thời xa xưa thành quách đã từng soi bóng.

Ngậm ngùi thay, bây giờ sông Tô Lịch ô nhiễm quá nặng, không còn là dòng sông từng đi vào ca dao:

*Sông Tô nước chảy trong ngần.*

*Con thuyền buồm trắng chạy gần chạy xa.*

Mai Vũ

Nguồn: VFEJ. "



Sông Tô Lịch ngày nay đang kêu : "Than ôi , Thời oanh liệt nay còn đâu ? ". Dòng Tô Lịch , dòng sông Nhuệ, dòng Kim Ngưu nay chỉ còn là những dòng nước thải đen xì , hôi thối mà dân Hà Nội đặt tên là dòng sông thối.

Xin xem tiếp bài 16. dienbatn.

---

## **KHẢO SÁT MỘT SỐ NGÔI MỘ CỦA TIỀN NHÂN ĐỂ LẠI . BÀI 16.**

*Thứ Hai, ngày 23 tháng 5 năm 2016*

### **KHẢO SÁT MỘT SỐ NGÔI MỘ CỦA TIỀN NHÂN ĐỂ LẠI .**

*Sau rất nhiều chuyến điền dã khảo sát Phong thủy âm trạch , dienbatn còn giữ được một số tư liệu về những ngôi mộ cổ do tiền nhân đặt từ xưa . Nay đăng lại trong Blog này làm*



tư liệu và mong rằng những Thầy Địa lý của Việt Nam hiện nay nghiên cứu và hy vọng sẽ rút ra được những điều bổ ích cho mình , ngõ hầu có thể giúp cho những thân chủ của mình một cuộc sống an vui , hạnh phúc.

Sách có câu : "Tiên tu nhân lập âm chất, nhi hậu tầm Long ".

Người người đều muốn có được một Địa trạch tốt tươi, nhằm thăng hoa cuộc sống vật chất đầy đủ, công danh hiển hách, vợ đẹp con ngoan, Gia đình hạnh phúc. Sách THÔI QUAN THIÊN viết : "Trong nhà có người đức hạnh cao thượng thì đất đá trên núi gần đó nhất định có Linh khí ". Qua câu nói trên tức là con người làm chủ Linh khí vạn vật do phần Tâm khí của chính mình. Các Phong Thủy Sư không hiểu điều này thì dù có Trích Huyệt Tầm Long được Bảo địa cũng chẳng linh nghiệm.

Những việc Tầm Long Địa Huyệt còn phải hội thêm phần cảm ứng tức là Thiên Đạo (Đạo Trời ); sự ứng nghiệm của việc hành thiện lập âm chất, tạo nhân quả tốt. Tục ngữ có câu : "Âm địa tốt không bằng Tâm địa tốt ". Do vậy, tìm kiếm chọn lọc được Địa mạch Huyệt vị, Phong Thủy Sư phải tích đức hành thiện làm căn bản. Nếu kẻ nào có phẩm chất cao thượng, thì ắt Thiên cơ sẽ ứng, Địa cơ theo đó mà tăng thêm sự tốt lành cho con cháu đời sau hưởng Phúc. Bởi Tâm địa thiện lương thì tương ứng với Địa mạch cát lợi , vận Trời ứng cho, chứ chẳng phải chủ quan tâm về hình thức mà quên đi nội dung, cứ tưởng rằng tầm được Long huyệt rồi, con cháu đời sau sẽ được hưởng Phúc, cái gốc chúng ta chẳng lo mà lại đi lo cái ngọn, rõ là ta chẳng biết gì cả. Nếu như các Phong Thủy Sư họ tài giỏi như thế thì ắt họ phải giành những huyệt Đế Vương, Công Hầu, Khanh tướng cho con cháu họ, chứ đại gì mà họ chỉ cho ai ?

Quách Phác nói : "Cát hung cùng cảm ứng lẫn nhau, họa phúc cũng tự nhiên theo Tâm khí chiêu cảm mà đến ".

Khi táng di hài Tổ tiên, chắc người ta phải chọn Địa huyệt thật tốt mà an táng, song song với việc trên , người tại tiền phải nỗ lực tu dưỡng thân, tâm cầu lấy gốc rễ của Đạo. Nếu chỉ chú trọng quan sát hình thể Địa huyệt, sẽ cho kết quả trái ngược, làm tổn hại đến con cháu đời sau.

Nếu như có Nhân, tất phải có Quả; nhưng Nhân -Quả thiện ác tùy vào Tâm khi chiêu lấy họa phúc. Cũng như ngày xưa có người chết được Thiên táng hay Địa táng một cách ngẫu nhiên, con cháu sau này phát Đế Vương, Công hầu.

Triệu Quang viết cuốn : "PHONG THỦY TUYỂN TRẠCH TỰ ", có nói rằng : "Vô phước cho ai không có nhân duyên mà được Huyệt tốt ". Dẫu cái tốt, xấu của Phong thủy Huyệt mộ ảnh hưởng đến cát hung, nhưng Âm đức của con người có thể cải biến được Vận - Mạng. Đến như các bậc Tiên bối Phong thủy như Cao Biền, Quách Phác tài giỏi kinh Thiên động Địa , nhưng khi gặp Huyệt Đế Vương cũng không dám dành cho mình, bởi biết đạt Địa lợi, nhưng Thiên thời và Nhân hội còn khuyết, không dám nghĩ bàn. Tóm lại việc "TIÊN TÍCH ĐỨC, NHI HẬU TẦM LONG " của người xưa dạy quả không sai.

## 11 / KHẢO SÁT LĂNG MỘ LỀU VĂN MINH - BẮC GIANG.



Đền thờ và lăng mộ Lều Văn Minh thuộc phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang. Đây là di tích lâu đời của tỉnh Bắc Giang đã được nhà nước công nhận là di tích lịch sử cấp quốc gia từ năm 1996.

Lều Văn Minh tên huý là Phạm Minh, ông là một nhân vật tài dũng thời Lý, có công tham gia đánh giặc Chiêm Thành từ thế kỷ thứ 11. Theo thần tích tỉnh Bắc Giang chép rằng: tại trang Cao Xá, huyện Thiên Phúc, trấn Nghệ An có một đôi vợ chồng làm nghề chèo thuyền bắt cá. Một hôm, hai vợ chồng bắt được một con rắn vàng. Người vợ định vớt để xem thì con rắn cuộn lại nhảy lên mình người vợ. Ít lâu sau, người vợ có mang và sinh hạ được một người con trai khôi ngô tuấn tú, đặt tên là Phạm Minh. Do thời loạn lạc, gia đình ông đem con tìm đến nơi khác lập nghiệp. Một hôm, đến bến sông Nhật Đức (sông Thương), trang Thọ Xương, trấn Kinh Bắc thì tự nhiên trời đất mù mịt, sóng to gió lớn, thuyền không đi được. Tại trang Thọ Xương có vị lệnh trương là Nguyễn Công Quyền đã ra cứu vớt và sau đó nhận Minh làm con nuôi. Năm 23 tuổi, Phạm Minh đã nổi tiếng tài năng, sức khỏe hơn người, được xưng là thần tử, mọi người đều quy phục.

Vào năm Can Phù, giặc Chiêm Thành đến quấy nhiễu, Phạm Minh đi tòng quân được phong đến Đại tướng quân thống lĩnh quân thủy, bộ và lập được nhiều chiến công. Do có nhiều công lao với đất nước và nhân dân, ông được triều đình phong làm Nam Bình Giang đô thống đại vương. Ông là người được vương triều nhà Lý ủy thác trông giữ lưu vực sông Thương.

Sau ngày ông mất, dân làng chôn cất ông chu đáo và lập đền thờ. Nhân dân các xã dọc đôi bờ sông Thương cũng được triều đình cho phụng thờ Lều tướng công. Có nơi gọi là Đô Thống đại vương, có nơi gọi là Minh Giang Đô thống Đại vương... Cảm phục tấm lòng trung quân, triều đình nhà Lý phong cho ông mỹ hiệu: “Đương cảnh Thành hoàng Đại tướng quân Thượng đẳng phúc thần Đại vương”. Đến thời Trần phong là: “Nam Bình Giang Đô thống đại tướng quân Thượng đẳng tối linh phúc thần đại vương”.

## Thần tích

Nhân dân địa phương còn truyền rằng, thời vua Trần Anh Tông đem quân đi đánh giặc Nguyên, qua đền Thọ Xương, giữa trưa tự nhiên nổi cơn phong ba bão táp, không sao đi được, phải đóng quân nghỉ lại. Trong giấc chiêm bao, vua thấy một người to lớn, mũ áo cân đai, hào quang rực rỡ, nói to rằng: “Tôi là Lều Nam Bình Giang sứ, hiện làm phúc thần chốn này, thấy nhà vua đi tiêu giặc, tôi xin lại giúp vua”. Nói xong biến mất. Lúc tỉnh dậy, vua sai lập đàn lễ tạ. Sau khi thiên hạ được thái bình, vua Trần ban tước phong là “Nam Bình Giang Đô thống đại tướng quân kiêm hạt Lều sứ Thượng đẳng tối linh Đại vương” và cho nhân dân sở tại tiền để hương đăng phụng sự.

Cuộc đời và sự nghiệp của Lều tướng công không chỉ được ghi vào bia ký tại đền mà còn được các triều đại phong kiến ban sắc, phong thần.

## Di tích

Trải qua thăng trầm của lịch sử, di tích đền thờ Lều tướng quân tại các làng xã dọc đôi bờ sông Thương không còn nhiều, chỉ còn một số điểm di tích thuộc huyện Lạng Giang, huyện Việt Yên, huyện Yên Thế và ở thành phố Bắc Giang là còn tồn tại đến ngày nay.

Nổi bật và bảo tồn nguyên vẹn là di tích đền thờ và lăng mộ Lều tướng công tại thôn Hoà Yên. Đây là công trình văn hoá, tín ngưỡng sâu sắc, nơi lưu niệm về danh tướng Lều Văn Minh thời Lý. Di tích là biểu tượng cao đẹp nhắc nhở thế hệ sau về lòng yêu nước chống giặc ngoại xâm của tiền nhân, đồng thời thể hiện truyền thống “uống nước nhớ nguồn” tốt đẹp của dân tộc ta.

## Hội lệ

Đền thờ Lều Văn Minh tổ chức hội lệ vào tiết Thanh minh hằng năm, đây là lễ mừng công nhà thánh Lều tướng quân. Trong kỳ lệ, nhân dân địa phương đem lễ vật tới lăng mộ Lều tướng công làm lễ. Sau lễ tưởng niệm ở mộ tướng công Lều Văn Minh mọi người về đền làm sự lệ và tổ chức trò vui như đu tiên, vật, cờ tướng, chơi gà, bắt vịt, bơi sải, tổ tôm...

( <http://mobile.coviet.vn/>:::<http://mobile.coviet.vn/>).

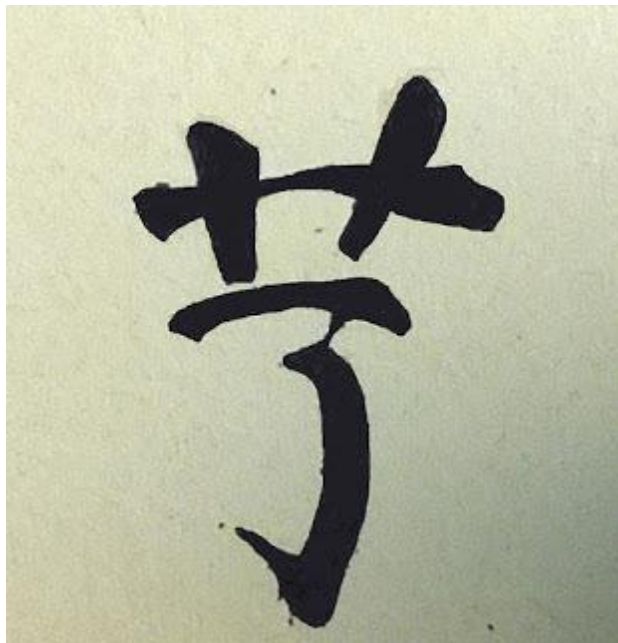
**HƯỚNG MỘ :** 245 độ. Mộ của Lều tướng công hiện là mộ hình tròn , đang trong quá trình đùn lên và nở ra . Đây chính là một ngôi mộ trong thời kỳ kết phát. dienbatn không có tư liệu gì về con cháu của dòng họ này. Ngôi mộ này có hướng cổng theo phân kim Giáp Dần - Mậu Thân , tọa Dần - Hướng Thân , thuộc cung Khôn ( Mùi - Khôn - Thân )

- Tây Nam. Sao trong hệ Phúc đức là Thiếu vong. Theo suy đoán của dienbatn thì ngôi mộ này có hướng không trùng với hướng của cổng vào.

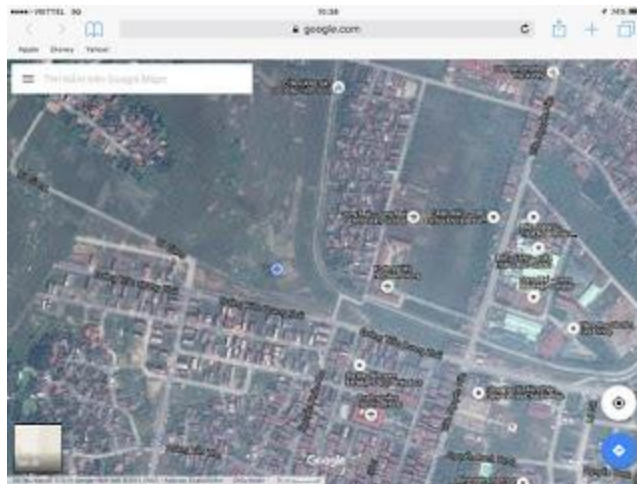
dienbatn cũng chưa có tư liệu là tại sao tướng công Phạm Minh lại mang họ Lều . Tra từ điển Hán - Việt Thiều Chửu thì dòng chữ trên bia mộ 墓之公相芎 - mộ chi công tương khung- KHUNG TUỞNG CÔNG CHI MỘ .

Chữ Khung 芎 .

Khung cùng 芎 芎 cỏ khung cùng, sinh ở đất Thục gọi là xuyên khung 川芎, củ dùng làm thuốc.?????











墓之公相芎 - LÊU TƯỚNG CÔNG CHI MỘ.









ĐỌC THÊM :

### **Lễ hội tiết thanh minh ở nơi thờ Lều Tướng công.**

Ở phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang có hội lệ vào tiết thanh minh, mở ra vào ngày thanh minh ở khu vực đền thờ và lăng mộ tướng công họ Lều. Hội lệ này ngày nay do dân làng Hoà Yên, Cung Nhượng, làng Hướng và làng Thương ( cũ ) cùng nhau tổ chức. Trong đó, làng Hoà Yên có trách nhiệm chính. Trong lệ đó, dân của các làng đem lễ vật tới lăng mộ Lều tướng công làm lễ. Lễ tế ở mộ có đọc bài văn như sau:

"Lịch sử đã ghi nhận tại nơi đất này: Đời vua Lý Thái Tông năm Càn Phù hữu đạo là niên hiệu thứ 3 của vị vua Lý Thái Tông: 1039 "" 1041, cách đây 962 năm. Hồi đó có giặc Chiêm Thành mang quân xâm lấn nước ta. Chúng đi theo đường thuỷ, ngầm lén lút tiến quân vào sông Lục Đầu Giang. Vua nhà Lý sai các đình thần, tướng sỹ trong triều đi đánh giặc, dẹp mãi không yên. ở trang Thọ Châu có một chàng trai khôi ngô tuấn tú, văn võ song toàn, tài sức địch muôn người, quê Thọ Châu, Lạng Giang phủ, Bảo Lộc cự, tâu sớ với nhà vua xin tình nguyện đánh dẹp giặc Chiêm Thành. Nhà vua liền ưng thuận giao cho mũ áo, kiếm lệnh, ngài thu thập tướng sỹ tập luyện để đánh giặc, đánh đâu thắng đó. Hai bên giao chiến ác liệt cả trên bộ và trên thuỷ.

Trận đánh diễn ra tại trang Thọ Châu, trang Kính Nhượng, trang Phú Yên ( nay là làng Thương, Cung Nhượng, Hoà Yên, vì ba địa danh này đều chung đường thuỷ, đường bộ ). Quân ta do sự chỉ huy tài tình của Đô Thống đại tướng quân chỉ huy, phục kích đánh giáp lá cà với quân Chiêm. Quân Chiêm Thành chết nhiều không kể xiết. Quân giặc hoang mang, chiến thuyền bị dấn chìm xuống dòng Thương Giang, bộ binh bị tiêu diệt; địch thua tan tác rút chạy theo đường thuỷ ra sông Lục Đầu Giang. Trận chiến đấu ác liệt trên dòng Thương Giang là một mốc son địa danh lịch sử. Chiến công ấy vang dội núi sông đã đưa Tổ quốc ta trở lại thái bình thịnh trị.



- Các sắc phong có ghi, nay giao cho Hoà An xã, Lạng Giang phủ, Bảo Lộc cự, Thọ Xương phường lưu giữ hương nhang phụng thờ. Theo tục lệ cổ truyền, hơn 900 năm đến ngày lễ thanh minh hàng năm là 4 làng, nhân dân tổ chức lễ rước ra mộ, tế lễ dâng hương hoa trước mộ đức thánh để cầu phúc cho dân được bình an thịnh vượng. Đây là một vinh dự lớn, và là trách nhiệm mà nhân dân ta phải gìn giữ, bảo vệ, tôn tạo cho khu di tích lịch sử được khang trang, tôn nghiêm để hợp với ý nguyện của mọi người.

Uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ kẻ trồng cây, biết ơn những người có công đánh giặc giữ nước, bảo vệ giang sơn Đại Việt xưa, để cho con cháu thế hệ mai sau ghi nhớ."

Sau lễ tưởng niệm ở mộ tướng công Lều Văn Minh mọi người về đền, đình làm sự lễ và tổ chức trò vui. Các giáp của các làng chọn ra hai ban: Một ban thôn có thôn trưởng làm cai đám chủ trì mọi việc làng theo sự chỉ đạo của các cụ quan viên hương lão. Ban thứ hai gọi là ban tế. Ban tế có 13 người gồm một chủ tế, 2 bồi tế và hai bên đông xướng "" tây xướng.

Thôn trưởng cùng các giáp trưởng có trách nhiệm vụ lo lễ vật thờ thánh và tế lễ trong cuộc rước. Lợn thịt trong ngày hội phải là lợn to từ 50 kg trở lên. Khi rước thì rước chủ lợn và

một mâm xôi đầy cùng một mâm hoa quả. Mâm xôi và hoa quả do hai người đội tể đi trước kiệu, khi đi bao giờ cũng có một viên cầm trống bỏi đi trước.

Theo lệ cổ xưa, khi các làng ra mộ Lều tướng quân, dân làng thường là anh cả bao giờ được tể trước, sau đó đến Hoà Yên, rồi đến Cung Nhượng và cuối cùng là làng Hường. Văn tể ở mộ cũng như ở đình nhưng vào dịp thanh minh thì phải đọc cho hợp với tiết lệ này, tức là phải có câu " Hôm nay nhân tiết thanh minh "!" • .

Ngày lệ thanh minh xưa các làng đều tổ chức trò vui như đu tiên, vật, cờ tướng, chọi gà, câu chai, bắt vịt, bơi sải, tổ tôm". Vật có vật lèo, vật giải. Vật lèo theo lệ trong ba ngoài hai; vật giải thì chọn nhất nhì.

Trò câu chai: Làm thòng lọng bằng tre mỏng manh rồi đứng ra lia vòng vào đồng chai đứng, vòng vào cổ chai thì được giải, tưởng dễ nhưng lại khó vì vòng mỏng manh, liệng quanh chẳng chịu vào.

Trò bắt vịt: được tổ chức ở ao làng. Một con vịt thả ra ao cho một người xuống ao đuổi bắt, bắt được thì lấy. Còn bơi sải bắt vịt tổ chức ở sông Hoà Yên. Làng cho thả vịt xuống sông, cho 5 người bơi đuổi. Trò này phải có những người bơi lặn giỏi mới hòng bắt được vịt, do đó cuộc đua khá lâu mà vui.

Nhìn trên diện rộng thì hội lệ thanh minh xưa của các làng này có tất cả 4 đoàn rước từ bốn phía hợp về lăng mộ Lều tướng công, sau đó lại tản ra về đình riêng của làng. Tại các khu vực đó đều có tổ chức trò vui nên không khí cũng nhộn nhịp, vui vẻ.

Làng Hoà Yên gọi đó là hội lệ thanh minh ba làng một thôn. Trong ngày hội lệ này các họ Hà, Nguyễn, Phương, Trần, Lê đều có cỗ hội đem ra đình thi. Cỗ này gồm có các món: giò, nem, ninh, mọc, chả, bánh dày trắng, xôi. Bánh dày của Hoà Yên làm rất to. Trong ngày này, các cụ ông ra đình ra đền đón cỗ, bốn người một mâm; Cụ Thượng là người cao tuổi nhất được miễn đóng góp việc làng. Khi về cụ lại được một xôi phỉn gồm các thứ: tim, cật". Các cụ bà lễ Phật ở nhà.

Lễ hội thanh minh ở Thọ Xương là ngày lễ mừng công nhà thánh Lều tướng quân. Về hội, ai biết chữ Hán sẽ được xem sự tích khắc trên bia đá ở mộ "" lăng, và cũng có thể được biết công lao nhà thánh qua các sắc phong ở đền. Đó là vị thánh mang tên hiệu sông Nam Bình (tức tên sông Thương "" thời Lý ).

Theo <http://www.bacgiang.gov.vn/>

Xin theo dõi tiếp bài 17. dienbatn.

---

